

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và nội dung trong Luận án là trung thực. Kết quả của Luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Phạm Ngọc Thắng

MỤC LỤC

Phụ bì	
Lời cam đoan	ii
Mục lục	iii
Danh mục các chữ viết tắt	vi
Danh mục bảng biểu, sơ đồ	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO	10
1.1. Các khái niệm cơ bản về du lịch và đói nghèo	10
1.1.1. Du lịch và tác động kinh tế - xã hội của phát triển du lịch.....	10
1.1.2. Đói nghèo và tiêu chí xác định đói nghèo.....	14
1.2. Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo	18
1.2.1. Cách tiếp cận phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.....	18
1.2.2. Mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.....	28
1.2.3. Các điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.....	31
1.2.4. Các tiêu chí để đánh giá tác động của phát triển du lịch đối với xóa đói giảm nghèo.....	34
1.3. Kinh nghiệm về phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo	40
1.3.1. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để xóa đói giảm nghèo của một số nước.....	40
1.3.2. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để xóa đói giảm nghèo tại một số địa phương của Việt Nam.....	43
1.3.3. Bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo vận dụng cho Lào Cai.....	45

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở LÀO CAI.....	55
2.1. Tiềm năng phát triển du lịch của Lào Cai.....	55
2.1.1. Vị trí của du lịch Lào Cai trong chiến lược phát triển du lịch cả nước và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.....	55
2.1.2. Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh Lào Cai.....	57
2.2. Thực trạng phát triển du lịch ở Lào Cai giai đoạn 2001 - 2008.....	74
2.2.1. Những kết quả đạt được.....	74
2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân.....	81
2.3. Thực trạng phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.....	83
2.3.1. Thực trạng nghèo và các chính sách xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai....	83
2.3.2. Đánh giá các điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.....	87
2.3.3. Đánh giá các chương trình dự án, mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.....	94
2.4. Những đóng góp của phát triển du lịch đối với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.....	103
2.4.1. Đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.....	103
2.4.2. Tạo ra lợi ích cho dân cư địa phương góp phần xóa đói giảm nghèo.	106
2.4.3. Giải quyết việc làm cho cư dân địa phương góp phần xóa đói giảm nghèo.....	113
2.4.4. Phát triển hạ tầng cơ sở giúp cải thiện cuộc sống của người nghèo....	114
2.4.5. Nâng cao dân trí và thể lực cho cộng đồng dân cư góp phần xóa đói giảm nghèo.....	115

CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở LÀO CAI.....	120
3.1. Định hướng về phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.....	120
3.1.1. Quan điểm.....	120
3.1.2. Mục tiêu.....	121
3.2. Một số giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.....	123
3.2.1. Xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo.....	123
3.2.2. Lựa chọn loại hình du lịch phù hợp mô hình phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai.....	139
3.2.3. Hoàn thiện chính sách, cơ chế, công tác quản lý nhà nước về du lịch.....	146
3.3. Một số kiến nghị.....	152
3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.....	152
3.3.2. Kiến nghị với tỉnh Lào Cai.....	153
3.3.3. Kiến nghị đối với chính quyền địa phương các xã tại khu, điểm du lịch.....	154
KẾT LUẬN.....	156
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ.....	159
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	160
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

UNWTO	Tổ chức Du lịch Thế giới
CSD7	Ủy ban Phát triển bền vững Liên Hiệp quốc
ST-EP	Du lịch bền vững - xóa nghèo
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
WTTC	Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới
SNV	Tổ chức phát triển Hà Lan
IUCN	Tổ chức bảo tồn thiên nhiên Thế giới
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc
LĐTBXH	Lao động và thương binh xã hội
HDV	Hướng dẫn viên
UBND	Ủy ban Nhân dân
USD	Đô la Mỹ
REST	Tổ chức du lịch bảo vệ sinh thái và văn hóa cộng đồng
GDP	Tổng sản phẩm Quốc nội.
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1	Mối quan hệ giữa các thành phần trong hoạt động du lịch.....	11
Sơ đồ 1.2	Mối quan hệ giữa các nguồn lực và các hoạt động trong Du lịch dựa vào cộng đồng.....	28
Bảng 2.1	Điều kiện khí hậu tại một số địa điểm trên lãnh thổ Lào Cai.....	59
Bảng 2.2	So sánh đặc trưng khí hậu Lào Cai với các chỉ tiêu nhiệt đới.....	60
Bảng 2.3	Mức độ thích nghi của con người đối với một số chỉ tiêu khí hậu..	64
Biểu đồ 2.1	Kết quả điều tra về sự cần thiết phải được đào tạo kiến thức du lịch.....	93
Biểu đồ 2.2:	Kết quả điều tra về các hoạt động lĩnh vực kinh tế – xã hội được cải thiện khi có hoạt động du lịch tại địa phương.....	106
Biểu đồ 2.3	Mức chỉ tiêu bình quân khách du lịch trong nước ở Lào Cai 2005.....	109
Biểu đồ 2.4	Mức chỉ tiêu bình quân khách du lịch trong nước ở Lào Cai 2005.....	110
Biểu đồ 2.5.	Kết quả điều tra về cuộc sống của của dân cư được cải thiện khi có hoạt động du lịch tại địa phương.....	111
Biểu đồ 2.6.	Kết quả điều tra về tạo công ăn việc làm khi có hoạt động du lịch tại địa phương.....	113
Biểu đồ 2.7.	Kết quả điều tra về sự cải thiện của cơ sở hạ tầng khi có hoạt động du lịch tại địa phương.....	115
Mô hình 2.1	Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tại bản Sín Chải- Sa Pa.....	102
Mô hình 3.1	Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo.....	125
Mô hình 3.2	Các bước xây dựng mô hình mẫu phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo.....	135

PHẦN MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, du lịch đã và đang phát triển nhanh chóng chứng minh được sự đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Cũng trong bối cảnh đó, xóa đói giảm nghèo đang là mục tiêu phấn đấu của của nhiều quốc gia và là một điều kiện quan trọng cho hòa bình, giữ gìn môi trường và phát triển bền vững. Nếu phát triển du lịch theo một phương thức bền vững có thể tạo ra đóng góp cho việc xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là ở các vùng nông thôn nơi sinh sống của phần lớn những người nghèo và nơi có rất ít các lựa chọn phát triển khác.

Cuối những năm 80 và trong suốt những năm 90 của thế kỷ trước, tầm quan trọng của Du lịch bền vững (Sustainable Tourism) ngày càng được nhìn nhận rõ hơn. Sự xuất hiện của Du lịch sinh thái (Ecotourism) và Du lịch Xanh (Green Tourism) đã phản ánh sự quan tâm tới việc kiểm soát môi trường của du lịch. Vào cuối những năm 1990, người ta càng nhận rõ hơn ý nghĩa của việc xóa đói giảm nghèo như một điều kiện tiên quyết của phát triển bền vững. Do vậy, các tổ chức phát triển và ngành du lịch đã tập trung chú ý tới du lịch như một công cụ xóa đói giảm nghèo. Trong những năm gần đây, một số sáng kiến đã được thực hiện và được ngành du lịch, các tổ chức phát triển công nhận về những đóng góp quan trọng của du lịch đối với xóa đói giảm nghèo như:

Vào năm 1999, Ủy ban Phát triển Bền vững Liên Hiệp Quốc UN (CSD 7) đã yêu cầu các chính phủ cộng tác với tất cả các cộng đồng địa phương, bản địa để tối đa hóa tiềm năng của du lịch để xóa đói giảm nghèo thông qua phát triển các chiến lược thích hợp.

Liên Hiệp Quốc công bố năm 2002 là Năm Quốc tế Du lịch Sinh thái. Nhiều sáng kiến đã được thực hiện và các gương điển hình được quảng bá trên khắp thế giới, thường liên quan đến du lịch ở các vùng nghèo. Bản Tuyên

bộ Quebec về Du lịch Sinh thái đã nhấn mạnh nhiều phương thức mà du lịch có thể hỗ trợ phát triển bền vững, trong đó bao gồm cả việc tạo điều kiện thuận lợi cho các cộng đồng bản ngữ và cộng đồng nghèo.

Báo cáo của Hội nghị Cấp cao Phát triển Bền vững tại Johannesburg 2002 đặc biệt nhấn mạnh tới du lịch. Hội nghị kêu gọi thúc đẩy phát triển du lịch bền vững để tăng phúc lợi cho người dân ở các cộng đồng địa phương trong khi vẫn có thể tiếp tục giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường.

Sáng kiến Du lịch Bền vững - Xóa nghèo (Sustainable Tourism - Eliminating Poverty (ST-EP)) được Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO đưa ra với sự ủng hộ của UNCAD tại Hội nghị Thượng đỉnh Johannesburg. Sáng kiến ST-EP cung cấp cơ sở nghiên cứu và hoạt động thực tiễn để chỉ ra cách thức du lịch có thể sử dụng một cách cụ thể để xóa nghèo. Mục tiêu đặt ra là 5.000 dự án nhỏ hoạt động tới năm 2015.

Tuyên bố Huế về Du lịch Văn hóa và Xóa nghèo tháng 6 năm 2004 đã đánh dấu đóng góp của Việt Nam vào quyết tâm giải quyết vấn đề xóa nghèo thông qua phát triển du lịch.

Lào Cai là một tỉnh miền núi nằm ở phía Bắc Việt Nam, thiên nhiên ưu đãi cho Lào Cai nguồn tiềm năng to lớn về khí hậu, đất đai, khoáng sản, tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên du lịch. Lợi thế của Lào Cai là tiềm năng đa dạng, phong phú phục vụ cho phát triển du lịch: Lào Cai có nhiều cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, cùng với nhiều lễ hội truyền thống. Lào Cai còn tập hợp nhiều di tích văn hoá thuận lợi để phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch văn hoá, sinh thái, nghỉ dưỡng. Những tiềm năng giàu có trên tạo điều kiện thuận lợi cho Lào Cai phát triển một nền kinh tế tổng hợp đa ngành, trong đó du lịch được coi là một trong những ngành có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và đẩy nhanh tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Những năm gần đây, du lịch của Việt Nam nói chung và của Lào Cai nói riêng đã có những bước tiến đáng kể, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và địa phương. Tuy nhiên, vị thế của du lịch trong nền kinh tế và hiệu quả đem lại từ hoạt động du lịch vẫn chưa tương xứng với tiềm năng to lớn sẵn có. Các sản phẩm du lịch hiện vẫn chưa được phong phú, đa dạng; chưa có sức hấp dẫn, cạnh tranh lớn. Trong những tiềm năng để phát triển du lịch, các loại hình du lịch liên quan đến nông thôn và nền nông nghiệp truyền thống, du lịch xóa đói giảm nghèo hầu như chưa được quan tâm phát triển. Tại Lào Cai, có rất nhiều tộc người sinh sống với biết bao phong tục tập quán truyền thống, các nét đẹp văn hóa mang đậm bản sắc Việt Nam, rất nhiều làng nghề và phong cảnh các miền quê đậm âm, trù phù, hấp dẫn khách du lịch. Do vậy, có thể nói tiềm năng để phát triển du lịch là khá lớn và đặc sắc.

Mặt khác, tại nhiều khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, các cộng đồng sinh sống còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, vẫn chưa thoát khỏi được tình trạng đói nghèo, lạc hậu so với các khu vực khác. Tuy nhiên, cũng chính do sự cách biệt về giao lưu này mà các cộng đồng vùng sâu, vùng xa này vẫn còn sở hữu nhiều giá trị đặc sắc về tài nguyên, đặc biệt là các phong tục tập quán truyền thống độc đáo và đây chính là sức hút mạnh mẽ đối với khách du lịch.

Cho đến nay, du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam nói chung và Lào Cai nói riêng chưa được phát triển với các giải pháp tổng thể, chưa có định hướng để đạt được mục tiêu lớn về kinh tế và xã hội của một ngành kinh tế tổng hợp mang tính xã hội hóa, liên ngành và liên vùng. Trên thực tế, phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam chưa được đánh giá một cách đầy đủ; về mặt lý thuyết, có thể nói chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu có hệ thống về vấn đề này.

Xuất phát từ những thực tế nêu trên, việc nghiên cứu phát triển du lịch trở thành ngành chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội đồng thời lại có thể góp phần xóa đói giảm nghèo là cấp thiết và cấp bách. Là một cán bộ hoạch định chính sách làm công tác tham mưu cho Đảng và Nhà nước, trước những cấp thiết và cấp bách của vấn đề trên, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài: “*Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai*” để nghiên cứu.

2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

- *Trên thế giới*: Du lịch hiện nay được xem là một trong những ngành kinh tế lớn nhất của thế giới với tiềm năng kinh tế to lớn. Chính vì vậy, hoạt động du lịch được rất nhiều chuyên gia, nhà khoa học và các nhà quản lý quan tâm nghiên cứu. Ngay từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước, khái niệm “Phát triển bền vững” mới xuất hiện và mãi đến đầu những năm 90, khái niệm “Du lịch bền vững” (Sustainable Tourism) mới bắt đầu được đề cập đến. Sự xuất hiện của Du lịch sinh thái (Ecotourism) và Du lịch Xanh (Green Tourism) đã phản ánh sự quan tâm tới việc kiểm soát môi trường của du lịch. Vào cuối những năm 90 của thế kỷ trước, người ta càng nhận rõ hơn ý nghĩa của việc xóa nghèo như một điều kiện tiên quyết của phát triển bền vững. Sáng kiến Du lịch Bền vững - Xóa nghèo (Sustainable Tourism - Eliminating Poverty (ST-EP)) được Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO đưa ra nhằm cung cấp cơ sở nghiên cứu và hoạt động thực tiễn để chỉ ra cách thức du lịch có thể sử dụng một cách cụ thể để xóa nghèo.

- *Tại Việt Nam*: Nghiên cứu về du lịch mới được đề cập nhiều vào những năm 90, khi hoạt động du lịch khẳng định được vị trí của mình. Một số công trình nghiên cứu đã đề cập nhiều khía cạnh khác nhau của hoạt động du lịch như: “Một số lý luận về Du lịch sinh thái, tài liệu tập huấn đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Vườn Quốc gia Pù Mát”[1], “Du lịch sinh thái - Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam”[6], “Đặc điểm

của du lịch sinh thái và khả năng kinh doanh loại hình du lịch này tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam”[5], “Du lịch Cộng đồng lý thuyết và vận dụng”[7].

Nhìn chung các công trình nghiên cứu này đều dựa trên bản chất của hoạt động du lịch, các điều kiện để phát triển du lịch, phân tích các tác động của du lịch đến kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Kết quả nghiên cứu chủ yếu là các kết quả định tính, mang tính khái quát, chưa thực sự làm rõ được mối quan hệ giữa phát triển du lịch và xóa đói giảm nghèo. Trong các công trình nghiên cứu này chưa trả lời được câu hỏi tác động của phát triển du lịch đối với xóa đói giảm nghèo như thế nào, kết quả định lượng là bao nhiêu. Để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo, cần phải có các điều kiện gì, và phải chăng cứ phát triển du lịch là có thể gắn với xóa đói giảm nghèo.

Đối với nước ta, “Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo” có thể nói là còn khá mới mẻ. Cho đến nay đã có một số bài viết trong các kỷ yếu hội thảo liên quan đến vấn đề xóa đói giảm nghèo thông qua phát triển du lịch cộng đồng[9],[15], Hội nghị “Phát triển Nguồn nhân lực Du lịch gắn với giảm nghèo: Miền đất cần sự khai phá” do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức[8], tuy nhiên chưa có công trình nghiên cứu một cách đồng bộ về vấn đề này được công bố.

3. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Mục tiêu nghiên cứu: xây dựng mô hình và đưa ra các giải pháp cụ thể để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Tập trung nghiên cứu lý luận về các cách tiếp cận về phát triển du lịch, các đóng góp của phát triển du lịch đối với người nghèo, điều kiện để phát triển du lịch có thể phục vụ cho xóa đói giảm nghèo, bài học kinh

nghiệm phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo của một số nước và một số địa phương trong nước.

- Đánh giá thực trạng phát triển du lịch nói chung, phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo nói riêng ở Lào Cai giai đoạn 2001- 2008; đánh giá, phân tích các đóng góp của du lịch Lào Cai đối với công tác xóa đói giảm nghèo của tỉnh; khảo sát, đánh giá các điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

- Tập trung nghiên cứu đưa ra các giải pháp cụ thể, các kiến nghị để phát triển du lịch Lào Cai một cách bền vững gắn với xóa đói giảm nghèo của Lào Cai.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo tại một không gian và thời gian cụ thể.

Phạm vi nghiên cứu:

- *Phạm vi không gian:* Phạm vi không gian giới hạn trong tỉnh Lào Cai.

- *Phạm vi thời gian:* Thời gian nghiên cứu là trong giai đoạn 2001-2008, đề xuất các giải pháp cho giai đoạn 2010-2020.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp luận: Phương pháp luận của luận án dựa trên quan điểm của phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử.

Dựa trên quan điểm của phép duy vật biện chứng, luận án vận dụng các quy luật chung nhất về phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy để đặt vấn đề phát triển du lịch trong mối quan hệ biện chứng với công tác xóa đói giảm nghèo và các lĩnh vực hoạt động khác.

Dựa trên quan điểm của phép duy vật lịch sử, luận án vận dụng các quy luật chung về mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất để đặt vấn đề phát triển du lịch đến một trình độ nhất định phải phục tùng những quy

luật chung và khi chuyển lên hình thức cao hơn có thể ảnh hưởng đến công tác xóa đói giảm nghèo. Dựa trên quan điểm này, luận án cũng nhấn mạnh những ảnh hưởng của hệ tư tưởng, tổ chức chính trị và các thiết chế xã hội (đường lối, chính sách, hệ thống pháp luật, thủ tục hành chính) đối với phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

Trên cơ sở phương pháp luận này, trong quá trình nghiên cứu, các phương pháp cụ thể sau đây được sử dụng:

- *Phương pháp tiếp cận.*

Luận án sẽ nghiên cứu đưa ra lập luận về mối quan hệ giữa phát triển du lịch và công tác xóa đói giảm nghèo; các tác động kinh tế và xã hội của du lịch đối với người nghèo; du lịch phát triển sẽ tạo thu nhập cho dân cư địa phương, tạo thêm công ăn việc làm...

- *Phương pháp thu thập dữ liệu:* Luận án sử dụng phương pháp thu thập nguồn dữ liệu thứ cấp và sơ cấp.

+ Thu thập nguồn dữ liệu thứ cấp từ tài liệu, báo cáo, sách báo tạp chí, tài liệu từ hội thảo khoa học và thông tin từ các website trong và ngoài nước.

+ Thu thập nguồn dữ liệu sơ cấp bằng quan sát trực tiếp, phỏng vấn và bảng hỏi. Để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, Luận án đã thiết kế “Phiếu xin ý kiến” gồm 10 câu hỏi liên quan đến phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo. Đối tượng được hỏi là nhân dân ở các thôn, bản tại một số huyện nghèo của Lào Cai. Thu thập thông tin bằng sử dụng các điều tra viên trực tiếp phát phiếu hỏi. Tiến hành xử lý số liệu điều tra và tổng hợp kết quả điều tra.

- *Phương pháp phân tích tổng hợp.*

Đây là phương pháp quan trọng được sử dụng hầu hết trong công tác nghiên cứu khoa học, phương pháp phân tích tổng hợp giúp cho các nhà nghiên cứu liên kết các vấn đề trong một sự kiện hoặc các sự kiện khác nhau

phản ánh một vấn đề cần làm sáng tỏ. Nghiên cứu về du lịch, môi trường và cộng đồng có liên quan chặt chẽ với nhau tới các điều kiện kinh tế-xã hội.

- Phương pháp chuyên gia

Ngoài các phương pháp trên thì phương pháp chuyên gia cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình nghiên cứu luận án. Du lịch và xóa đói giảm nghèo là hai lĩnh vực có liên hệ với nhau và tác động ảnh hưởng qua lại, do vậy muốn đảm bảo cho các đánh giá khách quan và sát thực tế cần phải có sự tham gia đóng góp ý kiến, kinh nghiệm các chuyên gia thuộc các ngành khác nhau và tham khảo kinh nghiệm của các chuyên gia đã được đúc kết.

6. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA LUẬN ÁN

- Hệ thống hoá một số lý luận cơ bản về mối quan hệ giữa phát triển du lịch và xoá đói giảm nghèo.

- Tổng kết các bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo, làm cơ sở đề ra các giải pháp kiến nghị phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo

- Đánh giá thực trạng phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo tại Lào Cai giai đoạn 2001-2008.

- Đề xuất các giải pháp và các điều kiện thực hiện giải pháp để phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai.

7. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành ba chương.

Chương 1. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo.

Chương 2. Thực trạng về phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai

Chương 3. Các giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai đến năm 2020.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1.1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ DU LỊCH VÀ ĐÓI NGHÈO

1.1.1. Du lịch và tác động kinh tế - xã hội của phát triển du lịch

1.1.1.1. Định nghĩa về du lịch

Ngày nay du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế - xã hội phổ biến. Tại nhiều quốc gia, du lịch là một trong những ngành kinh tế hàng đầu. Mặc dù hoạt động du lịch đã có nguồn gốc hình thành từ rất lâu và phát triển với tốc độ nhanh, song đến nay khái niệm “du lịch” vẫn chưa được thống nhất về nội hàm. Để đảm bảo mục tiêu nghiên cứu của đề tài, Luận án căn cứ vào một số định nghĩa về du lịch của các tác giả trong và ngoài nước làm cơ sở khoa học cho việc phân tích các tác động của phát triển du lịch nói chung và đối với xóa đói giảm nghèo nói riêng.

Qua nghiên cứu các định nghĩa về du lịch từ trước tới nay có thể thấy mỗi định nghĩa về du lịch gắn với một giai đoạn lịch sử thể hiện trình độ phát triển của ngành du lịch giai đoạn đó. Có định nghĩa xem xét sâu về khái niệm “khách du lịch”, có định nghĩa lại xem xét sâu về khái niệm “du lịch”, có định nghĩa xem xét sâu về góc độ “kinh tế”, có định nghĩa lại xem xét sâu về góc độ “kinh doanh” của hoạt động du lịch.

Tại Hội nghị quốc tế về thống kê du lịch ở Ottawa, Canada diễn ra vào tháng 6/1991 du lịch được định nghĩa như sau:

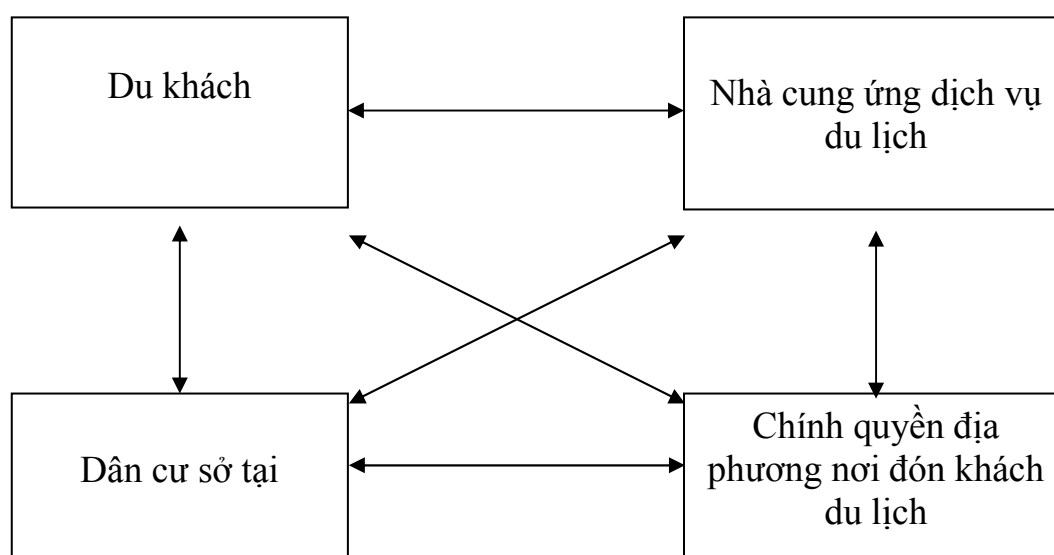
Du lịch là hoạt động của con người đi tới một nơi ngoài môi trường thường xuyên (nơi ở thường xuyên của mình), trong một khoảng thời gian ít hơn khoảng thời gian đã được các tổ chức du lịch quy định

trước, mục đích của chuyến đi không phải là để tiến hành các hoạt động kiếm tiền trong phạm vi vùng tới thăm[2, tr.19].

Theo Ông Michael Coltman (Mỹ) thì du lịch được định nghĩa là:

Du lịch là sự kết hợp và tương tác của 4 nhóm nhân tố trong quá trình phục vụ du khách bao gồm: du khách, nhà cung ứng dịch vụ du lịch, cư dân sở tại và chính quyền nơi đón khách du lịch”[2, tr.18].

Mối quan hệ đó có thể thể hiện bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1. Mối quan hệ giữa các thành phần trong hoạt động du lịch[2]

Để có quan niệm đầy đủ về cả góc độ kinh tế và kinh doanh của du lịch, khoa Du lịch và Khách sạn (Trường Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội) đã đưa ra định nghĩa trên cơ sở tổng hợp những lý luận và thực tiễn của hoạt động du lịch trên thế giới và ở Việt Nam trong những thập niên gần đây:

Du lịch là một ngành kinh doanh bao gồm các hoạt động tổ chức hướng dẫn du lịch, sản xuất, trao đổi hàng hóa và dịch vụ của những doanh nghiệp, nhằm đáp ứng các nhu cầu về đi lại lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí, tìm hiểu và các nhu cầu khác của khách du lịch. Các hoạt

động đó phải đem lại lợi ích kinh tế chính trị - xã hội thiết thực cho nước làm du lịch và cho bản thân doanh nghiệp”[2, tr.20].

Tại Điều 4 Luật Du lịch Việt Nam 2005 định nghĩa về du lịch và hoạt động du lịch như sau: “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyên đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”; “Hoạt động du lịch là hoạt động của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến du lịch”[13, tr.10].

Như vậy, theo các định nghĩa về du lịch có thể thấy du lịch là một hoạt động có nhiều đặc thù, gồm nhiều thành phần tham gia, tạo thành một tổng thể hết sức phức tạp. Hoạt động du lịch vừa có đặc điểm của lĩnh vực kinh tế, lại vừa có đặc điểm của lĩnh vực văn hóa xã hội.

Nghiên cứu một số định nghĩa tiêu biểu về du lịch như trên, đối chiếu với mục tiêu nghiên cứu của luận án thì định nghĩa của Michael Coltman là phù hợp nhất. Lý do định nghĩa này phù hợp nhất vì mục tiêu của luận án tập trung nghiên cứu phát triển du lịch trong mối quan hệ với xóa đói giảm nghèo. Trong mối quan hệ này, lợi ích của bốn thành phần tham gia vào hoạt động du lịch sẽ được luận án nghiên cứu trong mối tương tác lẫn nhau để tìm ra các giải pháp và các điều kiện thực hiện giải pháp để phát triển du lịch có thể phục vụ cho xóa đói giảm nghèo. Vì vậy, luận án chọn định nghĩa này làm cơ sở cho việc nghiên cứu các đóng góp và các điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

1.1.1.2. Tác động kinh tế - xã hội của du lịch

Phát triển du lịch đóng góp vào quá trình tạo ra thu nhập quốc dân (sản xuất ra đồ lưu niệm, chế biến thực phẩm, xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật v.v...), làm tăng thêm tổng sản phẩm quốc nội. Du lịch tác động tích cực vào

việc làm cân đối cấu trúc của thu nhập và chi tiêu của nhân dân theo các vùng (thường thì các vùng phát triển mạnh du lịch lại là những vùng kém sản xuất ra của cải vật chất dẫn đến thu nhập của người dân tại những vùng đó từ sản xuất là thấp).

Du lịch là một ngành “xuất khẩu tại chỗ” những hàng hóa công nghiệp, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, đồ cổ phục chế, nông lâm sản v.v... theo giá bán lẻ cao hơn (nếu như bán qua xuất khẩu sẽ theo giá bán buôn). Được trao đổi thông qua con đường du lịch, các hàng hóa được xuất khẩu mà không phải chịu hàng rào thuế quan mậu dịch quốc tế.

Du lịch không chỉ là ngành “xuất khẩu tại chỗ”, mà còn là ngành “xuất khẩu vô hình” hàng hóa du lịch. Đó là các cảnh quan thiên nhiên, những giá trị của những di tích lịch sử - văn hóa, tính độc đáo trong truyền thống phong tục, tập quán v.v... mà không bị mất đi qua mỗi lần bán thậm chí giá trị và uy tín của nó càng tăng lên qua mỗi lần đưa ra thị trường nếu như chất lượng phục vụ du lịch cao.

Du lịch còn góp phần củng cố và phát triển các mối quan hệ kinh tế quốc tế của các quốc gia. Mở rộng du lịch quốc tế gắn liền với tăng lượng khách phục vụ, trong đó sự đi lại, tìm hiểu thị trường của khách du lịch quốc tế là thương nhân được chú trọng, từ đó du lịch thúc đẩy đầu tư, buôn bán quốc tế. Bản thân hoạt động kinh doanh du lịch cũng phát triển theo hướng quốc tế hóa vì khách du lịch thường đến nhiều nước trong một chuyến đi du lịch dài ngày. Hình thức liên doanh, liên kết ở phạm vi quốc tế trong kinh doanh du lịch là phương thức kinh doanh đem lại lợi nhuận kinh tế cao, từ đó kích thích đầu tư nước ngoài vào du lịch và tăng cường chính sách mở cửa ở các quốc gia phát triển du lịch. Thực tiễn phát triển kinh tế ở Thái Lan, Malaysia, Singapore v.v... đã chọn du lịch là một hướng mở cửa của nền kinh tế.

Hoạt động kinh doanh du lịch đòi hỏi sự hỗ trợ liên ngành. Yêu cầu về sự hỗ trợ liên ngành là cơ sở cho các ngành khác (như giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, công nghiệp, nông nghiệp v.v...) phát triển. Ngoài ra, phát triển du lịch sẽ mở mang, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế như mạng lưới giao thông công cộng, mạng lưới điện nước v.v... phát triển.

Về mặt xã hội, phát triển du lịch sẽ góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người dân, góp phần là giảm quá trình đô thị hóa ở các quốc gia kinh tế phát triển. Du lịch làm tăng thêm tầm hiểu biết chung về xã hội của người dân thông qua người ở địa phương khác, khách du lịch nước ngoài (về phong cách sống, khiếu thẩm mỹ, ngoại ngữ v.v...). Ngoài ra, du lịch còn làm tăng thêm tình đoàn kết, hữu nghị, mối quan hệ hiểu biết của nhân dân giữa các vùng với nhau và của nhân dân giữa các quốc gia với nhau.

1.1.2. Đói nghèo và tiêu chí xác định đói nghèo

1.1.2.1. Định nghĩa về nghèo đói

Để có một cái nhìn tổng quan về các vấn đề của các nước đang phát triển, Robert McNamara, khi là Giám đốc của Ngân hàng Thế giới, đã đưa ra khái niệm nghèo tuyệt đối. Ông định nghĩa khái niệm nghèo tuyệt đối như sau: "Nghèo ở mức độ tuyệt đối là sống ở ranh giới ngoài cùng của tồn tại. Những người nghèo tuyệt đối là những người phải đấu tranh để sinh tồn trong các thiếu thốn tồi tệ và trong tình trạng bỏ bê và mất phẩm cách vượt quá sức tưởng tượng mang dấu ấn của cảnh ngộ may mắn của giới trí thức chúng ta."

Ngân hàng Thế giới xem thu nhập 1 đô la Mỹ/ngày theo sức mua tương đương của địa phương so với (đô la thế giới) để thỏa mãn nhu cầu sống như là chuẩn tổng quát cho nạn nghèo tuyệt đối. Trong những bước sau đó các trị ranh giới nghèo tuyệt đối (chuẩn) cho từng địa phương hay từng vùng được

xác định, từ 2 đô la cho châu Mỹ La tinh và Carribean đến 4 đô la cho những nước Đông Âu cho đến 14,40 đô la cho những nước công nghiệp.

1.1.2.2. Tiêu chí xác định đói nghèo

* *Trên thế giới:* Các quốc gia khác nhau có các định nghĩa khác nhau về nghèo đói nên việc so sánh thống nhất giữa các quốc gia là khó khăn. Các đo lường nghèo đói dựa trên một tiêu chuẩn nghèo quốc tế cho thấy số lượng và tỷ lệ người của từng quốc gia sống dưới một mức thu nhập đã được chọn, thường là 1 đô la Mỹ một ngày (1 đô la là con số ước lượng được sử dụng trong LHQ và các nước Breton Wood và phù hợp với các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ).

Tiêu chí xác định đói nghèo là công cụ quan trọng để xác định mức độ và tình trạng đói nghèo. Tiêu chí đói nghèo là một mức chuẩn chung nào đó mà hễ người/hộ nào có thu nhập/chi tiêu dưới mức chuẩn chung đó thì được coi là người/hộ nghèo. Tiêu chí đói nghèo là khái niệm động. Nó khác nhau giữa các quốc gia, giữa các tổ chức quốc tế và thay đổi theo thời gian.

Chẳng hạn, tại thời điểm 1983, ở Mỹ, tất cả những người có thu nhập 6.024 USD/năm trở xuống đều được coi là người nghèo, trong khi Ngân hàng Thế giới lại cho rằng bất kỳ người nào thuộc thế giới thứ ba có thu nhập dưới 370 USD đều là người nghèo.

* *Đối với Việt Nam:* Theo Quyết định 1143 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội ban hành năm 2000 có định nghĩa về tiêu chí hộ đói và hộ nghèo như sau:

“Hộ đói là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người dưới 13 kg gạo/tháng tương đương với 45.000 đồng. Hộ nghèo là hộ có thu nhập tính bình quân đầu người/tháng tương đương với 55.000 đồng đối với khu vực nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo; dưới 20 kg gạo/tháng tương đương với 70.000 đồng đối với khu vực nông thôn vùng đồng bằng và trung

du; dưới 25 kg gạo/tháng tương đương với 90.000 đồng đối với khu vực thành thị”.

Theo Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 9 năm 2001, trong đó phê duyệt "Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói và giảm nghèo giai đoạn 2001-2005", thì những hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn miền núi và hải đảo từ 80.000 đồng/người/tháng (960.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực nông thôn đồng bằng những hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người từ 100.000 đồng/người/tháng (1.200.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực thành thị những hộ có thu nhập bình quân đầu người từ 150.000 đồng/người/tháng (1.800.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo.

Theo Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8 tháng 7 năm 2005 về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010 thì ở khu vực nông thôn những hộ có mức thu nhập bình quân từ 200.000 đồng/người/tháng (2.400.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo, ở khu vực thành thị những hộ có thu nhập bình quân từ 260.000 đồng/người/tháng (dưới 3.120.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo.

Tiêu chuẩn nghèo tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2004 là thu nhập bình quân đầu người dưới 330.000 đồng/tháng hoặc 4.000.000 đồng/năm (tương ứng 284USD/năm thấp hơn tiêu chuẩn 360 USD/năm của quốc tế).

Gần đây nhất, tháng 7 năm 2009 Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội đã xây dựng Dự thảo Quyết định Ban hành chuẩn nghèo mới áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015 có nội dung: Chuẩn nghèo mới đối với khu vực nông thôn là những hộ có thu nhập bình quân ở mức 350.000 đồng/người/tháng (dưới 4.200.000 đồng/người/năm), còn với thành thị là mức 450.000 đồng/người/tháng (dưới 5.400.000 đồng/người/năm).

Điểm đặc biệt của Dự thảo lần này là khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng từ 10% trở lên, Chính phủ sẽ xem xét, điều chỉnh chuẩn nghèo cho phù hợp (thay vì theo định kỳ như hiện nay). Ngay khi chuẩn nghèo mới được thông qua, Chính phủ sẽ xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

Dự thảo cũng chỉ rõ, song song với việc tăng chuẩn nghèo chung, một số địa phương cũng quy định chuẩn nghèo cho phù hợp với thực tế địa phương. Theo Bộ LĐ-TB-XH, tỷ lệ hộ nghèo cả nước hiện ở mức 13%. Nếu chuẩn nghèo mới được thông qua, tỷ lệ hộ nghèo sẽ tương đương với con số trên 20%.

** Ở Việt Nam hiện có hai tiêu chí xác định đói nghèo khác nhau được hai tổ chức khác nhau áp dụng như sau:*

Tiêu chí thứ nhất được áp dụng bởi Ngân hàng Thế giới, kết hợp với Tổng cục Thống kê. Tiêu chí này được tính toán dựa vào mức chi tiêu tối thiểu/người/ngày tính ra đơn vị Kcalo/ngày. Dựa vào tiêu chí này, Ngân hàng Thế giới kết hợp với Tổng cục Thống kê đã tiến hành hai cuộc điều tra mức sống dân cư 1993 và 1998 và đưa ra kết quả tỷ lệ người nghèo ở Việt Nam vào năm 1993 là 58% và năm 1998 là 37%.

Tiêu chí thứ hai được Bộ Lao động và Thương binh Xã hội ban hành và áp dụng. Tiêu chí này được tính toán dựa vào mức thu nhập tối thiểu/người/ngày tính ra đơn vị lương thực quy gạo hay ra đồng tiền Việt Nam và khác nhau giữa các vùng. Dựa theo nguyên tắc tính toán này, Bộ Lao động Thương binh Xã hội đã ban hành các chuẩn nghèo khác nhau vào những năm 1993, 1995, 1997, 2000 và gần đây nhất Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 8/7/2005 về Chuẩn hộ nghèo 2006-2010.

Căn cứ vào các tiêu chí trên, Bộ Lao động Thương binh Xã hội với tư cách là cơ quan thường trực xóa đói giảm nghèo của Chính phủ đã tiến hành các cuộc điều tra thường niên và xác định tỷ lệ hộ đói nghèo toàn quốc là 30% vào năm 1992, 26% vào năm 1993, 23% vào năm 1994, 20% vào năm 1995, 19% vào năm 1996, 17,7% vào năm 1997, 15,7% vào năm 1998, 14% vào năm 1999... 18,1% vào năm 2004, 15,5% vào năm 2006 và 14,8% năm 2007.

Như thế, có thể thấy điểm khác biệt căn bản giữa hai tiêu chí xác định đói nghèo trên là Ngân hàng Thế giới dựa vào mức chi tiêu tối thiểu/người/ngày tính ra Kcalo, còn Bộ Lao động Thương binh Xã hội dựa vào mức thu nhập tối thiểu/người/ngày tính ra lương thực quy gạo hay ra tiền đồng Việt Nam. Do tiêu chí khác nhau nên tỷ lệ nghèo đói do hai tổ chức đưa ra trong cùng thời kỳ là khác nhau, trong đó, tỷ lệ nghèo đói của Ngân hàng Thế giới thường cao hơn so với tỷ lệ nghèo đói của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

1.2. PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1.2.1. Cách tiếp cận phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo

1.2.1.1. Phát triển du lịch bền vững

Hiện nay, trên thế giới vẫn chưa thống nhất về quan niệm phát triển du lịch bền vững. Sau đây xin giới thiệu về một số khái niệm tiêu biểu về du lịch bền vững:

Machado, 2003 đã định nghĩa du lịch bền vững là: “Các hình thức du lịch đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch, và cộng đồng địa phương nhưng không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá hủy về tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương”[3, tr.13].

Theo Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC), 1996 thì “Du lịch bền vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách mà vẫn đảm bảo những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch trong tương lai”[3, tr.14].

Theo Hens L., 1998, thì “Du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý tất cả các dạng tài nguyên theo cách nào đó để chúng ta có thể đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hóa, các quy trình sinh thái cơ bản, đa dạng hóa sinh học và các hệ đảm bảo sự sống”[3, tr.14].

Tại hội nghị về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992, Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đã đưa ra định nghĩa: “Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự vẹn toàn về văn hóa, đa dạng hóa sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống con người”[3, tr.14].

Tại Điều 4 Luật Du lịch Việt Nam 2005 định nghĩa như sau: “Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của tương lai”[13, tr.10].

Từ các định nghĩa trên, có thể thấy du lịch bền vững vừa là quan điểm phát triển du lịch vừa là xu thế phát triển của ngành du lịch. Phát triển du lịch bền vững vừa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch, bảo vệ và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho phát triển du lịch trong tương lai, duy trì truyền thống

văn hóa, hỗ trợ và góp phần nâng cao mức sống của người dân trong cộng đồng, góp phần cho việc xóa đói giảm nghèo.

1.2.1.2. Phát triển du lịch sinh thái

Du lịch sinh thái chỉ mới xuất hiện cuối những năm của thập kỷ 80 và trở thành một loại hình được ưa chuộng và phát triển nhanh trên phạm vi toàn thế giới những năm cuối của thế kỷ 20. Du lịch sinh thái đã được Tổng cục Du lịch Việt Nam đề cập như một loại hình được khuyến khích chú trọng nhằm phát triển du lịch bền vững trong Chiến lược du lịch quốc gia giai đoạn 2001 - 2010. Tuy nhiên cho tới nay trong các tài liệu khoa học về Du lịch vẫn chưa có một khái niệm du lịch sinh thái thống nhất mang tính toàn cầu. Dưới đây là một số khái niệm tiêu biểu về du lịch sinh thái:

Theo Tổ chức du lịch Thế giới (UNWTO): “Du lịch sinh thái là loại hình du lịch được thực hiện tại những khu vực tự nhiên còn ít bị can thiệp bởi con người, với mục đích chính là để chiêm ngưỡng, học hỏi về các loại động thực vật cư ngụ trong khu vực, giúp giảm thiểu và tránh được các tác động tiêu cực tới khu vực mà du khách đến thăm. Ngoài ra, du lịch sinh thái phải đóng góp vào công tác bảo tồn những khu vực tự nhiên và phát triển những khu vực cộng đồng lân cận một cách bền vững đồng thời phải nâng cao được khả năng nhận thức về môi trường và công tác bảo tồn đối với người dân bản địa và du khách đến thăm”[46, tr.18].

Theo tổ chức DLST (Ecotourism society): “Du lịch sinh thái là loại hình du lịch có trách nhiệm tới những khu vực tự nhiên. Nó được sử dụng để bảo vệ môi trường và cải thiện phúc lợi xã hội và kinh tế cho người dân địa phương”[6, tr.58].

Theo cơ quan Quản lý Du lịch của Chính phủ Thái Lan: “Du lịch sinh thái là loại hình có trách nhiệm diễn ra ở những nơi có những nguồn tài nguyên tự nhiên mang các đặc tính địa phương cũng như những tài nguyên

mang tính lịch sử và văn hóa gắn với hệ sinh thái ở địa phương, với mục đích chính là hình thành nhận thức của các bên liên quan về sự cần thiết và các biện pháp bảo tồn các hệ sinh thái, hướng vào việc lôi kéo sự tham gia của cộng đồng địa phương cũng như cung cấp những kinh nghiệm học hỏi trong quản lý môi trường và phát triển du lịch bền vững”[49].

Theo học giả Honey (1999): “Du lịch sinh thái là du lịch tới những khu vực nhạy cảm và nguyên sinh, thường được bảo vệ với mục đích nhằm gây ra ít tác hại và với quy mô nhỏ nhất nó giúp giáo dục du khách, tạo quỹ để bảo vệ môi trường, nó trực tiếp đem lại nguồn lợi kinh tế và sự tự quản lý cho người dân địa phương và nó khuyến khích tôn trọng các giá trị văn hóa và quyền con người”[36, tr.14].

Hội thảo xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển du lịch sinh thái tháng 9-1999 tại Hà Nội: “Du lịch sinh thái là một loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, có tính giáo dục môi trường và đóng góp cho các nỗ lực bảo tồn và phát triển với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”[6, tr.11].

Hội thảo khoa học “Tối ưu hóa các dịch vụ du lịch: Triển vọng và tương lai cho Việt Nam” tháng 6-2005 tại Hà Nội: “Du lịch sinh thái không đơn giản là một loại hình du lịch tạo ra một loại sản phẩm mới của ngành du lịch mà hơn thế nữa nó là một triết lý của sự phát triển, là hoạt động mang tính nguyên tắc để phát triển bền vững. Du lịch sinh thái một mặt vừa thỏa mãn tốt nhu cầu hiện tại của du khách, mặt khác có trách nhiệm cao trong việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho phát triển du lịch trong tương lai. Phương châm 3 không trong hành động của khách du lịch sinh thái là: không giết gì ngoài thời gian, không lấy gì ngoài những tấm ảnh chụp được, không để lại gì ngoài những dấu chân”[5, tr.58].

Tại Điều 4 Luật Du lịch Việt Nam 2005 định nghĩa như sau: “Du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững”[13, tr.10].

Qua các định nghĩa trên, có rút ra nhận xét sau: du lịch sinh thái là một loại hình du lịch tập trung vào bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, giáo dục du khách và đặc biệt là phát triển loại hình này phải mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư bản địa - nơi có các giá trị của tài nguyên sinh thái, góp phần cho xóa đói giảm nghèo cho người dân địa phương.

1.2.1.3. Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng

Trên thế giới du lịch dựa vào cộng đồng đã được quan tâm nghiên cứu từ những thập kỷ 70 của thế kỷ XX và được bắt đầu phát triển tại các nước châu Phi, châu Úc, châu Âu và châu Mỹ La Tinh từ những năm 80 và 90 của thế kỷ trước. Ở châu Á khái niệm du lịch dựa vào cộng đồng mới xuất hiện rộng rãi ở các nước ASEAN thông qua hội thảo “Xây dựng khung cho phát triển du lịch dựa vào cộng đồng” được tổ chức tại đảo BaLi-Indonesia tháng 5 năm 1995.

Hiện nay có rất nhiều tên gọi khác nhau có liên quan đến phát triển du lịch và tham gia của cộng đồng đến phát triển du lịch như: Community Tourism (du lịch cộng đồng); Community - Based Tourism (du lịch dựa vào cộng đồng); Community - Development in Tourism (Phát triển cộng đồng dựa vào du lịch); Community - Based Ecotourism (Phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng); Community - Participation in Tourism (Phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng); Community- Based Mountain Tourism (Phát triển du lịch núi dựa vào cộng đồng). Tuy có tên gọi khác nhau nhưng có một số vấn đề cơ bản giống hoặc tương đồng về phương pháp tổ chức, địa điểm, mục tiêu vị trí tổ chức phát triển du lịch và cộng đồng.

Tùy theo góc nhìn, quan điểm nghiên cứu khác nhau nên đã có nhiều định nghĩa khác nhau về du lịch dựa vào cộng đồng được các nhà nghiên cứu khác đưa ra như:

Nhà nghiên cứu Nicole Hausle và Wolfgang Strasdas đưa ra khái niệm: "Du lịch cộng đồng là mô hình phát triển du lịch trong đó chủ yếu là người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lý. Lợi ích kinh tế có được từ du lịch sẽ đọng lại nền kinh tế địa phương "[7, tr.44]. Quan niệm trên nhấn mạnh đến vai trò chính của người dân địa phương trong vấn đề phát triển du lịch ngay trên địa bàn quản lý.

Ông John Mock là chuyên gia nghiên cứu du lịch dựa vào cộng đồng đưa ra quan điểm về phát triển du lịch dựa vào cộng đồng đối với vấn đề du lịch tại các vùng có tài nguyên thiên nhiên hoang dã với hệ sinh thái đa dạng trên các lý do sau:

Tài nguyên thiên nhiên và môi trường các vùng đó đang đối mặt với sự gia tăng số lượng khách du lịch. Các vùng đó chỉ có cộng đồng sống hàng ngàn năm, qua nhiều thế hệ họ đã dựa vào đây để kiếm kế sinh nhai nên chỉ có cộng đồng mới điều chỉnh, kiểm soát và duy trì bảo vệ được nguồn tài nguyên vì họ hiểu được tài nguyên thiên nhiên có liên quan đến cuộc sống của cộng đồng.

Chỉ có cộng đồng dân cư tham gia tổ chức phát triển du lịch mới đưa ra các tình huống công cụ cho việc đảm bảo chất lượng về kinh tế - xã hội cho cộng đồng. Chỉ có cộng đồng tham gia mới nâng cao nhận thức, kiến thức và sự hiểu biết của thế giới bên ngoài cho cộng đồng.

Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là một hình thức thúc đẩy cộng đồng các bà con dân tộc tại các bản, làng có quyền tham gia, thảo luận các vấn đề có liên quan, cộng đồng cũng được hưởng lợi từ cung cấp làm việc và nguồn lợi du lịch mang lại.

Nhờ phát triển du lịch dựa vào cộng đồng mà cộng đồng dân cư có thu nhập, có điều kiện nâng cao mức sống cho bản thân, gia đình và xã hội. Du lịch dựa vào cộng đồng đã đóng góp cho ngân sách địa phương và quỹ cộng đồng góp phần thay đổi cơ sở hạ tầng và bộ mặt địa phương.

Viện Miền núi (Mountain Insititues) đưa ra khái niệm về du lịch dựa vào cộng đồng như sau: “Du lịch cộng đồng là nhằm bảo tồn tài nguyên du lịch tại điểm du lịch đón khách vì sự phát triển du lịch bền vững dài hạn. Du lịch cộng đồng khuyến khích sự tham gia của người dân địa phương trong du lịch và có cơ chế tạo các cơ hội cho cộng đồng”. "Du lịch cộng đồng là một quá trình tương tác giữa cộng đồng (chủ) và khách du lịch mà sự tham gia có ý nghĩa của cả hai phía mang lại các lợi ích kinh tế, bảo tồn cho cộng đồng và môi trường địa phương"[7, tr.46].

Khái niệm về du lịch dựa vào cộng đồng tại Đài Loan của giáo sư Hsien Hue Lee - Hiệu trưởng Trường Đại học cộng đồng Hsin - Hsing - Đài Loan nêu lên: “Du lịch cộng đồng là nhằm bảo tồn tài nguyên du lịch tại các điểm du lịch đón khách vì sự phát triển du lịch bền vững dài hạn. Đồng thời khuyến khích và tạo ra các cơ hội về tham gia của người dân địa phương trong du lịch”[7, tr.48]. Khái niệm đã đề cập đến vấn đề tài nguyên du lịch, các điều kiện khuyến khích, giải quyết công ăn việc làm cho cộng đồng tại các điểm phát triển du lịch.

Theo BEST (Business Enterprises for Sustainable Travel) thì du lịch cộng đồng là du lịch mang tính địa phương, nhằm bảo vệ các giá trị của cộng đồng, được nhân dân địa phương và các tổ chức liên quan triển khai tạo ra lợi ích cho cộng đồng. Du lịch cộng đồng phải giữ gìn, bảo vệ sự toàn vẹn của tài nguyên thiên nhiên và khung cảnh của địa phương, tạo ra các môi trường để cộng đồng dân cư có thể duy trì cuộc sống truyền thống của họ để khách du lịch có cơ hội thưởng thức và tìm hiểu. Du lịch cộng đồng là một “mô hình”

không phải là một “sản phẩm”. Những loại hình sản phẩm du lịch đang được dùng như “du lịch di sản”, “du lịch nông thôn”, “du lịch sinh thái”, “du lịch văn hoá”... có thể phối hợp lại thành “du lịch cộng đồng”.

Đối với trong nước, vấn đề phát triển du lịch dựa vào cộng đồng lần đầu tiên được đưa ra tại Hội thảo “Chia sẻ bài học kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng Việt Nam - 2003” được tổ chức tại Hà Nội. Các chuyên gia trong và ngoài nước đã khái quát du lịch cộng đồng của Việt Nam như sau:

Du lịch cộng đồng đảm bảo văn hoá, thiên nhiên bền vững: Du lịch cân bằng với các tiêu chuẩn kinh tế, văn hoá xã hội và môi trường; nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hoá được khai thác hợp lý; bảo vệ môi trường sinh thái cảnh quan; bảo tồn được môi trường văn hoá. Du lịch cộng đồng chính là cách tốt nhất vừa làm du lịch vừa giữ gìn bản sắc văn hoá, sử dụng dịch vụ tại chỗ, phát triển văn hoá, tôn trọng văn hoá địa phương, du lịch cộng đồng thúc đẩy nghề nghiệp truyền thống phát triển và giữ gìn bản sắc văn hoá; cần có người dân địa phương tham gia để dân có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường sinh thái, bản sắc văn hoá, vệ sinh cộng đồng.

Du lịch cộng đồng cần có sở hữu cộng đồng: Cộng đồng là những người quản lý di sản dân tộc, có phong cách và lối sống riêng cần được tôn trọng; cộng đồng có quyền sở hữu các tài nguyên và do vậy họ có quyền tham gia vào các hoạt động du lịch.

Thu nhập giữ lại cho cộng đồng: Lợi nhuận thu được từ du lịch được chia sẻ công bằng cho cộng đồng để bảo vệ môi trường; cộng đồng thu lợi nhuận và lợi ích kinh tế trực tiếp để tái đầu tư cho địa phương ngoài hỗ trợ của Chính phủ.

Nâng cao nhận thức cho cộng đồng: nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái; nâng cao ý thức bảo vệ di sản văn hoá cộng đồng, chống các trào lưu du nhập.

Tăng cường quyền lực cho cộng đồng: Du lịch cộng đồng là do cộng đồng tổ chức quản lý; du lịch cộng đồng là thúc đẩy, tạo cơ hội cho cộng đồng tham gia nhiệt tình vào phát triển du lịch; cộng đồng dân cư được trao quyền làm chủ, thực hiện các dịch vụ và quản lý phát triển du lịch.

Tăng cường hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước: Có sự hỗ trợ về kinh nghiệm và vốn đầu tư của các tổ chức phi chính phủ; được sự hỗ trợ về cơ sở vật chất và ưu tiên về các chính sách cho cộng đồng trong việc phát triển du lịch và phát triển cộng đồng.

Như vậy, du lịch cộng đồng là một mô hình phát triển du lịch, trong đó cộng đồng dân cư là người cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho khách du lịch. Cộng đồng dân cư cũng chính là người có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch và họ được chia sẻ các nguồn lợi kinh tế do phát triển du lịch tạo ra. Phát triển du lịch cộng đồng sẽ tạo ra thêm công ăn việc làm và tăng thêm thu nhập cho cộng đồng dân cư bản địa, góp phần cho việc xóa đói giảm nghèo của địa phương.

1.2.1.4. Mối quan hệ giữa các cách tiếp cận về phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo

Qua nghiên cứu các vấn đề cơ bản về du lịch bền vững, du lịch sinh thái và du lịch dựa vào cộng đồng trong phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo có thể thấy sự khác biệt và mối quan hệ như sau:

Du lịch bền vững có mục tiêu phát triển, gia tăng sự đóng góp của du lịch vào kinh tế và môi trường; tăng đóng góp của của du lịch đối với sự phát triển của nền kinh tế địa phương tại các điểm du lịch; cải thiện tính công bằng xã hội trong phát triển, phân phối lại lợi ích kinh tế và xã hội thu được từ hoạt

động du lịch; cải thiện cuộc sống của cộng đồng bản địa; cung cấp những dịch vụ an toàn, chất lượng cao thỏa mãn đầy đủ yêu cầu của khách du lịch; duy trì chất lượng môi trường, hỗ trợ bảo tồn khu vực thiên nhiên, môi trường sống, sinh vật hoang dã; tôn trọng và tăng cường giá trị các di sản lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc; giảm thiểu mức sử dụng những nguồn tài nguyên quý hiếm. Du lịch bền vững là quan điểm phát triển và xu thế phát triển của ngành du lịch. Phát triển du lịch bền vững bảo vệ và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho phát triển du lịch trong tương lai, duy trì truyền thống văn hóa, hỗ trợ và góp phần nâng cao mức sống của người dân trong cộng đồng, góp phần cho việc xóa đói giảm nghèo.

Du lịch sinh thái là một loại hình du lịch, là hoạt động mang tính nguyên tắc để phát triển du lịch bền vững. Du lịch sinh thái một mặt vừa thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch, mặt khác còn có trách nhiệm trong việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho phát triển du lịch trong tương lai. Du lịch sinh thái có sự khác biệt với các loại hình du lịch khác như: phải được thực hiện tại những nơi có môi trường tự nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên và các vườn quốc gia, những nơi có mật độ dân số thấp và tài nguyên thiên nhiên phong phú; phải hỗ trợ tích cực cho công tác bảo tồn các đặc tính tự nhiên, văn hóa xã hội tại điểm tham quan; phải bao gồm những hoạt động mang tính giáo dục và giảng giải; đặc biệt là phát triển loại hình này phải mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư bản địa - nơi có các giá trị của tài nguyên sinh thái, góp phần cho xóa đói giảm nghèo cho người dân địa phương.

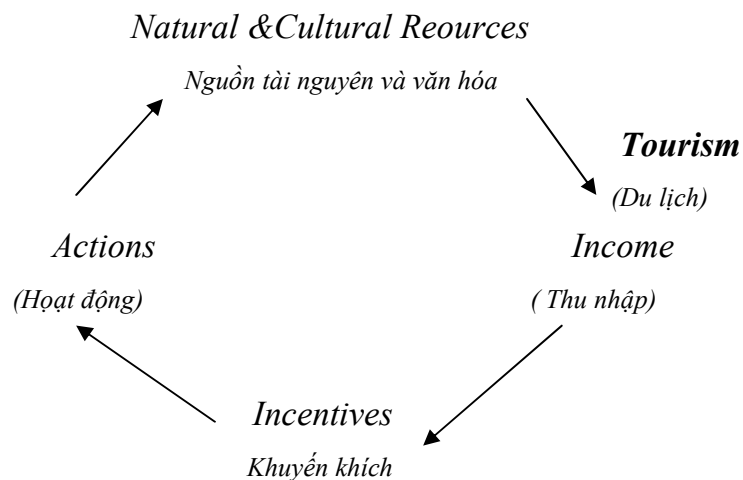
Du lịch dựa vào cộng đồng là mô hình phát triển theo quan điểm phát triển của du lịch bền vững thông qua loại hình du lịch sinh thái. Du lịch dựa vào cộng đồng coi trọng cả hai yếu tố tự nhiên, môi trường và chính bản thân con người. Du lịch dựa vào cộng đồng hướng đến con người nhưng coi trọng

bảo tồn tự nhiên và môi trường. Trong mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, hoạt động kinh doanh du lịch theo mô hình này là chính cộng đồng địa phương tham gia, là chủ và quản lý đồng thời họ là chủ nhân bảo tồn bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường nơi gắn liền với sự tồn tại và phát triển của cá nhân họ, gia đình họ và cả cộng đồng dân cư địa phương. Hoạt động tham gia vào phát triển du lịch dựa vào cộng đồng của dân cư bản địa sẽ trực tiếp tăng thu nhập cho cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo.

1.2.2. Mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo

Đánh giá cao vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, Liên hợp quốc đã quyết định lấy năm 2007 là năm phát triển du lịch chống đói nghèo. Hiện nay trên thế giới đã có nhiều loại mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo được nghiên cứu và đã được áp dụng một cách có hiệu quả. Tại nhiều quốc gia, việc phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo đã và đang được quan tâm và có kế hoạch phát triển cụ thể.

Tổ chức bảo vệ thiên nhiên hoang dã đã đưa ra mối quan hệ nguồn tài nguyên và hoạt động của du lịch, cộng đồng trong phát triển du lịch dựa vào cộng đồng như sau:



Sơ đồ 1.2. Mối quan hệ giữa các nguồn lực và các hoạt động trong Du lịch dựa vào cộng đồng [7]

Mô hình trên cho thấy mối quan hệ giữa nguồn tài nguyên và hành động của cộng đồng có ý nghĩa rất lớn trong phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tức là: Có tài nguyên du lịch là đối tượng để phục vụ cho việc thu hút khách du lịch tạo ra thu nhập cộng đồng và khuyến khích họ tham gia các dịch vụ cung cấp phục vụ khách du lịch, đồng thời cộng đồng tích cực tham gia các hoạt động bảo tồn, bảo vệ tài nguyên môi trường và ngược lại tài nguyên môi trường tốt hấp dẫn khách du lịch đến tham quan hay nói cách khác đây là vòng tuần hoàn trong việc phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.

Trong mô hình này, cộng đồng dân cư là người cung cấp chính các sản phẩm dịch vụ cho khách du lịch, họ giữ vai trò chủ đạo phát triển và duy trì các dịch vụ. Các khu, điểm tổ chức phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là những khu vực đó có tài nguyên hoang dã còn nguyên vẹn đang bị tác động huỷ hoại cần được bảo tồn. Cộng đồng dân cư là người có trách nhiệm trực tiếp tham gia bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường nhằm hạn chế, giảm thiểu tác động bởi khách du lịch và khai thác của chính bản thân cộng đồng dân cư. Dựa vào cộng đồng gồm các yếu tố giao quyền cho cộng đồng, cộng đồng được tham gia khuyến khích và đảm nhận các hoạt động du lịch và bảo tồn tài nguyên môi trường. Phát triển du lịch cộng đồng đồng nghĩa với đảm bảo sự công bằng trong việc chia sẻ nguồn thu nhập du lịch cho cộng đồng giữa các bên tham gia. Phát triển du lịch cộng đồng sẽ tạo ra thêm công ăn việc làm và tăng thêm thu nhập cho cộng đồng dân cư bản địa, góp phần cho việc xóa đói giảm nghèo của địa phương.

Phát triển du lịch theo mô hình du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo là một hướng đi đúng vì du lịch dựa vào cộng đồng có những ý nghĩa đối với việc xóa đói giảm nghèo như sau:

Du lịch dựa vào cộng đồng mang lại lợi ích kinh tế cho người nghèo thông qua việc người nghèo tham gia trực tiếp cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch và hưởng lợi từ các công việc này.

Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng sẽ tạo cho người nghèo có việc làm trong các doanh nghiệp du lịch như khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng hay các doanh nghiệp vận tải. Người nghèo có thêm nghề sản xuất thủ công là ra các sản phẩm là hàng lưu niệm bán cho khách du lịch từ đó có thể tăng thêm nguồn thu nhập. Người nghèo có thể thành lập các doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong ngành du lịch để tạo công ăn việc làm cho chính mình hoặc cho các người nghèo khác trong cộng đồng.

Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng giúp cho địa phương trong đó đặc biệt là người nghèo được hưởng lợi từ phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội từ đó góp phần thay đổi bộ mặt xã hội của địa phương.

Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng sẽ tạo cơ hội cho người dân địa phương giao lưu học hỏi từ khách du lịch từ đó nâng cao hiểu biết và kiến thức sống để xóa đói giảm nghèo. Thông qua phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng người dân được đào tạo và trực tiếp tham gia vào quá trình bảo vệ và giữ gìn, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái để đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

Ở Việt Nam, vào những năm đầu của thế kỷ XXI mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng mới được bắt đầu nghiên cứu và thử nghiệm tại một số khu vực có nhiều tài nguyên thiên nhiên. Hiện nay tại nước ta đã có nhiều địa phương đang thí điểm phát triển du lịch theo mô hình du lịch dựa vào cộng đồng và bước đầu đã đạt được những thành công nhất định góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bản sắc văn hóa bản địa.

Trong mô hình này, vai trò tham gia của cộng đồng dân cư là nhân tố quyết định của sự thành công của phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm

nghèo. Ở Việt Nam về khuôn khổ pháp lý, sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch đã được quy định tại Điều 7 Luật Du lịch năm 2005 như sau:

“1. Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch; có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hóa địa phương; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường để tạo sự hấp dẫn du lịch.

2. Cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống; sản xuất hàng hóa của địa phương phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương”[13, tr.15].

Vì vậy, có thể nói phát triển du lịch theo mô hình du lịch dựa vào cộng đồng là phù hợp với xu thế phát triển của thời đại trước áp lực phải lựa chọn giữa phát triển và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn, trong đó trách nhiệm và lợi ích của cộng đồng là vấn đề trọng tâm có tính then chốt. Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là một mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo hiệu quả có ý nghĩa cả về giác độ kinh tế và xã hội.

1.2.3. Các điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo

Muốn phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo cần phải thỏa mãn các điều kiện để phát triển du lịch nói chung như: các điều kiện đối với sự phát triển của hoạt động đi du lịch, điều kiện có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh du lịch. Tuy nhiên, cần phải có một số điều kiện đặc trưng để đảm bảo du lịch có thể góp phần xóa đói giảm nghèo như sau:

1.2.3.1. Điều kiện tiên quyết

Đó là điều kiện về chính sách và cơ chế. Từ điều kiện này tạo ra sự hỗ

trợ từ các tổ chức chính phủ và phi chính phủ: Xuất phát điểm của các vùng, các địa bàn dự định phát triển du lịch xóa đói giảm nghèo là nơi có điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí và nhận thức của cộng đồng còn nhiều hạn chế, cơ sở hạ tầng chưa phát triển. Để phát triển du lịch và động viên được cộng đồng tham gia cần có sự giúp đỡ của các tổ chức của chính phủ và phi chính phủ trong và ngoài nước. Công tác giúp đỡ ban đầu tập trung về đầu tư cơ sở hạ tầng đường xá, hệ thống điện, nước để cải thiện điều kiện sinh hoạt ăn ở hợp vệ sinh và môi trường, hỗ trợ học hỏi kinh nghiệm tổ chức từ các tổ chức dự án nước ngoài.

1.2.3.2. Các điều kiện cần

Nhóm điều kiện cần bao gồm điều kiện về tài nguyên thiên nhiên và điều kiện về tài nguyên nhân văn để phát triển du lịch.

Điều kiện về tài nguyên thiên nhiên. Tài nguyên thiên nhiên là yếu tố cần thiết cho việc thu hút khách du lịch để phục vụ cho phát triển du lịch tại các điểm du lịch. Bên cạnh đó, môi trường được xem là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch.

Tại các vùng có tài nguyên phong phú đặc biệt là tài nguyên thiên nhiên thường có dân cư sống đan xen ngay cả vùng bảo tồn và vùng đệm. Cuộc sống dân cư tại đó thường dựa vào tài nguyên để mưu sinh như: khai thác chặt phá, săn bắt, đánh bắt dẫn đến cạn kiệt nguồn tài nguyên, đa dạng sinh thái bị đe dọa và ảnh hưởng đến nơi sinh sống của các loài động vật. Bên cạnh đó, do sự khai thác bất cẩn của người dân dẫn đến các sự cố môi trường thường hay xảy ra như: lở núi, sạt đất và ô nhiễm nguồn nước; hay nói cách khác cộng đồng dân cư là một trong những tác động ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên. Vì vậy, để bảo vệ, bảo tồn và phát triển tài nguyên cần có sự tham gia giúp đỡ của cộng đồng dân cư.

Điều kiện về tài nguyên nhân văn. Các tài nguyên nhân văn gắn liền với

cộng đồng dân cư, do cộng đồng dân cư sáng tạo, gìn giữ, duy trì và phát triển, được lưu giữ từ thế này sang thế hệ khác. Tài nguyên nhân văn được phân ra nhiều loại khác nhau được chia ra loại vật thể và phi vật thể. Trong đó, tài nguyên nhân văn phi vật thể mang tính cộng đồng cao, tính hấp dẫn, tính mới lạ đối với du khách. Do mang tính cộng đồng nên cũng có thể dễ bị du nhập, lai căng, thay đổi và biến dạng khi có một cộng đồng khác tác động vào. Tài nguyên nhân văn cũng mang đặc tính riêng của địa phương, vùng lãnh thổ và đã có quá trình hình thành phát triển, tồn tại nên xa lạ đối với nhiều khách và thu hút được nhiều khách đến tham quan du lịch và nghiên cứu.

1.2.3.3. Các điều kiện đủ

Nhóm điều kiện đủ bao gồm điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội và cơ sở hạ tầng du lịch; điều kiện về năng lực tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ phục vụ khách du lịch; điều kiện về sự hỗ trợ của cộng đồng dân cư ở địa bàn.

Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Đây là những điều kiện ban đầu cho việc thu hút khách du lịch như cần có hệ thống giao thông thuận lợi cho khách du lịch đến tại điểm có tài nguyên; cần có điều kiện cơ sở vật chất để cho khách tham quan lưu trú, ăn uống và bảo đảm an toàn trong quá trình tham quan. Một điều kiện quan trọng nữa là điểm đến du lịch hiện tại đã được quảng cáo tiếp thị bởi cơ quan quản lý nhà nước và các công ty du lịch và khách du lịch đã đến tham quan du lịch.

Điều kiện về năng lực tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ phục vụ khách du lịch. Điều kiện này nói lên yếu tố chủ quan về năng lực của cộng đồng dân cư sở tại. Năng lực bao gồm đội ngũ lao động trong cộng đồng về số lượng, chất lượng tay nghề tạo ra các sản phẩm dịch vụ phục vụ khách. Đối với phát triển du lịch, cộng đồng dân cư cần nhận thức được rằng du lịch sẽ

mang lại công ăn việc làm, nâng cao đời sống cộng đồng, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng của họ.

Điều kiện về sự tham gia của cộng đồng dân cư ở địa bàn. Dân cư địa phương là một thành phần cấu thành hoạt động du lịch. Cộng đồng dân cư là người sống lâu đời trên mảnh đất của họ nên họ rất am hiểu thông thạo lãnh thổ, các điều kiện địa hình, đặc điểm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính họ là người sáng tạo ra các giá trị nhân văn như các công trình kiến trúc, phong tục tập quán, văn hóa và lễ hội. Việc bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn giá trị văn hóa, tài nguyên nhân văn cũng là mang lại lợi ích cho cộng đồng. Vì vậy, sự đồng tình và ủng hộ của cộng đồng dân cư có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển du lịch.

1.2.4. Các tiêu chí để đánh giá tác động của phát triển du lịch đối với xóa đói giảm nghèo

1.2.4.1. Các tác động của du lịch đối với người nghèo

Khi đánh giá các tác động của du lịch đối với người nghèo, cần thiết phải nghiên cứu phát hiện ra cả các tác động tích cực và các tác động tiêu cực. Các tác động tích cực và tiêu cực của du lịch đối với người nghèo có thể được đánh giá trên hai giác độ: các tác động về kinh tế và các tác động khác.

Các tác động tích cực về giác độ kinh tế của du lịch: Phát triển du lịch tạo cơ hội cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển thông qua việc bán các sản phẩm, dịch vụ du lịch cho khách du lịch từ đó doanh nghiệp tuyển dụng thêm lao động; du lịch phát triển sẽ tạo cơ hội cho người nghèo có thể được tuyển dụng vào làm việc trong các doanh nghiệp; du lịch phát triển tạo ra nguồn tài chính hỗ trợ cho người nghèo thông qua việc thu phí khách du lịch vào tham quan các danh lam thắng cảnh ở địa phương; du lịch phát triển có thêm được nguồn thu nhập từ đóng góp từ thiện của các doanh nghiệp và khách du lịch để hỗ trợ cho người nghèo.

Các tác động tiêu cực về giác độ kinh tế của du lịch: Phát triển du lịch có thể làm tăng nhu cầu đầu tư do sức ép mở mang, củng cố cơ sở hạ tầng du lịch và dịch vụ gây ra khó khăn nhất định về tài chính cho các thành phần tham gia hoạt động du lịch, trong đó có người nghèo; du lịch phát triển có thể làm cho chi phí cuộc sống hàng ngày của người dân địa phương có thể bị tăng cao.

Các tác động tích cực khác của du lịch: Phát triển du lịch tạo cơ hội để nâng cao năng lực và thúc đẩy công tác đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng cuộc sống như sức khỏe, giáo dục và phúc lợi xã hội; phát triển, mở mang thêm đường xá giao thông tạo điều kiện cho người nghèo có thể đi lại dễ dàng thuận lợi cho sinh sống và làm việc; bảo tồn và nâng cao truyền thống văn hóa xã hội của cộng đồng, củng cố và nâng cao sự tự hào và tự tin của người dân địa phương đối với cộng đồng của họ.

Các tác động tiêu cực khác của du lịch: Phát triển du lịch có thể dẫn đến tình trạng văn hóa truyền thống của địa phương bị đồng hóa; dân cư truyền thống của địa phương có thể dần được thay thế bằng những người từ các vùng khác đến kinh doanh và sinh sống; tệ nạn xã hội có thể gia tăng cùng với sự phát triển du lịch; phát triển du lịch nếu không quản lý tốt, ô nhiễm môi trường sẽ tăng dẫn đến môi trường tự nhiên bị suy thoái.

Sau khi nghiên cứu các tác động tích cực và tác động tiêu cực của phát triển du lịch đối với người nghèo, có thể rút ra các tác động của phát triển du lịch đối với công tác xóa đói giảm nghèo như sau:

1.2.4.2. Tác động của phát triển du lịch đối với xóa đói giảm nghèo

Thứ nhất, tác động của tăng trưởng du lịch đến phát triển kinh tế xã hội góp phần xóa đói giảm nghèo. Phát triển du lịch có tác động tích cực vào quá trình tạo nên thu nhập quốc dân (sản xuất đồ lưu niệm, chế biến thực phẩm, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật...) làm tăng thêm tổng sản phẩm quốc

nội. Các ngành sản xuất đồ lưu niệm, chế biến thực phẩm, xây dựng cơ sở hạ tầng tăng quy mô lên để phục vụ khách du lịch sẽ tạo ra sản phẩm nhiều hơn từ đó các khoản thuế, lệ phí đóng góp cho địa phương sẽ tăng lên.

Phát triển du lịch còn góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển theo như giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng viễn thông, công nghiệp, nông nghiệp... Các ngành này phát triển sẽ tăng thu nhập của địa phương và đặc biệt là sẽ tuyển thêm lao động tại chỗ, tức là góp phần giải quyết công ăn việc làm cho cộng đồng dân cư địa phương.

Ngoài ra, du lịch còn làm tăng nguồn thu ngân sách cho các địa phương phát triển du lịch thông qua các khoản trích nộp ngân sách của các cơ sở du lịch trực thuộc quản lý của địa phương và từ các khoản thuế của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Thu ngân sách của địa phương tăng, chính quyền địa phương sẽ có thêm các khoản cân đối ngân sách phục vụ cho công tác an sinh xã hội trong đó có xóa đói giảm nghèo trên địa bàn.

Thứ hai, tác động của tăng trưởng du lịch đến thu nhập của dân cư địa phương. Rất nhiều các quốc gia nghèo trên thế giới có lợi thế so sánh hơn so với các quốc gia phát triển trong lĩnh vực du lịch. Các quốc gia này có những tài sản vô cùng quan trọng với giá trị cao đối với ngành du lịch, đó là các giá trị về di sản văn hóa, nghệ thuật, âm nhạc, phong cảnh, đời sống hoang dã và môi trường khí hậu. Tài nguyên du lịch có thể bao gồm các điểm di sản thế giới, nơi mà du lịch có thể tạo ra việc làm và thu nhập cho các cộng đồng bản địa và các vùng lân cận.

Để phân tích tác động của tăng trưởng du lịch đến thu nhập của dân cư địa phương, cần thấy rõ những nét đặc trưng của hoạt động du lịch như: nhu cầu tiêu dùng trong du lịch là những nhu cầu đặc biệt. Khách du lịch có thể có nhu cầu hiểu biết kho tàng văn hóa, lịch sử, văn cảnh ... mà còn có nhu cầu về hàng hóa (thức ăn, hàng hóa mua sắm, hàng lưu niệm...) và đặc biệt là các

nhu cầu về dịch vụ (lưu trú, vận chuyển hành khách, dịch vụ y tế, thông tin...).

Việc tiêu dùng các dịch vụ du lịch và hàng hóa này xảy ra cùng một thời gian và tại cùng một địa điểm sản xuất ra chúng. Trong du lịch nhà kinh doanh không phải vận chuyển dịch vụ và hàng hóa đến cho khách hàng mà ngược lại, tự khách du lịch phải đi đến nơi có hàng hóa.

Do đặc trưng trên, nên khi phát triển du lịch tại một địa bàn sẽ tạo thêm thu nhập của dân cư tại địa bàn đó (sản xuất ra đồ lưu niệm, chế biến thực phẩm, xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật, hướng dẫn du lịch, bán các đồ lưu niệm, hàng ăn...) làm tăng thêm GDP của địa phương.

Phát triển du lịch sẽ đánh thức các nghề thủ công mỹ nghệ cổ truyền của các dân tộc tại địa bàn (đặc biệt là vùng núi, vùng sâu nơi có các đồng bào dân tộc thiểu số), vì khách du lịch có xu hướng muốn mua các sản phẩm này làm kỷ niệm sau một chuyến du lịch. Do có nhu cầu của khách du lịch, nghề thủ công mỹ nghệ cổ truyền dân tộc có điều kiện phục hồi và phát triển hơn (như nghề khảm, khắc, sơn mài, đẽo, tạc tượng, làm tranh lụa...) làm tăng thêm thu nhập của người dân của cộng đồng.

Thứ ba, tác động của tăng trưởng du lịch đối với việc giải quyết công ăn việc làm cho người dân. Du lịch góp phần đáng kể vào việc tạo công ăn việc làm cho xã hội, nó liên quan đặc biệt đến các vùng nông thôn nơi thường có tài nguyên du lịch. Thực tế cho thấy, phần lớn số người thực sự nghèo đang sống ở các vùng nông thôn, thường là xa cách các vùng trung tâm hoạt động kinh tế chính hoặc có ít đất sản xuất nhất. Trong nhiều trường hợp, ở một số vùng hoạt động du lịch có thể mang lại nguồn thu nhập lớn mà rất ít các ngành khác có thể làm được.

Các ngành sản xuất đồ lưu niệm, chế biến thực phẩm, xây dựng cơ sở hạ tầng tăng quy mô lên để phục vụ khách du lịch sẽ dẫn tới việc phải tuyển

dụng thêm lao động, thu nhập của lao động sẽ tăng lên dẫn đến cơ hội cho người nghèo có thể tham gia vào quá trình này.

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, liên ngành, liên vùng, đa dạng hơn nhiều so với các ngành khác. Du lịch có tiềm năng để hỗ trợ các hoạt động kinh tế khác, kể cả việc tạo ra công việc làm thêm bổ sung cho các lựa chọn kế sinh nhai, cũng như tạo ra thu nhập qua hệ thống cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các sản phẩm du lịch được tiêu dùng ở nơi sản xuất. Điều này cũng có nghĩa là người tiêu dùng có ý thức hơn về quá trình sản xuất sản phẩm và các điều kiện của những người cung cấp dịch vụ dẫn tới tạo ra cơ hội cho hoạt động mua bổ sung.

Ngoài ra, hoạt động du lịch có xu hướng tuyển dụng nhiều phụ nữ và thanh niên hơn so với các ngành khác. Việc mang lại lợi ích kinh tế và sự độc lập của phụ nữ là rất quan trọng trong các chương trình phát triển gia đình của các quốc gia đảm bảo phát triển bền vững và phá vỡ vòng nghèo đói.

Thứ tư, tác động của tăng trưởng du lịch đối với việc phát triển cơ sở hạ tầng cải thiện cuộc sống của người nghèo. Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội theo yêu cầu của phát triển du lịch như giao thông, bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, hệ thống cung cấp nước sạch, an ninh công cộng và dịch vụ y tế có thể mang lại lợi ích trực tiếp cho các cộng đồng người nghèo ở địa bàn.

Phát triển du lịch sẽ mở mang, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế như mạng lưới giao thông công cộng, mạng lưới điện, các phương tiện thông tin đại chúng... Đặc biệt là ở những vùng phát triển du lịch, do xuất hiện nhu cầu đi lại, vận chuyển, thông tin liên lạc của khách du lịch, cũng như những điều kiện cần thiết cho cơ sở kinh doanh du lịch hoạt động nên những ngành này phát triển. Hạ tầng cơ sở phát triển đã cải thiện cuộc sống của người nghèo,

khả năng tiếp cận với nước sạch, đường xá giao thông, giáo dục, truyền thông, y tế giúp cho giảm đói nghèo được tăng lên.

Thứ năm, tác động của tăng trưởng du lịch đối với nâng cao dân trí và thể lực cho cộng đồng dân cư để góp phần xóa đói giảm nghèo. Du lịch không chỉ mang lại lợi ích vật chất cho người nghèo mà còn tạo ra nhiều lợi ích phi vật chất như nâng cao dân trí, tiếp thu được thêm kiến thức cũng như sự hiểu biết về văn hóa; kiến thức về kỹ năng làm ăn do khách du lịch ở nơi khác mang đến; nâng cao sự tự hào về truyền thống văn hóa dân tộc; tạo ra nhận thức đúng đắn hơn về giữ gìn, tôn tạo môi trường tự nhiên và giá trị kinh tế của nó.

Khi trình độ dân trí được nâng cao, thì đời sống mọi mặt của người dân được nâng lên đáng kể. Dân trí được nâng lên, người dân có thể nhận thức một cách thấu đáo về chất lượng và giá trị cuộc sống; biết tiếp thu và ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học kỹ thuật vào trong quá trình sản xuất, cũng như trồng trọt, chăn nuôi. Cho nên có thể khẳng định rằng, phát triển du lịch không chỉ góp phần cho xóa đói giảm nghèo, mà còn là động lực giúp người dân kể cả người nghèo làm chủ khoa học công nghệ và áp dụng nó vào sản xuất kinh doanh trực tiếp góp phần phát triển kinh tế xã hội.

Hiện nay, việc phát triển thể lực của người dân Việt Nam đang được các Chương trình dinh dưỡng quốc gia và các Chương trình giáo dục, chăm sóc y tế hàng năm triển khai tốn kém nhiều tiền từ nguồn ngân sách nhà nước. Các chương trình này mới chỉ xác định được tình trạng suy dinh dưỡng ở khu vực thành thị, còn vùng sâu, vùng xa trung tâm thì tình trạng suy dinh dưỡng chưa được cải thiện, tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng ở các vùng nghèo đói còn phổ biến. Khi xóa được đói nghèo thì mới hết suy dinh dưỡng, mới có thời gian luyện tập thể thao, nâng cao thể lực được. Vì vậy có thể khẳng định

phát triển du lịch sẽ góp phần xóa đói giảm nghèo từ đó nâng cao được thể lực cho người dân đặc biệt là người nghèo.

1.3. KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

1.3.1. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để xóa đói giảm nghèo của một số nước

1.3.1.1. Sơ lược quá trình phát triển du lịch cộng đồng của một số nước

Du lịch dựa vào cộng đồng ở các nước khu vực Châu Á phát triển muộn hơn so với các nước trên thế giới cả về lý luận và thực tiễn. Tháng 5/1995, Hội thảo đầu tiên bàn về du lịch dựa vào cộng đồng được tổ chức tại đảo Ba Li - Indonesia do Tổ chức nghiên cứu thiên nhiên thế giới khởi xướng. Hội thảo đã phổ biến kinh nghiệm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng của các nước châu Âu và đưa ra kế hoạch xây dựng phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng tại các khu bảo tồn của khu vực các nước Đông Nam Á.

Hội thảo thứ 2 về du lịch dựa vào cộng đồng do tổ chức NOVIB thành viên của Tổ chức quốc tế Oxfam ở Đông Nam Á tổ chức hội thảo có sự tham gia của các Tổ chức phi chính phủ Philippine, Indonesia và Thái Lan. Tại hội thảo này cũng đề cập đến phương pháp xây dựng du lịch dựa vào cộng đồng tại một số điểm tại các Khu bảo tồn, Vườn quốc gia khu vực nhằm để bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và động vật hoang dã. Hội thảo đề cập đến giải pháp phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là chia sẻ lợi ích cho cộng đồng trong lợi ích phát triển du lịch để nâng cao điều kiện sống cho cộng đồng các dân tộc. Hội thảo cũng đề cao vai trò của chính phủ, chính quyền sở tại, các công ty du lịch là những cơ quan góp phần vào thực hiện tốt chương trình. Sau hội thảo, nhiều nước đã nhận được sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế nên đã bắt tay vào nghiên cứu xây dựng một số mô hình phát triển du lịch dựa vào

cộng đồng tại một vài khu bảo tồn thiên nhiên như: Indonesia, Philipin, Malaysia, Thái Lan.

Tháng 3/1997, Hội thảo xây dựng khung phát triển du lịch dựa vào cộng đồng lần thứ 2 được tổ chức tại Palawan - Philippine được sự giúp đỡ của các tổ chức ASSET Phillipine, Các tổ chức phi chính phủ và Tổ chức POs đã giúp các cộng đồng tại Philippine thiết lập và thực hiện các hình thức tham gia cộng đồng vào việc cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch khi đến tham quan tại các khu vực vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên Ifugao, Marinduque, Camiguin của Philipin.

Hội thảo "Du lịch sinh thái cho bảo tồn và phát triển cộng đồng" tại Chiềng Mai - Thái Lan tháng 8 năm 1997 và Hội thảo "Du lịch dựa vào cộng đồng lần thứ hai" tại Chiềng Mai - Thái Lan tháng 3 năm 2002, các nước tham dự đã thống nhất quan điểm về khái niệm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng và cộng đồng tham gia phát triển du lịch là một vấn đề, đồng thời nêu lên phương thức về phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại các điểm du lịch có tài nguyên phong phú.

Trong các nước khối ASEAN thì Indonesia là nước tiên phong đầu tiên thực hiện chương trình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng với mục đích là bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn nền văn hóa dân tộc bản địa, hỗ trợ cộng đồng phát triển bền vững và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia cung cấp các dịch vụ, các sản phẩm du lịch tại các vùng, khu bảo tồn để thu hút khách du lịch.

Các nước Đông Bắc Á có Nepal là nước phát triển du lịch dựa vào cộng đồng thành công nhất trong khu vực. Xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng của Nepal được tổ chức tại một số vùng có ưu thế về tài nguyên thiên nhiên. Mục tiêu là để giải quyết công ăn việc làm cho cộng đồng dân bản địa, bước đầu xóa đói giảm nghèo cho dân để họ không tham gia khai

thác, tàn phá rừng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các di sản văn hóa phong tục tập quán. Phương pháp tổ chức thông qua các chương trình, các dự án để lồng ghép các nội dung vừa đảm bảo các mục tiêu khác nhau trong đó có du lịch và bảo vệ môi trường. Một số mô hình điển hình của các nước như Vườn quốc gia Gunung Halimun-Indonesia, làng Ghandruk thuộc khu bảo tồn Annapurna-Nepal, bản Huay Hee-Thái Lan được giới thiệu tại Phụ lục 3.

1.3.1.2. Nhận xét chung về mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo của một số nước

** Đặc điểm của mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng:* Mô hình được xây dựng và tiến hành trong khuôn khổ dự án, các dự án do các tổ chức phi chính phủ trong đó có các hiệp hội về tài nguyên thiên nhiên thế giới khởi xướng và giúp đỡ. Mô hình có sự hỗ trợ của nhiều bên tham gia, có nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau như tài chính, kinh nghiệm.. góp phần nâng cao nhận thức, năng lực cho cộng đồng. Mỗi một mô hình đều có Ban quản lý điều hành, phối hợp với cộng đồng thay mặt cho các tổ chức nói trên.

Địa điểm các dự án hầu hết nằm trong và liền kề các khu bảo tồn hay vườn quốc gia nơi các dân tộc thiểu số cư trú. Nơi có độ nhạy cảm cao về môi trường thiên nhiên cũng như văn hóa xã hội, cộng đồng dân cư trình độ dân trí thấp.

Hình thức tham gia của cộng đồng là cung cấp các sản phẩm cho khách du lịch như lương thực thực phẩm, các sản phẩm hàng hóa thổ cẩm dân tộc, tham gia vào các dịch vụ kinh doanh lưu trú, nhà hàng, hướng dẫn viên, vận chuyển dịch vụ .

** Tiêu chí đạt được của mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng:*

Về mặt xã hội, văn hóa: Đã tăng cường huy động nguồn lực xã hội đặc biệt là cộng đồng địa phương, dân bản địa đối với việc bảo vệ tài nguyên

thiên nhiên, góp phần phát triển bền vững xã hội. Khơi dậy được niềm tự hào của người dân trong bản về bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là thế hệ trẻ thấy được vai trò, trách nhiệm của mình đối với gìn giữ giá trị văn hóa. Nâng cao trình độ kiến thức văn hóa để hội nhập của cộng đồng dân cư làng bản đối với thế giới bên ngoài, đồng thời tạo ra nhận thức mới cho các thành viên trong cộng đồng phải có trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, tạo nên một kết cấu xã hội chặt chẽ hơn giữa các thành viên cộng đồng với nhau thông qua hoạt động du lịch cộng đồng.

Đối với tài nguyên và môi trường: Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng đối với bảo vệ, bảo tồn các giá trị tài nguyên thiên nhiên và văn hoá bản địa, nâng cao được ý thức trách nhiệm đối với các hiện tượng gây ô nhiễm môi trường.

Về mặt kinh tế: Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là giải quyết được công ăn việc làm nâng cao đời sống mọi thành viên, đồng thời góp phần vào nguồn thu chung cho quỹ cộng đồng cũng như ngân sách, góp phần vào xóa đói giảm nghèo tại các vùng khó khăn.

1.3.2. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để xóa đói giảm nghèo tại một số địa phương của Việt Nam

1.3.2.1. Sơ lược quá trình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại một số địa phương của Việt Nam

Vào cuối thập kỷ 20 loại hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng đối với nước ta mới được bắt đầu nghiên cứu và thử nghiệm tại một số khu vực có nhiều tài nguyên thiên nhiên mà cần được bảo tồn nên còn mới so với các nước trên thế giới và khu vực. Về lý luận, trong nước chưa có công trình nghiên cứu riêng đầy đủ và chuyên sâu về phát triển du lịch dựa vào cộng đồng Việt Nam để áp dụng cho các khu vực đang thu hút nhiều khách du lịch

đến tham quan tại một số địa phương nên kinh nghiệm của một số địa phương mang tính thí nghiệm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm cho từng khu vực.

Trong mấy năm gần đây, một số khu, điểm du lịch ở miền núi, vùng dân tộc là nơi có đa dạng tài nguyên thiên nhiên và phong phú tài nguyên nhân văn đã và đang thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan du lịch tìm hiểu nhưng điều kiện giao thông đi lại và dịch vụ cung cấp cho khách còn thiếu. Tuy nhiên, yêu cầu công tác bảo vệ, bảo tồn và duy trì phong tục tập quán của một số cộng đồng dân tộc đang đặt ra cấp bách vì đang có nguy cơ do tác động của khách du lịch, cũng như cộng đồng dân cư sống trong khu vực, nên một số địa phương đã xây dựng mô hình cộng đồng dân cư cung cấp dịch vụ cho khách du lịch theo mô hình tự quản trong công tác bảo tồn đã mang lại hiệu quả nhất định. Năm 2001 Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) cùng với Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) đã triển khai một dự án mang tên Hỗ trợ du lịch bền vững tại huyện Sa Pa, trong quá trình thực hiện dự án đã triển khai một chương trình phát triển du lịch tại bản Sín Chải- Sa-Pa với sự tham gia của cộng đồng dân cư. Mô hình thí điểm tại bản Lác Mai Châu-Hòa Bình, Khu du lịch Suối Voi, Lộc Tiên, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế, Vườn quốc gia Ba Bể được trình bày tại Phụ lục 4.

1.3.2.2. Nhận xét chung về mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tại một số địa phương của Việt Nam

Nghiên cứu mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại các địa phương trong nước, đối chiếu lý luận với thực tiễn có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

- Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là mô hình phát triển du lịch đảm bảo tính bền vững trước áp lực bảo vệ tài nguyên, môi trường tự nhiên và xã hội. Trong đó trách nhiệm và lợi ích của cộng đồng có một vị trí rất quan trọng.

- Ở Việt Nam, sự hỗ trợ giúp đỡ của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ về nhân lực, tài chính, kinh nghiệm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng cùng với các doanh nghiệp và dân bản địa trong việc thu hút và phục vụ khách du lịch là những yếu tố có tính quyết định.

- Phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng kết hợp với các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội vùng sâu, vùng xa, khai thác nguồn tài nguyên du lịch có thể đạt được mục tiêu phát triển du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo.

1.3.3. Bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo vận dụng cho Lào Cai

Qua nghiên cứu mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng của một số nước và tại một số địa phương trong nước, có thể rút ra bài học kinh nghiệm là muốn phát triển du lịch có thể gắn với xóa đói giảm nghèo trước tiên phải đảm bảo lợi ích cho bốn thành phần tham gia vào hoạt động du lịch (định nghĩa về du lịch của Michael Coltman) tại địa phương, cụ thể như sau :

Thành phần thứ nhất - khách du lịch: Du khách đi du lịch để đáp ứng nhu cầu của mình khi nhận thấy họ được đảm bảo an toàn, các sản phẩm và dịch vụ du lịch được cung cấp đầy đủ họ sẽ thỏa mãn nhu cầu. Kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo trên đây cho thấy lượng khách đến tham quan điểm du lịch chủ yếu là khách du lịch quốc tế từ các nước phát triển. Khách tham gia du lịch có mức chi tiêu cao có thể tới 50 đến 60 đô la/ngày kể cả chi phí vận chuyển, thời gian lưu trú bình quân tại điểm du lịch là 3 đến 4 ngày, động cơ du lịch là thưởng thức chiêm ngưỡng cảnh đẹp, tính hoang sơ về tài nguyên và môi trường tự nhiên, tìm hiểu văn hóa bản địa.

Vì vậy, có thể nhận định phát triển du lịch dựa cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo có thể đảm bảo được lợi ích về nhu cầu của khách du lịch khi

quyết định tham gia chuyên du lịch. Phát triển du lịch cộng đồng, lựa chọn các loại hình sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu của khách du lịch sẽ làm tăng cầu du lịch, tức là số lượt khách du lịch đến điểm du lịch, góp phần cho tăng trưởng du lịch tại địa bàn, đáp ứng được lợi ích của nhà cung ứng dịch vụ du lịch, chính quyền địa phương nơi đón khách du lịch và góp phần xóa đói giảm nghèo cho cộng dân cư sở tại.

Thành phần thứ hai - Nhà cung ứng dịch vụ du lịch : Qua nghiên cứu kinh nghiệm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo trên đây có thể thấy tính hiệu quả cao trong kinh doanh du lịch của các nhà cung ứng dịch vụ du lịch. Do du khách chủ yếu là khách du lịch quốc tế, với mức chi tiêu bình quân cao nên đã tạo ra lợi ích cho các nhà cung ứng dịch vụ du lịch thông qua việc xuất khẩu tại chỗ các sản phẩm hàng hóa công nghiệp, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm... theo giá bán lẻ cao hơn và không phải chịu thuế xuất khẩu hàng hóa sản phẩm.

Trong phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, với sự giúp đỡ của các tổ chức, cư dân bản địa có thể trở thành các nhà cung ứng dịch vụ du lịch như điều hành cơ sở lưu trú của chính mình, đầu tư các nhà hàng ăn uống, thành lập các nhóm, tổ vận chuyên khâu vận hành lý, sản xuất các đồ thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm. Vì vậy, có thể nói phát triển du lịch cộng đồng đã đáp ứng được lợi ích ngày càng cao của nhà cung ứng dịch vụ du lịch trong đó có cả cộng đồng cư dân bản địa, góp phần cho việc xóa đói giảm nghèo tại địa phương phát triển du lịch.

Thành phần thứ ba - Chính quyền địa phương nơi đón khách du lịch: Phát triển du lịch cộng đồng đã làm tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương phát triển du lịch. Nguồn thu ngân sách ở đây là các khoản trích nộp ngân sách của các cơ sở du lịch trực thuộc quản lý trực tiếp của địa phương và các khoản thuế phải nộp của các doanh nghiệp du lịch kinh doanh trên địa bàn.

Đối với chính quyền địa phương nơi phát triển du lịch, ngoài nhiệm vụ chịu trách nhiệm về quản lý phát triển ngành du lịch đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, theo chức năng nhiệm vụ, còn phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về cải cách hành chính và xây dựng chính quyền, giáo dục đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, văn hóa, thông tin, các vấn đề xã hội và an ninh quốc phòng. Vì vậy, phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo, chính quyền địa phương sẽ có được lợi ích từ việc tạo sự hỗ trợ liên ngành để phát triển du lịch đảm bảo xây dựng chính quyền vững chắc, hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, giải quyết việc làm cho người dân địa phương góp phần vào thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo.

Thành phần thứ tư - Dân cư sở tại: Qua kinh nghiệm thực tế triển khai mô hình phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo cho thấy rất rõ lợi ích của cư dân sở tại, nhất là những người nghèo ở nơi phát triển du lịch. Các lợi ích đó là có được công ăn việc làm bằng các dịch vụ du lịch thay vì trước đây chỉ sống dựa vào điều kiện thiên nhiên như đốn củi, khai thác sản phẩm các loại động vật.

Dân cư sở tại còn được hưởng các lợi ích khác của việc phát triển du lịch cộng đồng như có cơ hội để nâng cao năng lực làm việc sinh sống; nâng cao chất lượng cuộc sống như sức khỏe, giáo dục và phúc lợi xã hội; đường xá giao thông cho người nghèo có thể dễ dàng đi làm ruộng hoặc đánh bắt cá; bảo tồn và nâng cao truyền thống văn hóa xã hội của cộng đồng, sự tự hào và tự tin của người dân địa phương đối với cộng đồng của họ.

Dân cư sở tại trong định nghĩa về du lịch của Michael Coltman là một thành phần cấu thành không thể thiếu trong hoạt động du lịch nói chung và trong phát triển du lịch cộng đồng nói riêng. Họ là những người sống lâu đời trên mảnh đất của họ, thông thạo địa hình thiên nhiên, người chủ của những

giá trị nhân văn, vì vậy họ xứng đáng được hưởng lợi ích từ việc phát triển du lịch trong cộng đồng của họ. Có thể nhận định, không có sự tham gia của dân cư sở tại, việc triển khai phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo sẽ không đạt kết quả.

Tóm lại, qua phân tích các lợi ích của phát triển du lịch đối với bốn thành phần tham gia vào hoạt động du lịch, có thể thấy muốn phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo cần phải đảm bảo cân bằng lợi ích của các thành phần tham gia hướng vào mục tiêu phát triển bền vững trong đó có xóa đói giảm nghèo thì mô hình phát triển du lịch mới thành công.

Sau đây là các bài học kinh nghiệm cụ thể từ các mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo để áp dụng cho Lào Cai.

1.3.3.1. Bài học về lựa chọn mô hình phát triển du lịch

Để khắc phục các hạn chế về nguồn lực, cơ sở hạ tầng nhất là vùng sâu vùng xa, cần nghiên cứu lựa chọn mô hình du lịch đòi hỏi ít nguồn lực nhưng lại phát huy được lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, sắc thái văn hoá bản địa của cộng đồng các dân tộc. Trong trường hợp này, để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, xin đề xuất lựa chọn mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.

Du lịch dựa vào cộng đồng là mô hình phát triển theo quan điểm phát triển của du lịch bền vững thông qua loại hình du lịch sinh thái. Trong mô hình này, cộng đồng dân cư là người cung cấp chính các sản phẩm dịch vụ cho khách du lịch, họ giữ vai trò chủ đạo phát triển và duy trì các dịch vụ. Các khu, điểm tổ chức phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là những khu vực đó có tài nguyên hoang dã còn nguyên vẹn đang bị tác động huỷ hoại cần được bảo tồn. Cộng đồng dân cư là người có trách nhiệm trực tiếp tham gia bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường nhằm hạn chế, giảm thiểu tác động bởi khách du lịch và khai thác của chính bản thân cộng đồng dân cư. Dựa vào

cộng đồng gồm các yếu tố giao quyền cho cộng đồng, cộng đồng được tham gia khuyến khích và đảm nhận các hoạt động du lịch và bảo tồn tài nguyên môi trường. Phát triển du lịch cộng đồng đồng nghĩa với đảm bảo sự công bằng trong việc chia sẻ nguồn thu nhập du lịch cho cộng đồng giữa các bên tham gia.

Qua nghiên cứu các mô hình phát triển du lịch cộng đồng của một số nước và một số địa bàn trong nước có thể thấy mô hình của một số nước đều được tiến hành trong khuôn khổ dự án, các dự án đều do các tổ chức phi chính phủ khởi xướng và giúp đỡ. Mỗi mô hình đều có Ban quản lý điều hành, phối hợp với cộng đồng thay mặt cho các bên tham gia. Hình thức tham gia của cộng đồng là cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho khách du lịch. Đối với các mô hình thí điểm tại Việt Nam, mô hình tại bản Sín Chải, Sapa do Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) và Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) khởi xướng với thành phần tham gia khác so với một số nước. Trong mô hình này, chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể có vai trò quan trọng trong định hướng phát triển du lịch thông qua cơ quan quản lý du lịch ở địa phương; các tổ chức đoàn thể có vai trò quan trọng trong việc vận động các thành viên cộng đồng tham gia phát triển du lịch. Mô hình này chịu tác động của các nhân tố tổ chức hỗ trợ và quản lý là chính quyền các cấp và các tổ chức phi chính phủ; nhân tố tác động là tài nguyên du lịch và khách du lịch; nhân tố tham gia cung cấp các sản phẩm và dịch vụ du lịch là cộng đồng dân cư bản địa.

1.3.3.2. Bài học về sự tham gia của cộng đồng dân cư

Cộng đồng thực hiện tham gia từ đầu các kế hoạch phát triển du lịch. Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững thì yếu tố cộng đồng dân cư được tham gia bàn bạc ngay từ đầu về các chủ trương, kế hoạch, cũng như trong quá trình triển khai, thực hiện các kế hoạch, chương trình. Các vấn đề bàn bạc

thảo luận cần được công khai dân chủ đặc biệt là cơ chế ăn chia các lợi ích đảm bảo công bằng, người tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ phải là người chứng kiến phân chia các lợi ích cho các bên tham gia.

Tăng quyền lực cho cộng đồng là thực hiện quyền kiểm soát, quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cộng đồng được giao trách nhiệm giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch từ chủ trương, triển khai các kế hoạch, từ việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng đến vấn đề bảo vệ, bảo tồn tài nguyên. Tăng quyền lực bao gồm tăng cường khả năng kiểm soát và khả năng tiếp cận của cộng đồng đối với vấn đề có liên quan đến phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Tăng quyền lực cho cộng đồng dân cư bao gồm các việc xây dựng nguồn nhân lực cho cộng đồng có đủ điều kiện và khả năng thực hiện, tiếp cận, cũng như đủ các yếu tố chuyên môn trong việc giám sát các vấn đề phát triển du lịch. Quyền lực của cộng đồng tại đây được thể hiện trên cơ sở pháp lý và cho phép của cộng đồng đối với mọi công việc từ việc tham gia kế hoạch phát triển đến việc tổ chức, quản lý, thực hiện và giám sát nhằm đạt được sự phát triển bền vững cả về kinh tế xã hội, tài nguyên và môi trường.

Đảm bảo tính hợp lý trong quá trình tham dự của cộng đồng. Bài học này được đề cập đến khi xem xét tại thực tiễn các điểm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng. Tính hợp lý ở đây không chỉ xem xét sao cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá tại địa phương tiến hành phát triển du lịch mà còn phải cả vấn đề môi trường, hệ sinh thái (cả tự nhiên và nhân văn).

1.3.3.3. Bài học về phân chia lợi ích từ hoạt động du lịch ở địa phương

Cộng đồng phải được chia sẻ lợi ích từ phát triển du lịch. Theo nguyên tắc này cộng đồng phải cùng được hưởng lợi như các thành phần khác tham gia vào hoạt động kinh doanh cung cấp các sản phẩm cho khách du lịch,

nguồn thu từ hoạt động du lịch được phân chia công bằng cho mọi thành viên tham gia hoạt động, đồng thời lợi ích đó cũng được trích để phát triển lợi ích chung cho xã hội như: tái đầu tư cho cộng đồng xây dựng đường sá, cầu cống, điện và chăm sóc sức khoẻ, giáo dục.

1.3.3.4. Bài học về chính sách, cơ chế

Về mặt chính sách, cơ chế: Muốn phát triển du lịch trước tiên phải có sự quan tâm của các ngành, các cấp từ trung ương tới địa phương, phải được thể chế hóa, cụ thể hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật và phải được hoàn thiện theo tình hình thực tế. Cần phải có các chính sách phát triển kinh tế xã hội phù hợp, trong đó xác định du lịch là một ngành đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế xã hội và góp phần xóa đói giảm nghèo đảm bảo an sinh xã hội.

Qua nghiên cứu mô hình du lịch dựa vào cộng đồng của một số nước trong khu vực và tại các địa phương trong nước có thể thấy cần phải có cơ chế chính sách tạo cơ hội để người dân có thể cung cấp được hàng hóa, dịch vụ du lịch. Đường lối, chính sách ở đây là hướng dẫn cho người dân sản xuất sản phẩm gì, sản xuất như thế nào cho phù hợp với lợi thế của từng địa phương để đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

Cần phải có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp du lịch, doanh nghiệp lữ hành tiêu thụ các sản phẩm do người dân địa phương làm ra. Làm được điều này có nghĩa là đã giúp được người dân tăng thêm thu nhập, có công ăn việc làm ổn định và tạo ra ý thức giữ gìn các truyền thống bản sắc của dân tộc mình. Đó là đóng góp của du lịch cho việc xóa đói giảm nghèo ở địa phương phát triển du lịch.

1.3.3.5. Bài học về phát triển mạng lưới kinh doanh du lịch ở địa phương

Qua kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng của các nước trong khu vực và một số địa phương trong nước cho thấy bài học về phát triển mạng lưới kinh doanh du lịch ở địa phương như sau:

- Các cơ quan quản lý chuyên ngành ở địa phương với chức năng nhiệm vụ không ngừng nâng cao công tác quản lý hướng dẫn, tổ chức thực hiện nhằm phối kết hợp khai thác tốt các điểm du lịch tại địa phương, giữ gìn bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc thu hút khách du lịch góp phần xây dựng kinh tế xã hội ở địa phương.

- Các cơ quan chính quyền địa phương với chức năng nhiệm vụ của mình giúp đỡ hướng dẫn các xóm bản tổ chức công việc đón tiếp ứng xử với khách; giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc như kiến trúc nhà ở, trang phục; giữ gìn bảo vệ môi trường vệ sinh; bảo đảm an ninh trật tự cho khách du lịch, nghiên cứu sưu tầm các truyền thống văn hoá dân tộc tiên tiến đưa vào phục vụ khách du lịch.

- Đối với các công ty lữ hành: Cần tham gia xây dựng tour, tuyến, chương trình du lịch, xây dựng ấn phẩm quảng bá tuyên truyền, tham gia hỗ trợ nhà dân hoàn thiện nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách.

- Luôn luôn xây dựng các sản phẩm du lịch mới, hấp dẫn: Xây dựng những sản phẩm du lịch với những yếu tố độc đáo sẽ thôi thúc du khách tìm đến nhằm thoả mãn nhu cầu, tránh được sự nhàm chán như tổ chức các lễ hội tại các bản, tái hiện các trò chơi dân gian, xây dựng các làng nghề truyền thống, tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ dân gian và lửa trại...

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ du lịch: Thực tế là tại các bản du lịch đội ngũ lao động hầu như chưa được đào tạo bài bản, chủ yếu là kinh doanh tự phát, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, kiến thức trong nghề ít, ngại va chạm, chủ yếu là nhiệt tình và hiếu khách. Chính vì thế muốn cho hoạt động du lịch ở các bản thành công thì phải đầu tư cho con người, đó là

đầu tư mang tính chiến lược. Đào tạo từ những người làm công tác quản lý tại các tuyến điểm và những cư dân tham gia hoạt động kinh doanh du lịch để áp dụng một cách khoa học, linh hoạt, sáng tạo công nghệ đón tiếp và phục vụ khách du lịch.

- Ngành du lịch chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp ở địa phương tập trung đầu tư hạ tầng cho bản du lịch, hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho người dân nhưng phải đảm bảo các yếu tố giữ gìn cảnh quan môi trường, phong tục tập quán, truyền thống văn hoá.

- Tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá, giới thiệu rộng rãi loại hình du lịch dựa vào cộng đồng đến du khách gần xa, đặc biệt là khách quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua các liên hoan, hội chợ du lịch trong nước và quốc tế nhằm thu hút các hãng lữ hành tổ chức các tour du lịch đưa khách đến.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

1. Trong chương 1, luận án đã nghiên cứu các khái niệm cơ bản về du lịch và xóa đói giảm nghèo bao gồm: du lịch và các tác động của phát triển du lịch; đói nghèo và các tác động của phát triển du lịch đối với xóa đói giảm nghèo. Luận án căn cứ vào định nghĩa của Michael Coltman làm cơ sở cho việc nghiên cứu các tác động và điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

2. Từ định nghĩa về du lịch luận án phân tích các cách tiếp cận về phát triển du lịch, đó là phát triển du lịch bền vững, du lịch sinh thái và phát triển du lịch dựa vào cộng đồng. Mối quan hệ như sau: du lịch bền vững là quan điểm và xu hướng phát triển du lịch, du lịch sinh thái vừa là loại hình du lịch vừa là nguyên tắc để phát triển du lịch bền vững, du lịch dựa vào cộng đồng là mô hình phát triển theo quan điểm, xu hướng của du lịch bền vững thông qua loại hình du lịch sinh thái.

3. Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo cần phải đạt được yêu cầu giảm thiểu những tác động tiêu cực, nâng cao được những tác động tích cực của du lịch đối với cộng đồng địa phương nói riêng và cả quốc gia nói chung. Tăng trưởng du lịch sẽ đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội; tăng thu nhập tạo ra lợi ích cho người nghèo; giải quyết việc làm, cải thiện cuộc sống cho cư dân địa phương; nâng cao dân trí, thể lực và ý thức tự thoát nghèo của cư dân bản địa.

4. Các điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo bao gồm: điều kiện tiên quyết là sự hỗ trợ từ các tổ chức của chính phủ và phi chính phủ; các điều kiện cần bao gồm điều kiện về tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn; các điều kiện đủ bao gồm điều kiện về cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng du lịch; năng lực tổ chức thực hiện cung cấp các dịch vụ phục vụ khách du lịch và sự hỗ trợ của cộng đồng cư dân địa phương.

5. Luận án đã nghiên cứu thực tế các mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo một số nước và tại một số địa phương trong nước, nhằm mục đích đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn vấn đề phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam trên một địa bàn cụ thể. Từ các nghiên cứu, rút ra các bài học kinh nghiệm để vận dụng cho Lào Cai bao gồm: bài học về lựa chọn loại hình du lịch; bài học về sự tham gia của cộng đồng dân cư; bài học về phân chia lợi ích; bài học về chính sách, cơ chế; bài học về phát triển mạng lưới kinh doanh du lịch ở địa phương.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở LÀO CAI

2.1. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA LÀO CAI

2.1.1. Vị trí của du lịch Lào Cai trong chiến lược phát triển du lịch cả nước và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới, được thành lập lại từ tháng 10 năm 1991, phía Bắc giáp với Trung Quốc, phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Tây giáp tỉnh Lai Châu và phía Đông giáp tỉnh Hà Giang.

Tổng diện tích tự nhiên của Lào Cai là 8.049,54 km²; chiếm 2,4% tổng diện tích tự nhiên cả nước. Dân số toàn tỉnh là 600.000 người chiếm 0,78% tổng dân số cả nước.

Lào Cai nằm ở vị trí thuận lợi của tổ quốc, có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt khá thuận lợi. Hệ thống đường nội tỉnh khá phát triển với đường ô tô có thể đi hầu hết các xã. Lào Cai cũng có tiềm năng phát triển giao thông đường thủy với các sông Hồng, sông Chảy, có cửa khẩu quốc tế thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế và thu hút vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư nước ngoài.

Lào Cai cũng là tỉnh giàu tiềm năng tự nhiên và nhân văn. Địa hình và khí hậu của Lào Cai đã tạo ra những phong cảnh kỳ vĩ, trong đó phải kể đến khu du lịch Sapa và đỉnh Fan Si Păng - mái nhà của đất nước. Lào Cai có truyền thống lịch sử lâu đời và là nơi tập trung của 27 dân tộc khác nhau, chiếm đến 65% tổng số dân của tỉnh và có một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc.

Với vị trí địa lý thuận lợi, với nguồn tiềm năng đa dạng và phong phú, Lào Cai có điều kiện để phát triển một nền kinh tế tổng hợp nhiều thành phần, trong đó du lịch là một ngành kinh tế có triển vọng phát triển lớn và hứa hẹn giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh.

Việc phát triển du lịch Lào Cai là phù hợp với trào lưu của du lịch thế giới, với chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, trong đó Lào Cai được xác định là một điểm du lịch quan trọng trong hệ thống các tuyến điểm du lịch của quốc gia, cần được ưu tiên đầu tư phát triển. Đặc biệt trong tỉnh có khu du lịch Sapa được ngành du lịch xác định là 1 trong 16 điểm du lịch được ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đến năm 2005.

2.1.1.1. Vị trí của du lịch Lào Cai trong chiến lược phát triển du lịch của cả nước

Trong điều kiện hiện nay, khi Việt Nam đang thực hiện chính sách mở cửa với phương châm làm bạn với tất cả các nước, thì Lào Cai có điều kiện để phát triển các ngành kinh tế, nhất là kinh tế thương mại và dịch vụ du lịch. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 - 2010 được xác định Lào Cai nằm trong không gian Tiểu vùng du lịch miền núi Tây Bắc. Vị trí của Lào Cai trong phát triển du lịch của ngành du lịch nói chung, Tiểu vùng du lịch miền núi Tây Bắc nói riêng ngày càng được nâng cao bởi nguồn tài nguyên du lịch đặc trưng và xu thế phát triển du lịch sinh thái, văn hoá và mạo hiểm. Đến Lào Cai du khách có thể đi thăm các điểm du lịch đặc sắc về sinh thái, lịch sử, văn hoá, du nghỉ dưỡng. Từ Lào Cai du khách cũng có thể đi thăm Hà Nội, từ đó nối tour đi thăm các điểm du lịch khác trong vùng và cả nước. Thu hút khách du lịch Trung Quốc và khách du lịch nước thứ 3 vào Trung Quốc đi tiếp vào du lịch nội địa Việt Nam.

2.1.1.2. Vị trí của du lịch Lào Cai trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Từ khi Nhà nước thực hiện chính sách mở cửa, nền kinh tế của Lào Cai đã có sự phát triển nhanh chóng, đặc biệt là phát triển công nghiệp và dịch vụ. Theo số liệu của Cục thống kê Lào Cai, tốc độ tăng trưởng trung bình của tổng giá trị sản phẩm trong tỉnh (GDP tính theo giá so sánh 1994) năm 2007 đạt 14%/năm, trong đó ngành Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản tăng 5,8%/năm; ngành Công nghiệp, Xây dựng tăng 24,5%/năm, ngành dịch vụ tăng 12,4%/năm; năm 2008 GDP đạt 12% trong đó ngành Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản tăng 4,6%/năm; ngành Công nghiệp, Xây dựng tăng 20%/năm, ngành dịch vụ tăng 11,8%/năm. Riêng ngành du lịch khách sạn mặc dù mới phát triển, quy mô còn nhỏ nhưng đã đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, tỷ trọng GDP du lịch/GDP của tỉnh năm 2007 đạt 0,8%, năm 2008 ước đạt 1,1%.

Với sự đầu tư xây dựng các khu du lịch, dịch vụ được tăng cường và đa dạng hoá các sản phẩm du lịch, Lào Cai sẽ thu hút được nhiều hơn nữa khách du lịch trong và ngoài nước. Từ đó sẽ cải thiện tình hình phát triển và tăng doanh thu của ngành, đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

2.1.2. Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh Lào Cai

2.1.2.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên *du lịch* thiên nhiên

Về vị trí địa lý: Lào Cai có tọa độ địa lý: 103,5⁰ - 104,5⁰ kinh độ Đông và 21,6⁰ - 22,8⁰ vĩ độ Bắc, là một tỉnh miền núi Tây Bắc, địa đầu của đất nước, có diện tích tự nhiên khoảng 8.049 km². Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với 203 km đường biên giới, phía Tây giáp Lai Châu, phía Đông giáp tỉnh Hà Giang, phía Nam giáp tỉnh Yên Bái và Sơn La.

Lào Cai là 1 trong 6 tỉnh có biên giới chung với Trung Quốc, có cửa khẩu quốc tế nên có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng về mặt an ninh quốc phòng, thuận lợi cho mở cửa giao lưu, phát triển kinh tế **và phát triển du lịch**.

Về mặt địa lý tự nhiên, sông Hồng là ranh giới tự nhiên giữa 2 vùng Đông Bắc và Tây Bắc của miền núi và trung du phía Bắc. Về mặt hành chính và kinh tế xã hội thì lãnh thổ của Lào Cai thuộc cả 2 vùng này, trong đó các huyện Bát Xát, Sapa, Than Uyên, Văn Bàn, thị trấn Cam Đường thuộc phía Tây. Các huyện Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Yên thuộc phía Đông. Huyện Bảo Thắng và thị xã Lào Cai nằm trong cả hai khu vực Đông và Tây. Vì vậy, điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội của Lào Cai mang những nét đặc trưng của cả hai khu vực.

Đặc điểm địa hình: Lào Cai là một tỉnh miền núi phía Bắc của đất nước, thuộc địa bàn núi cao nhất Việt Nam, địa hình bị chia cắt mạnh mẽ, điều này liên quan chặt chẽ với đặc tính của các nhóm đá cấu tạo chủ chốt ở đây: nhóm đá Granit, đá Phiến và Sa thạch. Tuy nhiên địa hình cũng phân hoá thành 2 vùng khác nhau.

Vùng núi cao với độ cao từ 700m trở lên. Được hình thành từ những dãy núi, khối núi lớn, trong đó có 2 dãy núi chính là Hoàng Liên Sơn và dãy Con Voi chạy song song với nhau theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Ở phía tả ngạn sông Hồng là dãy núi Con Voi - dãy núi già nhất Việt Nam và các khối sơn nguyên phân bậc rõ ràng. Ở phía hữu ngạn sông Hồng là dãy Hoàng Liên Sơn đồ sộ có nhiều đỉnh cao trong đó có đỉnh Fan Si Păng (3.143m), Ta Yang Pinh (3.069m), Pu Luông (2.983m), Sa phin (2.897m). Địa hình vùng này thuộc khối nâng kiến tạo mạnh, có độ chia cắt sâu lớn và chia cắt ngang khá mạnh (từ cấp 1,5km/km² đến 2,5km/km²). Độ dốc địa hình chủ yếu từ 15⁰ - 20⁰ (khá lớn). Cấu tạo địa chất chủ yếu bằng đá kết tinh cổ hay đá Macma, Granit, Riolit, Pofirit. Đỉnh núi nhọn, sông núi rõ, sắc, sườn dốc, xẻ những khe sâu, quá trình xâm thực - bóc mòn mạnh.

Vùng địa hình thấp chủ yếu là các thung lũng dọc sông, suối lớn và các kiểu địa hình máng trũng có bề mặt dạng đồi, các bồn địa chân núi Hoàng

Liên Sơn như Than Uyên. Bên cạnh thung lũng lớn dọc sông và các thung lũng nhỏ hẹp bị bao bọc bởi các sơn nguyên, dãy núi.

Địa hình núi cao, chia cắt mạnh, độ dốc lớn ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng phát triển kinh tế - xã hội nhất là nông nghiệp, khai thác khoáng sản, xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng của Lào Cai song đối với du lịch nói lại đưa lại những giá trị nhất định, **tạo nên tiềm năng du lịch tự nhiên như những vách núi đá, đỉnh núi hiểm trở thuận lợi cho du lịch thể thao leo núi, chinh phục các đỉnh núi cao, những hang động, thung lũng đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu của du khách và trên nền địa hình ấy là thảm thực vật tự nhiên phong phú - đối tượng của hoạt động du lịch sinh thái.**

Về khí hậu: Lào Cai có khí hậu thuộc đới khí hậu gió mùa chí tuyến, đới gió mùa đông lạnh và khô. Do đặc điểm địa hình đồi núi và nhất là sự thay đổi độ cao đã tạo nên tính phức tạp và những vùng khí hậu khác nhau. Nhìn chung khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Mùa khô bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Còn mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9 hàng năm.

Bảng 2.1 Điều kiện khí hậu tại một số địa điểm trên lãnh thổ Lào Cai

Địa điểm	Nhiệt độ TB năm	Lượng mưa TB năm	Độ ẩm TB năm	Số ngày mưa TB năm
TP Lào Cai (112m)	22,8	1792	85	151
Bắc Hà (972m)	18,3	1791	87	199
Sa Pa (1.500m)	15,3	1400		

Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai

Hàng năm lãnh thổ Lào Cai nhận được một lượng bức xạ mặt trời khó phong phú với tổng cân cân bức xạ khoảng 85 - 86kcal/cm² - năm, mang lại một chế độ nhiệt và ánh sáng dồi dào. Tuy nhiên do đặc điểm địa hình nên

ảnh hưởng của bức xạ đến sự phân hoá nhiệt độ không nhiều. Ở vùng núi cao, nhiệt độ trung bình từ 15⁰C đến 20⁰C, lượng mưa trung bình từ 1.800 đến 2000mm/năm, ở vùng thấp, nhiệt độ trung bình 23⁰C đến 25⁰C, lượng mưa bình quân khoảng 1.400 - 1.700mm/năm. Nhiệt độ tối cao quan sát được ở Sapa (1.500m) chỉ lên tới 33⁰C và nhiệt độ tối thấp là - 2⁰C.

Bảng 2.2 So sánh đặc trưng khí hậu Lào Cai với các chỉ tiêu nhiệt đới

Yếu tố	Nhiệt đới tiêu chuẩn	TP Lào Cai	Bắc Hà - M. Khương	Sapa
Tổng nhiệt độ năm (°C)	7.500	8.350	6.250 – 6.940	5.240
Nhiệt độ tháng lạnh nhất (°C)	15	16	11-13	9,3
Nhiệt độ tối thấp (°C)	5	6	1,6-3,8	0,1
Số ngày có sương muối trong năm	2	1	0-2,8	7
Biên độ dao động nhiệt năm (°C)	6-12	11,2	11,8	10,6
Chỉ số khô hạn	1,1	0,3	0,6	0,3
Lượng mưa năm (mm)	800-1800	1725	1600-1820	2762

Nguồn: Nguyễn Hạnh - Chủ giải bản đồ thổ nhưỡng tỉnh Lào Cai

Nhìn chung Lào Cai có nhiều tiểu vùng khí hậu tốt, nhất là từ những vùng có độ cao từ 1.000m trở lên, thời tiết mát mẻ trong mùa hè (đặc biệt là ở Sapa, Bắc Hà), mùa đông ít lạnh hơn so với những nơi cùng vĩ độ ở sườn Đông dãy Hoàng Liên Sơn (khoảng 2⁰C) do vậy rất thích hợp cho du lịch nghỉ dưỡng, phục hồi sức khoẻ.

Dãy núi Hoàng Liên Sơn chạy dài chia đôi lãnh thổ và là một bức chắn ngăn ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc đối với sườn Tây và ở đây quy luật đai cao thể hiện rõ hơn bất cứ nơi nào. Ở đây ta gặp những thời tiết đặc biệt như trên đỉnh Hoàng Liên Sơn có tuyết rơi, từ đai cao 400m - 900m hiện

tượng sương muối và mưa đá xảy ra khá thường xuyên, các loại gió địa phương như gió Than Uyên với tốc độ cực mạnh tới 35m/s hay gió "Ô Quy Hồ" với đặc trưng rất khô, thổi theo từng đợt, có thể làm nhiệt độ tăng lên một cách bất thường (6 - 7⁰C) còn độ ẩm không khí lại giảm đột ngột (chỉ còn dưới 30%). **Những hiện tượng thời tiết này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh tế, sinh thái và sức khỏe của người dân. Đối với hoạt động du lịch, với khí hậu đặc thù như trên cần được chú ý trong quy hoạch, tổ chức hoạt động du lịch để đảm bảo phát huy được những điểm mạnh của thiên nhiên như thời tiết mát mẻ vào mùa hè, ấm áp vào mùa đông của Sa Pa, Bắc Hà; đồng thời giảm thiểu được những tác động xấu của khí hậu đến khách du lịch.**

Thủy văn: Đặc điểm địa hình và khí hậu đã tạo cho Lào Cai hệ thống sông suối khá dày đặc và lượng nước chảy phong phú. Trên địa bàn tỉnh có hai con sông suối bắt nguồn từ vùng núi cao của tỉnh đổ vào hai con sông này. Địa hình cao, độ chia cắt lớn, lượng mưa phong phú là những yếu tố tạo cho dòng chảy ở đây khá phát triển, nhưng nhìn chung các sông suối ở đây thường có lòng dốc, thung lũng hẹp, nước chảy xiết, hoạt động xâm thực, bào mòn mạnh. Các con sông có thủy chế phân mùa rõ rệt: mùa lũ thường từ tháng 6 đến tháng 9 (lũ lớn vào các tháng 7,8). Mùa lũ, nước sông chảy xiết, lưu tốc lớn đe dọa nghiêm trọng đến khu vực xung quanh.

Sông Hồng là con sông chính chảy qua tỉnh, lưu lượng nước bình quân tại Lào Cai: 526m³/s, tương đương với tổng lượng dòng chảy khoảng 16 tỷ m³/năm, độ đục bình quân lớn: 2.730g/m³. Ngoài vai trò trong phát triển kinh tế, sông Hồng còn có vai trò to lớn trong quá trình giao lưu giữa Lào Cai với các vùng trong và ngoài nước.

Sông Chảy là con sông lớn thứ hai chảy qua địa bàn tỉnh, từ Pha Luông - Mường Khương qua cao nguyên Bắc Hà, tới Phố Ràng. Thung lũng sông Chảy tương đối hẹp và dòng chảy khá xiết.

Ngoài ra còn nhiều con sông khác cũng có giá trị cho phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá **và góp phần thuận lợi cho phát triển du lịch** của Lào Cai như sông Nậm Nhi, sông Ngòi Đum và rất nhiều con suối nhỏ như: suối Mường Hoa, suối Tiên.

Sinh vật: Ở Lào Cai, theo độ cao khác nhau ta có thể gặp các kiểu rừng: rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới với các loại cây lá rộng xanh quanh năm và các loại dây leo, bụi rậm chằng chịt. Lên cao hơn (400 - 500m trở lên) là rừng hỗn hợp cây lá rộng, lá kim ẩm á nhiệt đới núi cao với đặc điểm là rừng thưa, ít rậm rạp hơn thỉnh thoảng có cây lá rộng xem kẽ. Từ độ cao 900m trở lên là rừng kín thường xanh ẩm á nhiệt đới với đặc điểm rừng thưa, ít tầng, hệ thực vật lá kim phát triển. Từ độ 2.500m trở lên hầu như không còn cây cối nhiều, chỉ có lác đác Trúc núi (Trúc lùn) và gió bụi thổi.

Rừng ở Lào Cai có nhiều loại gỗ quý như Dẻ, De, Pơ mu, Đỗ Quyên. Trong đó có 6 loài thực vật quý hiếm đối với nước ta và thế giới là Bách xanh, Thiết sam, Thông tre, Thông đỏ, Bách tùng và Dẻ tùng. Trong rừng còn nhiều loại dược quý hiếm như: Đỗ trọng, Thảo quả, Tô mộc, Sa nhân, Bạc hà, Tam thất và nhiều loại thú như Sơn dương, Cheo, Nai, Hoẵng. Theo thống kê, Lào Cai có một số loài động vật đặc hữu như Gà lôi tía (ở độ cao 2000 - 3000m), Khướu đuôi đỏ, trèo cây trán đen, Rắn lục sừng (Fan Si Păng). Đây **là nguồn giá trị lớn cho phát triển du lịch nhất là du lịch sinh thái, tham quan, nghiên cứu khoa học.**

Theo số liệu điều tra độ che phủ rừng ở các tỉnh miền núi phía Bắc năm 1993, Lào Cai có 158,1 ha diện tích đất có rừng, độ che phủ đạt khoảng 19,6% và nếu so sánh với các tỉnh lân cận như Hà Giang (26,5%), Tuyên Quang (33,7%), Yên Bái (21,1%), Lào Cai (22,6%) thì độ che phủ rừng ở Lào Cai còn thấp.

Trong quá trình khai thác lãnh thổ, phát triển kinh tế những năm trước, do công tác quản lý, kiểm soát còn hạn chế nên nhiều khu rừng đã bị tàn phá mạnh, diện tích đất rừng giảm sút, thay vào đó là cây bụi, dây leo, đồng thời các loài thú hoang dã cũng giảm sút nhanh cả về số loài và số lượng làm mất cân bằng sinh thái cho lãnh thổ và gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống.

Tài nguyên du lịch tự nhiên: **Đặc điểm điều kiện tự nhiên đã tạo cho Lào Cai một tiềm năng du lịch thiên nhiên vô cùng phong phú, tạo điều kiện thuận lợi phát triển nhiều loại hình du lịch, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, du lịch thể thao leo núi. Lào Cai nổi tiếng với Sapa, Bắc Hà, Fan Si Păng.**

Sapa là điểm du lịch núi nổi tiếng không chỉ của riêng Lào Cai mà còn của cả Việt Nam. Điều kiện tự nhiên đa đưa lại cho Sa Pa tiềm năng lớn cho phát triển du lịch. Núi non trùng điệp, khí hậu mát mẻ quanh năm, nhiệt độ trung bình từ 15-20 độ C. Theo chỉ tiêu đánh giá sinh khí hậu của các học giả Ấn Độ thì Sa Pa là nơi có điều kiện khí hậu rất thích hợp cho sức khoẻ của con người, thuận lợi cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng, tham quan du lịch. Đến Sa Pa, du khách có thể ngắm nhìn hay leo lên đỉnh núi Fan Si Păng - đỉnh núi cao nhất Đông Dương, tham quan Thác Bạc - thượng nguồn chính của con suối Mường Hoa, Cầu Mây - cầu treo bắc qua con suối Mường Hoa, bãi đá cổ hay leo núi Hàm Rồng thưởng thức vẻ đẹp của đủ loại Phong lan, Đỗ Quyên, tham gia các sinh hoạt văn hoá dân gian với những điệu múa khèn, đàn môi của đồng bào dân tộc.

Cao nguyên đá vôi Bắc Hà: cũng giống như Sa Pa, Bắc Hà có khí hậu quanh năm mát mẻ và là một vùng mạn Tam Hoa khổng lồ, về mùa xuân Bắc Hà như một cao nguyên trắng của sương và hoa mạn. Ở đây có nhiều cảnh đẹp đáng chú ý như động Tàng Lùng Phìn, hang Tiên, dinh Hoàng A Tưởng

được xây dựng cách đây gần một thế kỷ. Nhưng có thể nói điểm nổi bật của du lịch Bắc Hà là phiên chợ văn hoá vùng cao diễn ra vào chủ nhật hàng tuần, rất đông vui và nhộn nhịp và có sự hấp dẫn đặc biệt với khách du lịch từ phương xa tới, du khách được thưởng thức văn hoá ẩm thực rất đặc trưng của vùng cao là rượu Bắc Hà và Thắng Cồ.

**Bảng 2.3: Mức độ thích nghi của con người
đối với một số chỉ tiêu khí hậu**

Ý nghĩa	Nhiệt độ TB năm (⁰ C)	Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất (⁰ C)	Biên độ năm của nhiệt độ TB (⁰ C)	Lượng mưa năm (mm)
Thích nghi	18-24	24-27	<6	1250-1900
Khác thích nghi	24-27	27-29	6-8	1900-2550
Nóng	27-29	29-32	8-14	>2550
Rất nóng	29-32	32-35	14-19	<1250
Không thích nghi	>32	>35	>19	<650
Sapa	15,3	19,9	5	1400

Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai

Địa hình núi đã đưa lại cho Lào Cai nhiều hang động đẹp có giá trị cho phát triển du lịch trong đó điển hình là Động Mường Vi - còn gọi là Động Thủy Tiên, là một quần thể hang động lớn thuộc xã Mường Vi - huyện Bát Xát, có quy mô vào loại lớn ở miền Bắc Việt Nam. Mường Vi bao gồm 4 động chính là Ná Rin, Cám Rang, Cám Rúm (động gió) và Cám Tắm. Trong động có nhiều nhũ đá, cột đá tạo nên những hình thù kỳ thú và khi gõ vào có thể tạo nên những âm thanh như tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng đàn. Quần thể hang động Mường Vi không chỉ đẹp mà nó còn chứa đựng nhiều giá trị văn hoá dân gian và đã được Bộ văn hoá thông tin công nhận là di tích thắng cảnh quốc gia.

Ngoài ra còn nhiều hang động khác như động Tả Phời (Cam Đường), động Hàm Rồng (Mường Khương), Hang Tiên (Bắc Hà) có thể đưa vào khai thác phục vụ loại hình du lịch sinh thái, tham quan các hang động.

Địa hình dốc, chia cắt, đã tạo nên đặc điểm sông suối nhiều thác, ghềnh tạo nên cảnh đẹp hấp dẫn du khách thăm quan, tắm mát như Thác Bạc, Thác Sam Ca, Huy Ly, Phai Na.

Nước khoáng Tắcô: Làm mạch nước ngầm trong vắt, nằm ở địa phận Mường Tiên. Nước ngọt và mát có tác dụng giải khát và chữa bệnh, rất có giá trị trong phục vụ khách du lịch Lào Cai.

Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn với diện tích khoảng 29.845 ha là khu dự trữ tự nhiên lớn của Việt Nam, nơi đây có khoảng hơn 700 loài thực vật khác nhau, dưới chân núi là những gốc Gạo, gốc Mít, cây Cơi với mật độ khá dày tạo nên những địa danh như Cốc Lều, Cốc San. Lên độ cao 700m là vành đai nhiệt đới có những vạt rừng nguyên sinh rậm rạp, dây leo chằng chịt. Từ 700m trở lên là tầng cây hạt trần như Pơ mu, có những cây to ba bốn người ôm không xuể, cao 50 - 60m tuổi tới vài trăm năm. Bên cạnh đó còn có nhiều loài quý hiếm khác như thiết sam, liễu sam, kim san, thông đỏ, hoàng đàn. Xen lẫn với rừng lá kim là các loại gỗ hoa đỗ quyên, phong lan, hoàng anh rục rỡ. Riêng hoa đỗ quyên có tới bốn chi với hai chục loài khác nhau, còn về phong lan thì cả nước có 643 loài riêng khu bảo tồn Hoàng Liên Sơn đã có tới hơn 330 loài. **Đây thực sự là tiềm năng lớn cho du lịch sinh thái của Lào Cai.**

2.1.2.2. Đặc điểm dân cư, kinh tế - xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn

Dân cư, dân tộc:

Tính đến thời điểm điều tra dân số toàn quốc lần thứ 2 (01/4/1999), Lào Cai có 594.637 người (chỉ bằng khoảng gần 0,8% so với dân số cả nước).

Hệ thống tổ chức hành chính của Lào Cai bao gồm: Thành phố Lào Cai 8 huyện (Sapa, Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà, Bảo Yên, Bảo Thắng, Si Mai Cai, Văn Bàn) với tổng số 180 đơn vị phường, xã và thị trấn trong đó có rất nhiều xã vùng cao kinh tế khó khăn.

Lào Cai là vùng đất có nhiều dân tộc người cùng sinh sống, đó là dân tộc Kinh, Mường, Dao, H'Mông, Nùng, Giáy, Tày, Phù Lá, La Ha, Hà Nhì, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa. Trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tới 65% dân số toàn tỉnh, người Việt (Kinh) chỉ chiếm 35%. Lào Cai là nơi có mặt các cư dân của 3 (trên tổng số 4) ngữ hệ lớn nhất Việt Nam. Đó là các ngữ hệ Nam Á với tộc người Việt, Mường, Kháng, H'mông, Dao, La Chi, Ngữ hệ Hán - Tạng với các tộc người: Hoa, Hà Nhì, Phù Lá. Ngữ hệ Thái với tộc người Tày, Nùng, Giáy, Lự, Lào, Bô Y.

Mỗi dân tộc có một tập quán sinh hoạt riêng tạo nên sự phong phú đa dạng của văn hoá Lào Cai, được thể hiện qua cấu trúc nhà ở, trang phục, nghệ thuật ca múa nhạc, văn hoá dân gian, tín ngưỡng.

Người Việt, người Hoa, người H'mông sống trong những ngôi nhà nền đất, dân tộc Dao sống trong những kiểu nhà nửa sàn nửa đất. Người Tày, Thái, Kháng, La Ha lại sống theo kiểu nhà sàn. Trong mỗi loại nhà lại còn phân ra những kiểu dáng khác nhau ví dụ như đối với nhà sàn thì nhà sàn của người Tày có kiến trúc mái gần như hình vuông nhưng người Thái Đen ở Than Uyên lại có kiến trúc nhà sàn mái tròn.

Mỗi tộc người ở Lào Cai có một kiểu trang phục riêng với những nét hoa văn độc đáo tạo nên một Lào Cai rực rỡ sắc màu. Mỗi phiên chợ vùng cao Lào Cai là nơi gặp gỡ, hội tụ của nhiều kiểu trang phục truyền thống đẹp và duyên dáng.

Tính đa dạng và phong phú của văn hoá Lào Cai còn được thể hiện rõ nét ở văn học, nghệ thuật dân gian với hàng chục điệu múa khác nhau như

xoè vòng, xoè chiêng, múa kiếm, múa sạp, múa chuông, múa trống, múa gà và nhiều loại nhạc cụ đặc sắc như đàn Hót-tơ của dân tộc Hà Nhi, đàn tròn của dân tộc Nùng, đàn Thà trình của người H'mông, Tính tẩu của người Tày, người Thái, Cặm Rung của người Khơ mú, Kháng, khèn của người Mông, Thái.

Trong văn học dân gian, mỗi dân tộc có đầy đủ hệ thống, các loại hình từ thần thoại, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn đến tục ngữ, câu đối, dân ca sinh ra từ cuộc sống lao động, nếp sống sinh hoạt và tín ngưỡng của tất cả các dân tộc.

Trong tôn giáo, tín ngưỡng bản địa (thờ cúng tổ tiên, thần bản mệnh) chiếm vị trí quan trọng, một số tôn giáo mới du nhập chiếm tỷ lệ ít và không phát triển. Các tín ngưỡng dân gian chịu ảnh hưởng của tam giáo. Sự đan xen giữa tam giáo với tín ngưỡng dân gian đã tạo diện mạo mới trong đời sống tinh thần của các dân tộc ở Lào Cai.

Điều kiện kinh tế - xã hội:

Tình hình kinh tế Lào Cai trong thời gian qua có mức tăng trưởng khá (11 - 13%) nhưng chưa ổn định, do điểm xuất phát thấp, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, chưa đồng bộ.

Cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu của sản xuất nhưng mới chỉ tập trung ở các vùng thấp còn ở các vùng xa, vùng sâu, vùng cao còn rất khó khăn. Hiện nay 10/10 huyện, thị xã, 57 xã phường đã có lưới điện quốc gia, tỷ lệ số hộ được dùng điện lưới quốc gia chiếm 47% tổng số hộ. Ở các xã vùng cao nhân dân dùng máy thủy điện nhỏ phục vụ sinh hoạt. Các vấn đề y tế, văn hoá giáo dục cũng được đầu tư phát triển nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo thuận lợi cho phát triển du lịch.

*Tài nguyên **du lịch** nhân văn:*

Tài nguyên nhân văn để phát triển du lịch là những giá trị văn hoá vật chất cũng như tinh thần do bàn tay và khối óc của người dân Lào Cai sáng tạo trong cuộc sống. Các tài nguyên này bao gồm những di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc nghệ thuật, những sản phẩm thủ công và các nghề thủ công truyền thống, những giá trị văn hoá phi vật thể như văn nghệ dân gian, lễ hội, ẩm thực thể hiện bản sắc văn hoá của Lào Cai, là lực thu hút khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế nghiên cứu, tham quan, tìm hiểu.

Di tích văn hoá - lịch sử:

Lịch sử hình thành và phát triển đã tạo ra cho Lào Cai tiềm năng về các di tích lịch sử - văn hoá phong phú có giá trị cho nghiên cứu khoa học, lịch sử, văn hoá và phát triển du lịch.

Di tích lịch sử:

Đền Bảo Hà: Thờ ông Hoàng Bảy, một anh hùng miền sơn cước đánh giặc phương Bắc bảo vệ bản làng đã hiển thánh được thờ ở điện thờ đạo mẫu Việt Nam. Đền Bảo Hà xây dựng vào thế kỷ 17, được triều đình nhà Lê phong tặng "Trần an hiển liệt". Hàng năm cứ mỗi mùa xuân đến và ngày lễ thờ ông Hoàng Bảy (17/7 âm lịch), hàng vạn người dân từ trong Nam ngoài Bắc đều đến đền kính cẩn thắp nén nhang tưởng nhớ người anh hùng huyền thoại.

Đền Mẫu: Xây dựng từ đầu thế kỷ 18 thuộc địa phận làng Lão Nhai (nay là thành phố Lào Cai) ngay ngã ba sông Hồng và sông Nậm Nhi. Đây là công trình thể hiện tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt sống ở vùng biên cương của Tổ quốc.

Đền Thượng: Cách đền Mẫu khoảng 300m, là một ngôi đền cổ nằm trong một khuôn viên rộng hàng chục ha. Đền thờ Trần Hưng Đạo, biểu tượng văn hoá là nơi thờ cha. Đền được xây từ đầu thế kỷ 19 và đã được trùng tu nhiều lần. Khách trong và ngoài nước đều rất thích đến ngắm cảnh chùa mỗi khi đi du lịch Lào Cai.

Di tích lịch sử thành cổ được xây dựng từ rất lâu, sử sách ghi lại không rõ. Năm 1872 sau khi đánh đuổi giặc Cờ vàng khỏi Lào Cai, thủ lĩnh cờ đen Lưu Vĩnh Phúc đã tu sửa, qua nhiều lần bị chiến tranh tàn phá hiện vẫn còn những dấu vết lưu lại sau đền Mẫu, dọc sông Hồng.

Bên cạnh đó Lào Cai còn nhiều những di tích lịch sử mang tính cách mạng như di tích đồn Phó Ràng, pháo đài cổ. Pháo đài cổ được người Pháp khởi công xây dựng, sau đó người Nhật mở rộng với hệ thống hầm ngầm sâu trong lòng núi, nhiều hang ngách chằng chịt chứa những điều bí ẩn chưa được khám phá.

Di tích khảo cổ: Lào Cai là tỉnh có khá nhiều di tích khảo cổ quan trọng. Cho đến nay, Lào Cai đã phát hiện được trên 17 di tích văn hoá Đông Sơn. Các di tích này tập trung ở lưu vực sông Hồng tại các huyện Bát Xát, Cam Đường, Mường Khương, Bảo Thắng và thị xã Lào Cai. Những di tích phát hiện được phần lớn đều là mộ táng, trong đó di vật Đồng thau rất phong phú, mang đặc trưng của Đông Sơn miền núi, bao gồm công cụ sản xuất (lưới cày, lưới cuốc, rìu, thuổng), đồ dùng sinh hoạt (thạp đồng, bình âu, bát đĩa), vũ khí (giáo, dao găm, chông) và nhiều loại nhạc khí như chuông voi và đặc biệt là trống đồng các loại, một hiện vật tiêu biểu của nền văn hoá Đông Sơn.

Bãi đá cổ Sapa là một khu di tích khảo cổ quan trọng có giá trị văn hoá lịch sử lớn. Khu di tích này đã được các nhà khảo cổ chứng minh nó đã có từ lâu đời và là một di sản của người Việt cổ. Di tích bãi đá cổ rộng khoảng 8km², bao gồm những tảng đá với nhiều lớp chạm khắc cổ nằm trong thung lũng Mường Hoa, rải rác xen giữa những thửa ruộng bậc thang của đồng bào các dân tộc thiểu số ở đây. Các lớp chạm khắc trên đá bao gồm nhiều loại hình khác nhau như tranh vẽ tả thực, hoa văn trang trí, trong đó đáng chú ý nhất là các hình vẽ người, nhà sàn và các dấu hiệu có thể là một hình thức phôi thai của chữ viết đến nay vẫn chưa giải mã được. Trong di tích bãi đá cổ

này đáng chú ý nhất là tảng đá vợ, đá chồng sự tích về mối tình chung thủy của đôi trai gái cho dù bị hoá đá cũng vẫn hướng về nhau hay đàn hổ đá và tấm bia trên có khắc chữ mà theo truyền thuyết đó chính là những câu thần chú của nhóm thợ đá để tiêu diệt đàn hổ đến quấy phá dân làng. Năm 1925 lần đầu tiên khu di tích này được nghiên cứu tìm hiểu và hiện nay nó thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và đang đề nghị UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới.

Lễ hội truyền thống: Trong các tài nguyên du lịch nhân văn, lễ hội truyền thống là tài nguyên có giá trị phục vụ du lịch rất lớn. Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Lễ hội là một hình thức sinh hoạt tập thể của người dân sau những ngày lao động vất vả, là dịp để mọi người hướng về những sự kiện trọng đại hoặc liên quan đến những sinh hoạt tín ngưỡng hay vui chơi giải trí. Vì vậy lễ hội có tính hấp dẫn cao với du khách.

Ngoài những lễ hội có tính chất chung của cả nước, của vùng núi Tây Bắc, Lào Cai còn có những lễ hội riêng, đặc sắc. Thông qua các lễ hội này, du khách có thể hiểu được về văn hoá và con người Lào Cai.

Hội chơi núi mùa xuân: Đây là lễ hội của dân tộc H'mông còn được gọi là Gầu Tào hoặc Sán Sải (có nghĩa là đi chơi ngoài trời hoặc đi chơi núi). Lễ hội thường diễn ra sau tết nguyên đán, từ mùng 3 đến mùng 5 tháng giêng tại những khu đồi thoải gần các bản làng. Lễ hội mang màu sắc tín ngưỡng dân gian: Cầu con, cầu mệnh, cầu may, cầu phúc. Trong lễ hội còn tổ chức nhiều trò chơi, trò thi đấu như thi bắn súng, bắn nỏ, đua ngựa, đấu võ, ném pa páo, hát giao duyên, hát "Chù Gầu tào", múa khèn, thi biểu diễn khèn. Lễ hội là những ngày vui lớn của dân bản.

Lễ Tết "Nhảy" của người Dao Đỏ: Được tổ chức vào dịp tết nguyên đán (ngày mùng một, mùng hai tết), thường diễn ra tại các nhà trưởng họ. Nét

đặc thù của lễ hội là lễ tẩm tượng tổ tiên bằng gỗ. Trong lễ hội còn có biểu diễn những điệu múa thể hiện tín ngưỡng mang màu sắc văn hoá, nghệ thuật vui tươi khoẻ mạnh, qua đó thấy được nét sinh hoạt động đồng của người Dao đỏ.

Hội Lòng Tông của người Tày (huyện Văn Bàn, huyện Bắc Hà): Lễ hội được tổ chức vào tháng giêng (ngày mùng 5 tết hoặc 15) tại khu ruộng gần bản, trung tâm lễ hội là cây còn. Hội lòng tông là nét sinh hoạt cộng đồng đặc sắc nhất của người Tày. Lễ hội phản ánh ước nguyện được mùa, con người khoẻ mạnh, sinh nhiều con cháu. Phần lễ có nhiều nghi thức trang trọng như rước nước, cúng thần bản, thần suối, thần núi, cúng cây còn. Trong lễ hội có nhiều cuộc vui như thi ném còn, kéo co, chọi gà bằng hoa chuối, chọi trâu bằng măng vầu, nam nữ đến hội để múa xoè, hát giao duyên, kết bạn.

Hội xuống đồng (dân tộc Giáy, Phù Lá): Còn được gọi là hội "Cầu mùa", tổ chức vào mùng 3/1 âm lịch hàng năm. Lễ hội mang những nét văn hoá, cầu mong mùa màng cây cối tươi tốt, vạn vật sinh sôi nảy nở, cầu chúc mọi người mạnh khoẻ, sống lâu. Hội xuống đồng rất độc đáo, nó mang những nét riêng biệt, không bị ảnh hưởng pha tạp của dân tộc nào. Ngày hội còn là dịp để thanh niên trai gái đến xem và chọn bạn trăm năm.

Lễ lập tịch của người Dao (Khe Mạ - Bảo Thắng): Lễ thường được tổ chức vào dịp nông nhàn (trước hoặc sau tết nguyên đán). Đây là nghi lễ của các gia đình khi con trai 14 - 15 tuổi, mời thầy đến làm lễ, chính thức nhập vào dòng họ. Nghi lễ có nhảy từ tháp cao xuống lưới võng, lễ răn dạy. Sau phần nghi lễ quan trọng của múa hát rất tung bừng, múa trống đất, múa sạp, múa gà. Lễ hội là ngày vui của cả cộng đồng dân tộc Dao.

Lễ hội đền làng Lão Nhai (tên gọi cũ của Lào Cai): Lễ hội tổ chức trong 3 ngày 11,12 đến 13 tháng giêng âm lịch tại đền thờ Thánh Mẫu cùng Thiên Hậu Nương Nương và ở khu vực bãi sông. Phần lễ có rước Thánh Mẫu

cùng Thiên Hậu nương nước từ đền qua các phố, qua cầu Cốc Lếu sau đó quay lại đền để làm lễ. Người ta đi lễ để cầu người yêu, vật thịnh, buôn bán may mắn. Phần hội có nhiều trò vui như thi nấu cơm, múa hát.

Ngoài ra còn rất nhiều lễ hội khác nữa như: lễ hội cúng rừng của người Nùng ở Mường Khương, lễ hội Gặt tu tu của người Hà Nhì Đen ở Bát Xát, lễ cầu mưa té nước của người Lự ở Than Uyên, tết mừng chiến thắng của người Nùng Dín ở Mường Khương và Bắc Hà, hội Cốm của người Tày, lễ cơm mới và hội hoa chuối của người Xa Phó ở Văn Bàn tạo nên nét phong phú trong tập quán sinh hoạt của người dân Lào Cai và là yếu tố hấp dẫn du khách tìm hiểu, nghiên cứu.

Các tài nguyên du lịch nhân văn khác: Lào Cai là địa phương có sản phẩm thủ công truyền thống khá nổi tiếng ở Việt Nam. Thêu, dệt thổ cẩm là nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc. Những hoa văn độc đáo, màu sắc hài hoà, rực rỡ của những chiếc khăn piêu, của những chiếc túi xách, những chiếc váy trang phục dân tộc Dao, Tày Nùng, H'mông, Thái, Hà Nhì, Lô Lô là những món quà lưu niệm đầy ý nghĩa cho du khách.

Những phiên chợ vùng cao là những nét sinh hoạt có giá trị nhân văn, phục vụ tốt cho hoạt động du lịch của Lào Cai, đó là phiên "Chợ văn hoá giao duyên" ở Sapa, phiên chợ Bắc Hà. Ngoài việc mua sắm các vật dụng cần thiết, cư dân và du khách có thể được thưởng thức nhiều món ăn dân tộc, tham dự nhiều trò chơi. Phiên chợ cũng là dịp để các đôi trai gái bày tỏ tình cảm đôi lứa.

Lào Cai còn thu hút khách du lịch đến để tìm mua các vị thuốc nam, thuốc bắc để chữa bệnh, giữ gìn sức khoẻ như cam thảo, bạch truật, ngũ gia bì, hạt sen, tam thất, đường quy, bát mộc hương, đỗ trọng, nấm linh chi, atiso, mật ong rừng.

Lào Cai không chỉ là tỉnh có cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, văn hoá dân tộc đặc sắc mà Lào Cai còn nổi tiếng với nhiều món ăn mang đậm hương vị của núi rừng, đặc sắc nổi tiếng mà du khách đặc biệt ưa thích như các món ăn: Cuốn sủi, khâu nhục, thắng cố, vịt quay, ngầu pín, mì vẫn thẩn.

Lào Cai nói chung và đặc biệt là Sapa là xứ sở của các loài hoa quả và rau xanh. Vào những tháng mùa xuân cả Lào Cai sáng rực màu trắng của hoa mận, hoa đào. Du khách đến đây đều có cảm giác yên tâm, ngon miệng với bữa ăn có các loại rau xanh, sạch, cây trồng theo phương thức truyền thống, đó là su su, cải nường, bắp cải, su hào, cải xoong và các loại rau thơm mang hương vị rất riêng của rau húng tía, rau diếp cá, tía tô, răm, mùi, kinh giới, bạc hà vừa làm món ăn thêm thơm mát lại có tác dụng cho sức khoẻ của con người.

Đến Lào Cai say trong cảnh sắc thiên nhiên, mên khách của đồng bào các dân tộc, du khách còn vui say với cảm giác lâng lâng sáng khoái với hương vị của rượu San Lùng được chế biến công phu, hương thơm ngát, vị đậm đà nhưng êm dịu hay rượu Bắc Hà trong vắt sủi tăm khi uống vào thì cảm giác nóng bừng, ai đã say một lần hẳn sẽ nhớ mãi không quên.

2.1.2.3. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch

Những lợi thế:

Lào Cai là tỉnh có nguồn tài nguyên du lịch đa dạng, đặc sắc cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn. Các tài nguyên phân bố một cách khá tập trung, lại kết hợp được cả tiềm năng du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn nổi bật là Sapa, Bắc Hà, Bát Xát đây là một đặc điểm thuận lợi cho việc khai thác phát triển du lịch của Lào Cai.

Về tự nhiên, Lào Cai có tiềm năng phong phú có thể phát triển nhiều loại hình đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm

(leo núi, thám hiểm hang động) với tài nguyên rừng, khí hậu, sông suối, đồi núi và cao nguyên.

Về nhân văn, Lào Cai là nơi hấp dẫn du khách đến với văn hoá các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, tìm hiểu lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam.

Những hạn chế:

Một số điều kiện tự nhiên gây ra những ảnh hưởng không tốt đến hoạt động du lịch như các dạng thời tiết đặc biệt gió Than Uyên, gió Ô Quy Hồ, sương muối, nhiều nơi địa hình quá cheo leo, hiểm trở và vấn đề nước trong mùa khô.

Trong những năm gần đây, tài nguyên rừng ở Lào Cai bị phá huỷ khá nghiêm trọng, ở nhiều khu vực di tích đền chùa có hiện tượng xuống cấp gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và tiềm năng cho hoạt động du lịch, do vậy Tỉnh cần có kế hoạch bảo vệ và tôn tạo tài nguyên, kể cả tự nhiên và nhân văn đảm bảo phát triển bền vững cho khu vực.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2001-2008

2.2.1. Những kết quả đạt được

2.2.1.1. Về lượng khách du lịch

Cùng với sự gia tăng của lượng khách du lịch trong cả nước, khách du lịch đến Lào Cai cũng ngày càng cao. Lượng khách du lịch đến Lào Cai trong giai đoạn 2001 - 2008 đạt 3.827.000 lượt, tốc độ tăng trưởng bình quân của khách đạt: 14,4%. Trong đó khách quốc tế ước đạt 1.559.000 lượt (chiếm 40,7%) (*xem Phụ lục 1*). Lượng khách quốc tế đến Lào Cai chủ yếu là từ các nước Mỹ, Anh, Bỉ, Hà Lan, Pháp và từ một số nước thuộc khu vực Đông Nam Á. Mục đích chủ yếu của khách du lịch khi đến Lào Cai là tham quan và tìm hiểu các di tích lịch sử, nghiên cứu các giá trị văn hoá tại các di tích tiêu

biểu như đền Thượng (Thành phố Lào Cai), đền Đồi Cô và Chùa Cam Lộ (T.P Lào Cai), đền Bắc Hà (Bắc Hà), dinh Hoàng A Tưởng (Bắc Hà), đền Bảo Hà (Bảo Yên). Thương thức các danh thắng của Lào Cai như: Thác Bạc, núi Hàm Rồng, ruộng bậc thang, núi Fansipan (Sa Pa), động Hàm Rồng (Mường Khương), động Mường Vi (Bát Xát).

2.2.1.2. Về doanh thu du lịch

Doanh thu từ du lịch của Lào Cai năm 2001 đạt 54,3 tỷ đồng, năm 2005 đạt 215 tỷ đồng, đến năm đến năm 2008 đạt 434 tỷ đồng. Tổng doanh thu du lịch giai đoạn 2001 - 2008 đạt 1.746.900 tỷ đồng, mức tăng bình quân giai đoạn này là 36,2%. Phân tích doanh thu du lịch cơ cấu theo khách du lịch như sau: Năm 2001, doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt 32,6 tỷ đồng, chiếm 60% thị phần tổng doanh thu, doanh thu từ khách du lịch nội địa đạt 21,7 tỷ đồng, chiếm 40% thị phần tổng doanh thu; năm 2005, doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt 115 tỷ đồng, chiếm 53,5% thị phần tổng doanh thu, doanh thu từ khách du lịch nội địa đạt 95 tỷ đồng, chiếm 46,5% thị phần tổng doanh thu; năm 2008, doanh thu từ khách du lịch quốc tế đạt 306 tỷ đồng, chiếm 70,5% thị phần tổng doanh thu, doanh thu từ khách du lịch nội địa đạt 128 tỷ đồng, chiếm 29,5% thị phần tổng doanh thu (*xem Phụ lục 1*).

2.2.1.3. Cơ sở vật chất, kinh doanh phát triển du lịch

Về cơ sở lưu trú du lịch: Việc đầu tư cơ sở vật chất chuyên ngành phục vụ du lịch đã được quan tâm theo hướng Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đến năm 2009, tổng số cơ sở lưu trú trên toàn tỉnh là 328 cơ sở, với 3.926 phòng (tăng 70 cơ sở so với năm 2001), chủ yếu tập trung tại Sa Pa; Bắc Hà và Thành phố Lào Cai. Trong đó có 12 cơ sở đạt chất lượng từ 2 đến 4 sao, với trên 600 phòng. Ngoài ra còn có 80 nhà nghỉ lưu trú tại gia đình ở các thôn bản phát triển du lịch cộng đồng tập trung tại 2 huyện Sa Pa và Bắc Hà (*xem Phụ lục 2*).

Công tác quản lý giá cơ sở lưu trú đã được thực hiện tốt với việc tổ chức ký cam kết thực hiện văn minh trong kinh doanh cơ sở lưu trú và đăng ký giá phòng theo mùa vụ du lịch. Tăng cường kiểm tra giá đăng ký của các cơ sở lưu trú trong những dịp tổ chức sự kiện.

Về kinh doanh lữ hành: Tính đến nay có 35 doanh nghiệp, chi nhánh kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, trong đó có 7 doanh nghiệp thành lập tại địa phương và 6 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

Đến nay đã cấp 54 thẻ HDV du lịch toàn quốc (trong đó: tiếng Trung Quốc: là 32, tiếng Anh: 18 và ngoại ngữ khác: 4; cấp và đổi lại 192 thẻ HDV du lịch địa phương; Trong thời gian tới sẽ ban hành Giấy chứng nhận thuyết minh viên theo Luật Du lịch để phục vụ cho công tác hướng dẫn, giới thiệu tiềm năng du lịch cho khách tại các khu, tuyến, điểm du lịch.

Về hệ thống cơ sở vui chơi giải trí: Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống và dịch vụ đã được quan tâm đầu tư phát triển, hàng loạt cơ sở vui chơi giải trí đã được hình thành như: Khu du lịch sinh thái Thanh Kim, Hàm Rồng (Sa Pa); Hồ Na Cồ (Bắc Hà), công viên Nhạc Sơn; các trung tâm văn hóa, thể thao; các dịch vụ khác như tắm thuốc dân tộc, casino, dịch vụ mua bán hàng thổ cẩm... bước đầu đáp ứng nhu cầu của du khách.

Tình hình thu hút đầu tư phát triển du lịch: Việc thu hút các dự án đầu tư vào cơ sở vật chất chuyên ngành du lịch được thực hiện tốt, đã có nhiều nhà đầu tư đến khảo sát, đăng ký đầu tư vào Lào Cai như: Công ty du lịch Saigon Tourist; Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Tập đoàn Cao Su Việt Nam, Công ty TNHH sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên. Trong giai đoạn 2001 - 2010, đã có nhiều dự án đầu tư khu du lịch sinh thái, khách sạn, nhà hàng cao cấp tập trung chủ yếu tại Sa Pa và thành phố Lào Cai, huyện Bắc Hà chưa thu hút được các dự án đầu tư du lịch lớn.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã và đang tập trung đầu tư một số điểm du lịch có sức thu hút lớn đối với du khách như: Quần thể khu di tích Đền Thượng, công viên Nhạc Sơn, nâng cấp một số điểm du lịch như: Cát Cát, Hàm Rồng – Sa Pa.

2.2.1.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội phục vụ du lịch

Quốc lộ 70 đã được cải tạo, hoàn thiện, các tuyến đường nối các khu, điểm du lịch Lào Cai - Sa Pa - Bắc Hà và một số huyện khác đã được đầu tư, nâng cấp. Theo danh mục đầu tư đề án, nhiều tuyến đường du lịch tại Sa Pa, Bắc Hà đã được đầu tư như: Đường du lịch Sa Pa - Tả Phìn, Đường du lịch suối Mường Hoa (Sa Pa); Đường du lịch Phéc Bông - Cốc Ly; Bản Phố (Bắc Hà).

Hiện tại hệ thống thông tin liên lạc đã đảm bảo cung cấp cho nhu cầu tại các huyện, thành phố, các thôn bản có du lịch phát triển, bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu cho phát triển du lịch.

Phương tiện vận tải phục vụ khách du lịch tiếp tục có bước phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách du lịch. Toàn tỉnh hiện có 10 hợp tác xã, 13 công ty, 6 doanh nghiệp, 6 hãng taxi với trên 1.800 đầu xe các loại vận chuyển khách du lịch.

Ngành đường sắt đầu tư 8 hãng tàu du lịch với tổng số 15 toa giường nằm cao cấp và 21 toa giường nằm của đường sắt Việt Nam đã cơ bản đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Đồng thời hiện nay đã có 3 xe ô tô giường nằm cao cấp chạy suốt từ Lào Cai - Hà Nội và ngược lại đã phần nào giảm tải lượng khách đi bằng tàu hỏa trong những dịp lễ tết và các dịp cao điểm.

2.2.1.5. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch

Thời gian qua, công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch của Lào Cai đạt kết quả khá tốt. Từ năm 2001-2005 đã tổ chức đào tạo về nghiệp vụ nhà hàng và hướng dẫn viên cho hơn 300 học viên từ các cơ

sở kinh doanh du lịch. Từ năm 2006 - 2009 đã tổ chức đào tạo cho 305 lao động nông thôn các nghiệp vụ về du lịch và du lịch cộng đồng tại các xã Tả Van, Tả Phìn, Bản Hồ huyện Sa Pa (theo nguồn vốn từ chương trình đào tạo nghề của tỉnh). Đẩy mạnh triển khai các khóa đào tạo theo dự án để người dân từng bước nâng cao năng lực như: Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho các đơn vị du lịch và các xã: 01 lớp tiếng Anh giao tiếp du lịch; 01 lớp nghiệp vụ bàn, bar; 01 lớp nghiệp vụ Buồng; 01 nghiệp vụ lễ hành; 01 lớp nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch, 02 lớp tập huấn du lịch cộng đồng (tại Tả Van và Tả Phìn) với hơn 200 lao động được đào tạo.

Nhằm chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch, năm 2008, tỉnh Lào Cai đã thành lập trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch và hình thành khoa du lịch - khách sạn thuộc Trường Trung cấp kinh tế. Đồng thời, Lào Cai cũng đã liên kết với các trường Đại học để mở các lớp đào tạo Đại học tại chức và liên thông về chuyên ngành du lịch và phối hợp cùng Trường Đại học Vân Nam, Học Viện Hồng Hà - Vân Nam - Trung Quốc đào tạo sau đại học, đại học ở lĩnh vực kinh tế du lịch cho 26 cán bộ (đào tạo thạc sỹ 05 cán bộ, đào tạo theo nhu cầu xã hội 21).

Trong tổng số khoảng 400 hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai thì đến nay chỉ có 54 trường hợp có thẻ hướng dẫn viên toàn quốc (chiếm 13,5%). Hàng năm, trung bình du lịch Lào Cai đón trên 300.000 lượt khách quốc tế, nên với số lượng hướng dẫn viên có thẻ như trên sẽ chưa đáp ứng được nhu cầu hướng dẫn khách. Đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp còn thiếu và yếu. Đa số các hướng dẫn viên chưa được đào tạo bài bản hoặc đúng chuyên ngành hướng dẫn. Để chuẩn hóa đội ngũ Hướng dẫn viên trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Luật du lịch, từ năm 2006 đến nay đã đào tạo và cấp chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn viên cho 177 học viên (từ các doanh nghiệp lễ hành) bằng nguồn vốn xã hội hoá hoàn toàn, không sử dụng nguồn ngân sách.

2.2.1.6. Công tác xúc tiến du lịch

Từ năm 2001 đến nay, công tác tuyên truyền quảng bá đã được quan tâm, tạo nhiều chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí vai trò của du lịch. Công tác tuyên truyền quảng bá đã cung cấp những thông tin kịp thời về địa danh, thắng cảnh, con người Lào Cai đến du khách trong và ngoài nước. Đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, làm việc với các bộ, ngành trung ương, các tỉnh bạn, các doanh nghiệp, tuyên truyền, giới thiệu về tiềm năng, cơ chế, chính sách phát triển của Lào Cai thông qua phát hành các ấn phẩm (sách ảnh, tập gấp, tờ rơi, băng đĩa hình); Xây dựng hệ thống các biển quảng cáo tấm lớn; các cuốn phim tài liệu giới thiệu về du lịch Lào Cai, xây dựng cổng thông tin điện tử của tỉnh (laocai.gov.vn); xây dựng Website du lịch Sa Pa; tổ chức Hội nghị gặp gỡ các nhà đầu tư trong lĩnh vực du lịch - dịch vụ; Tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư; Tổ chức các cuộc họp báo công bố các sự kiện và chương trình du lịch trong năm; tổ chức đoàn Famrtrip xúc tiến du lịch tại Hội chợ Du lịch Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2008; Tổ chức thành công các sự kiện trong Chương trình du lịch về cội nguồn.

Đặc biệt việc hình thành Trung tâm thông tin du lịch Lào Cai và kiện toàn hệ thống các nhà du lịch, quầy thông tin Ga Lào Cai đã phát huy hiệu quả, hướng công tác xúc tiến du lịch vào chuyên nghiệp.

Nhìn chung, xúc tiến đầu tư du lịch trong thời gian qua đã được thực hiện có hiệu quả, góp phần không nhỏ trong việc thu hút khách du lịch và các dự án đầu tư.

2.2.1.7. Công tác quản lý nhà nước tại địa phương trong lĩnh vực du lịch

Đã chỉ đạo việc triển khai, hướng dẫn Luật Du lịch và triển khai Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch; Thông tư số 88/2008/TT-

BVHTTDL ngày 31/12/2008 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về Lưu trú du lịch; Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2008 về Hướng dẫn thực hiện quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về kinh doanh lữ hành.

Công tác quản lý hoạt động kinh doanh du lịch qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai đã được triển khai tích cực và đạt nhiều kết quả. UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý một số hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 23/1/2008) nhằm quản lý hoạt động kinh doanh du lịch qua cửa khẩu theo chiều sâu, đồng thời từ năm 2006 - 2009 đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức 6 phiên Hội đàm và ký kết Biên bản hợp tác với Cục du lịch tỉnh Vân Nam, Cục du lịch châu Hồng Hà, Chính phủ nhân dân huyện Hà Khẩu - Trung Quốc nhằm tăng cường hợp tác quản lý và phát triển du lịch giữa hai bên. Thanh tra du lịch thường trực hàng ngày tại cửa khẩu quốc tế Lào Cai nhằm tăng cường công tác thanh, kiểm tra các hoạt động lữ hành. Việc quản lý hoạt động hướng dẫn du lịch được thực hiện tốt, đã hình thành được những doanh nghiệp đầu mối chuyên khai thác thị trường khách Trung Quốc, qua đó hạn chế được tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

2.2.1.8. Về quy hoạch phân vùng, xác định các tuyến, điểm du lịch

Đến nay việc triển khai Quy hoạch và các dự án phát triển du lịch được thực hiện khá tốt. Các dự án đầu tư mới được thẩm định kỹ trên cơ sở quy hoạch phát triển du lịch. Việc bố trí nguồn vốn du lịch tại Sa Pa, Bắc Hà, thành phố Lào Cai theo đúng mục tiêu của quy hoạch và đề án phát triển du lịch. Thông qua quy hoạch du lịch do vùng Aquitaine - Cộng hòa Pháp hợp tác xây dựng, đã phân rõ vùng, các khu, tuyến, điểm du lịch của Lào Cai, đồng thời hình thành mô hình nhà du lịch Sa Pa, Bắc Hà, các quầy thông tin (trực

thuộc Trung tâm Thông tin Du lịch Lào Cai) đáp ứng nhu cầu thông tin, tư vấn cho du khách.

Đến nay đã hình thành rõ nét các sản phẩm du lịch chính: Du lịch sinh thái, mạo hiểm được thể hiện qua các tour như du lịch trên sông Chảy, Chinh phục, khám phá vẻ đẹp Fansipan, thăm các hang động, thác nước; Du lịch văn hóa, cộng đồng được phát triển mạnh tại Sa Pa và Bắc Hà thông qua mô hình các thôn, bản du lịch, chợ văn hóa vùng cao và du lịch tâm linh (thăm các Đền, Chùa, lễ hội); du lịch mua sắm hàng hóa được phát triển mạnh ở thành phố Lào Cai qua hệ thống các siêu thị, chợ; các khu ẩm thực; đồng thời phát triển mạnh tại Sa Pa, Bắc Hà và các huyện khác với các làng nghề, câu lạc bộ thêu dệt thổ cẩm, các Shop bán hàng lưu niệm...

Các tuyến du lịch cũng được xác định rõ: Tuyến du lịch nội tỉnh được tập trung khai thác là Lào Cai - Sa Pa; Lào Cai - Bắc Hà; Lào Cai - Sa Pa - Bắc Hà; Lào Cai - Bắc Hà - Si Ma Cai. Các tuyến du lịch ngoại tỉnh tập trung vào khách Trung Quốc đi bằng thẻ du lịch theo tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh hoặc các tỉnh, thành phố lớn khác như Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh. Tuyến du lịch quốc tế cho khách Việt Nam tập trung chính là Lào Cai - Vân Nam, thăm các địa danh nổi tiếng của Trung Quốc. Ngoài ra đã và đang tập trung đầu tư vào một số điểm du lịch có sức hấp dẫn lớn đối với du khách: Khu du lịch núi Hàm Rồng; Cát Cát (Sa Pa); quần thể di tích Đền Thượng - Lào Cai. Không gian du lịch được từng bước mở rộng ra các tuyến du lịch làng bản với việc hình thành nhiều, tuyến điểm du lịch cộng đồng.

2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.2.2.1. Những hạn chế

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách và chương trình hạ tầng du lịch cho các dự án về du lịch còn hạn chế; các dự án lớn hầu như vẫn tập trung tại địa bàn huyện Sa Pa, thành phố Lào Cai, chưa thu hút được các dự án lớn đầu tư vào

Bắc Hà; nhiều dự án đầu tư đã đăng ký nhưng triển khai chậm; đặc biệt các dự án tại Sa Pa như: Dự án khu du lịch Hàm Rồng, dự án Việt Nhật - tại xã San Sả Hồ; dự án khu du lịch hàm Rồng.

Tại Huyện Sa Pa, khu vực bán hàng lưu niệm trên điểm du lịch Thác Bạc chưa được quy hoạch cụ thể nên việc lấn chiếm hàng lang để bán hàng vẫn xảy ra, làm ảnh hưởng đến trật tự đô thị, mỹ quan điểm du lịch và văn minh trong kinh doanh du lịch. Một số cơ sở kinh doanh lưu trú chưa thực sự tuân thủ tốt các quy định của pháp luật hiện hành về du lịch như cử nhân viên đi đeo bám chèo kéo khách; không đăng ký tạm trú cho khách; kê khai tính thuế và đăng ký số phòng đón khách còn thiếu so với thực tế;

Tại một số huyện mặc dù đã xây dựng được hồ sơ công nhận khu, tuyên điểm du lịch, tuy nhiên việc đầu tư khai thác phát triển các dịch vụ đáp ứng các điều kiện tuyến, điểm du lịch theo Luật du lịch còn hạn chế (các điều kiện về ăn nghỉ, dịch vụ vui chơi giải trí);

Công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch đã được quan tâm nhưng chưa có chiến lược, chưa chú trọng quảng bá các thị trường ngoài nước và những thị trường xa;

Một số tuyến điểm du lịch cộng đồng đã mất dần cảnh quan thiên nhiên do tốc độ đô thị hóa; hoặc triển khai các công trình;

Người dân tham gia vào hoạt động du lịch được hưởng lợi chưa công bằng: Giá cho thuê lưu trú homestay mới thu 40.000 đ/ngày khách; lợi ích cho du lịch cộng đồng chủ yếu tập trung vào số hộ kinh doanh lưu trú tại gia và các doanh nghiệp du lịch.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Cán bộ và cơ quan quản lý du lịch ở các huyện, thành phố chưa thực sự chuyên nghiệp, còn lúng túng trong triển khai các nhiệm vụ chuyên môn liên

quan đến tham mưu triển khai các nội dung của chiến lược phát triển du lịch và công tác quản lý nhà nước về du lịch;

Chưa hình thành được nguồn lực đầu tư cho công tác xúc tiến du lịch và đào tạo nhân lực du lịch hàng năm;

Chưa quy hoạch được các khu chợ bán hàng lưu niệm và chưa mở được nhiều tuyến, điểm du lịch ở vùng sâu, vùng xa nên xuất hiện tình trạng bán hàng rong của người dân tộc;

Tình trạng chèo kéo khách vào các cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống chưa xử lý nghiêm;

Công tác giải phóng mặt bằng gặp khó khăn nên các dự án du lịch triển khai chậm;

Sự phát triển của một số ngành công nghiệp (như làm thủy điện); đường giao thông đã làm mất cảnh quan tự nhiên tại nhiều, tuyến điểm du lịch.

2.3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở LÀO CAI

2.3.1. Thực trạng nghèo và các chính sách xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai

2.3.1.1. Thực trạng nghèo ở Lào Cai

Theo kết quả điều tra hộ nghèo cuối năm 2006, trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai còn 38.349 hộ nghèo, chiếm 31,33% tổng số hộ trên địa bàn. Nguyên nhân chủ yếu là: thiếu kiến thức và kinh nghiệm làm ăn (57,72%); thiếu vốn tự có (25,58%); thiếu đất sản xuất (21,9%); đông con và đông người ăn theo (16,5%). Tình trạng đói gầy gắt, triền miên nhìn chung cơ bản không còn nhưng ở vùng cao vẫn còn hộ thiếu ăn một vài tháng trong năm; nhà ở tuy không dột nát nhưng hầu hết còn tạm bợ, đồ dùng lâu bền hầu như không có, chưa có điện hoặc chưa sử dụng điện đáng kể trong sinh hoạt, điều kiện học hành còn hạn chế, còn nhiều người không biết chữ hoặc tiếng phổ thông, còn

hiều tập quán sinh hoạt và sản xuất lạc hậu. Tỷ lệ hộ nghèo vẫn khá cao, điển hình là một số huyện như Si Ma Cai (62,5%), Mường Khương (57,87%), Bắc Hà (50,24%)[27].

Ngày 1/2/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 308/ĐA-UBND về việc phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2006-2010 với các mục tiêu như sau:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 43,01% từ năm 2006 xuống còn 20% năm 2010;
- Cơ bản xóa xong tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo;
- 100% số hộ nghèo trong các xã còn quỹ đất được giao đất sản xuất theo định mức tính duyệt;
- 100% hộ nghèo và nhân dân vùng 135 được mua Bảo hiểm y tế;
- 100% học sinh nghèo là dân tộc thiểu số và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thuộc diện nghèo được miễn toàn bộ học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường, được hỗ trợ sách giáo khoa, vở viết. Giảm 50% học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường cho số học sinh nghèo còn lại;
- 100% số hộ nghèo trong nhóm 1 và nhóm 2 (chiếm 55% số hộ nghèo) được bồi dưỡng về khuyến nông, bồi dưỡng về cách làm ăn;
- 100% hộ nghèo có nhu cầu về vốn được vay vốn ưu đãi để sản xuất kinh doanh[22].

2.3.1.2. Các chính sách xóa đói giảm nghèo

Thực hiện Quyết định 308/ĐA-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành đã tập trung cụ thể hóa thành kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

- Chính sách ưu đãi cho vay hộ nghèo: Doanh số cho vay hộ nghèo ước đạt 122.400 triệu đồng, 10.600 hộ nghèo được vay vốn chiếm 27,64% tổng số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh. Bình quân 1 hộ được vay 11,5 triệu đồng.

- Chính sách cho vay đối với hộ nghèo phát triển chăn nuôi đại gia súc: Chính sách này nhằm giúp các hộ gia đình thuộc diện nghèo có mức thu nhập từ 60.000 đồng/người/tháng có vốn đầu tư phát triển sản xuất chăn nuôi đại gia súc để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và thoát nghèo.

- Chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư: trong năm 2007 đã tổ chức tập huấn 464 lớp với 16.737 lượt người là nông dân, trong số đó người nghèo được tập huấn khoảng 3.500 lượt người. Mạng lưới khuyến nông và đội ngũ khuyến nông, thú y viên cơ sở tiếp tục được củng cố, tính đến nay đã có 152 xã, thị trấn có khuyến nông viên, trong đó khoảng 50% có trình độ từ bằng nghề trở lên. Tuy nhiên công tác tập huấn khuyến nông vẫn phổ biến là tập huấn khuyến nông chung, chưa có lớp riêng hoặc chương trình riêng cho người nghèo để áp dụng thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo.

- Hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề: năm 2007 thực hiện giao vốn là 17.440 triệu đồng, đã xây dựng được 18 mô hình hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ máy móc thiết bị gồm 18 hạng mục với 934 nông cụ cho 952 hộ hưởng lợi.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo: kết quả năm học 2007-2008 đã miễn giảm học phí cho 22.000 học sinh với tổng kinh phí thực hiện là 1.701 triệu đồng. Thực hiện cấp phát, hỗ trợ văn phòng phẩm, sách giáo khoa cho 92.254 học sinh thuộc các xã khó khăn, học sinh phổ cập giáo dục với trị giá 5.350,4 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo: năm 2007, toàn tỉnh đã cấp được 365.852 thẻ BHYT cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh, trong đó cấp cho đối tượng là người nghèo và nhân dân xã 135 là 283.184 thẻ. Trong năm 2007 các cơ sở y tế đã tổ chức khám chữa bệnh cho 339.780 lượt người với tổng kinh phí trên 20.000 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về đất sản xuất, đất ở và nước sinh hoạt: năm 2007 đã hỗ trợ nhà ở cho 1.958 hộ với số vốn thanh toán là 9.580 triệu đồng; hỗ trợ sản xuất cho 36 hộ gia đình được bình xét tại 4 xã thuộc huyện Si Ma Cai với tổng kinh phí 90 triệu đồng; hỗ trợ nước ăn phân tán thực hiện được 671 hộ.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo: năm 2007 đã tổ chức cho cán bộ tỉnh huyện tham dự các lớp tập huấn ở tỉnh và Trung ương, đồng thời trực tiếp mở được 7 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở, kết quả trong năm đã đào tạo bồi dưỡng tổng số 300 học viên. Đối tượng được tập huấn chủ yếu là cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo từ tỉnh đến cơ sở, trong đó ưu tiên tập trung chủ yếu trường thôn và một số hộ nghèo.

2.3.1.3. Một số nhận xét đánh giá

Công tác xóa đói giảm nghèo tại Lào Cai đã được chú trọng thực hiện, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có những chuyển biến đáng kể về nhận thức tự vươn lên thoát đói nghèo.

Bộ mặt nông thôn tiếp tục có nhiều đổi mới, tiên bộ, các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về cơ sở hạ tầng và việc tổ chức phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Đời sống của nhân dân các dân tộc tiếp tục được cải thiện nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đặc biệt trong đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Nguồn vốn nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh năm 2007 tiếp tục tăng mạnh, đạt gần 1.982,5 tỷ đồng, tăng 102% so với bình quân giai đoạn 2001-2005, trong đó vốn đầu tư trực tiếp cho người nghèo năm 2007 đạt 198,4 tỷ đồng tăng 77,8% so với bình quân giai đoạn 2001-2005.

Tuy đã đạt được nhiều thành tích, nhưng kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ nghèo phát sinh và tái nghèo còn cao (năm 2007 khoảng trên 2%); chênh lệch thu nhập giữa các hộ, nhóm hộ, các vùng, các dân tộc còn lớn; vẫn còn nhiều hộ gia đình thiếu đất canh tác nông nghiệp, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất; tình trạng người lao động chưa qua đào tạo, thiếu kiến thức làm ăn vẫn còn; tình trạng nhà ở tạm bợ trong các hộ nghèo vẫn còn khá phổ biến; hạ tầng cơ sở nông thôn còn thấp kém, thiếu tính bền vững, đặc biệt là giao thông, nước sạch và thủy lợi.

Nhiều hộ gia đình tuy không thuộc diện nghèo hoặc đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập còn thấp cận với chuẩn nghèo (kết quả điều tra năm 2006 số này chiếm 68% số hộ thoát nghèo), trong số này hầu hết là hộ thuần nông, sản xuất kinh doanh phụ thuộc nhiều yếu tố khách quan nên thu nhập không ổn định, trong đó lại thiếu tích lũy. Nhiều hộ này chỉ cần những tác động nhỏ như thiên tai, mất mùa, ốm đau sẽ dễ rơi vào diện nghèo.

Chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh mới quan tâm đến các chính ưu đãi đối với người nghèo như khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chính sách hỗ trợ hộ nghèo về sản xuất, giáo dục y tế...chưa xác định được vai trò của phát triển du lịch trong công tác xóa đói giảm nghèo. Trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch và Chương trình xóa đói giảm nghèo của Lào Cai, du lịch chưa được xác định là một ngành chính góp phần đặc lực cho công cuộc xóa đói giảm nghèo của địa phương.

2.3.2. Đánh giá các điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai

Muốn phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo trước hết cần phải thỏa mãn các điều kiện để phát triển du lịch nói chung, sau đó là đáp ứng các điều kiện đặc trưng của ngành du lịch ở Lào Cai. Về các điều kiện nói chung như điều kiện về hoạt động đi du lịch, điều kiện có ảnh hưởng tới hoạt động

kinh doanh du lịch, luận án đã thể hiện ở phần thực trạng phát triển du lịch của Lào Cai. Tại mục này xin đi sâu phân tích các điều kiện để đảm bảo du lịch có thể gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai như sau:

2.3.2.1. Điều kiện tiên quyết

Trong điều kiện thực tế hiện nay, Lào Cai có điều kiện để phát triển các ngành kinh tế, nhất là các ngành dịch vụ trong đó có du lịch. Điều này đã được khẳng định tại Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 1995 - 2010. Tại Quy hoạch này, Lào Cai đã được xác định nằm trong không gian Tiểu vùng du lịch miền núi Tây Bắc. Triển khai Quy hoạch tổng thể này, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai và các cơ quan hữu quan đã xây dựng Quy hoạch phát triển du lịch Lào Cai giai đoạn 2005 - 2010 và định hướng đến 2020 làm cơ sở cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và ngành du lịch nói riêng.

Nhiệm vụ chủ yếu của Quy hoạch này là xác định vị trí, vai trò của Du lịch Lào Cai trong tổng thể du lịch Bắc Bộ và cả nước; đánh giá hiện trạng và tiềm năng của tỉnh trong phát triển du lịch; xây dựng sơ đồ quy hoạch không gian lãnh thổ du lịch trên phạm vi toàn tỉnh; các giải pháp thực hiện, xây dựng các danh mục dự án làm cơ sở cho gọi vốn đầu tư trong và ngoài nước; giúp các cơ quan hữu quan của tỉnh có cơ sở quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch theo quy hoạch.

Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội phục vụ du lịch đã được các cấp chính quyền quan tâm như cải tạo, hoàn thiện các tuyến đường nối các khu, điểm du lịch; nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc; phát triển dịch vụ vận tải phục vụ khách du lịch; thu hút được nhiều các dự án đầu tư vào cơ sở vật chất chuyên ngành du lịch; nâng cấp được một số điểm du lịch để thu hút khách du lịch.

Công tác tuyên truyền quảng bá về du lịch cũng đã được các cấp, các ngành của tỉnh quan tâm, thông tin kịp thời về địa danh, thắng cảnh, con người Lào Cai đến du khách trong và ngoài nước.

Các cấp, các ngành đã chỉ đạo triển khai, hướng dẫn Luật Du lịch và các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động du lịch. Đã tổ chức các phiên hội đàm và ký kết Biên bản hợp tác với các Cục du lịch các tỉnh của Trung Quốc nhằm tăng cường hợp tác quản lý và phát triển du lịch.

Các tổ chức phi chính phủ như Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) đã có những trợ giúp kỹ thuật cho Lào Cai xây dựng thí điểm các chương trình du lịch bền vững vì người nghèo ở các vùng nông thôn, vùng núi, vùng xa nơi có điều kiện phát triển du lịch nhưng còn nhiều người nghèo, thu nhập thấp, điều kiện sinh hoạt còn khó khăn.

Nói tóm lại, từ tình hình thực tế hiện nay có thể nhận định là ngành du lịch Lào Cai có thể đáp ứng được các điều kiện tiên quyết để có thể phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

2.3.2.2. Các điều kiện cần

Điều kiện về tài nguyên du lịch thiên nhiên:

Đối với điều kiện này, Lào Cai có tiềm năng về điều kiện tự nhiên phong phú tạo điều kiện rất thuận lợi cho phát triển du lịch. Lào Cai nổi tiếng với Sapa, núi Fan Si Păng, Bắc Hà từ lâu nay. Sa Pa là điểm du lịch núi nổi tiếng không chỉ của riêng Lào Cai mà còn của cả nước. Cao nguyên đá vôi Bắc Hà có khí hậu quanh năm mát mẻ với phiên chợ văn hóa vùng cao hấp dẫn với khách du lịch. Địa hình núi của Lào Cai có nhiều hang động đẹp có giá trị cho phát triển du lịch. Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn là khu dự trữ tự nhiên lớn nhất của Việt Nam có nhiều loài cây quý hiếm.

Tại các vùng có tài nguyên du lịch tự nhiên của Lào Cai là nơi có nhiều dân tộc cùng sinh sống, mỗi dân tộc có một tập quán sinh hoạt riêng rất

hấp dẫn với khách du lịch muốn tìm hiểu khám phá. Tuy nhiên, tại các vùng này do xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, chưa đồng bộ dân, cư ở xen kẽ đã phá hủy tài nguyên thiên nhiên vì mưu sinh. Những năm gần đây, tài nguyên rừng bị phá hủy khá nghiêm trọng, ở nhiều khu vực di tích lịch sử có hiện tượng xuống cấp gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và tiềm năng cho hoạt động du lịch. Do vậy, cần phải có kế hoạch để bảo vệ, tôn tạo tài nguyên thiên nhiên đảm bảo cho phát triển bền vững.

Tóm lại, điều kiện tự nhiên của Lào Cai có thể đáp ứng được các điều kiện cần để phát triển du lịch một cách bền vững góp phần cho xóa đói giảm nghèo.

Về điều kiện tài nguyên du lịch nhân văn:

Lào Cai rất nhiều di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật có giá trị cho nghiên cứu khoa học, lịch sử, văn hóa và phát triển du lịch. Các di tích lịch sử này có thể nói đến Đền Bảo Hà, Đền Mẫu, Đền Thượng đã nổi tiếng rất lâu đời nay có thể thu hút được khách du lịch đến tham quan, thưởng thức, nghiên cứu.

Về di tích khảo cổ phải kể đến 17 di tích văn hóa Đông Sơn tập trung ở lưu vực sông Hồng tại các huyện Bát Xát, Cam Đường, Mường Khương, Bảo Thắng và thành phố Lào Cai. Bãi đá cổ Sa Pa là một khu di tích khảo cổ quan trọng có giá trị văn hóa lịch sử lớn.

Lào Cai còn có rất nhiều Lễ hội truyền thống, một hình thức sinh hoạt văn hóa đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc là tài nguyên phục vụ du lịch rất lớn.

Lào Cai còn là địa phương có sản phẩm thủ công truyền thống khá nổi tiếng ở Việt Nam như thêu, dệt thổ cẩm của đồng bào các dân tộc. Những phiên chợ vùng cao có giá trị nhân văn phục vụ tốt cho du lịch. Lào Cai còn

thu hút khách du lịch đến để mua các vị thuốc nam, thưởng thức các món ăn đậm hương vị của núi rừng.

Tóm lại, tài nguyên du lịch nhân văn hiện có của Lào Cai mang đặc tính riêng của địa phương, đã có quá trình hình thành phát triển và tồn tại nên trở nên xa lạ đối với nhiều khách trong và ngoài nước, có thể đáp ứng được điều kiện để phát triển du lịch đóng góp cho phát triển của địa phương và góp phần vào các chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh.

2.3.2.3. Các điều kiện đủ

Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:

Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội của Lào Cai hiện nay đã được quan tâm đầu tư có thể đáp ứng được nhu cầu của phát triển kinh tế - xã hội cũng như phát triển du lịch. Cho đến nay các tuyến giao thông nối các khu, điểm du lịch đã được cải tạo, hệ thống thông tin liên lạc đã tương đối đảm bảo cung cấp cho nhu cầu tại các huyện, thành phố, các thôn bản có du lịch phát triển phần nào đã đáp ứng được yêu cầu cho phát triển du lịch. Phương tiện vận tải có bước phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách du lịch.

Cơ sở vật chất, kinh doanh du lịch cũng có bước phát triển khá. Việc đầu tư cơ sở vật chất chuyên ngành phục vụ du lịch đã được quan tâm theo hướng Nhà nước và nhân dân cùng làm. Ngoài số cơ sở lưu trú đạt chất lượng từ 2 đến 4 sao, du lịch Lào Cai còn có nhiều nhà nghỉ lưu trú tại các thôn bản tập trung tại 2 huyện Sa Pa và Bắc Hà làm tiền đề cho phát triển loại hình lưu trú này ở các điểm du lịch khác.

Tính đến nay, du lịch Lào Cai có 35 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, chi nhánh kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa và 6 doanh nghiệp kinh

doanh lữ hành quốc tế qua cửa khẩu Lào Cai là tiền đề quan trọng cho phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

Lào Cai đã tập trung ưu tiên phát triển sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, đầu tư các cơ sở vui chơi giải trí, các trung tâm văn hóa thể thao và các dịch vụ khác như tắm thuốc dân tộc, casino để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

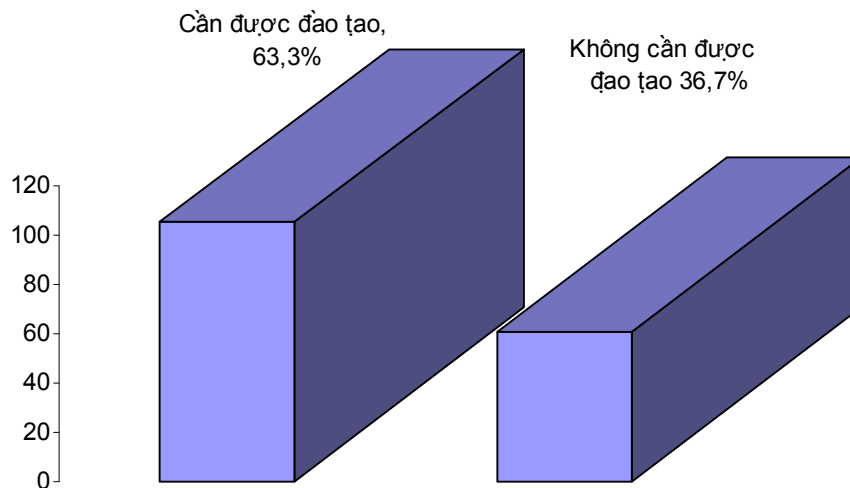
Tóm lại, về điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo, có thể nhận định là du lịch Lào Cai có thể đáp ứng được.

Điều kiện về năng lực tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ phục vụ khách du lịch:

Đối với điều kiện này, để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ngành du lịch cần phải xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc đào tạo hướng dẫn tay nghề của cộng đồng dân cư trong việc sản xuất các sản phẩm dịch vụ phục vụ khách du lịch. Hiện tại, theo đánh giá chỉ tại những khu, điểm phát triển thí điểm phát triển du lịch cộng đồng, người dân mới có được các kỹ năng làm việc, phục vụ có hiệu quả. Các khu vực còn lại, năng lực tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách du lịch còn mang tính tự phát, chưa phát huy được các lợi thế của du lịch Lào Cai trong việc thu hút khách du lịch ở lại lâu hơn và sẽ quay trở lại trong tương lai.

Theo kết quả điều tra xã hội học phục vụ Luận án được tiến hành tháng 10 năm 2009 tại 3 huyện của Lào Cai (Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai) với 300 phiếu phát ra, thu về 269 phiếu cho thấy: có 38,3% số cư dân tại địa bàn được hỏi không tham gia vào hoạt động hướng dẫn khách du lịch tham quan tại địa phương; 61,7% trả lời là có tham gia, trong số này 63,3% số người được hỏi trả lời là cần phải được đào tạo, 36,7% trả lời là không cần được đào tạo. Kết quả trên cho thấy tại những nơi phát triển du lịch, phần lớn dân cư địa phương

đặc biệt là những người nghèo không có kỹ năng nghề nghiệp đã tham gia vào hoạt động hướng dẫn khách du lịch tại địa phương mình. Trong số những người tham gia hoạt động hướng dẫn khách du lịch, hai phần ba (63,3%) số người được hỏi cho rằng cần phải được đào tạo các kỹ năng về hướng dẫn du lịch. Điều này cho thấy sự cần thiết phải có các chương trình đào tạo về du lịch cho cộng đồng dân cư tại những địa bàn có dự định phát triển du lịch. Kết quả điều tra xã hội học được thể hiện qua Biểu đồ số 2.1.



Biểu đồ 2.1: Kết quả điều tra về sự cần thiết phải được đào tạo kiến thức du lịch

Vì vậy, để đáp ứng được điều kiện này, du lịch Lào Cai cần có kế hoạch tuyển chọn và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực. Cần xây dựng phương thức đào tạo phù hợp với nhiều đối tượng đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo đáp ứng được điều kiện này khi thực hiện phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

Điều kiện về sự hỗ trợ của cộng đồng dân cư ở địa bàn:

Để đáp ứng được điều kiện này, cần phải thấy được sự ủng hộ, hỗ trợ của cộng đồng dân cư ở địa bàn dự định phát triển du lịch gắn với xóa đói

giảm nghèo là yếu tố quyết định. Cần phải coi cộng đồng dân cư ở địa bàn là thành phần không thể thiếu được của hoạt động du lịch. Họ là những người thông thạo địa hình thiên nhiên, người chủ của những giá trị nhân văn tại địa phương. Vì vậy, muốn đáp ứng được điều kiện này, cần phải nghiên cứu các chính sách, cơ chế để người dân địa phương và những người nghèo có thể được hưởng lợi ích công bằng từ việc phát triển du lịch trong cộng đồng của họ.

2.3.3. Đánh giá các chương trình dự án, mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai

Thời gian qua, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lào Cai triển khai đề án “Phát triển kinh tế du lịch giai đoạn 2006-2010” đã thu hút nhiều vốn đầu tư xây dựng hạ tầng, nâng cấp, phân vùng các tuyến, điểm du lịch và hình thành mô hình nhà du lịch, các quầy thông tin thu hút khách du lịch.

Qua 3 năm thực hiện đề án, các loại hình du lịch được đưa vào khai thác như: du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm qua các tua du lịch trên sông Chảy, chinh phục Phan Xi Păng, khám phá những hang động, thác nước... Du lịch văn hóa cộng đồng chủ yếu phát triển tại SaPa, Bắc Hà là mô hình làng văn hóa du lịch, làng nghề truyền thống, chợ văn hóa vùng cao, du lịch tâm linh (thăm đền, chùa, lễ hội...), du lịch mua sắm hàng hóa thông qua các hệ thống các siêu thị, chợ và các làng nghề, câu lạc bộ thể thao, các quầy hàng lưu niệm... Các tua, tuyến du lịch được phân vùng khai thác đã phần nào phát huy tác dụng thúc đẩy sự hợp tác tạo nguồn lực để du lịch Lào Cai phát triển, đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương và góp một phần vào chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh.

2.3.3.1. Các tuyến du lịch cộng đồng và các điểm du lịch làng bản góp phần xóa đói giảm nghèo

Du lịch Lào Cai đã đưa vào sử dụng các tuyến, điểm du lịch cộng đồng tại huyện SaPa, giúp khách du lịch khám phá cảnh quan thiên nhiên và tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc vùng cao.

Các điểm du lịch được công nhận là: Cầu Mây ở thôn Tá Chải, xã Bản Hồ; Cát Vàng, thôn Sín Chải, xã San Sả Hồ; Bãi đá khắc cổ trên địa bàn 3 xã Hầu Thào, Sử Pán và Tả Van; điểm du lịch thôn Tả Phìn, xã Tả Van; thôn Bản Dền và thôn Na ve; thôn Bản Sài, xã Nậm Sài; thôn Nậm Cang I, Nậm Cang II và Nậm Than xã Nậm Cang.

Các tuyến, điểm du lịch này, ngoại trừ tuyến Sa Pa - Tả Phìn ở hướng Đông Bắc, đa số đều phát triển về hướng Đông Nam, nơi có nhiều chân ruộng bậc thang, có suối Mường Hoa và đồng bào đa sắc tộc: Mông, Dao, Giáy, Tày, Xa Phó sinh sống. Riêng tuyến từ Sa Pa đi Lao Chải - Thanh Phú - Nậm Sài - Nậm Cang - Bản Hồ - Tả Van, Sa Pa có độ dài trên 50 km, đủ thời gian để khách du lịch thực hiện một tua kéo dài 3 đến 5 ngày đi bộ khám phá cảnh quan thiên nhiên và tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc vùng cao.

Từ đầu tháng 8 năm 2009, Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai cho phép đưa vào khai thác thử nghiệm bốn tuyến du lịch cộng đồng trên thượng nguồn sông Chảy nằm trên địa bàn huyện biên giới Mường Khương và huyện Si Ma Cai. Hầu hết các tuyến du lịch cộng đồng này nằm trên cung đường du lịch miền núi phía Bắc Việt Nam qua các tỉnh Bắc Kạn, Yên Bái, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang có cảnh quan đẹp nhất Việt Nam do Vụ Lữ hành (Tổng cục Du lịch Việt Nam) khảo sát, xếp hạng từ năm 2007.

Tuyến du lịch này đi qua làng bản của đồng bào các dân tộc ít người định canh định cư lâu đời ven sông chảy trên vùng biên giới Việt - Trung với bản sắc văn hóa độc đáo, tiêu biểu là lễ hội cổ truyền của đồng bào dân tộc Mông, Pa Dí, Nùng, Tu Dí, Phù Lá, Dao, Dáy..., các phiên chợ vùng cao nổi tiếng Tây Bắc mở nhiều ngày trong tuần như chợ Bắc Hà, Mường Khương,

Cán Cầu, Pha Long, Cốc Ly, Si Ma Cai... cùng các sản phẩm thủ công mỹ nghệ dân gian truyền thống.

Tại Huyện Mường Khương gồm tuyến: Thành phố Lào cai - thác nước Tà Lâm - Pha Long - Tả Gia Khâu (Mường Khương) - Bản Mế (Si Ma Cai) - thành phố Lào Cai và tuyến: Thành phố Lào Cai - Lũng Khấu Nhin - thôn Mường Lum (xã La Pán Tản) - Bản Cầm (Bảo Thắng) - thành phố Lào Cai.

Tại huyện Si Ma Cai gồm tuyến: Lào Cai - thị trấn Bắc Hà - Cán Cầu - xã Si Ma Cai - xã Bản Mế - Sông Cháy - thị trấn Si Ma Cai - Quan Thần Sán - Sông Cháy - Cốc Ly - thành phố Lào Cai.

Lào Cai có rất nhiều yếu tố thuận lợi cho phát triển du lịch, do đó cho đến nay chính quyền các cấp đã công nhận 8 tuyến du lịch tập trung vào các tuyến du lịch bản làng nhằm khai thác thế mạnh của du lịch cộng đồng tại Sa Pa và Bắc Hà và đã từng bước đa dạng hóa sản phẩm du lịch khi tổ chức khai thác thí điểm tại Si Ma Cai và Mường Khương.

Mô hình du lịch dựa vào cộng đồng đã phát triển rất mạnh ở nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Theo một đánh giá của tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) thì trên 70% du khách quốc tế đến Sa Pa có nhu cầu tới thăm các bản làng của đồng bào dân tộc ở địa phương. Thực tế những năm qua cho thấy, khách du lịch nước ngoài đến Sa Pa, Bắc Hà thường thích đi bộ vào những bản làng vùng sâu, vùng xa, sống và sinh hoạt cùng đồng bào dân tộc. Người dân địa phương có thể cung cấp những dịch vụ khác nhau như: phòng trọ, nấu ăn, dẫn đường, vác đồ, hướng dẫn khách du lịch thực hiện các công việc nhà nông, hoặc bán những sản phẩm lưu niệm như thổ cẩm, đồ mây tre đan, các sản phẩm mỹ nghệ hoặc biểu diễn các loại hình văn hóa dân gian.

Điều hấp dẫn du khách chính là vẻ đẹp chân chất của người dân ở các bản làng, cảnh quan ở đây còn hoang sơ, những phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số còn được lưu truyền lại chưa bị mai một trong cuộc sống

hiện đại. Theo số liệu của Sở Văn hóa thể Thao và Du lịch Lào Cai, 9 tháng đầu năm 2009, du lịch bản làng của Lào Cai đã thu hút 32.000 lượt du khách.

Du lịch dựa cộng đồng đem lại lợi ích thiết thực đối với người dân, vì phát huy thế mạnh của mô hình này người dân có được nguồn thu trực tiếp từ các dịch vụ cung cấp cho khách, thực tế những nguồn thu này nhiều khi còn lớn hơn nhiều so với sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, phát triển du lịch sẽ đẩy mạnh mở mang, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đem lại lợi ích gián tiếp cho người dân địa phương đặc biệt là những người nghèo. Hơn nữa, một số lợi ích thiết thực khác như tăng thu nhập, tạo thêm việc làm, cơ hội giao lưu văn hóa ngày càng được mở rộng và đặc biệt là ý thức xã hội về bảo tồn văn hóa ngày càng được nâng cao.

Du lịch Lào Cai đã quan tâm đẩy mạnh khai thác các tuyến, điểm du lịch cộng đồng ở Sa Pa. Ở Sa Pa có các điểm nổi tiếng được du khách đặc biệt quan tâm như Bãi đá cổ thuộc các xã Hầu Thào, Sủ Pán và Tả Van; điểm du lịch thôn Tả Phìn, xã Tả Van, điểm du lịch Cầu Mây ở thôn Tả Chải xã Bản Hồ...Điều đặc biệt là phần lớn các tuyến điểm này đều ở những nơi có nhiều chân ruộng bậc thang, vừa qua bạn đọc của tạp chí Du lịch và Nghỉ dưỡng (Mỹ) đã bình chọn ruộng bậc thang Sa Pa của Việt Nam là một trong thắng cảnh đẹp nhất thế giới và nằm trong 7 ruộng bậc thang đẹp nhất Châu Á. Đây cũng là nơi đa sắc tộc như Mông, Dao, Giáy, Tày, Xa Phó sinh sống rất hấp dẫn đối với khách du lịch khám phá cảnh quan thiên nhiên và tìm hiểu văn hóa dân tộc vùng cao.

Theo số liệu của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai, hiện nay tại xã Tả Van (Sa Pa) có trên 30 hộ tham gia kinh doanh các dịch vụ du lịch dưới sự quản lý trực tiếp của Ban quản lý du lịch cộng đồng. Các hộ kinh doanh cũng được Ban quản lý quán triệt các quy định về an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, văn hóa ứng xử...phục vụ khách du lịch. Khách du lịch đến bản để

ngủ nghỉ, thưởng thức cảnh đẹp, tìm hiểu về đời sống sinh hoạt của đồng bào chỉ phải trả phí lưu trú 40.000 đồng/người/đêm; các hộ kinh doanh cũng tham gia bán hàng lưu niệm, dịch vụ ăn uống phục vụ du khách, nâng thu nhập bình quân từ kinh doanh du lịch lên 25 đến 27 triệu đồng/hộ/năm, góp phần tích cực vào công tác xóa đói giảm nghèo.

Để khai thác có hiệu quả tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch Lào Cai đã đưa vào khai thác thí điểm các tuyến du lịch cộng đồng tại 3 huyện vùng cao là Bắc Hà, Si Ma Cai và Mường Khương. Các huyện này có thế mạnh nổi trội hơn về phong cảnh núi non hùng vĩ, hang động, thác nước đẹp và bản sắc văn hóa nguyên bản của đồng bào các dân tộc thiểu số Lào Cai sẽ hấp dẫn và thu hút du khách trong và ngoài nước.

2.3.3.2. Mô hình thí điểm tại bản Sín Chải, Sa Pa-Lào Cai

Năm 2001, Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) cùng với Tổ chức Phát triển Hà lan (SNV) đã xây dựng một chương trình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại Bản Sín Chải trong khuôn khổ dự án " *Tăng cường năng lực cho các sáng kiến về du lịch bền vững* ". Tiêu chí của mô hình là thúc đẩy cộng đồng tham gia các dịch vụ du lịch nhằm góp phần phát triển bền vững cộng đồng, bảo tồn được tài nguyên thiên nhiên và giá trị văn hóa cộng đồng. Chính vì thế mô hình du lịch tại bản Sín Chải còn được gọi là Du lịch sinh thái cộng đồng (*Community - Based Ecotourist*).

Đặc điểm bản Sín Chải- Lào Cai: Bản Sín Chải cách thị trấn Sa Pa khoảng 4 km, nằm trên sườn núi thuộc dãy Hoàng Liên, phần lớn địa phận của Bản nằm trong hoặc sát kề với Vườn quốc gia Hoàng Liên với những dãy rừng nguyên thủy bạt ngàn với hệ sinh thái đa dạng và quý hiếm. Nơi đây chủ yếu là người dân tộc H' Mông có khoảng 120 hộ gia đình di cư từ Trung quốc sang từ thế kỷ thứ 17. Cuộc sống dựa vào sự du canh, du cư, canh tác nương rẫy và khai thác các sản phẩm từ rừng. Dân tộc H'Mông sống tại Bản Sin

Chải có một truyền thống văn hóa dân tộc đặc sắc như: Có phong tục tập quán, tín ngưỡng riêng tồn tại hàng ngàn đời nay, có một kho tàng về các điệu múa, các bài hát tiếng dân tộc, có hàng thủ công mỹ nghệ như vải, quần áo mang đặc trưng riêng của dân tộc. Người H'Mông rất tin vào các thế lực siêu nhiên như: Ma rừng, Ma cột nhà.. .

Do điều kiện địa lý, thủy văn và phong tục tập quán nên người dân ở đây chỉ canh tác một vụ lúa, nên thóc gạo không đủ trang trải quanh năm nhiều nhà đã phải chịu thiếu gạo khoảng 2-3 tháng/năm. Người phụ nữ H'Mông cần cù chịu khó, chăm chỉ làm việc làm việc quanh năm, không khi nào được nghỉ tay nên hầu hết nhà nào cũng có nghề khác làm thêm như: chăn nuôi, thêu dệt hàng thổ cẩm trong đó hàng thổ cẩm được đánh giá rất cao về tính thẩm mỹ. Cộng đồng người H'Mong luôn luôn du canh du cư, họ luôn thay đổi địa điểm sinh sống và canh tác nên tác động ảnh hưởng rất lớn đối với tài nguyên thiên nhiên. Về tính cách cư sử và quan hệ. người H'Mông do điều kiện sinh hoạt khó khăn chật vật.

** Quá trình xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng:*

- Lựa chọn điểm phát triển mô hình. Ban quản lý chương trình đã nghiên cứu tổng hợp các vấn đề có liên quan đến chương trình như: đặc điểm dân cư, đặc điểm tài nguyên để đưa ra đánh giá được độ hấp dẫn, tính nhạy cảm và khả năng tham gia của cộng đồng. Trong quá trình nghiên cứu lựa chọn điểm có sự tham gia phối hợp của cộng đồng dân cư

- Tiến hành nghiên cứu khả thi. Nghiên cứu khả năng có thể bảo tồn được tài nguyên, bảo tồn giá trị văn hoá phong tục tập quán. Cũng như khả năng phát triển du lịch, thu hút khách du lịch, các lợi ích do du lịch mang lại cho cộng đồng, nghiên cứu khả năng nguồn tài chính giúp đỡ cộng đồng và nguồn lực khác có ảnh hưởng đến việc xây dựng mô hình.

- Xác định tiềm năng và nhu cầu thị trường. Xác định khả năng cung cấp các dịch vụ du lịch của cộng đồng, xu hướng thị trường khách du lịch

- Hoạch định đường lối chính sách và lập kế hoạch thực hiện. Nêu ra các định hướng phát triển du lịch, định hướng bảo tồn tài nguyên và môi trường để có các chính sách thích hợp

- Phát triển cơ cấu tổ chức và lao động. Xác định khâu điều hành quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý, vai trò tham gia cộng đồng và cơ cấu tổ chức điều hành hoạt động của mô hình.

- Xây dựng bồi dưỡng trình độ chuyên môn và năng lực cho cộng đồng. Xây dựng các chương trình nâng cao năng lực thông qua các chuyên tham quan, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về các nghiệp vụ dịch vụ du lịch

- Quảng cáo các sản phẩm dịch vụ du lịch. Đây là vấn đề khó khăn đối với cộng đồng vì hạn chế về trình độ, cơ sở vật chất cũng như tài chính vì vậy cần có sự đóng góp của các cán bộ dự án.

- Đánh giá. Rà soát lại các bước quá trình thực hiện, từ đó đưa ra các nhận xét, đánh giá các mục tiêu, tiêu chí đặt ra ban đầu về công tác bảo tồn hệ sinh thái, văn hoá truyền thống của địa phương, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống và lợi ích kinh tế, xã hội của cộng đồng.

Kết quả đạt được về phát triển du lịch:

Hiện nay có khoảng 40 hộ gia đình tham gia các hoạt động cung cấp các dịch vụ cho khách khi đến tham quan du lịch tại bản Sín Chải. Dân bản đã tổ chức cung cấp nhà trọ, ăn uống và một số hộ đã sản xuất cung cấp lương thực thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh. Hướng dẫn, đưa đường khách thực hiện chương trình du lịch leo núi. Tổ chức các chương trình du lịch cho khách tham quan tìm hiểu về hệ sinh thái tại các dãy núi Phanxiphang. Tổ chức hướng dẫn khách tham quan làng bản tìm hiểu về văn hoá, phong tục tập quán và cuộc

sống cộng đồng dân tộc. Tổ chức các chương trình văn nghệ biểu diễn phục vụ khách. Trình diễn các hoạt động sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thêu và dệt.

Về kinh tế: Sự thành công bước đầu của mô hình là thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến tham quan làng bản. Doanh thu các dịch vụ du lịch 70% thuộc về dân bản, 15 % thuộc về Ban quản lý và hỗ trợ phát triển du lịch của làng, 10 % còn lại đóng góp vào quỹ phát triển cơ sở hạ tầng.

Về mặt văn hoá: Hoạt động du lịch đã nâng cao niềm tự hào của người dân trong bản về giá trị văn hoá bản địa đặc biệt cho thế hệ trẻ, cộng đồng dân cư nhận thấy trách nhiệm của mình đối với công tác bảo tồn nền văn hoá dân tộc.

Về mặt xã hội, nâng cao được vai trò làm chủ của cộng đồng, trách nhiệm của cộng đồng đối với mỗi thành viên và toàn xã hội, cải thiện được điều kiện sinh hoạt nông thôn, tạo ra sự đổi mới quan hệ và nhận thức tình cảm trong bà con người dân tộc, lòng hiếu khách của người dân, nâng cao được điều kiện sinh hoạt cơ sở hạ tầng nông thôn miền núi.

Về môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của bà con dân bản ngày càng được nhận thức cao hơn, có trách nhiệm đối với tài nguyên thiên nhiên. Môi trường vệ sinh trong bản ngày càng đẹp, gọn gàng ngăn nắp, rác thải được thu gom thường xuyên.

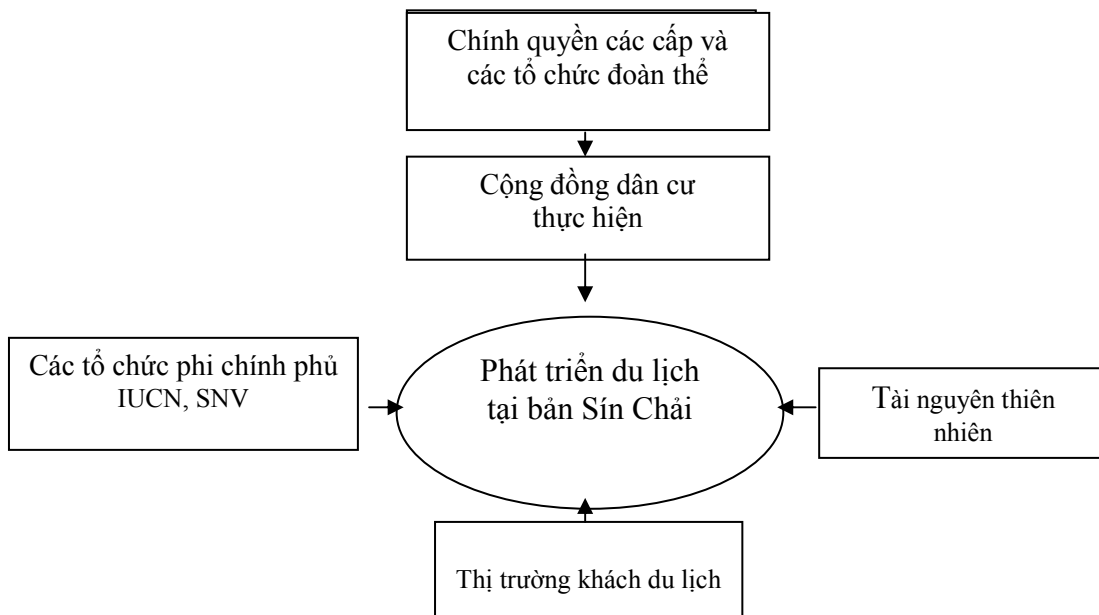
Mô hình phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng dân tộc tại bản Sín Chải- Lào Cai:

- *Các bên tham gia:* Ủy ban nhân dân các cấp có vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển du lịch địa phương thông qua Sở du lịch, phòng du lịch và Ban hỗ trợ phát triển du lịch. Vai trò khởi xướng và tư vấn của các tổ chức phi chính phủ như IUCN, SNV, FF và BRFW. Các tổ chức phi chính phủ này là nguồn cung cấp kỹ thuật, tư vấn các vấn đề kinh tế và

cung cấp tài chính. Vai trò của các tổ chức đoàn thể như: Hội phụ nữ, Hội nông dân gương mẫu đi đầu trong việc vận động các thành viên cộng đồng tham gia phát triển du lịch.

- *Cơ chế hoạt động của mô hình*: Mô hình hoạt động và phát triển chịu sự tác động của các nhân tố sau: nhân tố tổ chức hỗ trợ và quản lý, bao gồm Tổ chức phi chính phủ và chính quyền các cấp; nhân tố tác động là tài nguyên thiên nhiên và nhân văn tại bản Sín Chải và khách du lịch; nhân tố tham gia cung cấp các dịch vụ du lịch cho khách và tham gia bảo tồn tài nguyên môi trường thiên nhiên của cộng đồng dân tộc H'Mông.

- *Mô tả mô hình dưới dạng không gian*



Mô hình 2.1 Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại bản Sín Chải- Sa Pa [7]

**** Một số nhận xét đánh giá***

Mặc dù còn nhiều khó khăn về điều kiện để triển khai các đề án phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo (như nguồn lực hạn chế, tác động

khủng hoảng kinh tế khu vực suy giảm lượng khách...), nhưng ngành du lịch Lào Cai đã có những nỗ lực và đạt được những thành tích nhất định trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Ngoài việc phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch Lào Cai đã bước đầu triển khai thí điểm mô hình du lịch dựa vào cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy hiện nay mô hình thí điểm tại bản Sín Chải chưa được phát triển và nhân rộng, các điểm du lịch nổi tiếng khác ở Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương chưa phát huy được thế mạnh để triển khai du lịch dựa vào cộng đồng, nhưng ngành du lịch Lào Cai đã và đang triển khai thí điểm các mô hình, loại hình du lịch, tuyến, điểm du lịch nhằm mục tiêu phát triển du lịch bền vững. Hướng thí điểm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng của du lịch Lào Cai hiện nay mới chỉ là thí điểm các tuyến du lịch cộng đồng như đã trình bày ở phần trên.

Phát huy những lợi thế có những địa danh du lịch nổi tiếng như Sa Pa, Bắc Hà, các làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc, rèn đúc, nấu rượu... du lịch Lào Cai đã chú trọng phát triển các loại hình du lịch gắn với việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống để phấn đấu mục tiêu phát triển kinh tế du lịch bền vững. Qua đánh giá các chương trình dự án, mô hình phát triển du lịch, có thể thấy sự phát triển của du lịch dựa vào cộng đồng ở Sa Pa đã đóng góp một phần cho công cuộc xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc các làng bản. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo cần thiết phải được đánh giá, tổng kết và nhân rộng.

2.4. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐỐI VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở LÀO CAI

2.4.1. Đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh

Du lịch đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội của Lào Cai. Tỷ trọng GDP của du lịch/GDP của tỉnh tăng dần qua các năm, năm 2001 là 0,2%, năm 2005 là 0,5% và năm 2008 ước tính là 1,1% (xem Phụ lục 1).

Năm 2007 tốc độ tăng trưởng kinh tế của Lào Cai đạt 14%, vượt 0,5% so với kế hoạch, cơ cấu kinh tế trong từng ngành, từng lĩnh vực có chuyển biến tích cực. Tỷ trọng Nông lâm nghiệp 31,1%, giảm 0,3% so với kế hoạch; Công nghiệp - Xây dựng cơ bản 29,5% đạt kế hoạch đề ra; dịch vụ trong đó có du lịch 39,4% vượt 0,3% so với kế hoạch. Các chỉ tiêu về giải quyết việc làm mới, đào tạo nghề, xóa đói giảm nghèo đạt mục tiêu đề ra.

Năm 2008, mặc dù ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới gây khó khăn cho Việt Nam nói chung và với Lào Cai nói riêng, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế của Tỉnh vẫn duy trì ở mức cao, GDP tăng 12%. Trong đó khu vực Nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,6%, Công nghiệp và xây dựng tăng 20% và dịch vụ tăng 11,8%[28].

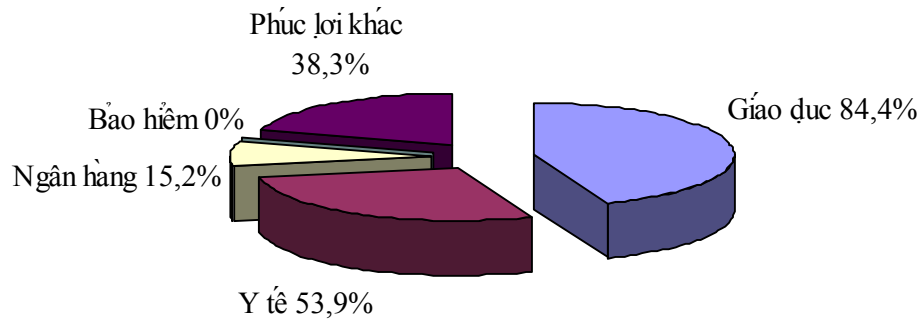
Hoạt động du lịch của Lào Cai đã đạt được những kết quả đáng kể, số lượt khách du lịch năm 2001 đến Lào Cai là 265.000, trong đó khách du lịch quốc tế là 146.000 lượt khách và nội địa là 119.000 lượt khách. Năm 2005 tổng số lượt khách du lịch đến Lào Cai là 510.000, tăng 1,92 lần so với năm 2001; trong đó khách du lịch quốc tế là 180.000 lượt khách và nội địa là 330.000 lượt khách. Năm 2008 tổng số lượt khách du lịch đến Lào Cai là 667.000, tăng 1,3 lần so với năm 2005 và 2,5 lần so với năm 2001; trong đó khách du lịch quốc tế là 338.000 lượt khách và nội địa là 329.000 lượt khách (xem Phụ lục 2).

Lượng khách du lịch tăng lên qua các năm thể hiện sự đóng góp của du lịch đối tăng trưởng kinh tế của Tỉnh, tạo ra lợi ích cho người nghèo thông qua việc phát triển các dịch vụ phục vụ ăn uống, bán hàng lưu niệm;

đồng thời còn tạo nguồn thu cho cộng đồng và các ngành kinh tế khác phát triển. Khi du lịch phát triển, nơi nhận khách không chỉ được hưởng lợi từ những chi tiêu trực tiếp của khách du lịch mà còn từ những công việc mà ngành du lịch tạo ra cũng như sự thúc đẩy và hỗ trợ của du lịch tới các ngành kinh tế khác của địa phương.

Đóng góp của du lịch vào tăng trưởng kinh tế của Lào Cai ngày càng cao. Theo số liệu của Sở Tài chính Lào Cai, thu ngân sách từ các đơn vị kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng giai đoạn 2006 - 2008 bình quân đạt gần 15 tỷ đồng/năm. Thông qua hoạt động du lịch, nhiều ngành nghề, dịch vụ phát triển theo làm cho cơ cấu kinh tế của địa phương có sự chuyển dịch và đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của Tỉnh. Sa Pa là một ví dụ điển hình. Theo số liệu của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai, 6 tháng đầu năm 2009 Sa Pa đón được 173.341 lượt khách, tăng 18% so với cùng kỳ; thu phí du lịch đạt 862 triệu đồng.

Kết quả điều tra xã hội học phục vụ Luận án được tiến hành tháng 10 năm 2009 tại 3 huyện của Lào Cai (Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai) với 300 phiếu phát ra, thu về 269 phiếu cho thấy phát triển du lịch đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Phát triển du lịch không những đóng góp cho tăng trưởng kinh tế mà còn thúc đẩy các các lĩnh vực khác phát triển. Theo kết quả điều tra, 84,4% số cư dân được hỏi cho rằng kể từ khi có hoạt động du lịch ngành giáo dục tại địa phương được cải thiện; 53,9% số người được hỏi cho rằng kể từ khi có hoạt động du lịch ngành y tế tại địa phương được cải thiện tốt hơn; 15,2% số người được hỏi cho rằng kể từ khi có hoạt động du lịch ngành ngân hàng tại địa phương được cải thiện; và 38,3% số người được hỏi cho rằng kể từ khi có hoạt động du lịch các phúc lợi khác tại địa phương được cải thiện. Kết quả điều tra xã hội học được thể hiện qua Biểu đồ số 2.2.



Biểu đồ 2.2: Kết quả điều tra về các hoạt động lĩnh vực kinh tế - xã hội được cải thiện khi có hoạt động du lịch tại địa phương

Tóm lại, qua các số liệu công bố chính thức thì du lịch đã có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của Lào Cai thể hiện qua sự so sánh sự tăng trưởng của hoạt động du lịch trong khu vực dịch vụ so với ngành nông, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng của Tỉnh. Theo kết quả điều tra xã hội học cũng khẳng định hoạt động du lịch đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển kinh tế - xã hội và đã thúc đẩy các lĩnh vực khác phát triển tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cuộc sống của dân cư địa phương.

2.4.2. Tạo ra lợi ích cho dân cư địa phương góp phần xóa đói giảm nghèo

Doanh thu du lịch tăng qua các năm thể hiện sự đóng góp của du lịch đối với việc tăng thêm thu nhập cho cộng đồng địa phương trong đó có những người nghèo. Doanh thu du lịch năm 2001 của du lịch Lào Cai là 54,3 tỷ đồng; năm 2005 là 215 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 4 lần so với năm 2001; năm 2008 là 434 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 8 lần so với năm 2001 và 2 lần so với năm 2005 (xem Phụ lục 1).

Doanh thu du lịch có thể được chia ra hai loại, doanh thu của ngành du lịch và doanh thu xã hội từ du lịch do khách du lịch chi tiêu mang lại. Các khoản thu từ hoạt động du lịch và du khách được tái chi tiêu trong nền kinh tế tạo ra hiệu ứng số nhân kinh tế. Hệ số nhân càng lớn thì tác động kinh tế từ du lịch càng mạnh và lợi ích kinh tế từ du lịch càng lớn.

Theo số liệu tại Phụ lục 1, doanh thu của ngành du lịch Lào Cai được phân theo hai tiêu chí, đó là: theo cơ cấu khách du lịch quốc tế, nội địa và theo cơ cấu theo dịch vụ như dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ vận chuyển khách du lịch, dịch vụ bán hàng hoá. Doanh thu xã hội từ du lịch có thể kể ra từ các dịch vụ khác như dịch vụ y tế, bảo hiểm, ngân hàng, bưu điện, giao thông công cộng... Đối với loại doanh thu này, theo khảo sát hiện nay Lào Cai chưa có thống kê cụ thể.

Nếu xét doanh thu du lịch cơ cấu theo dịch vụ chúng ta thấy doanh thu dịch vụ ăn uống và mua sắm tăng rất nhanh qua các năm. Đối với dịch vụ ăn uống, doanh thu năm 2001 là 13,6 tỷ đồng; năm 2005 là 53,8 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 4 lần so với năm 2001; năm 2008 là 108,5 tỷ đồng, tăng 8 lần so với năm 2001 và tăng xấp xỉ 2 lần so với năm 2005. Đối với dịch vụ mua sắm, doanh thu năm 2001 là 6,5 tỷ đồng; năm 2005 là 25,8 tỷ đồng, tăng 3,96 lần so với năm 2001; năm 2008 là 73,9 tỷ đồng, tăng 11,4 lần so với năm 2001 và tăng xấp xỉ 3 lần so với năm 2005.

Số liệu tăng trưởng nhanh về doanh thu dịch vụ ăn uống và dịch vụ mua sắm có thể chứng minh cho sự đóng góp có ý nghĩa về mặt kinh tế của du lịch đối với cộng đồng dân cư địa phương của Lào Cai nói chung và của những người nghèo nói riêng thông qua các hoạt động kinh doanh phục vụ ăn uống, nuôi trồng, làm nghề thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm lưu niệm.

Mức chi tiêu bình quân của một ngày khách tăng cũng thể hiện sự đóng góp của du lịch tạo ra lợi ích cho người dân địa phương của Lào Cai. Mức chi

tiêu bình quân/ngày khách tại Lào Cai năm 2001 là 7,5 USD đối với khách quốc tế và 115.000 đồng đối với khách nội địa. Số liệu này của năm 2005 là 16 USD đối với khách quốc tế và 110.000 đồng đối với khách nội địa. Năm 2008 là 15,5 USD đối với khách quốc tế và 160.000 đồng đối với khách nội địa (xem Phụ lục 1). Năm 2008 là năm hết sức khó khăn đối với ngành du lịch do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, các chỉ tiêu trên vẫn giữ được là một thành quả của du lịch Lào Cai.

Như trên đã trình bày, doanh thu xã hội từ hoạt động du lịch của Lào Cai chưa được lượng hóa một cách cụ thể, nên việc đánh giá đóng góp của hoạt động du lịch đối với tạo ra lợi ích cho người dân nói chung và người nghèo nói riêng còn hạn chế. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào chỉ tiêu mức chi tiêu bình quân của một ngày khách từ hai nguồn số liệu độc lập có thể thấy được những đóng góp của Du lịch Lào Cai đối với xóa đói giảm nghèo.

Theo kết quả điều tra chi tiêu của khách du lịch năm 2005 do Tổng cục Thống kê (theo Quyết định số 1083/QĐ-TCTK ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê tiến hành trên 26 tỉnh, thành phố trọng điểm về du lịch), số liệu về mức chi tiêu bình quân một ngày khách du lịch quốc tế và mức chi tiêu bình quân một ngày khách trong nước khác so với số liệu mức chi tiêu bình quân một ngày khách của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai tại Phụ lục 1 như sau:

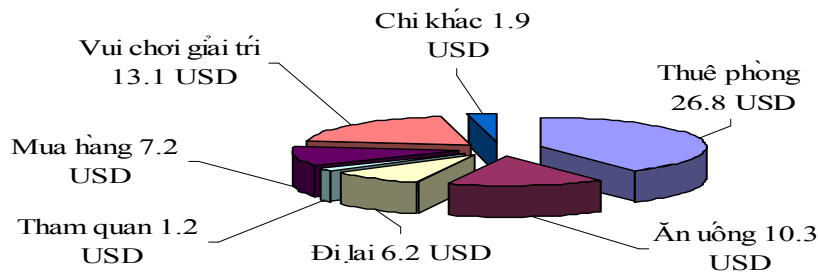
Về mức chi tiêu bình quân một ngày khách quốc tế:

Theo số liệu của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai năm 2005, mức chi tiêu bình quân một ngày khách quốc tế là 16 USD, chưa phân chia được các khoản chi cho thuê phòng, ăn uống, tham quan, mua hàng, vui chơi giải trí, chi khác (xem Phụ lục 1).

Theo số liệu điều tra chọn mẫu của Tổng cục Thống kê năm 2005, tổng mức chi tiêu bình quân một ngày khách quốc tế đến Lào Cai là 66,7 USD

ngày. Trong đó chi cho thuê phòng là 26,8 USD, ăn uống là 10,3 USD, đi lại là 6,2 USD, tham quan là 1,2 USD, mua hàng là 7,2 USD, vui chơi giải trí là 13,1 USD, chi khác là 1,9 USD (xem Biểu đồ 2.3).

**Mức chi tiêu bình quân khách du lịch quốc tế ở
Lào cai năm 2005: Tổng số 66,7 USD ngày
khách**



Biểu đồ 2.3 Mức chi tiêu bình quân khách du lịch quốc tế ở Lào Cai 2005
Nguồn: Kết quả điều tra chi tiêu của khách du lịch năm 2005 – Tổng cục Thống kê

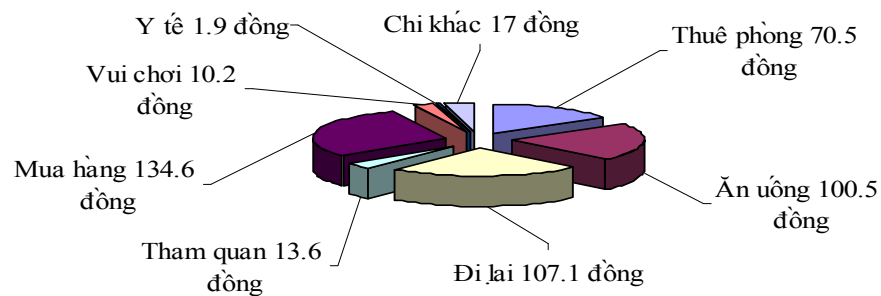
Số chi tiêu trên còn chưa bóc tách được các chi tiêu của khách du lịch quốc tế về dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế...

Qua hai nguồn số liệu trên có thể thấy chênh lệch giữa số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê và của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai về mức chi tiêu bình quân một ngày khách du lịch quốc tế là 50,7 USD ngày, chiếm 76,01% tổng mức chi tiêu một ngày khách. Qua số liệu này có thể thấy số liệu của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai được thống kê theo báo cáo của các doanh nghiệp du lịch thể hiện doanh thu của ngành du lịch Lào Cai. Số liệu điều tra chọn mẫu của Tổng cục Thống kê cùng thời điểm và tại cùng địa điểm; số tiền này thực tế đã được khách du lịch tiêu dùng tại địa bàn Lào Cai, vì vậy, có thể được tính cho cả doanh thu của ngành du lịch và doanh thu xã hội từ du lịch.

Về mức chi tiêu bình quân một ngày khách trong nước:

Tương tự như đối với khách quốc tế, theo số liệu của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai năm 2005, mức chi tiêu bình quân một ngày khách trong nước là 110 nghìn đồng, chưa phân chia được các khoản chi cho thuê phòng, ăn uống, tham quan, mua hàng, vui chơi giải trí, chi khác (xem Phụ lục 1).

Mức chi tiêu bình quân khách trong nước ở Lào Cai năm 2005: Tổng số 455,4 nghìn đồng ngày



Biểu đồ 2.4 Mức chi tiêu bình quân khách du lịch trong nước ở Lào Cai 2005

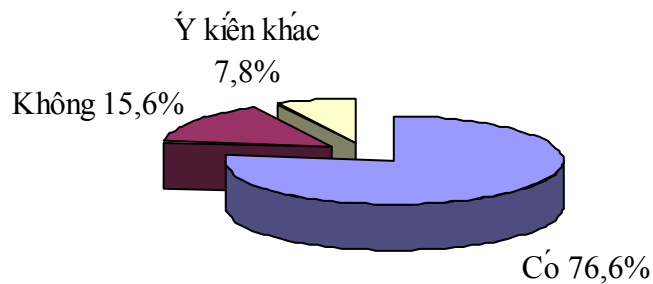
Nguồn: Kết quả điều tra chi tiêu của khách du lịch năm 2005 – Tổng cục Thống kê

Theo số liệu điều tra chọn mẫu của Tổng cục Thống kê năm 2005, tổng mức chi tiêu bình quân một ngày khách trong nước ở Lào Cai là 455,4 nghìn đồng ngày. Trong đó chi cho thuê phòng là 70,5 nghìn đồng, ăn uống là 100,5 nghìn đồng, đi lại là 107,1 nghìn đồng, tham quan là 13,6 nghìn đồng, mua hàng là 134,6 nghìn đồng, vui chơi giải trí là 10,2 nghìn đồng, y tế là 1,9 nghìn đồng, chi khác là 17 nghìn đồng. Số chi tiêu trên chưa bóc tách được các chi tiêu của khách du lịch trong nước về dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...(xem Biểu đồ 2.4)

Tương tự như đối với khách du lịch quốc tế, qua hai nguồn số liệu trên có thể thấy chênh lệch giữa số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê và của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai về mức chi tiêu bình quân một ngày

khách du lịch trong nước là 345,4 nghìn đồng ngày, chiếm 75,8% tổng mức chi tiêu một ngày khách. Số tiền này thực tế cũng đã được tiêu dùng tại địa bàn Lào Cai và có thể được tính cho cả doanh thu của ngành du lịch và doanh thu xã hội từ du lịch.

Kết quả điều tra xã hội học (Phụ lục 6. Phiếu xin ý kiến và Kết quả điều tra) cho thấy: có 76,6 % số cư dân tại địa bàn được hỏi cho rằng phát triển du lịch tại địa phương có cải thiện được cuộc sống của gia đình họ; 15,6% số người được hỏi cho rằng không cải thiện được cuộc sống của gia đình họ. Kết quả điều tra xã hội học được thể hiện qua Biểu đồ số 2.5.



Biểu đồ 2.5. Kết quả điều tra về cuộc sống của dân cư được cải thiện khi có hoạt động du lịch tại địa phương

Kể từ khi có hoạt động du lịch, đặc biệt là khi triển khai các chương trình tuyến du lịch cộng đồng tại các địa bàn nghèo có tài nguyên du lịch của Lào Cai, đời sống của người dân địa phương tại đây đã được cải thiện đáng kể. Thu nhập của người dân địa phương kể cả những người nghèo, không có kỹ năng nghề nghiệp đã được nâng lên so với trước đây khi chỉ làm những nghề truyền thống do cha ông họ để lại. Đặc biệt hầu hết các xã đều có các Đội văn nghệ phục vụ khách du lịch. Những bản làng có du lịch phát triển, tỷ

lệ đói nghèo giảm hẳn. Ví dụ ở làng Cát Cát năm 2000 có 30% hộ đói nghèo, thì đến năm 2009 chỉ còn 11,6% số hộ nghèo; làng Sín Chải, năm 2000 có tới 68% số hộ đói nghèo đến 6 tháng đầu năm 2009 chỉ còn 36,3% hộ nghèo.

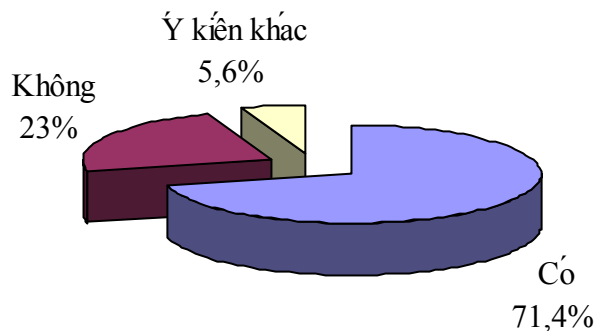
Cũng theo Kết quả điều tra xã hội học (Phụ lục 6) cho thấy: có 41,6 % số cư dân tại địa bàn được hỏi cho rằng thu nhập từ tham gia hoạt động du lịch chiếm khoảng 40% trong tổng thu nhập; 31,3% cho rằng chiếm khoảng 20%; 9,2% cho rằng chiếm khoảng 30%; chỉ có 2,3% số cư dân tại địa bàn được hỏi cho rằng thu nhập từ tham gia hoạt động du lịch chiếm khoảng 60% trong tổng thu nhập của gia đình. Thu nhập của cư dân địa phương từ các hoạt động phục vụ cho phát triển du lịch đã làm cho cuộc sống của họ tốt hơn so với trước đây chỉ dựa vào sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề truyền thống khác. Các địa bàn điều tra đều là các huyện nghèo so với mặt bằng chung của Tỉnh và của cả nước, trong khi đó hơn 40% số người được hỏi cho rằng thu nhập từ tham gia hoạt động du lịch chiếm khoảng 40% tổng thu nhập đã chứng minh được vai trò của du lịch đối với đời sống của người dân địa phương. Kết quả điều tra trên đã khẳng định tại các địa bàn có tài nguyên du lịch, nếu có định hướng phát triển du lịch một cách bền vững có thể tăng được lợi ích cho cư dân địa phương, giảm được tỷ lệ đói nghèo.

Tóm lại, qua các số liệu công bố chính thức thì sự tăng trưởng của du lịch Lào Cai trong giai đoạn 2001 - 2008 đã có những đóng góp tích cực cho việc tăng thu nhập, tạo ra lợi ích cho dân cư địa phương thông qua khoản thu từ du lịch và từ các ngành dịch vụ phục vụ cho khách du lịch. Theo kết quả điều tra xã hội học phục vụ Luận án cũng đã khẳng định những kết quả tương tự. Thu nhập từ tham gia hoạt động du lịch đã tạo ra cuộc sống của người dân địa phương tốt hơn so với việc chỉ tham gia vào các ngành nghề truyền thống. Phát triển du lịch tại địa phương đã cải thiện được cuộc sống của dân cư địa phương trong đó có người nghèo.

2.4.3. Giải quyết việc làm cho cư dân địa phương góp phần xóa đói giảm nghèo

Du lịch phát triển đã tạo ra nhiều việc làm cho người dân Lào Cai. Đến hết năm 2008 số lao động trực tiếp trong ngành du lịch Lào Cai là 2.500 người (lao động gián tiếp là 5.000 người, nếu tính theo hệ số 2,2 là 5.500 người). Tại Sa Pa có 240 hướng dẫn viên thì đã có 95 HDV là người dân tộc thiểu số (chiếm gần 40%).

Kết quả điều tra xã hội học đã được thực hiện tại Sa Pa, Bắc Hà và Si Ma Cai cho thấy có 71,4 % số cư dân tại địa bàn được hỏi cho rằng phát triển du lịch tại địa phương có tạo thêm việc làm cho gia đình họ và 23% cho rằng không tạo thêm việc làm khi phát triển du lịch tại địa phương họ (xem Biểu đồ số 2.6).



Biểu đồ 2.6. Kết quả điều tra về tạo công ăn việc làm khi có hoạt động du lịch tại địa phương

Sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, vai trò của du lịch trong xóa đói, giảm nghèo ngày càng rõ nét. Du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm ở Lào Cai có xu thế phát triển tốt. Tuyến du lịch sông Chảy - Cốc Ly (Bắc Hà) đã có 40 thuyền thường xuyên chở khách du lịch mang lại thu nhập khá cao cho các

chủ thuyền. Các tuyến du lịch sinh thái trong Vườn Quốc gia Hoàng Liên cũng ngày càng thu hút khách quốc tế, đặc biệt là tuyến du lịch Fansipan.

Các tuyến du lịch cộng đồng phát triển nhanh đã tạo thêm nhiều việc làm cho cộng đồng dân cư địa phương. Theo số liệu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lào Cai, trong 3 năm đã có 206.000 lượt khách du lịch đi theo tuyến du lịch cộng đồng. Tại các bản làng có hoạt động du lịch, nhiều gia đình đã chuyển sang làm dịch vụ du lịch, hiện tại đã có 80 nhà nghỉ lưu trú tại gia ở một số xã. Mức thu bình quân một năm từ du lịch của một hộ kinh doanh lưu trú tại gia đạt 30 triệu đồng/năm.

Đối với cư dân địa phương, khi phát triển du lịch nghề nghiệp của họ đã có những thay đổi đáng kể, nhiều gia đình đã bỏ nghề truyền thống (chủ yếu là nông nghiệp) chuyển sang làm dịch vụ du lịch như kinh doanh nhà nghỉ lưu trú, tham gia hướng dẫn du lịch. Đối với những hộ làm các nghề thủ công mỹ nghệ, du lịch phát triển tạo thêm lực cầu để phát triển sản xuất, đặc biệt là sản phẩm độc đáo của các đồng bào dân tộc thiểu số.

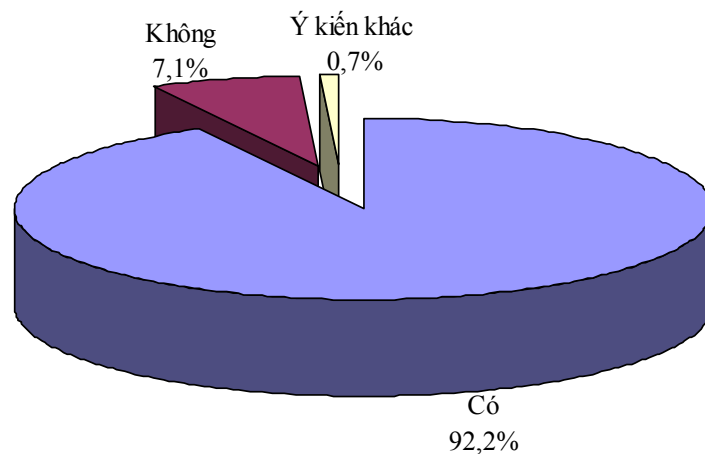
2.4.4. Phát triển hạ tầng cơ sở giúp cải thiện cuộc sống của người nghèo

Hạ tầng cơ sở phát triển đã cải thiện cuộc sống của người nghèo, khả năng tiếp cận với nước sạch, đường xá giao thông, giáo dục, y tế giúp cho giảm đói nghèo được tăng lên. Theo kết quả điều tra xã hội học, phần lớn số người được hỏi đều cho rằng kể từ khi có hoạt động du lịch, giáo dục và y tế đã được cải thiện phục vụ cho cuộc sống của cư dân địa phương tốt hơn.

Đối với hạ tầng cơ sở cho phát triển du lịch, qua tình hình nêu ở phần trên cho thấy, cho đến nay các tuyến giao thông nối các khu, điểm du lịch đã được cải tạo, hệ thống thông tin liên lạc đã tương đối đảm bảo cung cấp cho nhu cầu tại các huyện, thành phố, các thôn bản có du lịch phát triển. Trong 3 năm (2006 - 2008), Lào Cai đã đầu tư hơn 34 tỷ đồng nâng cấp hệ thống tuyến du lịch Lào Cai, Sa Pa, Bắc Hà. Sự phát triển trên phần nào đã đáp ứng

được yêu cầu cho phát triển du lịch, đồng thời cũng đáp ứng cho nhu cầu của người nghèo trong đi lại và cung cấp thông tin.

Kết quả điều tra xã hội học đã được thực hiện cho thấy có 92,2 % số cư dân tại địa bàn được hỏi cho rằng kể từ khi có hoạt động du lịch, hệ thống đường xá đi lại tại địa phương có được cải thiện so với trước, chỉ có 7,1% cho là không được cải thiện so với trước khi phát triển du lịch (xem Biểu đồ số 2.7).



Biểu đồ 2.7. Kết quả điều tra về sự cải thiện của cơ sở hạ tầng khi có hoạt động du lịch tại địa phương

Theo đánh giá bộ mặt nông thôn ở Lào Cai đã có nhiều đổi mới, tiến bộ. Các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về cơ sở hạ tầng. Cơ sở hạ tầng xã hội được cải thiện, trong đó có đóng góp của hoạt động du lịch đã tạo điều kiện thuận lợi hơn, dễ dàng hơn cho tổ chức phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất các mặt hàng truyền thống, hàng lưu niệm phục vụ cho khách du lịch. Đời sống của nhân dân các dân tộc tiếp tục được cải thiện nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Đây có thể coi như đóng góp của du lịch cho việc xóa đói giảm nghèo.

2.4.5. Nâng cao dân trí và thể lực cho cộng đồng dân cư góp phần xóa đói giảm nghèo

Với sự tham gia của du lịch, công tác xóa đói giảm nghèo tại Lào Cai đã có những chuyển biến đáng kể, đặc biệt là nhân dân đã có nhận thức tự vươn lên thoát đói nghèo. Có thể nhận định tham gia vào hoạt động du lịch, dân trí của người dân Lào Cai đặc biệt là những người nghèo đã được nâng lên, người dân biết tiếp thu và ứng dụng các kỹ thuật vào trong quá trình sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, cũng như trồng trọt, chăn nuôi. Đa số hộ nghèo có cố gắng tự học nghề, tự tìm tòi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, tự tạo việc làm rất cố gắng phấn đấu để thoát nghèo. Điều này có thể nhận định có sự đóng góp tích cực của du lịch thông qua các chương trình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và các dự án du lịch cộng đồng đã tạo ý thức cho nhân dân đặc biệt là nhân dân các dân tộc thiểu số ý thức tự thoát nghèo.

Ngoài ra, tham gia vào hoạt động du lịch trình độ dân trí của người dân còn được nâng lên, tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa ngày càng được nâng lên, năm 2008 đạt 57,8%, dự kiến năm 2009 đạt 62,5% và năm 2010 đạt 80%.

Trong năm 2007, ước có trên 5,5 nghìn hộ thoát nghèo (tương đương tỷ lệ trên 5%). Hết năm 2007, tỷ lệ hộ đói nghèo còn lại trên địa bàn khoảng 26,3%. Năm 2008, tỷ lệ hộ nghèo ước giảm được 2,75 %, đạt 91,67%; tỷ lệ hộ nghèo còn lại của tỉnh khoảng 23,02%. Qua số liệu này cho thấy tỷ lệ hộ nghèo giảm sẽ làm cho tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em giảm đi đóng góp vào nâng cao thể lực của nhân dân góp phần vào xóa đói giảm nghèo của tỉnh.

CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Qua thực trạng phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo và các tiêu chí đánh giá tác động của phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo, có thể khẳng định trong những năm qua du lịch Lào Cai đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần cho công cuộc xóa đói giảm nghèo của Tỉnh. Tuy nhiên, để có thể phát triển du lịch một

cách bền vững góp phần xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai, một số vấn đề đặt ra cần phải tập trung nghiên cứu giải quyết như sau:

Thứ nhất, về lựa chọn mô hình phát triển du lịch. Trong những năm gần đây, du lịch Lào Cai đã bước đầu triển khai thí điểm mô hình du lịch dựa vào cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, mô hình thí điểm tại bản Sín Chải chưa được phát triển và nhân rộng, các điểm du lịch nổi tiếng khác ở Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương chưa phát huy được thế mạnh để triển khai du lịch dựa vào cộng đồng. Hiện nay, ngành du lịch Lào Cai đang thí điểm phát triển du lịch cộng đồng, mô hình này mới chỉ theo hướng phát triển các tuyến du lịch cộng đồng nhằm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước tham gia hoạt động leo núi, khám phá thiên nhiên và bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc miền núi; giới thiệu các làng nghề truyền thống, các bản làng văn hóa nhằm mục đích xóa đói giảm nghèo. Vì vậy, cần thiết phải tổng kết, đánh giá những mặt được, những mặt chưa được, các điều kiện để triển khai mô hình, để có những giải pháp nhân rộng mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.

Thứ hai, về lựa chọn loại hình du lịch. Hiện tại, du lịch Lào Cai đã triển khai nhiều loại sản phẩm du lịch như du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch văn hóa, du lịch mua sắm hàng hóa, du lịch làng bản, chợ văn hóa vùng cao và du lịch tâm linh. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là để phát triển du lịch có thể phục vụ cho xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai, cần thiết phải phân tích, đánh giá, lựa chọn loại hình du lịch phù hợp với mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

Thứ ba, về chính sách, cơ chế, công tác quản lý nhà nước về du lịch. Hoạt động quản lý nhà nước về du lịch của Lào Cai trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tích, thúc đẩy ngành du lịch phát triển góp phần không nhỏ cho phát triển kinh tế - xã hội và công tác xóa đói giảm nghèo của Tỉnh.

Tuy nhiên, qua đánh giá, vẫn còn những hạn chế về công tác quản lý nhà nước kể cả việc ban hành khuôn khổ pháp lý cho ngành du lịch phát triển phục vụ cho công tác xóa đói giảm nghèo và công tác quản lý ngành du lịch của các cơ quan chức năng liên quan của Tỉnh. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần nghiên cứu đưa ra các giải pháp về chính sách, cơ chế một cách đồng bộ để phát triển du lịch có thể phục vụ xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

1. Lào Cai là tỉnh giàu tiềm năng du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn, với địa hình và khí hậu đặc trưng, có truyền thống lịch sử lâu đời và là nơi tập trung của nhiều dân tộc khác nhau và có một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc. Với nguồn tiềm năng đa dạng và phong phú, Lào Cai có điều kiện để phát triển một nền kinh tế tổng hợp nhiều thành phần, trong đó du lịch là một ngành kinh tế có triển vọng phát triển lớn và hứa hẹn giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh.

2. Trong thời gian từ 2001 đến 2008, du lịch Lào Cai đã có những chuyển biến đáng kể đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Sự phát triển bền vững của du lịch Lào Cai được thể hiện qua các chỉ tiêu tăng trưởng khách du lịch, doanh thu từ hoạt động du lịch đóng góp cho tăng trưởng GDP của tỉnh, sự phát triển của các sản phẩm du lịch, các cơ sở lưu trú phục vụ khách du lịch, khai thác và bảo tồn các tài nguyên du lịch. Các chương trình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, mô hình du lịch cộng đồng được triển khai đã góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đặc biệt đã góp một phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của địa phương.

3. Công tác xóa đói giảm nghèo tại Lào Cai đã được chú trọng thực hiện, nhân dân các dân tộc đặc biệt là người nghèo trong tỉnh đã có những chuyển biến đáng kể về nhận thức tự vươn lên thoát đói nghèo. Tuy nhiên, kết

quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ nghèo phát sinh và tái nghèo còn cao; tình trạng người lao động chưa qua đào tạo; hạ tầng cơ sở nông thôn còn thấp kém, thiếu tính bền vững, đặc biệt là giao thông, nước sạch và thủy lợi.

4. Thu nhập của du lịch tăng qua các năm đã tạo ra lợi ích cho người nghèo, giải quyết việc làm cho dân cư địa phương, hạ tầng cơ sở phát triển với sự tham gia của du lịch đã cải thiện cuộc sống của người nghèo. Phát triển du lịch theo hướng dựa vào cộng đồng thông qua loại hình du lịch sinh thái, mạo hiểm đã góp phần cho công tác xóa đói giảm nghèo. Tại chương này, ngoài việc đánh giá các tác động của phát triển du lịch đối với xóa đói giảm nghèo, luận án đã khảo sát, đánh giá các điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo qua việc đáp ứng các điều kiện chung để phát triển du lịch, các điều kiện đặc trưng để du lịch có thể gắn với công tác xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.

5. Mặc dù ngành du lịch đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, góp một phần không nhỏ vào giảm tỷ lệ hộ nghèo chung nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục từ công tác quản lý nhà nước về du lịch đến công tác quản lý ngành của các cơ quan chức năng và hoạt động của các doanh nghiệp du lịch. Trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch và Chương trình xóa đói giảm nghèo của Lào Cai, du lịch chưa được xác định là một ngành chính góp phần cho công cuộc xóa đói giảm nghèo của địa phương. Nếu không có các giải pháp hữu hiệu như giải pháp lựa chọn loại hình du lịch và mô hình phát triển du lịch một cách đúng đắn, giải pháp chính sách cơ chế phát triển du lịch, các chính sách trợ giúp người nghèo thì đóng góp của du lịch cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và góp phần cho việc xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai nói riêng sẽ không đạt được kết quả như yêu cầu đặt ra.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở LÀO CAI

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở LÀO CAI

Lào Cai là một tỉnh có tiềm năng du lịch tự nhiên và nhân văn đa dạng, phong phú để phát triển du lịch. Ngành du lịch Lào Cai đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo. Công tác xóa đói giảm nghèo của Lào Cai trong những năm qua đã được các cấp các ngành quan tâm triển khai như lồng ghép các chương trình dự án, các nguồn vốn đầu tư hướng vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xóa đói giảm nghèo; ưu tiên phát triển những ngành, những địa bàn, dự án sớm đưa lại hiệu quả kinh tế, tạo ra nhiều việc làm góp phần xóa đói giảm nghèo. Du lịch là một ngành có thể tạo ra nhiều việc làm cả gián tiếp và trực tiếp, tăng thu nhập cho cư dân địa phương góp phần đắc lực cho công cuộc xóa đói giảm nghèo. Vì vậy, phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo cần phải dựa trên các quan điểm, mục tiêu phù hợp.

3.1.1. Quan điểm

Trong phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai cần quán triệt 4 quan điểm chủ yếu sau đây:

- Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai cần được coi là một hướng quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo của tỉnh. Do vậy, hướng phát triển này phải dựa trên các căn cứ định hướng chiến lược

phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, các quy hoạch, kế hoạch phát triển liên quan đến khu vực nông thôn và các cộng đồng dân cư còn gặp nhiều khó khăn; kế thừa kinh nghiệm phát triển du lịch xóa đói giảm nghèo thành công của quốc tế và một số địa phương trong nước.

- Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo là trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn dân tỉnh Lào Cai, dựa trên sự phối hợp liên ngành và các địa phương trong Tỉnh một cách chặt chẽ. Phải đặc biệt chú ý phát triển du lịch với sự tham gia của cộng đồng địa phương và mang lại lợi ích cho chính cộng đồng đó.

- Khai thác hợp lý và có hiệu quả các lợi thế về tiềm năng tài nguyên du lịch tại Lào Cai, nhưng phải có trọng điểm, hình thành mô hình mẫu, rút kinh nghiệm để triển khai nhân rộng ra toàn Tỉnh khi hội tụ đầy đủ các điều kiện.

- Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo phải tập trung tại những nơi có các cộng đồng còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, để phát huy ngay hiệu quả, nhưng phải bảo vệ tốt môi trường tự nhiên và văn hóa, an sinh xã hội theo hướng bền vững, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Lào Cai.

3.1.2. Mục tiêu

3.1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai phải đạt cả 3 mục tiêu là kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường; góp phần vào tăng trưởng kinh tế - xã hội; nâng cao thu nhập cho người dân, tạo thêm công ăn việc làm cho người dân, đặc biệt là người nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, khuyến khích việc bảo tồn và phát triển nền văn hoá dân tộc và khai thác, phát triển tài nguyên; bảo tồn hệ sinh thái; khống chế sự thay đổi của môi trường sinh thái; đồng thời bảo vệ duy trì sự cân bằng môi trường tự nhiên.

3.1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020; Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lào Cai đến năm 2010, trong đó du lịch và dịch vụ là ngành kinh tế chiếm vị trí quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; dự báo các tiềm năng du lịch và các nguồn lực khác của Tỉnh; hiện trạng phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành phục vụ du lịch Lào Cai; tình hình thực hiện đề án xóa đói giảm nghèo của tỉnh, mục tiêu cụ thể cần phấn đấu trong phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai có thể dự báo qua các chỉ tiêu cụ thể giai đoạn từ 2010-2020 như sau:

(1) Doanh thu du lịch

Năm 2010 dự kiến đạt 700 tỷ đồng, năm 2011 dự kiến đạt 840 tỷ đồng, năm 2012 dự kiến đạt 1.008 tỷ đồng, năm 2013 dự kiến đạt 1.209,6 tỷ đồng, năm 2014 dự kiến đạt 1.561,52 tỷ đồng, năm 2015 dự kiến đạt 1.741,82 tỷ đồng, năm 2020 dự kiến đạt 4.332 tỷ đồng.

(2) Tổng vốn đầu tư cho du lịch

Năm 2010 dự kiến đạt 407,7 tỷ đồng, năm 2011 dự kiến đạt 437,5 tỷ đồng, năm 2012 dự kiến đạt 469,4 tỷ đồng, năm 2013 dự kiến đạt 503,6 tỷ đồng, năm 2014 dự kiến đạt 540,4 tỷ đồng, năm 2015 dự kiến đạt 579,8 tỷ đồng, năm 2020 dự kiến đạt 813 tỷ đồng.

(3) GDP bình quân đầu người

Năm 2010 dự kiến đạt 13 triệu đồng người/năm, năm 2011 dự kiến đạt 15,47 triệu đồng người/năm, năm 2012 dự kiến đạt 18,4 triệu đồng người/năm, năm 2013 dự kiến đạt 21,9 triệu đồng người/năm, năm 2014 dự kiến đạt 26 triệu đồng người/năm, năm 2015 dự kiến đạt 31,8 triệu đồng người/năm, năm 2020 dự kiến đạt 63,1 triệu đồng người/năm.

(4) Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh

- Năm 2010 dự báo còn 20%, năm 2011 còn 17%, năm 2012 còn 14,8%, năm 2013 còn 12,92%, năm 2014 còn 9,89%, năm 2015 còn 5%, năm 2020 về cơ bản không còn hộ nghèo.

- Tỷ lệ giảm các năm như sau: năm 2010 là 3%, năm 2011 là 3%, năm 2012 là 4%, năm 2013 là 4%, năm 2014 là 5%, năm 2015 là 6%.

(5) Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa, năm 2010 là 80%, năm 2015 là 90%, năm 2020 là 95%.

(6) Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, năm 2010 là 26%, năm 2015 là 20%, năm 2020 còn 15%.

(7) Tạo công ăn việc làm mới, từ nay đến năm 2010 là 9,5 nghìn người, từ năm 2011 đến 2020 khoảng 5,5 nghìn người.

(8) Tỷ lệ người tập thể thao, năm 2010 là 20%, năm 2015 là 30%, năm 2020 là 40%.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở LÀO CAI

3.2.1. Xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo

Như đã trình bày tại Chương 2, hiện nay du lịch Lào Cai đã bước đầu triển khai thí điểm mô hình du lịch dựa vào cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, mô hình thí điểm tại bản Sín Chải chưa được phân tích, đánh giá thực trạng để có thể phát triển và nhân rộng mô hình này ra các địa bàn trong Tỉnh. Các điểm du lịch nổi tiếng khác ở các huyện nghèo của Lào Cai cũng chưa được ứng dụng mô hình phát triển du lịch phù hợp để phát huy được thế mạnh sẵn có về tài nguyên du lịch để góp phần xóa đói giảm nghèo. Mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo mới chỉ theo hướng phát triển các tuyến, điểm du lịch cộng đồng. Vì vậy, dựa trên cơ sở lý luận về mô hình du lịch dựa vào cộng đồng, kinh nghiệm thực tế của các nước và một

số địa phương trong nước và thực tế thí điểm mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại Lào Cai, cần thiết phải xây dựng, triển khai mô hình du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của Tỉnh.

3.2.1.1. Các tiêu chí để xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo

Tiêu chí đạt được của mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo cần phải đáp ứng và thỏa mãn các vấn đề sau:

- Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để bảo tồn giá trị tài nguyên thiên nhiên và nhân văn góp phần phát triển bền vững góp phần xóa đói giảm nghèo cho cư dân bản địa.

- Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là góp phần phát triển kinh tế địa phương, tạo thu nhập cho cộng đồng cư dân bản địa.

- Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tại một địa bàn phải đạt được giải quyết công ăn việc làm cho đại đa số người dân địa phương.

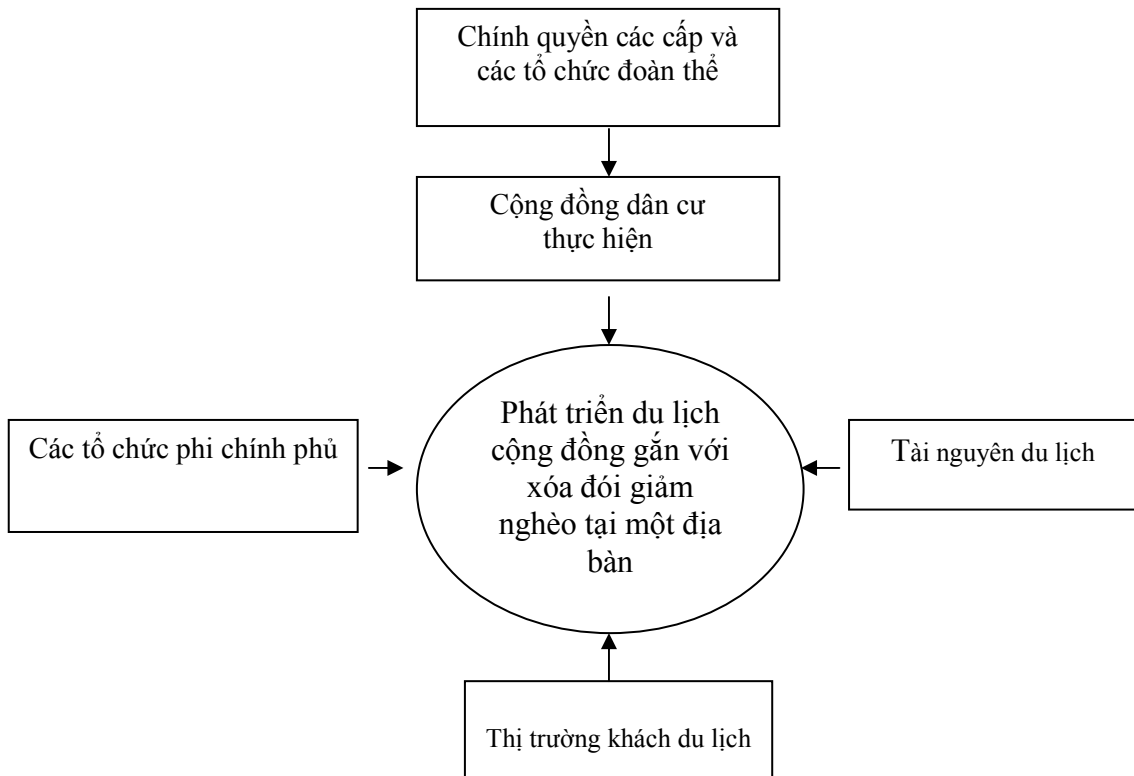
- Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là để khuyến khích cộng đồng xây dựng và tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của địa bàn để thu hút khách du lịch.

- Phát triển du lịch và xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng tại địa bàn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất cho cộng đồng dân cư.

- Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là để nâng cao trình độ và nhận thức cho cộng đồng cư dân địa phương.

3.2.1.2. Mô hình mẫu phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai

Dự kiến mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo như sau:



Mô hình 3.1 Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo

* Về địa điểm triển khai: cần cân nhắc và lựa chọn một số địa bàn để phát triển mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo, sau đó tổng kết rút kinh nghiệm nhân rộng ra các địa bàn khác. Trên địa bàn tỉnh Lào Cai, có thể cân nhắc các vùng có lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, khí hậu mát mẻ, có hệ động thực vật phong phú như huyện Sa Pa, Bát Xát ở phía Tây Bắc, huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương ở phía Đông Bắc, huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn ở phía Tây Nam của tỉnh Lào Cai.

Để đảm bảo mục tiêu của phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo, trước hết cần tiếp tục tổng kết đánh giá kinh nghiệm mô hình thí điểm tại bản Sín Chải – Sa Pa để nhân rộng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo ra các địa bàn khác. Về địa điểm triển khai, cần thiết phải lựa chọn địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo còn cao của Tỉnh để phát triển mô

hình này, cụ thể là các huyện Bắc Hà (50,24%), Si Ma Cai (62,5%), Mường Khương (57,87%).

** Xác định thành phần tham gia mô hình.*

Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển du lịch, vai trò cộng đồng dân cư tại địa bàn triển khai mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo, đề xuất các thành phần tham gia mô hình như sau:

- Chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể:

Phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tại một địa bàn cần phải nhận được sự ủng hộ tích cực của nhiều cấp chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại địa phương như: Ủy ban nhân dân các cấp có vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển du lịch địa phương thông qua Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai, Phòng Du lịch và tổ chức hỗ trợ phát triển du lịch xóa đói giảm nghèo.

Ngoài ra, phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo còn cần phải có sự hỗ trợ tham gia của các tổ chức đoàn thể tại địa bàn thì mới có thể thành công. Các tổ chức đoàn thể ở đây là tổ chức công đoàn, thanh niên, mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, hội nông dân tại địa bàn dự định triển khai phát triển du lịch xóa đói giảm nghèo của Lào Cai.

- Cộng đồng dân cư thực hiện:

Cộng đồng dân cư tại địa bàn tham gia thực hiện cần hiểu được mục đích của phát triển du lịch cộng đồng phục vụ cho xóa đói giảm nghèo tại địa phương mình, sẵn sàng hưởng ứng tham gia vào các chương trình hành động phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và văn hóa truyền thống mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống của họ.

Cộng đồng dân cư là người đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho phát triển du lịch như: các nhà nghỉ, nhà trọ phục vụ khách lưu trú, đầu tư vào hệ thống nhà hàng, quán phục vụ khách ăn uống, đầu tư vào phương tiện chuyên khách

du lịch. Cộng đồng dân cư cung cấp hàng hóa, lương thực thực phẩm, tham gia cung cấp các dịch vụ bổ sung. Cộng đồng dân cư góp vốn đầu tư và tổ chức thi công hệ thống đường xá nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng tại một vài điểm du lịch phục vụ khách đi lại và tham quan. Cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn tài nguyên nhân văn và góp phần quan trọng bảo vệ môi trường, giảm bớt ô nhiễm do hoạt động du lịch gây nên.

- Các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước:

Các tổ chức phi chính phủ là nguồn cung cấp về kỹ thuật, kinh nghiệm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng phục vụ cho xóa đói giảm nghèo, tư vấn cho các công ty lữ hành trong vấn đề tuyên truyền quảng cáo thu hút khách du lịch đến tham quan và đào tạo nguồn nhân lực. Vì vậy, cần phát huy và vận dụng một cách hiệu quả các trợ giúp kỹ thuật của các tổ chức này để phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tại Lào Cai nói riêng, sau đó tổng kết rút kinh nghiệm phát triển, nhân rộng áp dụng cho cả nước.

- Thị trường khách du lịch.

Thị trường khách du lịch có vai trò quan trọng đến mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo. Có khách du lịch tức là có cầu du lịch, có cầu mới có cung tức là các nhà cung cấp các cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch mà trong đó có cộng đồng dân cư là chủ yếu tại địa bàn phát triển du lịch. Giải pháp để thu hút được khách du lịch phải vận dụng đồng bộ các chính sách về marketing tổng hợp để thu hút khách du lịch.

3.2.1.3. Cơ chế để mô hình được thực hiện.

- Hoạt động phát triển du lịch có tham gia của cộng đồng dân cư tại địa bàn cần đặt dưới sự quản lý trực tiếp của chính quyền địa phương, và chỉ đạo

hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương.

Để đạt các mục tiêu phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên và nâng cao đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn, cần có quan tâm trực tiếp của chính quyền các cấp đặc biệt là chính quyền cơ sở cấp xã, lãnh đạo các thôn tại địa bàn triển khai mô hình. Công tác quản lý tập trung các lĩnh vực hướng dẫn, chỉ đạo thông qua các chính sách, cơ chế của các ngành các cấp tập trung thông qua bộ máy chính chính quyền địa phương.

- Để đạt các mục tiêu cơ bản cần có các chỉ tiêu giao khoán các nguồn thu cho các thôn, xã tại địa bàn phát triển du lịch. Để tạo ra môi trường thuận lợi trong kinh doanh, đảm bảo các lợi ích các bên tham gia trong đó chú trọng lợi ích của cộng đồng dân cư trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ cần tính toán một cách hợp lý các nghĩa vụ cần phải nộp trong đó có nộp ngân sách địa phương và cân nhắc hài hòa các mối quan hệ giữa các bên tham gia trong đó chú trọng mối quan hệ lợi ích kinh tế của cộng đồng và nhà nước, giữa địa phương thôn xã tại địa bàn.

- Thực hiện cơ chế tự quản của cộng đồng trong hoạt động cung cấp các dịch vụ và bảo vệ tài nguyên môi trường. Tự quản của cộng đồng có vai trò quan trọng đối với phát triển du lịch và công tác bảo vệ bảo tồn tài nguyên môi trường tại các điểm khu du lịch.

- Cơ chế hoạt động kinh doanh du lịch tại địa bàn cần tuân thủ cơ chế thị trường và các quy luật kinh tế có sự quản lý của Nhà nước. Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang chuyển sang nền kinh tế thị trường có định hướng XHCN. Vì vậy, hoạt động kinh doanh du lịch cũng phải chịu sự điều tiết của cơ chế thị trường trong đó có quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu khi đó mới đảm bảo cho du lịch phát triển. Điều tiết của thị trường tập trung vào giá

các sản phẩm dịch vụ hàng hoá đảm bảo thu hút khách du lịch và có lợi nhuận, để tránh tình trạng áp đặt giá hoặc bắt chẹt giá đối với khách du lịch.

- Cộng đồng thực hiện tham gia từ đầu các kế hoạch phát triển du lịch. Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững thì yếu tố cộng đồng dân cư được tham gia bàn bạc ngay từ đầu về các chủ trương, kế hoạch, cũng như trong quá trình triển khai, thực hiện các kế hoạch, chương trình. Các vấn đề bàn bạc thảo luận cần được công khai dân chủ đặc biệt là cơ chế ăn chia các lợi ích đảm bảo công bằng, người tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ phải là người chứng kiến phân chia các lợi ích cho các bên tham gia.

3.2.1.4. Đánh giá những điều kiện cần thiết để vận dụng và thực hiện mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tại một địa bàn của Lào Cai

Điều kiện về sự hỗ trợ từ các tổ chức chính phủ và phi chính phủ: Việc lựa chọn địa bàn dự định để phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai phải là nơi có điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí và nhận thức của cộng đồng còn nhiều hạn chế, cơ sở hạ tầng chưa phát triển. Các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo còn cao của tỉnh như các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương ở phía Đông Bắc của tỉnh Lào Cai cần được cân nhắc lựa chọn thí điểm và điều kiện tiên quyết là phải được sự ủng hộ của chính quyền các cấp, cơ quan quản lý chuyên ngành du lịch và các tổ chức phi chính phủ.

Điều kiện về tài nguyên du lịch thiên nhiên: Tài nguyên thiên nhiên là yếu tố cần thiết cho việc thu hút khách du lịch để phục vụ cho phát triển du lịch tại các điểm du lịch. Vì vậy, tại các địa bàn dự định phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo cần chú ý đến điều kiện này. Tại các địa bàn có nhiều tài nguyên thiên nhiên phải kể đến huyện Bắc Hà có cao nguyên đá vôi Bắc Hà, khí hậu quanh năm mát mẻ, là một vùng mạn Tam

Hoa không lồ, có nhiều hang động nổi tiếng; huyện Mường Khương có động Hàm Rồng, nước khoáng Tắcô có thể đưa vào khai thác loại hình du lịch sinh thái.

Theo kết quả tra cứu tài nguyên do Tổng cục Du lịch tiến hành năm 2005 (Phụ lục 5) cho thấy các tài nguyên thiên nhiên của các huyện nghèo của Lào Cai có thể đáp ứng được điều kiện để phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo như sau:

- Tài nguyên du lịch thiên nhiên huyện Bắc Hà: là một huyện thuộc vùng cao nguyên đá vôi gồm nhiều dãy núi với thung lũng hẹp, đất nông nghiệp rất ít chủ yếu là đất lâm nghiệp, sông suối và có khí hậu á nhiệt đới. Tài nguyên thiên nhiên được xếp hạng bao gồm: Dinh Hoàng A Tưởng là di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia với diện tích 2 ha, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 12.500 lượt khách; Đền Bắc Hà là công trình kiến trúc cấp quốc gia với diện tích 1 ha, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 5.000 lượt khách; hồ Na Cỏ là hồ thác nước cấp địa phương với diện tích 5 ha; động Bắc Hà là hang động cấp địa phương với diện tích 5 ha, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 200 lượt khách.

- Tài nguyên du lịch thiên nhiên huyện Mường Khương: là một huyện vùng cao biên giới, phía Bắc và Tây Bắc giáp huyện Mã Quan và Hà Khẩu tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Tài nguyên thiên nhiên được xếp hạng bao gồm: núi Cô Tiên là di tích cấp địa phương với diện tích 6 ha, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 100 lượt khách; những ngôi nhà cổ là công trình kiến trúc cấp địa phương với diện tích 17 ha, lượng khách đến năm 2005 là 200 lượt khách; Thác Văng Lieng là tài nguyên thiên nhiên cấp địa phương với diện tích 2 ha, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 200 lượt khách. Ngoài ra, Mường Khương còn có động Hàm Rồng là một quần thể gồm 4 hang khác nhau trong đó có 2 hang chính nối liền hoàn với nhau dài gần 750 mét nằm ở

xã Tung Chung Phố; xung quanh có làng bản, trường học cánh đồng Tùng Lâu - Na Bủ rộng mênh mông bát ngát rất phù hợp với thị hiếu tìm hiểu lịch sử của khách du lịch.

Điều kiện về tài nguyên du lịch nhân văn: Ở Lào Cai có rất nhiều tài nguyên du lịch nhân văn cần phải liệt kê ra làm tiêu chí lựa chọn địa bàn phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo. Lào Cai có nhiều di tích khảo cổ quan trọng như đến nay đã phát hiện ra 17 di tích văn hóa Đông Sơn, các di tích này tập trung ở lưu vực sông Hồng tại các huyện Bát Xát, Cam Đường, Mường Khương, Bảo Thắng và Lào Cai; Phiên chợ Sa Pa, phiên chợ Bắc Hà là nơi du khách có thể thưởng thức nhiều món ăn dân tộc, tham dự nhiều trò chơi mang đậm đà màu sắc dân tộc.

Theo kết quả tra cứu tài nguyên do Tổng cục Du lịch tiến hành năm 2005 (Phụ lục 5) cho thấy các tài nguyên nhân văn của các huyện nghèo của Lào Cai có thể đáp ứng được điều kiện để phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo như sau:

- Tài nguyên du lịch nhân văn huyện Bắc Hà: Chợ Bắc Hà là phiên chợ lớn nhất vùng cao biên giới, được xếp hạng là lễ hội truyền thống cấp địa phương với diện tích 3 ha, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 24.000 lượt khách; Múa Xinh Tiền là loại hình văn nghệ dân gian cấp địa phương, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 5.000 lượt khách; Thổi sáo Mông, múa khèn là loại hình văn nghệ dân gian cấp địa phương, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 5.000 lượt khách; Hát giao duyên gầu tào là loại hình văn nghệ dân gian cấp địa phương, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 1.000 lượt khách; Hội Lồng tồng người Tày là lễ hội truyền thống cấp địa phương, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 1.000 lượt khách; Hội rước nước người Tày là lễ hội truyền thống cấp địa phương, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 1.000 lượt khách.

- Tài nguyên du lịch nhân văn huyện Mường Khương: Hội cúng rừng người Nùng là lễ hội truyền thống cấp địa phương, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 250 lượt khách; Chợ văn hóa Trung tâm Mường Khương lễ hội truyền thống cấp địa phương, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 1.100 lượt khách; ngoài ra Mường Khương còn có lễ hội Sải Sán (còn gọi là hội leo núi) của đồng bào Hmông (Pha Long) là lễ hội cầu phúc hoặc cầu mệnh cho con người khỏe mạnh.

- Tài nguyên du lịch nhân văn huyện Si Ma Cai: mặc dù tài nguyên thiên nhiên không phong phú như Bắc Hà và Mường Khương, nhưng về tài nguyên nhân văn Si Ma Cai có những điểm khác biệt. Địa danh Si Ma Cai có nghĩa là “Chợ Ngựa mới”, vì xưa kia chợ họp sáu ngày một phiên ở phố Cũ. Hiện nay, “Chợ Ngựa mới” được công nhận là lễ hội truyền thống cấp địa phương với diện tích 10 ha, lượng khách du lịch đến năm 2005 là 1.000 lượt khách. Sắc thái văn hóa dân tộc ở Si Ma Cai phản ánh đậm nét nhất ở chợ phiên. Chợ phiên không chỉ là trung tâm trao đổi kinh tế mà còn là nơi giao lưu văn hóa. Người Hmông có kho tàng văn hóa dân gian độc đáo với lễ hội “Say sán”, có những điệu múa in đậm dấu ấn các thế võ, động tác vũ thuật nhanh, mạnh.

Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: Ở Lào Cai, để đáp ứng điều kiện này có thể thấy hệ thống giao thông đã có những cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Quốc lộ 70 đã được cải tạo, hoàn thiện, các tuyến đường nối các khu, điểm du lịch Lào Cai – Sa Pa – Bắc Hà và một số huyện khác đã được đầu tư, nâng cấp. Hệ thống thông tin liên lạc đã đảm bảo cung cấp cho nhu cầu của khách du lịch tại các huyện, thành phố, các thôn bản phát triển du lịch. Phương tiện vận tải phục vụ khách du lịch đã có bước phát triển.

Việc đầu tư cơ sở vật chất chuyên ngành phục vụ du lịch đã được quan tâm, ngoài số cơ sở lưu trú đạt chất lượng du lịch Lào Cai đã triển khai phát triển nhiều nhà nghỉ lưu trú tại các thôn bản tập trung tại 2 huyện SaPa và Bắc Hà làm tiền đề cho phát triển loại hình lưu trú này ở các điểm du lịch khác. Du lịch Lào Cai có nhiều doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, chi nhánh kinh doanh lữ hành quốc tế là tiền đề quan trọng cho phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

Điều kiện về năng lực tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ phục vụ khách du lịch: để đáp ứng điều kiện này, có thể nêu ra kết quả sau khi triển khai thí điểm phát triển du lịch cộng đồng tại Bản Sín Chải làm ví dụ. Hiện nay, nhiều hộ gia đình tại đây tham gia các hoạt động cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch như tổ chức cung cấp nhà trọ, ăn uống, sản xuất cung cấp lương thực, thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh; hướng dẫn, đưa đường cho khách du lịch leo núi, tham quan tìm hiểu về hệ sinh thái tại các dãy núi Phanxiphang; tổ chức hướng dẫn khách tham quan làng bản tìm hiểu về văn hóa, phong tục tập quán và cuộc sống của cộng đồng.

Điều kiện về sự hỗ trợ của cộng đồng dân cư ở địa bàn: qua kết quả phát triển du lịch dựa cộng đồng ở Bản Sín Chải có thể rút ra bài học để áp dụng cho các mô hình sau là sự ủng hộ hỗ trợ của cộng đồng cư dân bản địa là yếu tố quyết định cho sự thành công của mô hình. Sự thành công bước đầu của mô hình là thu hút ngày càng nhiều khách khách du lịch đến tham quan làng bản, tạo ra nguồn thu mới cho cộng đồng dân cư ở bản. Cộng đồng đã thỏa thuận về phân chia lợi nhuận do du lịch mang lại, điều này đã nâng cao được vai trò làm chủ của cộng đồng, trách nhiệm của cộng đồng đối với mỗi thành viên, cải thiện được điều kiện sinh hoạt nông thôn và nhận thức được giá trị sự đóng góp ủng hộ của mình trong chương trình phát triển du lịch có lợi cho chính bản thân và gia đình họ.

Kết quả điều tra xã hội học phục vụ Luận án tại 3 huyện của Lào Cai (Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai) cho thấy: có 57,2 % số cư dân tại địa bàn được hỏi trả lời rằng thích tham gia các hoạt động du lịch; 15,2% số người được hỏi trả lời là rất thích; 23,4% số người được hỏi trả lời là bình thường; và 4,2% số người được hỏi trả lời là không thích (xem Phụ lục 6). Theo kết quả trên, hơn 50% số người được hỏi trả lời thích tham gia vào các hoạt động du lịch chứng tỏ cư dân địa phương đã thấy được ưu thế của du lịch trong việc đảm bảo cuộc sống của họ và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động phục vụ nếu mô hình phát triển du lịch được triển khai tại địa phương.

3.2.1.5. Quy trình xây dựng và thực hiện mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tại địa bàn.

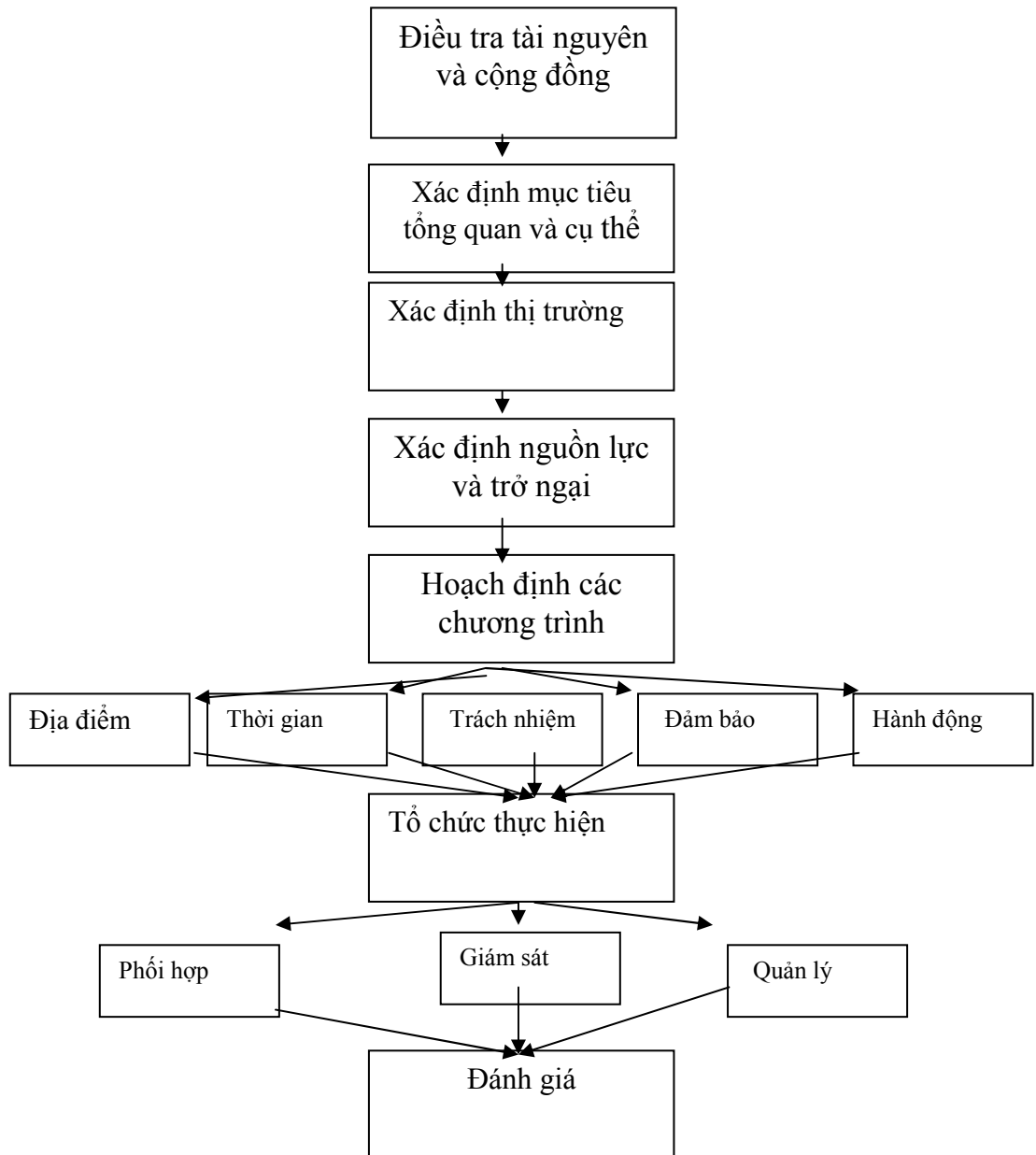
Xây dựng và thực hiện mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là một chương trình hành động có sự phối hợp của nhiều tổ chức, cơ quan có liên quan trong Tỉnh và các lực lượng khác trong xã hội, trong đó cộng đồng dân cư đóng vai trò quan trọng nhằm huy động các nguồn lực, sử dụng các nguồn lực đó một cách hợp lý để tạo điều kiện cho phát triển du lịch tại các điểm có tài nguyên du lịch phong phú, đồng thời nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phát triển du lịch góp phần cho phát triển kinh tế - xã hội và gắn với xóa đói giảm nghèo.

** Sơ đồ quy trình xây dựng và thực hiện mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng được thiết kế theo 7 bước (xem mô hình 3.2)*

Các bước xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo như sau:

Bước 1: Công tác điều tra, đánh giá tài nguyên thiên nhiên và nhân văn và nhận diện cộng đồng tại điểm du lịch. Đây là giai đoạn thu thập dữ liệu đầu vào góp phần quan trọng cho việc xây dựng mô hình và quá trình phát triển của mô hình. Giai đoạn thu thập tài liệu tập trung vào hai đối tượng:

- Thu thập về tài nguyên trên các yếu tố số lượng, trữ lượng, mức độ hấp dẫn, tính nhạy cảm.



Mô hình 3.2. Các bước xây dựng mô hình mẫu phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo

- Nhận diện cộng đồng dân cư bao gồm số lượng dân cư, độ tuổi giới tính, trình độ, phong tục tập quán, quan hệ dòng họ, láng giềng đời sống thu nhập và các sản phẩm mang đặc trưng địa phương có khả năng thu hút khách du lịch, khả năng tham gia của cộng đồng. Trên cơ sở số liệu đó lựa chọn điểm phát triển mô hình về phát triển du lịch dựa vào cộng đồng. Phân tích giai đoạn này có ý nghĩa như sau: để xác định bối cảnh không gian về phát triển du lịch, hiểu biết về điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị; bước đầu giúp cộng đồng nhận diện được tác động của phát triển du lịch tới cộng đồng dân cư và nhu cầu cần phải hành động của người dân khi du lịch phát triển.

- Tạo cơ hội ban đầu cho cộng đồng tham gia thảo luận và bàn bạc đối với kế hoạch, chương trình hoạt động, xác định những khó khăn và những vấn đề phải giải quyết.

Bước 2: Xây dựng mục tiêu tổng quát và cụ thể.

Về mặt lý thuyết, việc xác định mục tiêu tổng quát và cụ thể sẽ tạo điều kiện cho các dự định ban đầu không đi chệch hướng. Các mục tiêu cụ thể chịu sự chi phối của mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể là sự cụ thể hoá mục tiêu tổng quát.

- Mục tiêu tổng quát của mô hình là phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo, mức độ tham gia của cộng đồng đối với phát triển du lịch và bảo vệ, bảo tồn tài nguyên và môi trường, đồng thời hoạt động du lịch mang lại cho người dân được những gì.

- Mục tiêu cụ thể là đáp ứng các yêu cầu: Làm cái gì, khi nào làm, có thể làm được hay không và kết quả đo lường, khi nào, làm gì.. để phát triển du lịch, du lịch sẽ mang lại được gì cho cộng đồng dân cư và địa phương.

Để đạt được mục tiêu trên các bên tham gia phát triển du lịch tại điểm du lịch trong đó có cộng đồng thảo luận và cùng thống nhất đưa ra các mục

tiêu về chính sách phát triển du lịch cộng đồng như: cải tạo nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch, hệ thống cơ sở vật chất ngành du lịch. Công việc hoạch định và lập kế hoạch hành động được tiến hành thông qua hàng loạt các cuộc gặp gỡ, hội thảo các bên tham gia. Mục tiêu đặt ra phù hợp với từng thời kỳ và nêu rõ phương pháp thực hiện, do ai và bao giờ thực hiện và thời gian hoàn thành.

Bước 3: Xác định thị trường.

Xác định thị trường là một trong những khâu quan trọng trong quá trình xây dựng mô hình. Xác định thị trường gồm xác định cung và cầu trên thị trường.

- Cung ở đây là đáp ứng tham dự của cộng đồng, tức là xác định mức độ tham gia của cộng đồng dân cư đối với việc cung cấp các dịch vụ du lịch, đồng thời cũng là nghiên cứu nguyện vọng, lợi ích chính đáng của người dân mà do phát triển du lịch mang lại cho họ được những gì.

- Xác định cầu thị trường là xác định tiềm năng thị trường khách du lịch đến tham quan du lịch bao gồm số lượng khách, thành phần và mục đích, đồng thời nghiên cứu khả năng tiêu dùng sản phẩm du lịch do cộng đồng tạo ra.

Bước 4: Xác định nguồn lực xây dựng mô hình và các trở ngại.

- Các điều kiện xây dựng mô hình: Tình trạng kinh tế-xã hội tác động đến phát triển du lịch, đặc điểm tài nguyên du lịch, sự cộng tác của cộng đồng, cơ chế làm việc...

- Tính khả thi thực hiện: Khả năng tham quan của khách du lịch, khả năng đáp ứng, cung cấp các dịch vụ du lịch của cộng đồng.

Để đáp ứng vấn đề trên cần phải xác định được nguồn lực.

- Nguồn lực sẵn có trong cộng đồng như nhân lực (lực lượng lao động, trình độ nhận thức...), vật chất (hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, cơ sở vật chất

du lịch..) tài chính của các cấp chính quyền, tổ chức quần chúng và của cộng đồng.

- Nguồn lực bên ngoài như các khoản cân đối ngân sách và hỗ trợ chương trình mục tiêu của Nhà nước, của các tổ chức phi chính phủ, các khoản đầu tư của doanh nghiệp du lịch....

Xác định nguồn lực trở ngại chủ yếu nhấn mạnh về vai trò của con người và khả năng thực hiện của cộng đồng dân cư tại các điểm xây dựng mô hình. Vì vậy, các mô hình thường lập ra các ban điều phối, cơ cấu tổ chức chỉ đạo thực hiện sự phát triển du lịch. Ban chỉ đạo này do cộng đồng bầu ra hoặc chỉ định thay mặt cộng đồng giải quyết và quyết định một số vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện. Ban quản lý du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo được thành lập với chức năng và nhiệm vụ là phối hợp với các bên liên quan hoạch định ra các kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng, sau đó huy động các thành viên cộng đồng thực hiện các kế hoạch đó.

Đồng thời phải tính đến các trở ngại là những nhân tố có thể cản trở bước tiến triển của mô hình về tổ chức hoặc kỹ thuật.

Bước 5: Hoạch định chương trình hoạt động của mô hình. Khâu này bao gồm các bước chính sau:

- Xác định các hoạt động.
- Lập chương trình khung cho các hoạt động.
- Lên khung thời gian cho các hoạt động
- Phân công trách nhiệm thực hiện
- Dự định kế hoạch thực hiện

Bước 6: Triển khai mô hình.

Bước 7: Đánh giá thực hiện mô hình.

Đây là bước quan trọng để rà soát và khẳng định đánh giá đúng sai của quá trình xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa

đói giảm nghèo. Thể hiện bước này là xem xét quá trình thực hiện mô hình thì tác động ảnh hưởng đến tài nguyên thiên nhiên, đa dạng hệ sinh thái và tác động đến tài nguyên nhân văn, giám sát biến đổi về mặt văn hóa và xã hội khu vực, cụ thể xem xét cụ thể sự biến đổi về phong tục tập quán, tuần phong mỹ tục, giám sát. Đồng thời đánh giá lợi ích kinh tế của du lịch cộng đồng, góp phần cho xóa đói giảm nghèo.

3.2.2. Lựa chọn loại hình du lịch phù hợp mô hình phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai

Trong những năm gần đây ngành du lịch đã triển khai du lịch sinh thái (eco-tourism), du lịch bền vững (sustainable-tourism), du lịch cộng đồng (community tourism) để phát triển bền vững, giữ gìn, bảo vệ sự toàn vẹn của tài nguyên thiên nhiên và khung cảnh của địa phương, tạo môi trường để cộng đồng dân cư có thể duy trì cuộc sống truyền thống của họ để khách du lịch có cơ hội thưởng thức và tìm hiểu.

Hiện nay, du lịch Lào Cai đã và đang triển khai ở quy mô nhỏ du lịch văn hóa, du lịch sinh thái. Sự kết hợp của cả hai loại hình du lịch này ngoài những nét đặc thù riêng thì đều có một yếu tố cơ bản chung là đều phát triển dựa trên sự tham gia của cộng đồng và khai thác dựa trên những thế mạnh của tài nguyên du lịch tại điểm du lịch đó, bao gồm cả tài nguyên tự nhiên và nhân văn. Vì vậy, loại hình du lịch sinh thái lồng ghép với du lịch văn hóa cần được lựa chọn để triển khai phù hợp với mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng để góp phần xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai.

Để phát triển loại hình du lịch sinh thái góp phần xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai một cách có hiệu quả, cần chú ý đáp ứng các điều kiện cơ bản của du lịch sinh thái như sau:

Thứ nhất, du lịch sinh thái phải được thực hiện tại những nơi có môi trường tự nhiên.

Những nơi có môi trường tự nhiên là những nơi có bề dày lịch sử về sự hình thành và phát triển của các hệ động vật, hệ thực vật và con người, phải là những nơi còn tương đối nguyên sơ, chưa bị hoặc ít bị can thiệp bởi bàn tay con người. Những tài nguyên sinh thái có thể là các rừng quốc gia, các khu dự trữ thiên nhiên hay các khu lịch sử - văn hóa có gắn với không gian thiên nhiên.

Tại Lào Cai có nhiều địa bàn đáp ứng được đặc điểm trên của du lịch sinh thái. Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn là một điển hình, có khoảng hơn 700 loài thực vật khác nhau, có những vạt rừng nguyên sinh rậm rạp, dây leo chằng chịt, có tầng cây hạt trần như Pơ Mu, có nhiều loài quý hiếm như thiết sam, liễn sam, kim san, thông đỏ, hoàng đàn. Sa Pa cũng là một điển hình nữa, có đỉnh núi Fan Si Păng, Thác Bạc - thượng nguồn chính của con suối Mường Hoa, Cầu Mây bắc qua suối, bãi đá cổ hay leo núi Hàm Rồng với vẻ đẹp của nhiều loại hoa.

Cao nguyên đá vôi Bắc Hà có nhiều cảnh đẹp như động Tả Lung Phìn, dinh Hoàng A Tường, Thành cổ Trung Đô, có phiên chợ văn hóa vùng cao rất hấp dẫn với các món ẩm thực rất đặc trưng của vùng cao. Huyện Bắc Hà còn có thắng cảnh Hang Tiên thuộc xã Bảo Nhai được coi là Vịnh Hạ Long thu nhỏ gắn liền với sự tích miếu thờ Ba Cô xã Bảo Nhai.

Huyện Mường Khương có núi Cô Tiên, những ngôi nhà cổ, Thác Văng Lieng, đặc biệt là động Hàm Rồng đều là những tài nguyên thiên nhiên có thể khai thác phục vụ loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa.

Ngoài ra, phát huy lợi thế của tài nguyên thiên nhiên, có thể phát triển loại hình du lịch sinh thái dưới hình thức các tuyến du lịch sinh thái, **du lịch văn hóa về các làng bản như:** bản Tả Van cách thị trấn Sa Pa 8km về phía Đông Nam; Bản Cát Cát cách thị trấn Sa Pa 20km về phía Tây Nam; Bản Hồ cách thị trấn Sa Pa 28km về phía Đông Nam.

Những tài nguyên sinh thái đã nêu ở trên đều là những nơi còn tương đối nguyên sơ, chưa hặc ít bị can thiệp bởi bàn tay con người. Các địa điểm này có thể đáp ứng được điều kiện để phát triển các tuor du lịch sinh thái có hiệu quả.

Thứ hai, du lịch sinh thái phải hỗ trợ tích cực cho công tác bảo tồn các đặc tính tự nhiên về lối sống, văn hóa, xã hội của điểm tham quan.

Đặc điểm này đòi hỏi các đóng góp từ các thành phần tham gia vào hoạt động du lịch như các khách du lịch, các nhà kinh doanh du lịch sinh thái, và của cộng đồng dân cư địa phương.

Các khách du lịch sinh thái có nhu cầu tìm hiểu và thưởng ngoạn các hệ sinh thái, họ có khuynh hướng sẵn sàng đóng góp các kiến thức nghiên cứu khoa học để bảo vệ tài nguyên môi trường, để các hệ sinh thái tại nơi họ đến tham quan được bền vững và ngày một tốt hơn.

Các nhà kinh doanh du lịch sinh thái đóng góp tài chính cho chính quyền sở tại bằng những khoản thuế và lệ phí từ hoạt động kinh doanh du lịch. Bên cạnh đó, những tiêu chí và yêu cầu của du lịch sinh thái đối với công tác bảo vệ môi trường, gìn giữ các hệ sinh thái đòi hỏi các nhà kinh doanh du lịch phải đưa ra những yêu cầu cao đối với hướng dẫn viên và với chính các khách du lịch mà mình phục vụ.

Cư dân địa phương có thu nhập từ việc tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái cũng sẽ hạn chế việc khai thác tài nguyên sinh thái như săn bắt động vật quý hiếm, khai thác các loài thực vật có giá trị về thẩm mỹ và kinh tế cũng như môi trường sống xung quanh họ.

Để có thể phát triển sản phẩm du lịch sinh thái một cách bền vững cần thiết phải **kết hợp, lồng ghép sản phẩm này với các sản phẩm du lịch khác như du lịch văn hóa. Muốn kết hợp tốt hai loại sản phẩm này cần phải làm tốt công tác bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với phát triển**

du lịch. Lào Cai có Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn, có đỉnh núi Fan Si Păng, Thác Bạc, Cầu Mây, núi đá Hàm Rồng, Vườn Lan, Thanh Kim, Bản Hồ, làng thổ cẩm Tà Phìn, làng văn hóa Cát Cát, thung lũng Mường Hoa, Động Tiên - Bắc Hà... các tài nguyên thiên nhiên này đều gắn với lịch sử văn hóa đa dạng của cộng đồng các dân tộc của Lào Cai. Từ sự đa dạng về tự nhiên dẫn đến sự đa dạng về văn hóa. Mỗi tộc người có một sắc thái văn hóa riêng thể hiện rõ ở phong cách kiến trúc về nhà ở, về sinh hoạt hàng ngày với các dạng trang phục khác nhau, về phong tục tập quán, về kỹ thuật canh tác, về lễ hội, âm nhạc, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Ở Lào Cai mỗi vùng có hình thái văn hóa dân gian truyền thống với những nét đặc sắc hấp dẫn đặc trưng riêng biệt như Hội chơi núi mùa xuân của dân tộc Hmông, Lễ Tết “Nhảy” của người Dao Đỏ, Hội Lồng Tồng của người Tày, Hội xuống đồng của dân tộc Giáy, Phù Lá, Lễ lập tịch của người Dao... Điều đặc biệt hơn thể hiện ở chỗ các dân tộc ít người thường sống gần kề hoặc trong các khu bảo tồn thiên nhiên. Các dân tộc này vẫn còn lưu giữ được phong cách sống, bản sắc văn hóa riêng và tập tục độc đáo. **Đây là điều kiện tốt nhất để phát triển sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp với sản phẩm du lịch văn hóa vừa đáp ứng được mong muốn của khách du lịch, vừa đem lại nguồn thu cho chính quyền địa phương và cư dân sở tại, góp phần tích cực vào việc gìn giữ và bảo vệ các hệ sinh thái, bản sắc văn hóa của các dân tộc và góp phần xóa đói giảm nghèo cho địa phương.**

Trên thực tế, Lào Cai nổi tiếng bởi các địa danh du lịch như Sa Pa, Bắc Hà... Nơi đây còn được khách du lịch biết đến bởi các làng nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc, rèn đúc, nấu rượu... mang đậm đà bản sắc dân tộc đáp ứng tốt các điều kiện để phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa.

Tại các xã vùng cao của Lào Cai, cần phải phát huy việc bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề truyền thống. Cần phải tạo thương hiệu cho các làng nghề với các sản phẩm không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân địa phương mà còn phải trở thành hàng hóa được người tiêu dùng ưa chuộng. Sa Pa và Bắc Hà có nhiều tiềm năng để phát triển các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch như các sản phẩm thêu, dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc, mây tre đan, rèn đúc, nấu rượu... Để bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống cần phải có hoạt động hỗ trợ đào tạo, khôi phục các làng nghề, tổ chức tham gia các hội chợ để tìm kiếm đơn hàng. Tổ chức các hoạt động thu gom sản phẩm để phục vụ nhu cầu trong nước và phục vụ xuất khẩu. Đây là yếu tố quan trọng góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc vùng cao.

Với mục tiêu bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, cần phải tạo các nét riêng cho các làng nghề để du khách tìm hiểu, khám phá. Đặc biệt, trên thực tế nghề dệt thổ cẩm đang chiếm ưu thế, phục vụ cho nhu cầu gia đình và khách du lịch. Theo số liệu ước tính, hàng năm có hàng vạn mét vải thổ cẩm được sản xuất và tiêu thụ. Sa Pa với tiềm năng lợi thế phát triển du lịch nên tại đây nghề thêu, dệt thổ cẩm phát triển mạnh. Theo số liệu chúng tôi điều tra vào tháng 10 năm 2009, hiện nay toàn huyện có 11 làng nghề thêu, dệt thổ cẩm thuộc các xã Tả Phìn, San Sả Hồ, Sa Pả với khoảng 1.050 hộ tham gia tập trung và một số tổ hợp của Hội Phụ nữ huyện, mỗi năm xuất khẩu từ 32.000 đến 35.000 mét vải. Các huyện Bắc Hà, Văn Bàn... cũng đã hình thành nhiều làng nghề thêu, dệt thổ cẩm, thu hút hàng nghìn lao động nhàn rỗi.

Các làng nghề truyền thống ở Lào Cai còn được biết đến bởi các sản phẩm khác như rượu San Lùng, rượu ngô Bản Phố được nhân dân thôn San Lùng (Bát Xát) và thôn Bản Phố (Bắc Hà) sản xuất theo những bí quyết lâu

đời. Các loại rượu này đã nổi tiếng trong nước và được khách du lịch tin dùng.

Đối với các sản phẩm của làng nghề truyền thống, theo kết quả điều tra xã hội học phục vụ Luận án (xem Phụ lục 6) cho thấy: có 84,4% số cư dân tại địa bàn được hỏi cho rằng các sản phẩm của làng nghề cần phải giữ nguyên như truyền thống, chỉ có 15,6% cho rằng phải cải tiến khác đi so với truyền thống. Lý do những người được hỏi cho rằng phải sản phẩm phải cải tiến khác đi là chi phí nguyên liệu và chi phí nhân công làm sản phẩm truyền thống tương đối cao, bị cạnh tranh bởi hàng giá rẻ của Trung Quốc nhập về nên phải cải tiến mẫu mã cho đẹp lên và sử dụng nguyên liệu giá rẻ. Tuy nhiên, phần lớn số người được hỏi cho rằng trên thực tế giá bán các sản phẩm truyền thống tuy cao hơn, nhưng khách du lịch đặc biệt là khách quốc tế rất thích và thường mua nhiều sau mỗi chuyến du lịch.

Khi tiến hành điều tra xã hội học tại bản Cát Cát - Sa Pa và Bắc Hà tháng 10 năm 2009, chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp một số khách du lịch quốc tế đến từ Hoa Kỳ, Úc và Tây Ban Nha về sở thích của họ đối với các sản phẩm làm đồ lưu niệm của các làng nghề tại đây. Kết quả là, phần lớn những người được hỏi trả lời là muốn mua các sản phẩm mẫu mã truyền thống đặc trưng của các dân tộc thiểu số của Việt Nam sau mỗi chuyến du lịch. Ngoài ra, họ còn muốn tìm hiểu quy trình sản xuất thủ công của dân cư địa phương và tham quan cách thức bà con dân tộc lên nương trồng lúa trồng ngô và đốn củi.

Vì vậy, từ các kết quả nghiên cứu trên, vấn đề đặt ra là nên hướng cho các làng nghề tập trung sản xuất các mặt hàng truyền thống đặc thù từ đời cha ông để lại của mình vừa bảo tồn được những nét riêng biệt để du khách tìm hiểu, khám phá vừa đảm bảo được công ăn việc làm ổn định và phát triển bền vững xóa đói giảm nghèo. Để thực hiện định hướng sản xuất này, cần thiết

phải thực hiện tốt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống. Các ngành các cấp của Lào Cai như Sở Công thương phối hợp với Sở Văn hóa thể thao và Du lịch và các ban ngành địa phương cần tăng cường công tác đào tạo kỹ thuật, thiết kế và khôi phục các mẫu mã sản phẩm truyền thống của các dân tộc ít người cho thợ thủ công ở các làng nghề.

Để triển khai có hiệu quả, các ngành, các cấp của Lào Cai cần nghiên cứu, áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ xây dựng mô hình tổ chức sản xuất; khảo sát nghiên cứu thị trường và tham gia các kỳ hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại để giới thiệu quảng bá các sản phẩm truyền thống này. Qua khảo sát thực tế, chúng tôi đề xuất cần xây dựng và thực hiện đề án khôi phục và phát triển các làng nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo tại thôn Cát Cát - Sa Pa và xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp tại thị trấn Bắc Hà gắn phát triển du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo.

Thứ ba, phát triển du lịch sinh thái phải mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư bản địa.

Tại các địa bàn của Lào Cai có nhiều dân tộc thiểu số phần lớn là những người nghèo, họ vốn sinh ra và lớn lên cùng với hệ sinh thái và môi trường thiên nhiên xung quanh từ bao đời nay và có được những kiến thức truyền thống của ông cha họ để lại như ở Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát. Những kiến thức đó, ngay cả các chuyên gia sinh học cũng mất nhiều thời gian, tiền của để có được. Ngoài ra, người dân bản địa có văn hóa, phong tục tập quán riêng của dân tộc mình, được thể hiện qua các lễ nghi, lễ hội văn hóa, nghề nghiệp truyền thống và ngay trong cách ăn mặc của họ như hội chơi núi mùa xuân, lễ Tết Nhảy của người Dao Đỏ, hội Lồng Tồng của người Tày huyện Văn Bàn, huyện Bắc Hà, hội xuống đồng... Đối với khách du lịch sinh thái, đó chính là những cái mà họ muốn tìm và chiêm ngưỡng.

Vì vậy, du lịch sinh thái nhất thiết phải mang lại lợi ích trực tiếp cho cư dân, đặc biệt là những người nghèo - nơi có các giá trị của tài nguyên sinh thái mới đáp ứng được yêu cầu của phát triển du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo.

Để có thể mang lại lợi ích trực tiếp cho cư dân bản địa, đặc biệt là những người nghèo, ngành du lịch Lào Cai và các cơ quan liên quan của tỉnh cần nghiên cứu đưa ra mô hình định hướng nhằm tăng cường liên kết các hoạt động kinh doanh lẻ hành, kinh doanh vận chuyển, kinh doanh lưu trú trên cơ sở khai thác các loại tài nguyên du lịch với các ngành hỗ trợ khác như ngân hàng, dịch vụ công cộng, phát triển làng nghề truyền thống, dịch vụ thương mại, thu gom hàng phục vụ khách du lịch và xuất khẩu.

Theo kết quả điều tra xã hội học phục vụ Luận án (xem Phụ lục 6) cho thấy: chỉ có 30,5% số cư dân tại địa bàn được hỏi cho rằng các công ty du lịch mua các sản phẩm gia đình sản xuất, 61,3% cho rằng các công ty du lịch không mua sản phẩm của họ. Qua phỏng vấn trực tiếp những người sản xuất hàng lưu niệm tại một số thôn, bản của huyện Sa Pa và Bắc Hà và kết quả phiếu điều tra xã hội học (xem Phụ lục 6) cho thấy 68,4% số người được hỏi muốn bán các sản phẩm họ sản xuất ra trực tiếp cho khách du lịch, chỉ có 23,8% số người được hỏi trả lời là muốn bán cho các nhà kinh doanh.

Thực tế trên cho thấy, cần phải nghiên cứu mô hình phối hợp, tăng cường liên kết giữa ngành du lịch, công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ để điều chỉnh các kênh phân phối các sản phẩm sản xuất ra một cách có lợi nhất cho người dân địa phương theo hướng nâng dần tỷ trọng phân phối sản phẩm qua các công ty kinh doanh bán buôn và phục vụ xuất khẩu.

3.2.3. Hoàn thiện chính sách, cơ chế, công tác quản lý nhà nước về du lịch

3.2.3.1. Tiếp tục hoàn thiện, ban hành đồng bộ các chính sách để phát triển du lịch phục vụ xóa đói giảm nghèo

** Chính sách phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo*

- Đề xuất nghiên cứu định hướng phát triển du lịch là một trong những giải pháp đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và xoá đói giảm nghèo. Định hướng này nên nghiên cứu quy định trong Quy hoạch điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2010, điều chỉnh Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam 2001 – 2010 có tầm nhìn đến năm 2020.

- Trong chiến lược và các chương trình xoá đói giảm nghèo của Trung ương và của các địa phương (trong đó có Lào Cai), nghiên cứu xác định vai trò của du lịch là một ngành cần phát triển để tạo cơ hội cho người nghèo tăng thu nhập như những ngành nông nghiệp, công nghiệp, bưu chính viễn thông...

- Nghiên cứu đề xuất các chỉ tiêu đo lường phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai. Trên cơ sở các chỉ tiêu này có thể đánh giá định lượng được các tác động của phát triển du lịch đối với xoá đói giảm nghèo, tạo điều kiện cho công tác lập chiến lược, quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết phát triển ngành du lịch Lào Cai.

** Chính sách tài chính*

- Nghiên cứu ban hành các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch tuyển dụng người nghèo vào làm việc như ưu đãi về thuế, ưu đãi về vay vốn tín dụng.

- Nghiên cứu sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan đến người nghèo như pháp luật liên quan đến điều kiện làm việc, ưu đãi tín dụng cho người nghèo vay vốn hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

- Nghiên cứu thành lập “Quỹ hỗ trợ, khuyến khích người nghèo tham gia hoạt động du lịch” từ các nguồn thu du lịch ở Lào Cai để giảm nhẹ các khoản chi ngân sách nhà nước của trung ương và địa phương cho xoá đói giảm nghèo.

** Chính sách đầu tư cho phát triển du lịch*

Nghiên cứu chính sách ưu tiên tập trung đầu tư vào cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành du lịch để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước vào lĩnh vực này. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho ngành du lịch cũng mang lại lợi ích cho người nghèo ở địa phương một cách trực tiếp hoặc thông qua sự hỗ trợ của các ngành khác. Phát triển ngành du lịch, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đòi hỏi phải có đầu tư vào cơ sở hạ tầng xã hội, bao gồm đường giao thông, cung cấp điện, nước, vệ sinh và các phương tiện thông tin liên lạc. Các cơ sở hạ tầng này có thể mang lại lợi ích tích cực cho người nghèo ở địa phương bằng cách cung cấp các dịch vụ cơ bản, mở ra nhiều cơ hội cho việc phát triển các doanh nghiệp và mở ra những tuyến đường mới để tiếp cận với thị trường được nhanh hơn.

** Chính sách phát triển nguồn nhân lực*

Ở những vùng nông thôn, cơ hội cho những người nghèo không có kỹ năng nghề nghiệp có được việc làm cao hơn những nơi khác, vì ở những vùng này thiếu lực lượng lao động có kỹ năng. Những người có kỹ năng lao động thường có cơ hội tìm được việc làm có thu nhập cao hơn tại các trung tâm đô thị. Vì vậy, việc cung cấp đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cơ bản cho người nghèo không có việc làm ở khu vực nông thôn nghèo để giúp họ tìm được việc làm đơn giản sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công cuộc xóa đói giảm nghèo.

Tại những điểm du lịch ở nông thôn, việc đào tạo kỹ năng nghề và tạo cơ hội việc làm cho người nghèo tại địa bàn sẽ làm cho tổng thu nhập của địa phương tăng lên, giảm tình trạng người nghèo di dân ra thành thị đồng thời sẽ cung cấp nguồn nhân lực ổn định cho các doanh nghiệp du lịch.

Để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo cần phải có chính sách phát triển nguồn nhân lực phù hợp với quan điểm phát triển du lịch và mục tiêu phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo. Vì vậy, luận án xin đề xuất một số giải pháp như sau:

- Đề nghị nghiên cứu ban hành các chính sách coi người nghèo, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số là đối tượng ưu tiên hàng đầu trong việc tuyển chọn nhân lực trong hoạt động du lịch ở Lào Cai. Khi được tuyển chọn, đội ngũ lao động này sẽ gắn bó lâu dài với du lịch, với quê hương và cộng đồng của mình; đồng thời ý thức và trách nhiệm bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc, văn hóa bản địa cũng như bảo tồn các giá trị tài nguyên tự nhiên của họ sẽ được nâng cao.

- Đề nghị nghiên cứu chính sách tuyển chọn và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực. Phương thức đào tạo cần đa dạng, linh hoạt phù hợp với nhiều đối tượng đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo trong tương lai Lào Cai có một đội ngũ các nhà quản lý, điều hành, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên dịch vụ du lịch là người dân tộc thiểu số có trình độ làm du lịch chuyên nghiệp, yêu nghề, có thu nhập ổn định, mức sống và chất lượng sống tốt hơn góp phần giảm nghèo bền vững trong cộng đồng dân tộc thiểu số ở Lào Cai.

3.2.3.2. Ban hành các cơ chế thuận lợi tạo động lực cho phát triển du lịch phục vụ xóa đói giảm nghèo

* *Cơ chế tạo việc làm cho người nghèo tại các công ty du lịch:* Đây là một biện pháp cụ thể có thể thực hiện để tăng tỷ lệ việc làm cho người nghèo trong các công ty du lịch. Cơ chế này có thể áp dụng cho tất cả các loại hình công ty du lịch, như các khu nghỉ mát, khách sạn, các dịch vụ thu hút du lịch và các tour du lịch.

* *Cơ chế người nghèo hoặc các công ty du lịch có người nghèo làm việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho các công ty du lịch:* Biện pháp này nhằm

điều chỉnh nguồn cung cấp hàng hoá và dịch vụ mà ngành du lịch sử dụng ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất và cung cấp hàng hoá dịch vụ. Mục đích là tối đa hoá tỷ lệ chi tiêu của khách du lịch và được giữ lại tiêu dùng cho địa phương, khuyến khích người nghèo tham gia vào quá trình sản xuất, cung cấp hàng hoá dịch vụ để tăng lợi ích kinh tế cho họ.

* *Cơ chế người nghèo trực tiếp bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách du lịch:* Một trong những cách thức chính mà ở đó người nghèo tìm kiếm để có được thu nhập từ khách du lịch hiện nay ở nhiều nước trên thế giới là thông qua việc bán các sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ trực tiếp cho họ. Hình thức này bao gồm: bán quây thực phẩm, bán hoa quả, đồ thủ công mỹ nghệ, dịch vụ hướng dẫn, khâu vá, vận chuyển như taxi hoặc thuyền và nhà ở chưa đăng ký kinh doanh.

* *Cơ chế người nghèo thành lập và điều hành hoạt động các công ty du lịch* - ví dụ như các công ty có quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ: Biện pháp này bao gồm việc thiết lập và quản lý nhiều công ty du lịch chính thức của người nghèo, kể cả các công ty ở cấp độ cá nhân hay cấp độ cộng đồng. Hình thức kinh doanh có thể là cung cấp nhà ở, thực phẩm, phương tiện đi lại, các đại lý bán lẻ, dịch vụ hướng dẫn, giới thiệu các di sản thiên nhiên và văn hoá, giải trí hoặc các dịch vụ khác.

* *Nghiên cứu ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế tự quản, tự chủ phân chia lợi ích* trong hoạt động cung cấp các dịch vụ và bảo vệ môi trường tạo động lực thúc đẩy người dân tham gia hoạt động du lịch ở địa phương của Lào Cai. Tự quản của cộng đồng có vai trò rất quan trọng đối với phát triển du lịch, bảo vệ bảo tồn tài nguyên môi trường tại các điểm du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo. Không xác định được vai trò tự quản của cộng đồng dân cư bản địa sẽ có ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế nói chung mà còn ảnh hưởng đến các vấn đề khác như xã hội, chính trị an ninh quốc phòng. Cơ chế tự quản

phải được đề cập các hoạt động của từng thành viên trong cộng đồng, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng đối với phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên du lịch và góp phần xóa đói giảm nghèo.

* *Nghiên cứu thành lập thí điểm mô hình ‘‘Hợp tác xã Du lịch’’ ở Lào Cai.* Theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX), Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) và thực tiễn phát triển kinh tế hợp tác ở nước ta, cần tập trung nghiên cứu làm rõ lợi ích của hợp tác xã hấp dẫn xã viên, lợi thế và sự khác biệt của tổ chức kinh tế hợp tác so với tổ chức doanh nghiệp và các loại hình tổ chức khác trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế tham gia hoạt động vừa cạnh tranh vừa hợp tác.

- Mô hình ‘‘Hợp tác xã Du lịch’’ đề xuất ở Lào Cai là mô hình pháp lý đồng sở hữu. Thành viên hợp tác xã có hoạt động kinh tế giống nhau (cung cấp dịch vụ lưu trú, sản xuất đồ lưu niệm, hướng dẫn du lịch...), hoạt động trên cùng địa bàn lãnh thổ, có nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội thể hiện ở một hoặc một số sản phẩm, dịch vụ cần được thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch, nếu thông qua hợp tác xã sẽ có hiệu quả cao so với từng thành viên tự đáp ứng; cùng quyết định phương án hoạt động bảo đảm cung ứng sản phẩm, dịch vụ du lịch chung cho cộng đồng thành viên trên cơ sở hiệu quả kinh tế.

- Thành viên sau khi gia nhập ‘‘Hợp tác xã du lịch’’ phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác theo phương thức bình đẳng trên thị trường, theo đó hợp tác xã và thành viên là khách hàng của nhau.

- Phân phối lợi ích trong hợp tác xã được thực hiện trên cơ sở đóng góp của từng thành viên, trong đó dự kiến có hai loại đóng góp chủ yếu là: đóng góp về vốn và đóng góp về việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ du lịch của hợp tác xã.

- Tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của “Hợp tác xã du lịch” được coi là tài sản chung của các thành viên, hay nói cách khác là tài sản chung của cộng đồng thành viên do tất cả các thành viên đồng sở hữu.

- Tùy từng loại hình sản phẩm, dịch vụ của “Hợp tác xã du lịch” mà quy định hợp tác xã được quyền cung ứng sản phẩm, dịch vụ du lịch cho cả thị trường bên ngoài cộng đồng thành viên hợp tác xã. Trường hợp cung ứng sản phẩm, dịch vụ du lịch cho cả thị trường, “Hợp tác xã du lịch” có thể thành lập doanh nghiệp trực thuộc hợp tác xã theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương

Thứ nhất, để tạo điều kiện cho các giải pháp trên có tính khả thi, Chính phủ nên sớm nghiên cứu ban hành các chính sách phát triển du lịch gắn phục vụ cho công tác xóa đói giảm nghèo.

Cho đến nay, Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần và người dân có thể tham gia vào hoạt động du lịch. Vì vậy, để các chính sách phát triển du lịch có thể gắn với xóa đói giảm nghèo, trước hết chính sách này cần phải được thể hiện tại Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam và các Chương trình xóa đói giảm nghèo quốc gia, xác định phát triển du lịch là một trong những giải pháp đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và xóa đói giảm nghèo.

Thứ hai, Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan tiếp tục ban hành các chính sách khuyến khích phát triển du lịch theo Luật Du lịch hiện hành, tăng cường đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia cho phát triển du lịch. Trong các chương trình mục tiêu quốc gia cần quan tâm đầu tư vào cơ sở hạ tầng đặc biệt là các công trình giao thông như đường cao tốc, đường sắt,

sân bay, tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch dễ dàng có thể đến được các khu, điểm du lịch, đảm bảo ngành du lịch phát triển bền vững góp phần đắc lực cho công tác xóa đói giảm nghèo của cả nước nói chung và Lào Cai nói riêng.

3.3.2. Kiến nghị với tỉnh Lào Cai

Thứ nhất, kiến nghị với Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cần chỉ đạo các ban, ngành thực hiện các giải pháp để phát triển kinh tế du lịch bền vững, thu hút vốn đầu tư xây dựng hạ tầng, nâng cấp phân vùng các tuyến, điểm du lịch và hình thành mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo. Thực hiện tốt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống, tăng cường công tác bảo vệ, duy trì và nâng cấp các di tích lịch sử văn hóa có giá trị, các khu rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn và rừng cảnh quan của tỉnh để đảm bảo các điều kiện cần thiết cho ngành du lịch của Lào Cai phát triển bền vững góp phần cho công cuộc xóa đói giảm nghèo của tỉnh nói riêng và của cả nước nói chung.

Thứ hai, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai cần tập trung triển khai mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo thông qua các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tại một số địa bàn ở các huyện nghèo, có tài nguyên du lịch để đảm bảo phát triển du lịch bền vững. Chủ động phối hợp với các ban ngành liên quan tiếp tục hoàn thiện, ban hành đồng bộ các chính sách để phát triển du lịch phục vụ xóa đói giảm nghèo; ban hành các cơ chế thuận lợi tạo động lực cho phát triển du lịch phục vụ xóa đói giảm nghèo.

Thứ ba, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cần chỉ đạo các ban, ngành tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển du lịch. Đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực

du lịch tại địa phương đặc biệt tại các xã, thôn còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch và bảo vệ tài nguyên và môi trường tại các khu, điểm du lịch. Vì vậy, cần phải nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, đặc biệt là kiến thức chuyên môn về du lịch, văn hóa, xã hội, vai trò của du lịch đối với xóa đói giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ quản lý du lịch ở cấp xã, thôn, bản trong toàn tỉnh.

3.3.3. Kiến nghị đối với chính quyền địa phương các xã tại khu, điểm du lịch

Chính quyền địa phương tại các khu, điểm du lịch cần phải xác định được vai trò của phát triển du lịch đối với công tác xóa đói giảm nghèo tại địa phương mình quản lý, đặc biệt là mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo; tạo môi trường phù hợp để các doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư tham gia phát triển các sản phẩm du lịch phù hợp, tôn tạo, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn nhằm phát triển du lịch bền vững, góp phần cho công tác xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

1. Trong những năm gần đây, du lịch Lào Cai đã có những bước phát triển vượt bậc, đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai. Tiềm năng phát triển du lịch của Lào Cai còn rất lớn và còn có thể phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai. Tuy nhiên, với vai trò là một ngành kinh tế chính của tỉnh, du lịch Lào Cai còn có nhiệm vụ vừa phát triển vừa đóng góp cho việc xóa đói giảm nghèo của địa phương. Nhiệm vụ ở đây là làm sao phải phát triển du lịch ở Lào Cai một cách bền vững và phải góp phần đắc lực cho công tác xóa đói giảm nghèo.

2. Du lịch Lào Cai hiện đang triển khai thí điểm có hiệu quả các tuyến du lịch cộng đồng, các loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch mạo hiểm... Tuy nhiên, nếu không có các giải pháp về lựa chọn loại hình du lịch đúng đắn và phát triển theo một mô hình phù hợp thì chưa chắc du lịch phát triển đã là cho tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn giảm xuống. Giải pháp về lựa chọn loại hình du lịch và mô hình phát triển cần triển khai ở đây là phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo theo quan điểm, xu hướng của du lịch bền vững thông qua loại hình du lịch sinh thái, văn hóa.

3. Để phát triển du lịch có thể gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai cần phải có những giải pháp về chính sách, chế độ như xác định du lịch là một ngành chính cần phát triển để xóa đói giảm nghèo, cần phải có những chính sách hỗ trợ cho người nghèo làm du lịch hay cần phải có những biện pháp để người nghèo có thể được hưởng lợi ích từ hoạt động tham gia du lịch của họ.

4. Luận án đề xuất các giải pháp phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo như sự hỗ trợ của các ngành các cấp từ trung ương tới địa phương; cần có nguồn lực tài chính để đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Ngoài ra, để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo, một điều kiện hết sức quan trọng cần phải được đáp ứng đó là phải nhận được sự ủng hộ của của cộng đồng cư dân tại địa bàn dự định triển khai phát triển du lịch.

5. Để tạo điều kiện cho các giải pháp trên có tính khả thi, luận án đề xuất một số kiến nghị với Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, các ban, ngành của Lào Cai và chính quyền địa phương tại các khu, điểm du lịch dự định triển khai phát triển du lịch gắn với phục vụ cho công tác xóa đói giảm nghèo.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh thế giới hiện nay, du lịch đã và đang phát triển nhanh chóng và trở thành ngành kinh tế chính của nhiều quốc gia trên phạm vi toàn cầu. Ngày càng, các loại hình du lịch có những liên quan trực tiếp đến bản sắc văn hóa, đặc trưng truyền thống của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia riêng càng thu hút được sự quan tâm của nhiều khách du lịch. Nếu phát triển du lịch theo một phương thức bền vững có thể tạo ra đóng góp cho việc xóa đói giảm nghèo.

Tại Việt Nam, sau gần 40 năm hình thành và phát triển, du lịch Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tuy nhiên, vị thế của du lịch trong nền kinh tế quốc dân và hiệu quả đem lại từ hoạt động du lịch chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của mình. Các sản phẩm du lịch Việt Nam hiện vẫn chưa được phong phú, đa dạng; chưa có sức hấp dẫn, cạnh tranh lớn. Cho đến nay, du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam nói chung và Lào Cai nói riêng chưa được phát triển với các giải pháp tổng thể, có định hướng để đạt được mục tiêu lớn về kinh tế và xã hội của một ngành kinh tế tổng hợp mang tính xã hội hóa, liên ngành và liên vùng.

Xuất phát từ những lý do đó, việc tìm ra mô hình du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo là hết sức cần thiết vừa phục vụ cho lợi ích phát triển của địa phương, vừa đóng góp có hiệu quả cho các chương trình “xóa đói giảm nghèo” theo tinh thần của Nghị quyết 26/NQ-TU của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 10 đã đề ra. Luận án đã tập trung nghiên cứu và đạt được một số kết quả như sau :

1. Nghiên cứu, phân tích các cách tiếp cận về phát triển du lịch và đưa ra được mối quan hệ: du lịch bền vững là quan điểm và xu hướng phát triển

du lịch, du lịch sinh thái vừa là loại hình du lịch vừa mang tính nguyên tắc để phát triển du lịch bền vững, du lịch dựa vào cộng đồng là mô hình phát triển theo quan điểm, xu hướng của du lịch bền vững thông qua loại hình du lịch sinh thái. Phân tích được những tác động tiêu cực, tác động tích cực của du lịch đối với cộng đồng khi phát triển du lịch, đưa ra được những đóng góp của du lịch và những điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo.

2. Nghiên cứu các mô hình phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo và đưa ra những bài học kinh nghiệm rút ra từ các mô hình phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo để vận dụng cho Lào Cai bao gồm bài học về lựa chọn loại hình du lịch; bài học về sự tham gia của cộng đồng dân cư; bài học về phân chia lợi ích; bài học về chính sách, cơ chế; bài học về phát triển mạng lưới kinh doanh du lịch ở địa phương.

3. Nghiên cứu các tiềm năng của Lào Cai, đánh giá về tiềm năng du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn của Lào Cai. Đánh giá thực trạng tình hình phát triển du lịch và công tác xóa đói giảm nghèo của Lào Cai giai đoạn 2001 đến 2008. Đây chính là cơ sở rất quan trọng để định hướng các giải pháp kiến nghị về phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai.

4. Để phát triển du lịch có thể gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai cần phải có những giải pháp xác định du lịch là một ngành chính cần phát triển để xóa đói giảm nghèo, có những chính sách hỗ trợ cho người nghèo làm du lịch. Tuy nhiên, nếu không có các giải pháp về lựa chọn loại hình du lịch đúng đắn và phát triển theo một mô hình phù hợp thì chưa chắc du lịch phát triển đã là cho tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn giảm xuống. Giải pháp về lựa chọn loại hình du lịch và mô hình phát triển cần triển khai ở đây là phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo theo quan điểm, xu hướng của du lịch bền vững thông qua loại hình du lịch sinh thái, văn hóa.

5. Những giải pháp về lựa chọn loại hình du lịch và lựa chọn mô hình du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo, giải pháp về chính sách, cơ chế, công tác quản lý nhà nước về du lịch là những giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của Lào Cai và có tính thực thi cao. Những giải pháp này đảm bảo cho việc phát triển du lịch bền vững và đóng góp phần quan trọng cho chương trình xóa đói giảm nghèo của Lào Cai.

Tuy nhiên, đây là một đề tài liên quan đến hai lĩnh vực lớn là phát triển du lịch và công tác xóa đói giảm nghèo chưa có nhiều nghiên cứu, nên luận án không tránh khỏi những hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu sâu rộng hơn. Tác giả mong muốn đón nhận những lời khuyên, những góp ý của các thầy giáo, cô giáo, của các đồng nghiệp và của các nhà khoa học.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Phạm Ngọc Thắng (2006), *Phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, Tạp chí Thương mại số 13, Hà Nội
2. Phạm Ngọc Thắng (2009), *Vai trò của du lịch cộng đồng trong xóa đói giảm nghèo*, Tạp chí Du lịch Việt Nam tháng 6, Hà Nội
3. Phạm Ngọc Thắng (2009), *Du lịch cộng đồng trong việc xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại Tây Nguyên*, Tạp chí Lao động và Xã hội tháng 7, Hà Nội
4. Phạm Ngọc Thắng (2009), *Điều kiện để phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo*, Tạp chí Du lịch Việt Nam tháng 10, Hà Nội
5. Phạm Ngọc Thắng (2009), *Lào Cai phát triển du lịch và xóa đói giảm nghèo*, Tạp chí Du lịch Việt Nam tháng 11, Hà Nội

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Đình Dương (2004), *Một số lý luận về Du lịch sinh thái*, Tài liệu tập huấn đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Vườn Quốc gia Pù Mát.
2. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2004), *Giáo trình Kinh tế Du lịch*, Nhà xuất bản Lao động - xã hội, Hà Nội.
3. Trần Tiến Dũng (2006), *Phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha - Kẻ Bàng*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Hà Nội.
4. Lê Quốc Hội (2009), *Tác động của tăng trưởng và bất bình đẳng thu nhập đến xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Mạnh, Lê Trung Kiên (2005), *Đặc điểm của du lịch sinh thái và khả năng kinh doanh loại hình du lịch này tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam*, Hội thảo khoa học “Tối ưu hóa các dịch vụ du lịch: Triển vọng và tương lai cho Việt Nam”, Hà Nội.
6. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái - Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
7. Võ Quế (2006), *Du lịch Công đồng lý thuyết và vận dụng*, tập 1, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
8. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và Dự án phát triển nguồn nhân lực Việt Nam (2009), Hội nghị *Phát triển nguồn nhân lực Du lịch gắn với giảm nghèo-Miền đất cần khai phá*, Hà Nội.
9. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh Đắk Lắk (2007), Kỷ yếu Hội thảo *Tây Nguyên với công cuộc xóa đói giảm nghèo thông qua phát triển du lịch cộng đồng*, Đắk Lắk.
10. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1995), *Quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010*, Hà Nội.

11. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam giai đoạn 2001-2010*, Hà Nội.
12. Ngân hàng Thế giới (2003), *Chỉ tiêu phát triển Thế giới 2003*.
13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Du lịch*, Hà Nội.
14. Tổng cục Du lịch (2007), *Bản tin Du lịch Quý I*, Hà Nội.
15. Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh Điện Biên (2007), Kỷ yếu Hội thảo “*Tây Bắc với công cuộc xóa đói giảm nghèo thông qua phát triển du lịch cộng đồng*”, Điện Biên.
16. Tổng cục Thống kê (2005), *Kết quả điều tra chi tiêu của khách du lịch 2005*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
17. Tỉnh ủy Lào Cai (1997), *Nghị quyết số 03/NQ.TU ngày 09/05/1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển kinh tế du lịch thời kỳ 1996 – 2010*, Lào Cai.
18. Thủ tướng Chính phủ (1995), *Quyết định số 307/TTG của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010*, Hà Nội
19. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo - Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 2685/VPCP-QHQT*, Hà Nội
20. Thủ tướng Chính phủ (1997), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng du lịch Bắc Bộ thời kỳ 1997 – 2010*, Hà Nội
21. Thủ tướng Chính phủ (1997), *Chỉ thị số 32/CT-TT ngày 23 tháng 09 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ đến 2010*, Hà Nội
22. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (2006), *Quyết định số 308/ĐA-UBND về việc phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2006-2010*, Lào Cai

23. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (2007), *Kết quả thực hiện tình hình Kinh tế – Xã hội năm 2007 của UBND tỉnh Lào Cai*, Lào Cai
24. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (2008), *Kết quả thực hiện tình hình Kinh tế – Xã hội năm 2008 của UBND tỉnh Lào Cai*, Lào Cai
25. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (1996), *Đề án phát triển kinh tế du lịch tỉnh Lào Cai thời kỳ 1996 -2010*, Lào Cai
26. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (1999), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Lào Cai thời kỳ 1999 -2010*, Lào Cai.
27. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (2008), *Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 7/1/2008 về kết quả thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2006-2010*, Lào Cai
28. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai (2009), *Báo cáo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai tháng 7/2009*, Lào Cai.
29. UNDP (2003), *Báo cáo phát triển con người*, Hà Nội
30. <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn>
31. <http://www.sggp.org.vn/hosotulieu/nam2005>

Tiếng Anh

32. Machado A. (2003), *Tourism and Sustainable Development*, Capacity Building for Tourism Development in Việt Nam, VNAT and FUEDES, Viet Nam.
33. Roe, D, Goodwin, H and Ashley, C (2002), *The Tourism Industry and Poverty Reduction*, A Business Primer PPT Briefing No 2 March
34. Gordon, G., Carbone, G. and Richards, K (2002), *Improving Access for the informal sector to Tourism in the Gambia PPT*, Working Paper No.15,
35. Figueras, M.A. (2001) *International Tourism and the Formation of Productive Clusters in the Cuban Economy Paper for Latin American Studies Association*,

36. Honey M. (1999), *Ecotourism and Sustainable Development. Who Owns Paradise?* Island Press, Washington D.C
37. Hens L. (1998), *Tourism and Environment*, M.Sc. Corse, Free University of Brussel, Belgium.
38. Nicole Hausler and Wolfgang Strasdas (2000), *Community Based Sustainable Tourism A Reader*.
39. Bah, A. và Goodwin, H., (2003), *PPT Working Paper No 15*,
40. Seif, J.A (2002) *Facilitating Market Access for South Africa's Disadvantaged Communities and Population Group through "Fair Trade in Tourism"* Fair Trade in Tourism South Africa/IUCN-South Africa and University of Chicago,
41. *Community Development through Tourism* Sue Beeton 2006,
42. WTO (2003) *Sustainable Development of Eco Tourism*,
43. *Rainbow Tours Brochure (2004)*,
44. Tour Operator Initiative (2003) *Sustainable Tourism: The Tour Operators' Contribution* Tour Operator Initiative for Sustainable Tourism Development,
45. SNV (2002) *Sustainable Tourism Development in Nepal, Vietnam and Lao PDR* SNV Netherlands Development Organization,
46. WTO (2002), Special report : The Canadian Ecotourism Market.
47. <http://vi.wikipedia.org/>
48. www.ecotourism.org.
49. www.conservation.forest.ku.ac.th/ecotourdb/english/definition.
50. www.unwto.org Fact & Figure Section – 2/7/2009
51. WWW.canepal.org.uk

4.1. Tổng GDP của tỉnh	Tỷ đồng	1.439	1.651	1.963	2.458	2.945	3.659	4.502	6.876		
4.2. Tổng GDP du lịch	Tỷ đồng	2,9	4,95	9,82	12,3	14,7	18,3	36,2	75,6		
4.3. Tỷ trọng/GDP tỉnh	%	0,2	0,3	0,3	0,3	0,5	0,5	0,8	1,1		
5. Cơ sở lưu trú											
5.1. Số cơ sở	Cơ sở	84	108	121	150	180	230	235	240	328	330
5.2. Số lượng phòng	Phòng										
Trong đó:											
+ Số CS được xếp sao	Cơ sở	0	0	4	6	6	8	12	12	14	15
+ Số lượng phòng	Phòng	125	178	200	300	300	480	600	600	840	900
5.2. Công suất sử dụng phòng (tính TB cả năm)	%	20	23	23	25	29	35	37	43	45	47
6. Nhà hàng											
- Số nhà hàng	Cơ sở	21	35	48	54	70	98	110	130	150	200
- Tổng chỗ ngồi	Chỗ	100	180	250	390	490	680	850	900	1200	1800
7. DN lữ hành	DN										
Trong đó DNLH quốc tế	DN	2	2	2	4	5	8	10	12	12	15
8. Lao động ngành DL	Người	1.100	1260	1305	1380	1428	1749	2000	2600	3200	3780
- Đại học và trên ĐH	-	0	0	0	0	1	2	3	6	9	12
- Cao đẳng, trung cấp	-	66	187	240	342	760	513	552	742	1256	1550
- Đào tạo khác	-	366	396	640	760	448	933	1125	1412	1485	1678
- Chưa qua đào tạo	-	668	677	425	278	219	301	320	440	450	540

Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai

PHỤ LỤC 2.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Dự kiến 2009	Dự kiến 2010
Tổng số khách nội địa (theo mục đích)	Lượt khách	119	160	245	310	330	368	407	329	320	400
Du lịch nghỉ dưỡng	%	30	20	27	39	44	42	38	46	52	48
Kết hợp công việc	%	40	35	38	28	22	15	30	20	18	27
Thăm thân	%	10	15	15	13	12	15	20	14	8	10
Mục đích khác	%	20	30	50	20	20	28	12	20	22	15
Tổng số khách quốc tế	Lượt khách	146	175	135	170	180	192	223	338	380	380
Du lịch nghỉ ngơi	%	40	35	38	41	45	42	38	48	48	52
Kết hợp công việc	%	20	20	27	29	21	28	20	22	22	28
Thăm thân	%	5	3	5	7	4	5	5	3	5	3
Mục đích khác	%	35	42	35	23	30	25	27	27	25	17
Theo một số thị trường lớn											
Trung Quốc	%	60	44	42	48	51	53	47	41	48	51
Hàn Quốc	%	2	3	2	1	2	4	5	5	3	5
Mỹ	%	17	11	7	8	7	8	10	11	10	13
Nhật Bản	%	3	5	3	5	5	7	7	6	5	5
Úc	%	8	6	13	10	8	8	5	10	8	7
Thái Lan	%	1	10	3	2	5	3	2	5	3	5
Pháp	%	5	10	14	17	11	10	15	17	15	9
Malaysia	%	5	3	5	3	3	4	5	2	3	3
Singapore	%	4	2	5	2	3	2	3	1	2	1
Thị trường khác	%	5	6	6	4	5	1	1	2	3	1

Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai

PHỤ LỤC 3: MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH GẮN VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA MỘT SỐ NƯỚC

Hiện nay trên thế giới đã có nhiều loại mô hình phát triển du lịch được nghiên cứu và đã được áp dụng một cách có hiệu quả. Tại nhiều quốc gia, việc phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng đã và đang được quan tâm và có kế hoạch phát triển cụ thể. Sau đây sẽ là một số mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tiêu biểu.

1. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại Vườn quốc gia Gunung Halimun- Indonesia

* *Đặc điểm Vườn quốc gia Gunung Halimun:* Vườn quốc gia Vườn quốc gia Gunung được thành lập năm 1992 trên một dải đất rừng rộng thấp ở phía Tây Java với diện tích 40 000 ha, có 237 loài động vật trong đó có nhiều loại động vật quý hiếm đang bị đe dọa như, Vượn Java, Khỉ lá Ebony, Thằn lằn Gai và một số loài báo sư tử. Hệ thực vật có khoảng 500 loài cây có hoa. Chim có tới 204 loài có loài nổi tiếng như: Đại Bàng Java biểu tượng của Indonesia. Trong khu vườn quốc gia có hai dân tộc sinh sống trong đó có người Kasepuhan bản xứ nhiều đời với nền nông nghiệp lúa nước và làm nương rẫy, sản phẩm chính trong cây công nghiệp là đường lấy từ lá cọ, các hàng thủ công mỹ nghệ như: túi làm từ mây, cây song. Người Kasepuhan họ là người nông dân thuần chất, nhưng ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nhất là quan điểm của người dân đối với rừng là tài sản được tổ tiên để lại nên phải bảo vệ để hỗ trợ cho cuộc sống bộ lạc chứ không phải để khai thác. Người Kasepuhan có một nền văn hóa, nghệ thuật truyền thống độc đáo như múa, âm nhạc, võ thuật đã thu hút được một lượng khách trong và ngoài nước đến tham quan.

* *Sự cần thiết xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại Vườn quốc gia Halimum:* Là vườn quốc gia có vùng đất còn nguyên sơ với

đa dạng hệ sinh thái và nền văn hóa bản địa cần được bảo vệ và bảo tồn giữ gìn. Là đầu nguồn nước cung cấp nước sinh hoạt cho cả khu vực Java. Tài nguyên thiên nhiên ở đây đang bị đe dọa bởi rất nhiều nhân tố thi công các công trình giao thông, các doanh nghiệp kinh doanh khai thác vàng trong vùng, khai thác gỗ trái phép và áp lực từ việc di dân, tăng dân số đến ở trong khu vực.

Bắt đầu từ tháng 5 năm 1995 tại Indonesia thực hiện chế độ nghỉ 2 ngày trong tuần, khách du lịch chọn đến Vườn quốc gia để tham quan nghỉ dưỡng và tìm hiểu về phong tục tập quán đồng bào dân tộc. Khoảng cách từ Jakarta đến Vườn quốc gia chỉ mất 3 tiếng đồng hồ, vì vậy vào những ngày nghỉ cuối tuần số lượng khách đến đây vượt quá trên 10.000 người gây áp lực rất lớn đối với tài nguyên thiên nhiên. Lượng khách du lịch đến Vườn quốc gia tăng nhiều nguồn thu đã mang lại cho khu vực và chính phủ, nhưng dân cư địa phương không được hưởng lợi lộc gì từ hoạt động du lịch nên vấn đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên không đảm bảo và dân cư không cho phép khách đến tham quan sinh hoạt cộng đồng đã có ít nhiều tác động đến tài nguyên thiên nhiên, khách du lịch và cộng đồng dân tộc trong vùng. Để cân bằng giữa bảo tồn .phát triển và lợi ích cho cộng đồng từ hoạt động du lịch. Các tổ chức phi chính phủ đã phối hợp với Ban quản lý xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.

* *Quá trình xây dựng mô hình:* Để đối phó với thách thức trên đang diễn ra tại Vườn quốc gia Halimum. Chính phủ đã có quyết định thành lập Ban quản lý Vườn quốc gia Gunung Halimum với mục đích là bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giá trị văn hóa trong khu vực Vườn quốc gia. Để đạt mục đích trên Ban quản lý vận động người dân sống trong vườn quốc gia tham gia các hoạt động cung cấp các dịch vụ du lịch cho khách du lịch, bước đầu đã góp phần hạn chế việc khách mang thức ăn, đồ uống và thậm chí nấu

nướng tại khu vực tham quan làm ảnh hưởng đến tài nguyên thiên nhiên nhất là hoả hoạn trong khu vực.

Sau này được sự hỗ trợ về tài chính và kinh nghiệm của các Tổ chức phi chính phủ, cộng đồng đã tổ chức nhiều loại hình dịch vụ cung cấp cho khách du lịch như :

- Cung cấp các chương trình du lịch tham quan bản làng, tham quan kiến trúc nhà cửa, các công trình văn hoá cổ của bản, tìm hiểu cuộc sống thường nhật của người dân, tìm hiểu văn hóa và tín ngưỡng, các chương trình tham quan tài nguyên rừng ở Ciptarasa, Leuwijanmang... các chương trình treckking, leo núi, mạo hiểm, các chương trình tham quan các thác nước đẹp Cikidang, Cileugnsi, Cikudapaeh, Piit....

- Cung cấp nhà nghỉ cho khách với giá rẻ, làm hướng dẫn viên tham quan các vùng, cung cấp phương tiện vận chuyển cho khách bằng các phương tiện thô sơ đi trong khu vực và dịch vụ ăn uống.

Bảng 1. Phân chia lợi nhuận của các bên trong dự án phát triển du lịch cộng đồng tại Gunung Halimun-Indonesia.

Đơn vị tính: %

TT	Thành phần	Nhà phía Bắc	Nhà phía Nam	Nhà phía Đông
1	Thuế của chính phủ	5	5	5
2	Lương cộng đồng	30	30	30
3	Bảo quản	15	15	15
4	Quỹ cộng đồng	13,3	15	15
5	Bảo tồn VQG	10	25	10
6	Quảng cáo	10	10	10
7	Thuế đất	6,7	-	12,5
8	Chi phí khác	10	10	10

Nguồn: Văn phòng dự án Gunung Halimun- 2003

Kết quả đạt được kể từ khi có chủ trương phát triển du lịch dựa vào cộng đồng dân bản địa. Năm 1998- 2003 thì lượng khách du lịch nội địa hàng

năm chiếm 88,8% lượng khách đến tham quan, khách nước ngoài xấp xỉ 11 % năm tập trung là khách Anh 3,8%, Mỹ 0,8%. Thời vụ du lịch chính là tháng 7, 8 đó là kỳ nghỉ hè của sinh viên, học sinh. Đặc điểm chi tiêu của một khách cho một chuyến đi tham quan khoảng 180.000 – 280.000 Rp trong đó lưu trú tại nhà dân là 40,1%, ăn uống là 35,8%, hướng dẫn viên 6,7%, dành mua các đồ thủ công chiếm 8%, đóng góp bảo tồn khu vực 1,9% và các chi tiêu khác 7,5%. Khách tham quan nghỉ dưỡng chiếm 46,9 %, tham quan giáo dục tìm hiểu thiên nhiên và văn hóa bản địa chiếm 37,6 %, cho nghiên cứu là 8,7%, du lịch leo núi là 6,8%.

Về thu nhập, trong những năm trước đây, vùng này được gọi là vùng sâu vùng xa, việc trao đổi thương mại hạn chế do điều kiện phương tiện giao thông không thuận lợi, nên cuộc sống tại đây mang tính tự cung tự cấp đáp ứng cuộc sống đơn giản thường nhật hàng ngày. Nhưng từ khi phát triển du lịch, thì thu nhập của người dân bản địa tăng lên đáng kể như: Năm 2003 thu nhập kinh doanh du lịch trong vùng đạt 22.263.710 Rp, thu nhập của mỗi hộ đạt 1.563.984 Rp, doanh thu du lịch đã đóng góp vào thu nhập của mỗi hộ gia đình chiếm 11%.

Chia sẻ lợi ích cho các bên tham gia là vấn đề quan tâm hàng đầu phát triển du lịch ở đây. Do điều kiện khách quan nên ở đây không có các cơ sở lưu trú đảm bảo vệ sinh an toàn cho khách du lịch nên các bên tham gia phát triển du lịch đã phối hợp xây dựng các nhà nghỉ cộng đồng do người dân bản địa quản lý và kinh doanh, mỗi làng có sự hỗ trợ về kinh nghiệm của nhân viên dự án, mỗi nhà nghỉ đều có một tài khoản tại ngân hàng, mọi tích lũy chi tiêu của mỗi nhà được thảo luận giữa các bên có liên quan do chủ nhà đứng ra tổ chức. Phân chia lợi nhuận được tính như sau.

** Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại Vườn quốc gia:*

- *Tiêu chí của mô hình:* Tiêu chí đạt được của mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng thỏa mãn 2 vấn đề cơ bản là phát triển kinh tế-xã hội các địa phương thuộc Vườn quốc gia chú trọng phát triển đầu tư cơ sở hạ tầng, điều kiện vệ sinh môi trường. Huy động toàn thể cộng đồng dân cư tham gia cung cấp các dịch vụ phục vụ khách đến Vườn quốc gia, động viên cộng đồng tham gia bảo vệ, bảo tồn và phát triển tài nguyên và nhân văn một cách bền vững.

- *Cơ chế hoạt động:* Đặc điểm cộng đồng người Karen sống theo tập quán bộ lạc nên xuất phát điểm về kinh tế, cơ sở vật chất rất thấp. Vì vậy, để tạo cho cộng đồng tham gia các tổ chức quốc tế đã thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp cho cộng đồng trên một số lĩnh vực như: Đầu tư cơ sở làm một số đường mòn thuận lợi cho việc đi lại, đầu tư về hệ thống vệ sinh môi trường cho cộng đồng và đảm bảo vệ sinh cho khách, xây dựng các điểm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, tổ chức các lớp tìm hiểu về hệ sinh thái đặc biệt là các loại động vật quý hiếm để cộng đồng nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ, bảo tồn nguồn tài nguyên môi trường và nền văn hóa bản địa.

- *Cơ chế tham gia:* Các tổ chức và chính phủ đầu tư ban đầu cho hệ thống cơ sở hạ tầng. Các dịch vụ, sản phẩm cung cấp cho du lịch cộng đồng thực hiện đầu tư và tự tổ chức tiêu thụ các sản phẩm dịch vụ trực tiếp với khách du lịch. Chất lượng sản phẩm do cơ quan thẩm định và khách du lịch là người quyết định.

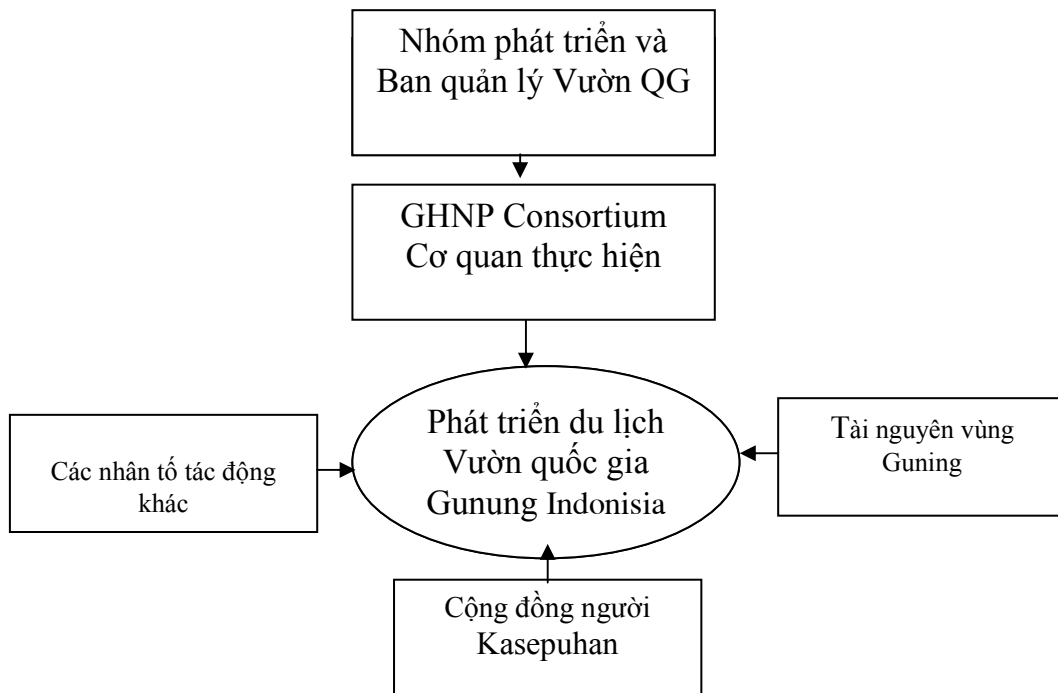
- *Cơ chế liên kết:* Các bên tham gia phát triển du lịch đã phối hợp liên kết với cộng đồng dân cư xây dựng các nhà nghỉ cộng đồng do người dân bản địa quản lý, có sự hỗ trợ của nhân viên dự án, mỗi nhà nghỉ đều có một tài khoản tại ngân hàng, mọi tích lũy chi tiêu của mỗi nhà được thảo luận giữa các bên có liên quan do chủ nhà đứng ra tổ chức. Việc phân chia lợi nhuận được tính theo hợp đồng đã thỏa thuận.

- Thành phần tham gia mô hình là:

Nhóm Phát triển du lịch sinh thái (*Consortium of Ecotourism development*) gồm 5 đơn vị tham gia: Ban quản lý vườn quốc gia, Câu lạc bộ sinh học (BScC). Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (Wildlife Preservation Irust International- WPTI). Trường đại học Indonesia (UI), Nhà hàng McDonald's ở Indonesia.

Mối quan hệ của nhóm thông qua GHNP Consortium. Consortium đã tích cực hỗ trợ cộng đồng chủ động tiến hành các công việc như: Đưa ra phương hướng hoạt động, hoạch định các chính sách, giải pháp quản lý các kế hoạch phát triển du lịch dựa vào cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bản sắc văn hóa của dân tộc.

- Mô hình mô tả dưới dạng không gian:



Mô hình 1. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại Vườn quốc gia Gunung-Indonesia [6]

Vai trò cộng đồng người Karepuhan là người tham gia trực tiếp tổ chức các dịch vụ du lịch cung cấp cho khách đến tham quan, đồng thời tham gia công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn. giá trị văn hóa phong tục tập quán.

- *Cơ chế hoạt động của mô hình*: Mô hình hoạt động dưới sự tác động của các nhân tố là:

+ Nhân tố tổ chức và quản lý bao gồm: Chính phủ thông qua Ban quản lý, các Tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước là đơn vị tổ chức ra mô hình, tài trợ về vật chất và giúp đỡ kinh nghiệm và là đơn vị quản lý thông qua một đơn vị trực thuộc là Ban quản lý.

+ Nhân tố tác động để xây dựng và phát triển mô hình là:

Tài nguyên thiên nhiên (nhân tố tác động và bị tác động) có ý nghĩa đến việc thu hút khách du lịch tạo điều kiện cho hoạt động cung cấp dịch vụ của cộng đồng. Khách du lịch bao gồm số lượng, thành phần có ý nghĩa đến thu nhập của cộng đồng. Mức độ tham gia của các công ty lữ hành có tác động đến thu hút khách du lịch. Cơ chế chế độ chính sách của chính phủ và địa phương

+ Cộng đồng tham gia: Chủ yếu là cộng đồng dân tộc Kasepuhan là người trực tiếp cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho khách và là người bảo vệ bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

* *Bài học kinh nghiệm.*

- Du lịch dựa vào cộng đồng nhận được sự giúp đỡ của Tổ chức Phát triển du lịch sinh thái (*Consortium of Ecotourism development*) gồm 5 đơn vị tham gia: Câu lạc bộ sinh học (BScC), Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (Wildlife Preservation Irust International- WPTI), Trường đại học Indonesia (UI) và nhà hàng McDonald's ở Indonesia. Nhờ sự giúp đỡ của các thành viên về tài chính và kinh nghiệm nên đã huy động được hai nhóm dân tộc đang

sống trong khu vực là người Kasepuhan và người dân mới di cư tham gia cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho khách vừa bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- Thành lập một ban quản lý tham gia với cộng đồng. Ban quản lý được gọi là GHNP Consortium đã tích cực hỗ trợ cộng đồng chủ động tiến hành các công việc như hoạch định, quản lý, thực thi các kế hoạch phát triển du lịch dựa vào cộng đồng

- Phát triển du lịch đi đôi với bảo tồn và bảo vệ tài nguyên nhằm vào khía cạnh của tính bền vững kinh tế, xã hội và môi trường. Đây là hai vấn đề cần được quan tâm song song, cái này là tiền đề cho cái kia.

- Bảo tồn đi đôi với việc chú trọng quảng cáo về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn có trong vườn quốc gia để thu hút khách du lịch.

- Để cho phát triển bền vững, cộng đồng cần được tham gia các buổi huấn luyện về phục vụ, hướng dẫn viên du lịch và phương pháp bảo vệ tài nguyên du lịch, tham gia đào tạo chuyên sâu học cách tạo ra những sản phẩm thủ công địa phương, tạo ra các mẫu mã mang đậm nét bản địa hàng thủ công để bán được nhiều cho khách du lịch, tập huấn về vệ sinh an toàn.

- Giao quyền cho cộng đồng có nghĩa là cộng đồng địa phương được khuyến khích tham gia, được đảm nhận trách nhiệm các công việc có liên quan đến phát triển du lịch và bảo vệ tài nguyên

- Đảm bảo sự công bằng trong việc chia sẻ quyền lợi cho từ việc phát triển du lịch.

- Được chính phủ tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách như 5 năm không thu thuế, chính phủ đầu tư cơ sở hạ tầng chủ yếu là đường, điện và nước.

2. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại làng Ghandruk thuộc khu bảo tồn Annapurna – Nepal

* *Đặc điểm của Làng Ghandruk*: là một trong hai làng thuộc dự án bảo tồn vùng Annapurna-Nepal. Dân cư ở đây thuộc các sắc tộc và tôn giáo khác nhau bao gồm các dân tộc thiểu số là Gurung, Thakali và Manangba. Nguồn thu nhập chính của cộng đồng địa phương chủ yếu là nông nghiệp, chăn nuôi trang trại, một phần nhỏ là đi xuất khẩu lao động. Vì vậy nguồn sống hàng ngày của một gia đình dân tộc phụ thuộc vào các tá điền khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có trong khu bảo tồn Annapurna (ACAP) để phục vụ cho cộng đồng hàng ngày, trong đó đáng chú ý là khai thác gỗ làm nhiên liệu đốt. Người dân vùng Annapurna chủ yếu dùng củi làm nhiên liệu dùng cho thắp sáng và đun nấu hàng ngày vì họ không có nguồn nhiên liệu nào khác. Nhà ở của người dân vùng Annapurna làm bằng cây Đỗ Quyên, nên hàng năm họ đốn gần 01 ha rừng cho việc xây cất nhà cửa. Làng Annapurna nằm trong điều kiện khí hậu khác nhau - từ cận đới đến ôn đới, sa mạc và khô, khu vực này được thiên nhiên ban cho những điều kiện tuyệt vời cho các loài động thực vật phát triển. Trong một vùng đất của khu bảo tồn có nhiều điều kiện tự nhiên phong phú như hệ động thực vật rất phát triển như các loài Báo Tuyết, Cừu Xanh, hàng trăm loại Phong lan và nơi có khu rừng cây Đỗ Quyên lớn nhất thế giới.

Đặc điểm dân tộc, tôn giáo: Người dân vùng này thuộc nhiều tôn giáo khác nhau, sinh sống ở đây nhiều thế kỷ, nên có một nền văn hoá, phong tục tập quán và nhiều lễ hội thường được tổ chức trong năm phong phú đa dạng hấp dẫn thu hút khách du lịch.

Điều kiện địa hình vùng Annapurna có rất nhiều núi cao, hiểm trở như đỉnh núi Hymalaya cao nhất thế giới, nhưng lại rất độc đáo phù hợp cho những cuộc đi bộ thám hiểm (trekking).

* *Quá trình xây dựng mô hình.*

Tháng 12/1986, được sự hỗ trợ của ACAP (dự án bảo tồn thiên nhiên tại vùng Annapurna) vùng Annapurna đã bắt đầu phát triển du lịch dựa vào cộng đồng với mục đích chính là bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường với phát triển cộng đồng bền vững, dự án đã cam kết người dân địa phương được thừa hưởng mọi thành quả lợi từ hoạt động du lịch trong vùng. Dự án mở các lớp đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn về tài nguyên, về du lịch, các phương pháp quản lý hoạt động du lịch địa phương để cộng đồng hiểu biết và thao tác tốt các công việc. Ban quản lý dự án dần dần trao quyền cho cộng đồng trong mọi lĩnh vực trong đó có du lịch.

** Các loại hình phát triển du lịch do cộng đồng tham gia và thực hiện.*

- Về kinh doanh lưu trú dưới dạng nhà nghỉ. Do đặc điểm các chủ nhà nghỉ tại đây xuất phát từ các chủ chăn nuôi cừu, không có điều kiện đi học nên đều là mù chữ. Vì vậy Dự án đã phối kết hợp với Trung tâm Đào tạo và quản lý du lịch khách sạn (HMTTC) xây dựng được một chương trình tổng hợp trong đó đề cập đến khâu chuẩn bị thực phẩm, vệ sinh môi trường, công tác xử lý rác thải, chế biến thực đơn, các biện pháp giảm chi phí sản xuất, các biện pháp tiết kiệm củi, các biện pháp an toàn an ninh cho khách.

Xây dựng các cơ sở lưu trú khách sạn nhà nghỉ trong khu đã an toàn, sạch sẽ, được trang bị hệ thống tiết kiệm củi như lò sưởi bằng nước nóng hoặc pin mặt trời. Các nhà nghỉ chủ chiếm 95%, số phòng trung bình trong các nhà nghỉ là 7,27, số giường nghỉ là 15,94, một nhà nghỉ cung cấp việc làm cho cộng đồng là 7,5 người trong một năm, nhà nghỉ tại Ghandruk chiếm 46% số lượng khách vùng Annapurna, hiện nay trung bình một khách đến đây thì nghỉ tại nhà nghỉ một ngày.

- Một số cộng đồng dân bản địa trở thành người hướng dẫn cho khách du lịch đi bộ tham quan rừng, dãy núi Himalaya, chương trình leo núi và tham hiểm.

- Một số thanh niên trong bản đã tham gia khâu vác hành lý chủ yếu là nam, ngoài ra còn tổ chức nấu ăn, giặt dũ quần áo cho khách du lịch...

- Nhiều gia đình đã đứng ra đầu tư cho các nhà hàng ăn uống. Họ đã nhận được sự giúp đỡ hướng dẫn về chế biến các món ăn hợp khẩu vị đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhiều dịch vụ nhà hàng ăn uống đã chế biến các món ăn mang tính dân tộc và các món ăn âu, ăn chay để phục vụ cho khách du lịch quốc tế.

- Tổ chức quán trà (tea houses). Người dân địa phương đã chế biến các loại chè ở vùng núi cao thành các loại trà khác nhau như trà Xanh, trà Tuyết, trà Mộc để phục vụ khách uống tại chỗ và để bán cho khách làm quà mang về.

Quá trình hoạt động khách du lịch ngày càng đến tham quan tập trung khách châu Âu chiếm 80%, châu Á chiếm 10%, châu Úc chiếm 7,5%, châu Mỹ chiếm 2,5%, khách đi theo đoàn chiếm 47%, khách tự do chiếm 53 %. Phân loại khách theo độ tuổi cho thấy tuổi từ 19-35 chiếm đa số, tiếp đến nhóm từ 36-50. Thời vụ du lịch tập trung 4 tháng là tháng 10-11 và tháng 3-4. Loại hình du lịch thu hút được nhiều khách du lịch nhất là đi bộ dân dã xuyên rừng cùng với dân bản xứ.

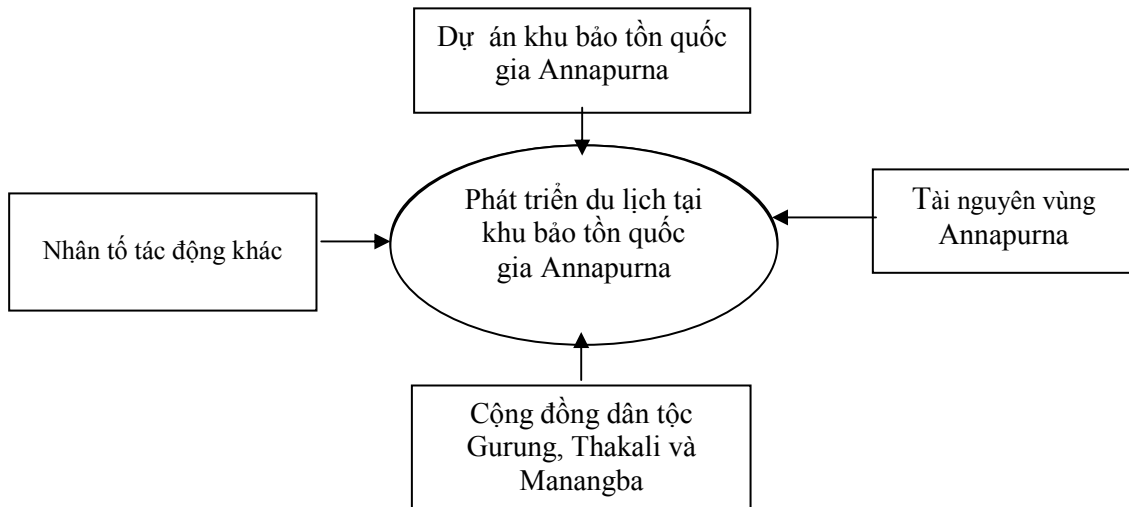
** Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại làng Ghandruk thuộc Vườn quốc gia Annapurna.*

- *Tiêu chí xây dựng mô hình.*

+ Xoá đói giảm nghèo cho người dân trong vùng, đặc biệt là các cộng đồng chỉ sống dựa vào điều kiện thiên nhiên.

+ Tạo ra thu nhập, giải quyết được công ăn việc làm bằng các dịch vụ du lịch thay cho việc đốn củi, khai thác săn bắn các loại động vật.

+ Bảo tồn được tài nguyên thiên nhiên và văn hoá truyền thống dân tộc.



Mô hình 2. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại khu bảo tồn quốc gia Annapurna-NePal [6]

- *Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.*

Thành phần tham gia: Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng đã huy động nhiều đơn vị tham gia gồm: Đơn vị tổ chức ACAP (Annapurna Conservation Area Project), HMTTC (Trung tâm đào tạo khách sạn). Đơn vị hỗ trợ là KMTNC (King Mahendra Trust for Nature Conservation) đã hỗ trợ cộng đồng về hoạch định, quản lý, thực thi kế hoạch và tài chính cho cộng đồng. Tham gia của các già làng trưởng bản góp phần động viên, nhắc nhở các thành viên cộng đồng. Cộng đồng dân cư người thực hiện các dịch vụ du lịch và tham gia bảo vệ môi trường.

- *Cơ chế hoạt động của mô hình.*

Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng hoạt động chịu sự tác động của các nhân tố sau:

- + Nhân tố quản lý: Bao gồm các tổ chức phi chính phủ ACAP đơn vị tổ chức thành lập, KMTNC là đơn vị hỗ trợ.
- + Nhân tố tác động: Tài nguyên thiên nhiên, thị trường khách du lịch.
- + Cộng đồng : Cung cấp các dịch vụ, bảo vệ tài nguyên môi trường.

** Bài học kinh nghiệm.*

- Nhận được sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ về tài chính, kinh nghiệm tổ chức và chú trọng công tác đào tạo hướng dẫn cho cộng đồng ngay từ khi triển khai các vấn đề của dự án .

- Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về du lịch và bảo tồn thông qua các tập huấn, báo cáo chuyên đề và tổ chức tham gia học tập cho cộng đồng

- Trong quá trình tổ chức và tham gia với cộng đồng cần tôn trọng những tri thức truyền thống bản địa của cộng đồng trong quá trình triển khai dự án từ việc hỏi ý kiến, bàn bạc, vạch kế hoạch và triển khai.

- Có sự cam kết với cộng đồng về đảm bảo quyền lợi và chia sẻ lợi ích được hưởng từ du lịch để đảm bảo lòng tin cho cộng đồng.

- Tăng quyền lực cho cộng đồng trong quá trình thực hiện các kế hoạch.

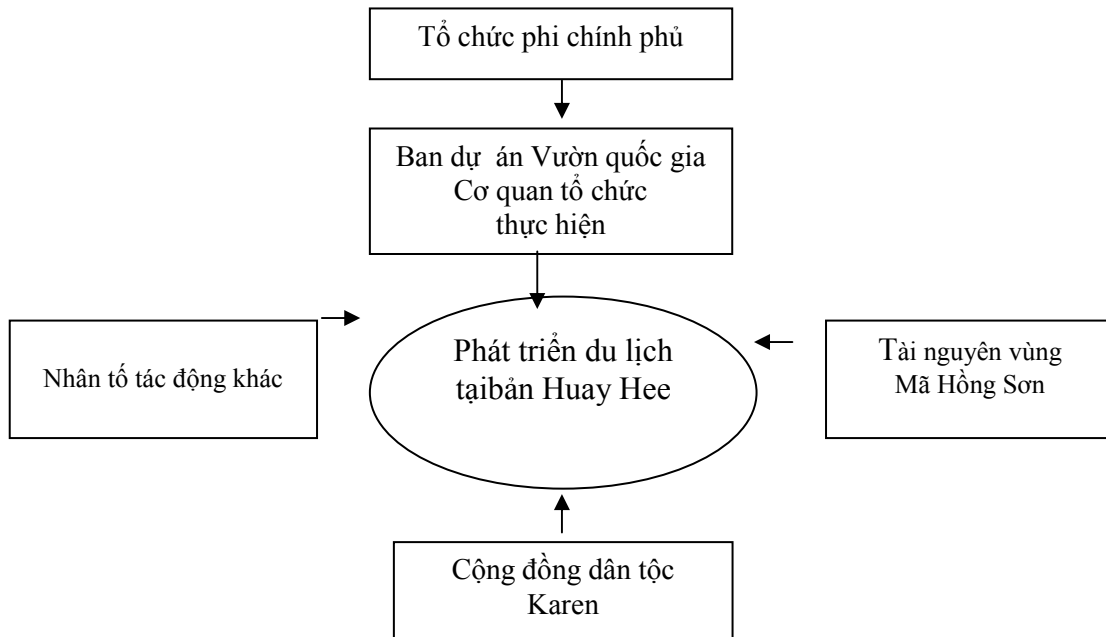
3. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại bản Huay Hee- Thái Lan

** Đặc điểm Bản Huay Hee có liên quan đến phát triển du lịch cộng đồng:* Bản Huay Hee nằm trong khuôn viên Vườn quốc gia Mã Hồng Sơn là một bản miền núi, nằm trên sườn núi thuộc đỉnh Doi Pui, đây là đỉnh núi cao nhất trong dãy núi Mã Hồng Sơn 1.780 m so với mặt nước biển, cũng là một khu vực thuộc “tam giác vàng” phía Bắc của Thái Lan. Dân cư địa phương là người thuộc các dân tộc thiểu số chủ yếu là người Karen là một trong 6 dân tộc sống ở miền Bắc Thái Lan. Tuy dân tộc Karen là một dân tộc thiểu số có số dân đông nhất so với các dân tộc thiểu số khác, nhưng bản Huay Hee chỉ có 127 người dân sống trong khuôn viên của 27 hộ gia đình sinh sống bằng nghề canh tác nương rẫy và khai thác sản phẩm từ rừng.

Phong tục tập quán của người Karen là thờ lạy hình tượng, họ tin vào vào thế lực siêu nhân như thần Đất, thần Nước. Về tín ngưỡng tôn giáo thì 99% người Karen ở bản Huay Hee lại là người tin vào Thiên Chúa giáo.

** Sự cần thiết xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại bản Huyây Hee:* Do điều kiện đất đai, khí hậu khắc nghiệt nên cuộc sống của đồng bào dân tộc khó khăn, nguồn thu nhập của cộng đồng dựa vào tài nguyên thiên nhiên, cuộc sống mưu sinh hàng ngày cộng đồng dân cư đã khai thác rừng, săn bắt các loài động vật để bán, dẫn đến tài nguyên thiên nhiên ngày càng bị cạn kiệt, các loài động thực vật ngày càng hiếm và ít đi. Trong mấy năm gần đây lượng khách du lịch đến tham quan ngày càng đông đã tác động không nhỏ đến tài nguyên và lối ông bản địa. Để quản lý tài nguyên, Chính phủ Thái Lan thành lập Vườn quốc gia Mã Hồng Sơn. Nhưng từ khi Vườn quốc gia chính thức đi vào hoạt động thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không nhỏ giữa cộng đồng địa phương với Ban quản lý đặc biệt là sau khi Ban quản lý còn có ý định dời toàn bộ làng ra khỏi Vườn quốc gia nhưng kế hoạch không thể thực hiện được do không được sự đồng ý của cộng đồng dân bản xứ dẫn đến một số phản ứng tiêu cực của cộng đồng đã áp lực lên tài nguyên thiên nhiên như đốt rừng, khai thác tăng lên.

Để hạn chế tiêu cực trong cộng đồng, Ban quản lý vườn quốc gia đã phối hợp với các Tổ chức phi chính phủ như: Tổ chức du lịch bảo vệ sinh thái và văn hóa cộng đồng - Responsible Ecological Social Tours (REST) thuộc Viện Du lịch dựa vào cộng đồng Thái Lan; Dự án bảo tồn đời sống và văn hóa - The Project for Recovery of Life and Culture (PRLC); Trung tâm đào tạo bảo vệ rừng Châu Á Thái Bình dương - The Regional Community Forestry Training Center for Asia and the Pacific (RECOFTC), Vườn quốc gia, Cục du lịch Thái Lan (TAT), Quỹ hỗ trợ nghiên cứu, Quỹ an ninh dân tộc thiểu số và các công ty lữ hành.



Mô hình 3. Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại bản Huay-Hee [6]

* Quy trình xây dựng mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại bản Huay Hee trải qua 5 bước.

- Cùng người dân bản tiến hành điều tra, đánh giá tài nguyên và xây dựng lý tưởng các dịch vụ du lịch.

- Tiến hành các hoạch định, xác định mục tiêu và các kế hoạch hành động.

- Tổ chức đào tạo tập huấn về các kiến thức kỹ năng dịch vụ du lịch như kinh doanh phục vụ lưu trú, nhà hàng, hướng dẫn viên...

- Tiến hành thử nghiệm các sản phẩm du lịch cộng đồng

* Kết quả do các hoạt động du lịch do cộng đồng tổ chức thực hiện.

- Tổ chức các chương trình du lịch sinh thái như đi bộ xuyên rừng, chinh phục đỉnh Mã Hồng Sơn, tìm hiểu động thực vật, tham quan nơi nuôi trồng cây Phong lan.

- Tổ chức các chương trình du lịch văn hoá như: tham quan tìm hiểu cuộc sống cộng đồng, tham quan tìm hiểu kiến trúc nhà sàn cổ, tìm hiểu văn hoá tín ngưỡng, xem biểu diễn giao lưu văn nghệ...

- Tổ chức các chương trình du lịch mạo hiểm như leo núi, thám hiểm

- Tổ chức các dịch vụ lưu trú tại nhà dân, cung cấp phương tiện đi lại, hướng dẫn viên.

+ *Về khách du lịch:*

Đã thu hút được một lượng khách đến tham quan chủ yếu là khách du lịch quốc tế (Anh, Úc, Hà Lan, Mỹ và một số nước Châu Âu khác), khách du lịch nội địa đến đây rất ít. Độ tuổi trung bình của khách từ 20-44 tuổi. Mức độ chi tiêu tại bản khoảng 15-25 USD, nếu tính cả chi phí vận chuyển từ Băng Kok đến bản Huay Hee thì trung bình một ngày sẽ khoảng 40-60 USD. Thời gian lưu trú trung bình một khách du lịch tại bản là 3-4 ngày. Động cơ du khách quốc tế đến khu vực nổi bật lên là: Thưởng thức chiêm ngưỡng cảnh đẹp, tính hoang sơ về tài nguyên và môi trường tự nhiên, tìm hiểu nền văn hoá bản địa.

+ *Thu nhập du lịch*

Bảng 2. Doanh thu do hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng

Đơn vị tính tiền Bath

TT	Năm	Doanh thu
1	1997	35.777.000
2	1998	29.290.000
3	1999	29.800.000
4	2000	103.290.000
5	2001	131.191.000
6	2002	167.540.000
7	2003	268.675.000

Nguồn PRLC và REST, 2004

+ *Chia sẻ lợi ích.*

Người cung cấp dịch vụ du lịch (*cộng đồng*) có trách nhiệm đóng góp một tỷ lệ quy định như sau: Người cung cấp dịch vụ được hưởng 80% thu nhập do hoạt động cung cấp du lịch, đóng góp vào quỹ phát triển cộng đồng 5%, đóng góp vào Ban quản lý du lịch làng 15%.

* *Mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.*

- *Các bên tham gia bao gồm:* Tổ chức du lịch bảo vệ sinh thái và văn hóa cộng đồng - Responsible Ecological Social Tours (REST) thuộc Viện Du lịch dựa vào cộng đồng Thái Lan; Dự án bảo tồn đời sống và văn hóa - The Project for Recovery of Life and Culture (PRLC); Trung tâm đào tạo bảo vệ rừng Châu Á Thái Bình dương – The Regional Community Forestry Training Center for Asia and the Pacific (RECOFTC), Vườn quốc gia, Cục du lịch Thái Lan (TAT), Quỹ hỗ trợ nghiên cứu, Quỹ an ninh dân tộc thiểu số và các công ty lữ hành.

Các tổ chức trên đã đầu tư ban đầu về cơ sở hạ tầng cho việc phát triển du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cho cộng đồng dân cư, truyền truyền quảng bá tài nguyên, các sản phẩm du lịch của vùng đối với khách du lịch. Cộng đồng dân tộc tham gia sản xuất, cung cấp các sản phẩm dịch vụ du lịch cho khách du lịch

- *Cơ chế hoạt động của mô hình:* Mô hình chịu tác động của các nhân tố sau:

+ Nhân tố quản lý và tổ chức bao gồm các tổ chức phi chính phủ, cơ quan của Thái Lan.

+ Nhân tố tác động: Yếu tố tài nguyên, thị trường khách, cơ chế chính sách

+ Cộng đồng tham gia phát triển du lịch và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- *Tiêu chí đạt được là:*

Giải quyết được công ăn việc làm cho người dân Karen tham gia vào các hoạt động dịch vụ cung cấp cho khách du lịch, góp phần hạn chế của họ ảnh hưởng đến tài nguyên thiên nhiên. Nâng cao, cải thiện được đời sống cộng đồng

Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bản sắc văn hoá tín ngưỡng dân tộc cộng đồng.

** Bài học xây dựng mô hình.*

- Có sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ về tài chính, kinh nghiệm tổ chức và chú trọng công tác đào tạo hướng dẫn cho cộng đồng ngay từ khi triển khai các vấn đề của dự án .

- Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về du lịch và bảo tồn thông qua các tập huấn, báo cáo chuyên đề và tổ chức tham gia học tập cho cộng đồng

- Giữ nguyên hiện trạng về đất đai của cộng đồng dân cư, bảo vệ và tôn trọng những phong tục tập quán trong quá trình triển khai dự án.

- Có sự cam kết với cộng đồng về đảm bảo quyền lợi và chia sẻ lợi ích được hưởng từ du lịch để đảm bảo lòng tin cho cộng đồng.

- Tăng quyền lực cho cộng đồng trong quá trình thực hiện các kế hoạch.

- Tham gia của các cơ quan liên quan.

PHỤ LỤC 4. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG ĐỂ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM

1. Mô hình tại bản Lác Mai Châu- Hòa Bình

** Đặc điểm của Bản Lác có liên quan đến phát triển du lịch và cộng đồng:* Bản Lác là một bản miền núi thuộc huyện Mai Châu, cách thị xã Hòa Bình khoảng 60 km, là nơi cư trú của người dân tộc Thái Trắng. Hiện nay cả bản có 93 hộ gia đình, nghề nghiệp chính là trồng lúa nước và chăn nuôi gia súc. Tiếng Thái tuy không có chữ viết riêng, nhưng tiếng Thái địa phương là ngôn ngữ chính.

Người Thái Trắng sinh sống tại bản Lác có một nền văn hoá dân tộc phát triển lâu đời và đến nay còn lưu giữ được nhiều giá trị văn hoá đặc sắc như: trang phục của người phụ nữ Thái, phong tục đón khách của dân tộc Thái có nét đặc biệt là rất quý, mến khách đến chơi và ở với nhà mình, sự ân cần chu đáo đối với khách trong bữa cơm đạm bạc đã tạo nên tình cảm trân trọng không thể nào quên mỗi khi đã đặt chân đến bản.

Cuộc sống cộng đồng người Thái sống rất ngăn nắp, trật tự trong cuộc sống từ việc nhỏ đến việc lớn, từ việc của từng gia đình đến công việc của làng bản. Ví dụ nếu nhìn vào những dãy nhà sàn được sắp xếp thẳng tắp bằng phẳng trước sau xen dưới những hàng cây khiến cho nhiều người suy nghĩ phải có một bàn tay quy hoạch tạo nên, nhưng không phải nó được tồn tại hàng ngàn năm nay.

** Đánh giá phát triển du lịch tại Bản Lác:* Khách du lịch muốn đến tham quan bản Lác phải mua vé tại UBND huyện với giá 5.000 đồng/ người. Tiền bán vé chuyển trực tiếp cho chính quyền địa phương, dân bản không được hưởng lợi trực tiếp. Toàn bản có 93 hộ gia đình, chỉ có 24 hộ tham gia vào các dịch vụ du lịch như thuê nhà trọ, biểu diễn văn nghệ, trình diễn hoạt

động sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, tổ chức cho khách đi tham quan các hoạt động sản xuất và tham quan kiến trúc nhà trong các làng bản.

Nhà trọ ở bản Lác có mức giá 50.000 đồng/ người/ đêm chưa kể tiền ăn uống. Khách đến với bản Lác không phải trả tiền xem biểu diễn sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ nhưng phải trả tiền xem biểu diễn văn nghệ. Một trong những nguồn thu nhập chính của người dân bản Lác là từ bán các hàng thủ công mỹ nghệ. Mọi việc trao đổi buôn bán phục vụ khách và quan hệ làng xóm được diễn ra một cách êm ả, không vội vã ồn ào tạo ra một cảm giác thư giãn, ấn tượng và thú vị cho khách du lịch khi đến tham quan. Cuối năm, các hộ dân trong bản đóng góp 10% thu nhập của mình cho chính quyền huyện, số tiền này có được đầu tư trở lại bản hay không và được sử dụng như thế nào vẫn là điều dân bản không được rõ. Còn 90% thu nhập các hộ gia đình phục vụ cho mục đích tiêu dùng hoặc nâng cấp nhà cửa.

* *Nhận xét:* Mặc dù người dân bản có trách nhiệm quản lý các hoạt động cung cấp du lịch nhưng nguồn khách hoàn toàn phụ thuộc vào các công ty lữ hành sắp xếp và bố trí các dịch vụ phục vụ khách, dân bản không có quyền tham gia bàn bạc. Toàn bộ hoạt động dịch vụ du lịch không có cơ quan quản lý hướng dẫn, đào tạo và giúp đỡ kể cả chính quyền các cấp, vì thế mỗi hộ phải tự tổ chức các công việc làm ăn và liên hệ với các công ty lữ hành để đón khách.

Người dân bản không được giúp đỡ về tài chính và kinh nghiệm của các tổ chức trong và ngoài nước kể các chính phủ. Hiện nay bà con dân bản mong muốn được các tổ chức bên ngoài giúp họ học tiếng, nấu ăn và kỹ năng đón tiếp.

Về tài chính thu được từ hoạt động du lịch. Các cấp chính quyền thu từ hai nguồn bán vé và trích 10% nguồn thu nhưng bà con dân bản chưa biết nguồn lợi đó chính quyền sử dụng vào mục đích gì, chưa tái đầu tư và chia sẻ

nguồn lợi cho cộng đồng dân bản. Vấn đề bảo tồn, bảo vệ tài nguyên và bản sắc văn hoá dân tộc chưa được quan tâm thường xuyên, cũng chưa phải tiêu chí của phát triển du lịch tại đây.

Tóm lại, hoạt động phát triển du lịch tại Bản Lác Mai Châu tuy có sự tham gia cung cấp dịch vụ phục vụ khách du lịch nhưng mang tính tự phát của cộng đồng nhưng chưa phải là phát triển du lịch dựa vào cộng đồng với các lý do trên

2. Mô hình tại khu du lịch Suối Voi, Lộc Tiên, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

* *Đặc điểm khu du lịch Suối Voi*: Là một điểm du lịch nổi tiếng ở xã Lộc tiên huyện Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên Huế, nằm trên tuyến du lịch Huế - Hội An. Khu du lịch Suối Voi được biết đến với cảnh đẹp độc đáo của miền bán sơn địa với các dòng suối trong vắt chảy từ dãy Núi Răng Cưa dài khoảng 9 km trước khi đổ ra biển Đông tạo nên một bức tranh thủy mặc độc đáo. Bên cạnh Suối Voi có các khu rừng nhiệt đới nổi tiếng bởi hệ sinh thái đa dạng có nhiều cây gỗ quý như Kim giao, Trầm Hương, Gõ.. Tuy nhiên tài nguyên thiên nhiên ở đây đang cạn kiệt dần do hiện tượng khai thác không có kế hoạch của người dân và lâm tặc.

Là xã có tới 370 hộ với 1375 nhân khẩu, hộ nghèo chiếm đến 22% số hộ toàn xã, nhưng trình độ học vấn xã không có người mù chữ, người dân đã học xong chương trình phổ thông chiếm tỷ lệ lớn, hàng năm con em trong các làng bản đi học đại học là 5% số học sinh tốt nghiệp phổ thông, qua đó cho thấy trình độ dân trí cộng đồng dân cư tại khu du lịch Núi Voi tương đối cao. Hàng năm thu hút được khoảng trên 22.000 khách du lịch, trong đó có khoảng 8.000 khách người nước ngoài đến tham quan du lịch, nghỉ ngơi, tắm suối, du lịch leo núi và đi dạo xuyên rừng và du lịch cuối tuần.

* *Đặc điểm cung cấp dịch vụ tại khu du lịch Suối Voi*: Tổ chức cung cấp các dịch vụ phục vụ khách tại khu du lịch Suối Voi được chính quyền xã

cho phép hợp tác xã Nông nghiệp Song Thủy đã thành lập Ban quản lý du lịch Suối Voi. Đây là một mô hình tham gia quản lý kinh doanh du lịch là một hợp tác xã nông nghiệp. Ban quản lý du lịch hoạt động dưới dạng cổ phần do các xã viên trong xã đóng góp các cổ đông. Mà chỉ có các cổ đông mới được tham gia hoạt động cung cấp các dịch vụ tại khu du lịch hay nói cách khác người cung cấp các dịch vụ là bà con xã viên nông nghiệp Song Thủy, số lượng cổ đông có đóng góp, mua cổ phần tại khu du lịch là 317 thành viên như vậy các hộ gia đình tại đây đều được hưởng lợi tức từ hoạt động du lịch. Về lao động trực tiếp, hiện nay khu du lịch đã huy động khoảng 30 hộ tham gia thường xuyên vào việc cung cấp các dịch vụ du lịch như: kinh doanh lưu trú, nhà hàng, hướng dẫn viên, mang vác hành lý, bán hàng lưu niệm, ngoài ra vào thời điểm chính vụ từ tháng 5 đến tháng 9 số lượng lao động trực tiếp tham gia tăng gấp từ 2-3 lần. Nếu so sánh số lao động trực tiếp cung cấp các dịch vụ tại khu du lịch với lao động toàn xã thì được biết lao động trực tiếp chiếm 10% số lượng người đang độ tuổi lao động toàn xã.

Về thu nhập của người lao động trực tiếp tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ là 500-600 nghìn đồng/ lao động/ tháng. Nguồn thu nhập chung của khu du lịch Suối Voi chủ yếu là lệ phí các loại, như vé vào khu du lịch là 3.000 đồng, lệ phí gửi xe máy là 3.000 đồng, đối với ô tô 10.000 đồng, lệ phí các điểm kinh doanh dịch vụ là 200.000 đồng/ tháng. Giá phòng ngủ trung bình là 60.000 đồng/người/đêm.

Tổng doanh thu hàng năm của khu du lịch đạt khoảng 750 triệu đồng. Lợi nhuận chung được tính như sau: trích 25% phục vụ cho công tác điều hành hoạt động của Ban quản lý du lịch, 10% nộp thuế cho huyện, 5% nộp quản lý xã, 10% lệ phí tài nguyên, 5% phí giao dịch và quảng cáo, 5% quỹ chung để làm quỹ phúc lợi chung của xã, 40% còn lại chia các cổ đông. Hàng năm mỗi cổ đông được hưởng một khoản lợi tức là 970.000 đồng/ năm.

Ban quản lý thành lập ra 3 tiểu ban đảm nhận các nhiệm vụ cụ thể dưới có các tổ phụ trách các nhiệm vụ cụ thể như: tổ thu gom rác, tổ chống cháy rừng, tổ trông gửi xe, tổ bán vé vào cửa, tổ cung cấp các dịch vụ du lịch. Dưới các tổ có các nhóm dịch vụ du lịch cung cấp cho khách du lịch như: nhóm nhà hàng, nhóm thợ ảnh...Thành viên các nhóm là xã viên hợp tác xã Song Thủy có đóng góp cổ đông.

* *Nhận xét:* Phát triển du lịch tại Suối Voi là có tham gia của cộng đồng dân cư, cộng đồng dân cư là xã viên hợp tác xã nông nghiệp Song Thủy có mua cổ phiếu. Như vậy không phải tất cả cộng đồng trong khu vực Suối Voi tham gia được hưởng lợi từ du lịch. Các cơ sở dịch vụ chủ yếu do hợp tác xã quản lý hoặc người khác mua chỗ ngồi với giá 60.000 đồng/ tháng vậy có thể bất cứ ai có thể mua được, không phải cộng đồng trong khu vực Suối Voi, không có sự tham gia bàn bạc của tất cả cộng đồng dân cư.

Tiêu chí phát triển du lịch là kinh doanh các dịch vụ cho khách để thu lợi nhuận, chưa coi trọng vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường.

Số lượng tiền trích lại là 45 % cho chính quyền là quá lớn nhưng chưa rõ chia sẽ quyền lợi như thế nào.

Tóm lại, phát triển du lịch tại Suối Voi mang tích chất kinh doanh du lịch chưa phải là một loại phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.

3. Mô hình tại vườn quốc gia Ba Bể

Vườn quốc gia Ba Bể rộng 76.000 ha cách Hà Nội khoảng 150 km về phía Đông Bắc nằm trong huyện chợ Rã, tỉnh Bắc Cạn. Hồ Ba Bể là một hồ xinh đẹp nằm trong khu vườn quốc gia được xây dựng năm 1977, trong khu vườn quốc gia có đa dạng hệ sinh thái động và thực vật nhiệt đới, trong khu vực có hai dân tộc sinh sống là người Tày và người Dao có tất cả khoảng 111 hộ gia đình.

Năm 1998, trước sự tăng đột biến số lượng khách đến vườn quốc gia, Ban quản lý Vườn quốc gia chủ trương phát triển du lịch giao cho một bộ phận phụ trách. Mục tiêu phát triển du lịch tập trung vào hai làng Pác Ngòi của người Tày và Làng Bò Lũ của người Dao. Năm 2002 các hoạt động cung cấp cho khách du lịch như du lịch leo núi, xây dựng các nhà trọ cho khách lưu trú, cung cấp hướng dẫn viên du lịch, cung cấp dịch vụ ăn uống, tổ chức du lịch bằng thuyền, biểu diễn văn nghệ, trình bày sản xuất và bán hàng thủ công mỹ nghệ.

Khách du lịch đến vườn quốc gia phải mua vé vào cửa là 11.000 đồng/ khách số tiền này chuyển về tỉnh, giá thuê nhà trọ là 50.000 đồng/ khách/ đêm phải trích lại 6% cho huyện, trích lại 4% cho xã và xã đã đầu tư bảo dưỡng đường xã.

Tham gia cộng đồng tại hai làng. Mỗi làng có một số nhóm du lịch vừa tham gia các dịch vụ nói trên vừa làm nhiệm vụ bảo vệ vườn quốc gia.

- *Nhận xét:* Phát triển du lịch tại Vườn quốc gia Ba Bể có tham gia của cộng đồng dân cư tại hai làng với mục tiêu dân cư tại hai làng bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch.

Lợi ích thu được từ du lịch chủ yếu trả lại cho người lao động và nguồn thu chúng được tái đầu tư cho phúc lợi của cộng đồng.

Tóm lại, phát triển du lịch tại vườn quốc gia Ba Bể có vai trò của cộng đồng dân cư của hai làng. Tiêu chí phát triển du lịch là giải quyết được việc làm cho cộng đồng, cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho nên đây là một dạng phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.

PHỤ LỤC 5

TRA CỨU TÀI NGUYÊN

Kết quả tìm kiếm

Mã phiếu	Đơn vị quản lý	Tên tài nguyên	Loại hình	Địa chỉ	Đang khai thác	Cấp công nhận	Quy mô tài nguyên	Lượng khách 2005	Thuộc tỉnh
10001	Ban tế lễ đền Thượng	Đền Thượng	Di tích LSVH	Lào Cai	Đang khai thác	Cấp quốc gia	7(ha)	40000	Lào Cai
10002	Ban tế lễ Đền Mẫu	Đền Mẫu	Di tích LSVH	Lào Cai	Đang khai thác	Cấp quốc gia	1(ha)	40000	Lào Cai
10003	Ban tế lễ Đền Cẩm	Đền Cẩm	Di tích LSVH	Phố Mới	Đang khai thác	Cấp quốc gia	2(ha)	15000	Lào Cai
10004	Ban tế lễ Đền Cô Đôi	Đền Đôi Cô	Di tích LSVH	Nam Cường	Đang khai thác	Cấp địa phương	2(ha)	5000	Lào Cai
10005	UBND tỉnh Lào Cai	Khu căn cứ Cách mạng Cam Đường	Di tích LSVH	Cam Đường		Cấp quốc gia	3(ha)	1000	Lào Cai
10006	UBND xã Tả Pờ	Động Tả Pờ	Hang động	Tả Pờ	Đang khai thác	Cấp địa phương	4(ha)	500	Lào Cai
10007	Ban quản lý động Cam Đường	Động Cam Đường	Hang động	Lào Cai	Đang khai thác	Cấp quốc gia	2(ha)	200	Lào Cai
10008	Ban quản lý động Hàm Rồng	Động Hàm Rồng	Hang động	Xã Tung Chung Phố	Đang khai thác	Cấp quốc gia	250(ha)	800	Lào Cai
10009	UBND huyện Mường Khương	Thác Văng Lieng	Hồ nước, thác nước	Mường Khương	Đang khai thác	Cấp địa phương	2(ha)	200	Lào Cai
10010	UBND xã Pha Long	Lễ hội Xay Sán - Pha Long	Lễ hội truyền thống	Pha Long	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	210	Lào Cai
10011	UBND huyện Mường Khương	Hội cúng rừng người Nùng	Lễ hội truyền thống	Pha Long	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	150	Lào Cai
10012	UBND xã Trung Đô	Thành cổ Trung Đô	Di tích LSVH	Trung Đô	Đang khai thác	Cấp quốc gia	3(ha)	2000	Lào Cai
10013	Làng Trung Đô	Làng Trung Đô	Làng cổ	Trung Đô - Bảo Nhai	Đang khai thác	Cấp địa phương	15(ha)	200	Lào Cai
10014	UBND xã Tả Văn Chư	Động Tả Văn Chư	Hang động	Tả Văn Chư	Đang khai thác	Cấp địa phương	100(ha)	1000	Lào Cai
10015	UBND Thị trấn Bắc Hà	Động Bắc Hà	Hang động	Thị trấn Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp địa phương	5(ha)	200	Lào Cai
10016	UBND xã Cao Sơn	Chợ Cao Sơn	Lễ hội truyền thống	Cao Sơn	Đang khai thác	Chưa được công nhận	0.5(ha)	2000	Lào Cai

Mã phiếu	Đơn vị quản lý	Tên tài nguyên	Loại hình	Địa chỉ	Đang khai thác	Cấp công nhận	Quy mô tài nguyên	Lượng khách 2005	Thuộc tỉnh
10017	UBND huyện Bảo Sơn	Rừng Liên Phú - Nậm Tha	Cảnh quan	Liên Phú	Đang khai thác	Cấp địa phương	230(ha)	2000	Lào Cai
10018	UBND huyện Bảo Sơn	Đồn Phố Ràng	Di tích cách mạng	Phố Ràng	Đang khai thác	Cấp quốc gia	3(ha)	2700	Lào Cai
10019	UBND huyện Bảo Sơn	Thanh cổ Nghị Lang	Vườn QG/Khu BTTN/BT biển	Liên Phú	Đang khai thác	Cấp quốc gia	1.5(ha)	1500	Lào Cai
10020	UBND huyện Bảo Sơn	Đền Bảo Hà	Di tích LSVH	Bảo Hà	Đang khai thác	Cấp quốc gia	5(ha)	20000	Lào Cai
10021	UBND huyện Bảo Sơn	Nghĩa Đò và Lũy Cỏ	Di tích cách mạng	Nghĩa Đò	Đang khai thác	Cấp địa phương	3(ha)	1000	Lào Cai
10022	BQL Vườn Quốc gia Hoàng Liên	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	Vườn QG/Khu BTTN/BT biển	Sa Pa	Đang khai thác	Cấp quốc gia	29845(ha)	5000	Lào Cai
10023	Công ty Du lịch Lào Cai	Khu du lịch núi Hàm Rồng	Cảnh quan	Sapa	Đang khai thác	Cấp địa phương	120(ha)	130000	Lào Cai
10024	UBND xã PhaLong	Chợ Văn hóa Pha Long	Lễ hội truyền thống	Pha Long	Đang khai thác	Cấp địa phương	0.5(ha)	700	Lào Cai
10025	UBND xã PhaLong	Hội Sải Sán của người Mông	Lễ hội truyền thống	Pha Long		Cấp địa phương	1	200	Lào Cai
10026	UBND xã Mường Khương	Động Tà Lâm	Hang động	Mường Khương		Cấp địa phương	18(ha)		Lào Cai
10027	UBND xã Mường Khương	Núi Cô Tiên	Hang động	Mường Khương	Đang khai thác	Cấp địa phương	6(ha)	100	Lào Cai
10028	UBND xã Mường Khương	Những ngôi nhà cổ	Công trình kiến trúc	Mường Khương	Đang khai thác	Cấp địa phương	17(ha)	200	Lào Cai
10029	UBND xã Mường Khương	Làng nghề Sapa	Làng nghề	Mường Khương	Đang khai thác	Cấp địa phương	4(ha)	100	Lào Cai
10030	UBND huyện Văn Bàn	Hội chơi hang người Tày	Lễ hội truyền thống	Chiềng Ken	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	1500	Lào Cai
10031	UBND huyện Văn Bàn	Lễ hội Nào Sông người Mông	Lễ hội truyền thống	Nậm Xé	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	200	Lào Cai
10032	UBND huyện Văn Bàn	Lễ hội khu zà zà người Hà Nhi	Lễ hội truyền thống	Nậm Mã	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	200	Lào Cai

Mã phiếu	Đơn vị quản lý	Tên tài nguyên	Loại hình	Địa chỉ	Đang khai thác	Cấp công nhận	Quy mô tài nguyên	Lượng khách 2005	Thuộc tỉnh
10033	UBND huyện Văn Bàn	Hội trâu người La Chí	Lễ hội truyền thống	Nậm Xây	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	300	Lào Cai
10034	UBND huyện Văn Bàn	Hội cồng người Giáy, người Tày	Lễ hội truyền thống	Văn Bàn	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	100	Lào Cai
10035	UBND huyện Văn Bàn	Đền Chiềng Ken	Di tích LSVH	Chiềng Ken	Đang khai thác	Cấp địa phương	1(ha)	1000	Lào Cai
10036	UBND huyện Văn Bàn	Đền Tân An	Di tích LSVH	Tân An	Đang khai thác	Cấp địa phương	1(ha)	10000	Lào Cai
10037	UBND huyện Văn Bàn	Khu di tích cách mạng Phì Gia Lan	Di tích cách mạng	Văn Bàn	Đang khai thác	Cấp địa phương	5(ha)	500	Lào Cai
10038	UBND xã Thái Giàng Phố	Ruộng bậc thang	Cảnh quan	Thái Giàng Phố	Đang khai thác	Chưa được công nhận	10(ha)	500	Lào Cai
10039	Ban quản lý chợ Mường Khương	Chợ VH trung tâm Mường Khương	Lễ hội truyền thống	Mường Khương	Đang khai thác	Cấp địa phương	1(ha)	1100	Lào Cai
10040	UBND xã Cốc Ly	Hang Tiên	Hang động	Cốc Ly	Đang khai thác	Cấp địa phương	10(ha)	10000	Lào Cai
10041	UBND xã Cốc Ly	Rừng nguyên sinh	Vườn QG/ Khu BTTN/ BT biển	Cốc Ly	Đang khai thác	Cấp địa phương	200(ha)	5000	Lào Cai
10042	UBND xã Cốc Ly	Sông Chảy	Sông suối	Cốc Ly	Đang khai thác	Cấp địa phương		10000	Lào Cai
10043	UBND xã Cốc Ly	Chợ Cốc Ly	Lễ hội truyền thống	Cốc Ly	Đang khai thác	Cấp địa phương	2(ha)	15000	Lào Cai
10044	UBND xã Na Hối	Hang động Na Lo	Hang động	Na Hối	Đang khai thác	Chưa được công nhận	5(ha)	200	Lào Cai
10045	UBND xã Tả Van Chư	Hang Rồng	Hang động	Tả Van Chư	Đang khai thác	Chưa được công nhận	2.5(ha)	300	Lào Cai
10046	UBND xã Tả Van Chư	Rừng nguyên sinh	Vườn QG/Khu BTTN/BT biển	Tả Van Chư	Đang khai thác	Chưa được công nhận	20(ha)	500	Lào Cai
10047	UBND xã Tả Van Chư	Ruộng bậc thang	Cảnh quan	Tả Van Chư	Đang khai thác	Chưa được công nhận	14(ha)	1000	Lào Cai
10048	UBND xã Tả Chải	Núi Cô Tiên	Cảnh quan	Tả Chải	Đang khai thác	Chưa được công nhận	1	5000	Lào Cai
10049	UBND xã Tả Chải	Núi Ba mẹ con	Cảnh quan	Tả Chải	Đang khai thác	Chưa được công nhận	1	5000	Lào Cai
10050	UBND xã Tả Chải	Múa xòe	Văn nghệ dân gian	Tả Chải	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	5000	Lào Cai
10051	UBND xã Lùng Phình	Chợ Lùng Phình	Lễ hội truyền thống	Lùng Phình	Đang khai thác	Chưa được công nhận	3(ha)	5000	Lào Cai

Mã phiếu	Đơn vị quản lý	Tên tài nguyên	Loại hình	Địa chỉ	Đang khai thác	Cấp công nhận	Quy mô tài nguyên	Lượng khách 2005	Thuộc tỉnh
10052	UBND huyện Bắc Hà	Hồ Na Cò	Hồ nước, thác nước	Bắc Hà		Cấp địa phương	5(ha)		Lào Cai
10053	UBND huyện Bắc Hà	Đền Bắc Hà	Công trình kiến trúc	Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp quốc gia	1(ha)	5000	Lào Cai
10054	UBND huyện Bắc Hà	Dinh Hoàng A Tưởng	Di tích LSVH	Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp quốc gia	2(ha)	12500	Lào Cai
10055	UBND huyện Bắc Hà	Lễ hội đua ngựa	Lễ hội truyền thống	Bắc Hà	Đang khai thác	Chưa được công nhận	1	2000	Lào Cai
10056	UBND huyện Bắc Hà	Chợ Bắc Hà	Lễ hội truyền thống	Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp địa phương	3(ha)	24000	Lào Cai
10057	UBND huyện Bắc Hà	Múa Xinh Tiên	Văn nghệ dân gian	Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	5000	Lào Cai
10058	UBND huyện Bắc Hà	Thôi sáo Mông, múa khèn	Văn nghệ dân gian	Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	5000	Lào Cai
10059	UBND huyện Bắc Hà	Hát giao duyên, gầu tào	Văn nghệ dân gian	Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	1000	Lào Cai
10060	UBND huyện Bắc Hà	Hội Lồng Tồng người Tày	Lễ hội truyền thống	Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	1000	Lào Cai
10061	UBND huyện Bắc Hà	Hội rước nước người Tày	Lễ hội truyền thống	Bắc Hà	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	1000	Lào Cai
10062	UBND huyện Bảo Thắng	Hội hát đờn xuân người Dao Tuyển	Lễ hội truyền thống	Bảo Thắng	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	100	Lào Cai
10063	UBND huyện Bảo Thắng	Thác Đầu Nhuận	Hồ nước, thác nước	Phú Nhuận	Đang khai thác	Cấp địa phương	200(ha)	2000	Lào Cai
10064	UBND huyện Bảo Thắng	Hang động Bắc Ngâm	Hang động	Bắc Ngâm	Đang khai thác	Cấp địa phương	4(ha)	100	Lào Cai
10065	UBND xã Tả Lùng Phình	Hang động Tả Lùng Phình	Hang động	Tả Lùng Phình	Đang khai thác	Cấp địa phương	3(ha)	500	Lào Cai
10066	UBND xã Tả Lùng Phình	Chợ Lùng Phình	Lễ hội truyền thống	Tả Lùng Phình	Đang khai thác	Cấp địa phương	1.5(ha)	5000	Lào Cai
10067	UBND huyện Si Ma Cai	Chợ trâu chợ ngựa	Lễ hội truyền thống	Si Ma Cai	Đang khai thác	Cấp địa phương	10(ha)	1000	Lào Cai
10068	UBND huyện Sapa	Bãi đá khắc cổ Sapa	Di tích LSVH	Jả Van	Đang khai thác	Cấp quốc gia	5(ha)	30000	Lào Cai
10069	UBND huyện Sapa	Nhà thờ Sapa	Công trình kiến trúc	Sapa	Đang khai thác	Chưa được công nhận	0.5(ha)	10000	Lào Cai
10070	UBND huyện Sapa	Đan viện Tả Phìn	Công trình kiến trúc	Tả Phìn	Đang khai thác	Chưa được công nhận	2(ha)	5000	Lào Cai
10071	UBND huyện Sapa	Cầu Mây	Di tích LSVH	Tả Van	Đang khai thác	Chưa được công nhận	1(ha)	5000	Lào Cai

Mã phiếu	Đơn vị quản lý	Tên tài nguyên	Loại hình	Địa chỉ	Đang khai thác	Cấp công nhận	Quy mô tài nguyên	Lượng khách 2005	Thuộc tỉnh
10072	UBND huyện Sapa	Đền Hàng Phố	Di tích LSVH	Sapa	Đang khai thác	Cấp địa phương	0.5(ha)	7000	Lào Cai
10073	UBND huyện Sapa	Đền Mẫu	Di tích LSVH	Sapa	Đang khai thác	Cấp địa phương	0.5(ha)	7000	Lào Cai
10074	UBND huyện Sapa	Đền Thượng	Di tích LSVH	Sapa	Đang khai thác	Cấp địa phương	0.5(ha)	4000	Lào Cai
10075	UBND huyện Sapa	Làng Tả Van	Làng cổ	Tả Van	Đang khai thác	Cấp quốc gia	1	10000	Lào Cai
10076	UBND huyện Sapa	Chợ tình Sapa	Lễ hội truyền thống	Sapa	Đang khai thác	Cấp địa phương	5(ha)	15000	Lào Cai
10077	UBND huyện Sapa	Làng Cát Cát	Làng cổ	Lao Chải		Cấp quốc gia	1	6000	Lào Cai
10078	UBND huyện Sapa	Cổng trời	Cảnh quan	Sapa	Đang khai thác	Cấp địa phương		5000	Lào Cai
10079	UBND huyện Sapa	Động Tả Phìn	Hang động	Tả Phìn	Đang khai thác	Cấp địa phương	1	30000	Lào Cai
10080	UBND huyện Sapa	Thung lũng Mường Hoa	Cảnh quan	Sapa	Đang khai thác	Cấp quốc gia		50000	Lào Cai
10081	UBND huyện Sapa	Thác Bạc	Hồ nước, thác nước	Ồ Quý Hồ	Đang khai thác	Cấp địa phương	20(ha)	20000	Lào Cai
10082	UBND huyện Sapa	Thác Cát Cát	Hồ nước, thác nước	Sản Sả Hồ	Đang khai thác	Chưa được công nhận	20(ha)	50000	Lào Cai
10083	UBND huyện Sapa	Thác Lave	Hồ nước, thác nước	Bản Hồ	Đang khai thác	Cấp địa phương	2(ha)	200	Lào Cai
10085	UBND huyện Sapa	Thác Sáo Trung Hồ	Hồ nước, thác nước	Bản Hồ	Đang khai thác	Chưa được công nhận	5(ha)	100	Lào Cai
10086	UBND huyện Sapa	Hồ Sapa	Hồ nước, thác nước	Sapa	Đang khai thác	Cấp địa phương	2(ha)	20000	Lào Cai
10087	UBND huyện Sapa	Suối Mường Hoa	Sông suối	Sapa	Đang khai thác	Cấp địa phương	20(ha)	15000	Lào Cai

Nguồn: Tổng cục Du lịch

PHỤ LỤC 6. PHIẾU XIN Ý KIẾN

ĐỀ TÀI: “Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai”

Nghiên cứu sinh: Phạm Ngọc Thắng

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

Trước tiên xin phép được gửi tới Quý vị lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng. Thưa Quý vị, thực hiện nghiên cứu đề tài phát triển Du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai, chúng tôi rất cần các ý kiến của Quý vị. Những ý kiến của Quý vị rất quan trọng với việc đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các chính sách, cơ chế tạo động lực cho phát triển du lịch phục vụ xóa đói giảm nghèo tại địa phương của Quý vị.

Xin được bày tỏ lòng cảm ơn trước sự giúp đỡ nhiệt tình của Quý vị thông qua những câu trả lời trong phiếu với cách làm như sau: *Mỗi câu hỏi có kèm theo các phương án trả lời, xin Quý vị hãy đọc kỹ nội dung câu hỏi và chọn phương án trả lời phù hợp nhất với suy nghĩ của bản thân bằng cách đánh dấu x vào các ô thích hợp hoặc viết vào dòng trống.*

Câu 1. Theo Quý vị, phát triển du lịch tại địa phương có cải thiện được cuộc sống của gia đình Quý vị không? (chỉ chọn 01 phương án)

1- Có

2- Không.....

3- Ý kiến khác.....

Câu 2. Theo Quý vị, phát triển du lịch tại địa phương có tạo thêm việc làm cho gia đình Quý vị không? (chỉ chọn 01 phương án)

1- Có.....

2- Không.....

3- Ý kiến khác.....

Câu 3. Theo Quý vị, các công ty du lịch có mua các sản phẩm của gia đình Quý vị và của người dân địa phương không? (chỉ chọn 01 phương án)

1- Có.....

2- Không.....

3- Ý kiến khác

Câu 4. Quý vị muốn bán các sản phẩm trực tiếp cho khách du lịch hay bán cho một nhà kinh doanh? (chỉ chọn 01 phương án)

1- Khách du lịch.....

2- Nhà kinh doanh.....

3- Ý kiến khác

Câu 5. Theo Quý vị, các sản phẩm gia đình Quý vị đang sản xuất cần phải giữ nguyên như truyền thống hay phải cải tiến khác đi? Nếu phải cải tiến khác đi thì vì sao?

1- Giữ nguyên.....

2- Cải tiến khác đi.....

3- Vì sao cải tiến khác đi.....

.....

Câu 6. Quý vị có tham gia vào hoạt động hướng dẫn khách du lịch tham quan tại địa phương mình không? Nếu có thì có cần phải được đào tạo không? (chỉ chọn 01 phương án)

1- Không.....

2- Có.....

* Cần được đào tạo.....

* Không cần được đào tạo.....

Câu 7. Theo Quý vị, kể từ khi có hoạt động du lịch, hệ thống đường xá đi lại tại địa phương có được cải thiện không? (chỉ chọn 01 phương án)

- 1- Có.....
- 2- Không.....
- 3- Ý kiến khác
-

Câu 8. Theo Quý vị, kể từ khi có hoạt động du lịch tại địa phương thì các hoạt động sau đây có được cải thiện không? (xin đánh dấu vào mục mà Quý vị cho là được cải thiện)

- 1- Giáo dục.....
- 2- Y tế.....
- 3- Ngân hàng.....
- 4- Bảo hiểm.....
5. Phúc lợi khác.....

Câu 9. Theo Quý vị, thu nhập từ tham gia hoạt động du lịch chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập của gia đình?

- 1- 0%.....
- 2- Khoảng 10%.....
- 3- Khoảng 20%.....
- 4- Khoảng 30%.....
- 5- Khoảng 40%.....
- 6- Khoảng 50%.....
- 7- Khoảng 60%.....
- 8- Khoảng 70%.....
- 9- Khoảng 80%.....

Câu 10. Quý vị có thích tham gia hoạt động kinh doanh du lịch không?

1- Rất thích.....

2- Thích.....

3- Bình thường.....

4- Không thích.....

5- Hoàn toàn không thích.....

Xin Quý vị vui lòng cho biết một số đặc điểm của bản thân

Giới tính: Nam: Nữ:

Độ tuổi: 15-19 20-44 45-64

Văn hóa: Tiểu học Trung học cơ sở Trung học phổ thông Đại học
Trên đại học

Ngoại ngữ: Tiếng Anh Tiếng Pháp Tây Ban Nha Trung Quốc Khác

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn Quý vị!

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

I. Các thông tin chung

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ
1	<i>Giới tính</i>		
	Nam	83	31%
	Nữ	186	69%
	Tổng cộng	269	100%
2	<i>Độ tuổi</i>		
	15 – 19	40	15%
	20 – 44	164	61%
	45 – 64	65	24%
	Tổng cộng	269	100%
3	<i>Văn hóa</i>		
	Tiểu học	137	51%
	Trung học cơ sở	102	38%
	Trung học phổ thông		
	Đại học		
	Trên đại học		
	Tổng cộng	269	100%
4	<i>Ngoại ngữ</i>		
	Tiếng Anh	53	20%
	Tiếng Pháp		
	Tiếng Tây Ban Nha		
	Tiếng Trung Quốc	40	15%
	Khác	26	10%
	Tổng cộng	269	

II- Phân tích số liệu điều tra

Câu 1. Theo Quý vị, phát triển du lịch tại địa phương có cải thiện được cuộc sống của gia đình Quý vị không?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Có	206	76,6%
2	Không	42	15,6%
3	Ý kiến khác	21	7,8%
	Tổng cộng	269	100%

Câu 2. Theo Quý vị, phát triển du lịch tại địa phương có tạo thêm việc làm cho gia đình Quý vị không?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Có	192	71,4%
2	Không	62	23%
3	Ý kiến khác	15	5,6%
	Tổng cộng	269	100%

Câu 3. Theo Quý vị, các công ty du lịch có mua các sản phẩm của gia đình quý vị và của người dân địa phương không?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Có	82	30,5%
2	Không	165	61,3%
3	Ý kiến khác	22	8,2%
	Tổng cộng	269	100%

Câu 4. Quý vị muốn bán các sản phẩm trực tiếp cho khách du lịch hay bán cho một nhà kinh doanh?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Khách du lịch	184	68,4%
2	Nhà kinh doanh	64	23,8%
3	Ý kiến khác	21	7,8%
	Tổng cộng	269	100%

Câu 5. Theo Quý vị, các sản phẩm gia đình quý vị đang sản xuất cần phải giữ nguyên như truyền thống hay phải cải tiến khác đi? Nếu phải cải tiến khác đi thì vì sao?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Giữ nguyên	227	84,4%
2	Cải tiến khác đi	42	15,6%
3	Vì sao cải tiến khác đi		
	Tổng cộng	269	100%

Câu 6. Quý vị có tham gia vào hoạt động hướng dẫn khách du lịch tham quan tại địa phương mình không? Nếu có thì có cần phải được đào tạo không?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Không	103	38,3%
2	Có	166	61,7%
	* Cần được đào tạo	105	63,3%
	* Không cần được đào tạo	61	36,7%
	Tổng cộng	269	100%

Câu 7. Theo Quý vị, kể từ khi có hoạt động du lịch, hệ thống đường xá đi lại tại địa phương có được cải thiện không?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Có	248	92,2%
2	Không	19	7,1 %
3	Ý kiến khác	2	0,7%
	Tổng cộng	269	100%

Câu 8. Theo Quý vị, kể từ khi có hoạt động du lịch tại địa phương thì các hoạt động sau đây có được cải thiện không?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Giáo dục	227	84,4%
2	Y tế	145	53,9 %
3	Ngân hàng	41	15,2%
4	Bảo hiểm	0	
5	Phúc lợi khác	103	38,3%
	Tổng cộng	269	

Câu 9. Theo Quý vị, thu nhập từ tham gia hoạt động du lịch chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập của gia đình?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	0%	9	3,3%
2	Khoảng 10%	21	7,8%
3	Khoảng 20%	84	31,3%
4	Khoảng 30%	25	9,2%

5	Khoảng 40%	112	41,6%
6	Khoảng 50%	12	4,5%
7	Khoảng 60%	6	2,3%
8	Khoảng 70%		
9	Khoảng 80%		
	Tổng cộng	269	100%

Câu 10. Quý vị có thích tham gia hoạt động kinh doanh du lịch không?

STT	Các chỉ tiêu	Số phiếu	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu
1	Rất thích	41	15,2%
2	Thích	154	57,2%
3	Bình thường	63	23,4%
4	Không thích	11	4,2%
5	Hoàn toàn không thích		
	Tổng cộng	269	100%